

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

CHỦ ĐỀ 1: BÀI 1 - THỂ LOẠI KÌ ẢO**TUẦN - Tiết****LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN TRUYỀN KỲ****A. MỤC TIÊU****I. Năng lực**

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - Năng lực nhận biết các đặc điểm của truyện truyền kỳ (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp);
 - Năng lực đọc hiểu các văn bản truyện truyền kỳ ngoài SGK.
 - Năng lực cảm thụ văn học.

II. Phẩm chất

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.
- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.**2. Tiến hành ôn tập.****HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về thể loại truyện truyền kỳ**

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại truyện
 - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kỳ như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
 - Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
 - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm, HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại truyện truyền kỳ. Câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại truyện truyền kỳ, đặc trưng (cốt truyện; ngôn ngữ). Em hãy nêu chủ đề của tác phẩm văn học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> HS tích cực trả lời. 	I. TRI THỨC NỀN VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN TRUYỀN KỲ <ol style="list-style-type: none"> Khái niệm <p><i>*Truyện truyền kỳ là những câu chuyện kì lạ được ghi chép tản mạn, thường có yếu tố hoang đường kì ảo, nhân vật thường là người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống yên bình, hạnh phúc.</i></p> <p>*Truyện truyền kì thuộc thể loại văn xuôi tự sự, có dung lượng ngắn, chứa đựng nhiều yếu tố kì lạ về nhân vật, tình tiết... có thể là chuyện của thần thánh, ma quỷ,</p>

- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

chuyện về báo ứng, báo mộng có nguồn gốc từ những truyện kể thần linh, chỉ dị trong dân gian.

***Truyện truyền kì/lị có nguồn gốc từ** Trung Hoa và lan toả ảnh hưởng trong toàn khu vực đồng văn. Tuy nhiên, khi du nhập vào mỗi nước, tùy hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà chúng được biến thái, tạo nên nét đặc sắc riêng cho mỗi dân tộc.

2. Định hướng cách đọc hiểu truyện truyền kì

*Về cơ bản, **truyện kì có hai đặc điểm nổi bật:**

- Tuy là *văn học viết*, nhưng **truyện kì dựa trên cơ sở truyền thống tự sự dân gian**, khai thác các *mô típ, nhân vật, cốt truyện, thậm chí cả lối kể dân gian*. Cho nên, muốn tìm nét đặc trưng hoặc so sánh ảnh hưởng của truyện kì giữa các dân tộc trong khu vực đồng văn, một nguyên tắc bắt buộc là phải xuất phát từ kho tàng truyện dân gian của dân tộc đó.

- **Truyện kì lấy yếu tố kì ảo làm phương thức thể hiện nội dung.** Nhưng, mức độ của cái *kì ảo* phụ thuộc vào truyền thống thẩm mỹ dân tộc và *nhu cầu lịch sử* của dân tộc ấy. Như vậy, phải *bám sát lịch sử* và truyền thống thẩm mỹ dân tộc khi nghiên cứu truyện kì của họ.

- Khi đọc truyện truyền kì, cần tóm tắt truyện, xác định không gian, **thời gian** trong truyện, tìm hiểu các **nhân vật, chỉ ra và nêu tác dụng của các chi tiết kì ảo, nêu chủ đề của truyện**,...

MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐỌC HIỂU TRUYỆN TRUYỀN KỲ

* Kỹ năng đọc – hiểu văn bản truyện truyền kì bám sát đặc trưng thể loại sẽ giúp học sinh cảm nhận được những điểm đặc sắc về mặt nội dung và nghệ thuật của văn bản, hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong văn bản; nhận thức được những đặc trưng tiêu biểu về kiểu văn bản và thể loại.

* Quy trình đọc - hiểu văn bản tuân thủ theo ba giai đoạn trước khi đọc (*Chuẩn bị đọc*) – trong khi đọc (*Trải nghiệm cùng văn bản*) – sau khi đọc (*Suy ngẫm và phản hồi*).

*. Nắm vững đặc trưng thể loại truyện truyền kì: Truyện truyền kì thuộc thể loại văn xuôi tự sự, có dung lượng ngắn, chứa đựng nhiều yếu tố kì lạ về nhân vật, tình tiết... có thể là chuyện của thần thánh, ma quỷ, chuyện về báo ứng, báo mộng có nguồn gốc từ những truyện kể thần linh, chỉ dị trong dân gian. Truyện kì thường chứa đựng các yếu tố như những nhân vật siêu nhiên,

hiện tượng ma quái, hành trình phi thường, và thường xuyên xuất hiện các tình tiết kỳ bí hoặc khó hiểu.

*. Tìm hiểu về ngữ cảnh: Nếu câu chuyện thần kỳ liên quan đến thế giới giả tưởng hoặc có nền văn hóa và lịch sử riêng, hãy tìm hiểu về ngữ cảnh trước khi bắt đầu đọc. Điều này giúp các em hiểu rõ hơn về cách thức hoạt động của thế giới trong truyện và tạo ra một kết nối sâu hơn với câu chuyện.

*. Đọc một cách tận hưởng: Hãy đọc truyện một cách chậm rãi và tận hưởng từng chi tiết. Để câu chuyện lưu thông qua tâm trí của các em và cảm nhận sự phép thuật của nó. Hãy tận hưởng ngôn ngữ sắc sảo và màu sắc của câu chuyện.

*. Liên hệ, kết nối giữa những vấn đề đặt ra trong văn bản với thực tế cuộc sống xung quanh mình, từ đó có thể rút ra những bài học sâu sắc cho bản thân.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM TRUYỆN TRUYỀN KÌ TIÊU BIỂU CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM

1. TRUYỆN KÌ MẠN LỤC – NGUYỄN DŨ

Truyện kỳ mạn lục (chữ Hán: 傳奇漫錄, nghĩa là *Ghi chép tản mạn những truyện lạ*), là tác phẩm duy nhất của danh sĩ Nguyễn Dữ (thường được gọi là Nguyễn Dữ), sống vào khoảng thế kỷ 16 tại Việt Nam. Đây là tác phẩm được Hà Thiệu Hán viết lời tựa, Nguyễn Bình Khiêm (thầy dạy tác giả) phủ chính, Nguyễn Thế Nghi^[1] dịch ra chữ Nôm, và đã được Tiến sĩ Vũ Khâm Lân (1702–?) đánh giá là một "áng thiên cổ kỳ bút".



Truyện kỳ mạn lục bao gồm 20 truyện :

- "[Câu chuyện ở đền Hang vương](#)" (Hang vương từ ký)
- "[Chuyện người nghĩa phu ở Khoái Châu](#)" (Khoái Châu nghĩa phụ truyện)
- "[Chuyện cây gạo](#)" (Mộc miên thụ truyện)
- "[Chuyện gã trà đồng giáng sinh](#)" (Trà đồng giáng đàn lục)
- "[Chuyện kỳ ngô ở trai Tây](#)" (Tây viên kỳ ngô ký)
- "[Chuyện đôi tung ở Long cung](#)" (Long đình đôi tung lục)
- "[Chuyện nghiệp oan của Đào Thị](#)" (Đào Thị nghiệp oan ký)
- "[Chuyện chức phán sự đền Tản Viên](#)" (Tản Viên từ phán sự lục)
- "[Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên](#)" (Từ Thức tiên hôn lục)
- "[Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào](#)" (Phạm Tử Hư du thiên tào lục)
- "[Chuyện yêu quái ở Xương Giang](#)" (Xương Giang yêu quái lục)
- "[Chuyện đối đáp của người tiều phu ở núi Na](#)" (Na sơn tiều đối lục 那山樵對錄)
- "[Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Triều](#)" (Đông Triều phế tự lục)
- "[Chuyện nàng Thúy Tiêu](#)" (Thúy Tiêu truyện)
- "[Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang](#)" (Đà Giang dạ ẩm ký)
- "[Chuyện người con gái Nam Xương](#)" (Nam Xương nữ tử truyện 南昌女子傳)
- "[Chuyện Lý tướng quân](#)" (Lý tướng quân truyện)
- "[Chuyện Lê Nương](#)" (Lê Nương truyện)
- "[Cuộc nói chuyện thơ ở Kim Hoa](#)" (Kim Hoa thi thoại ký)
- "[Chuyện tướng Da Xoa](#)" (Da Xoa bộ soái lục)

2. THÁNH TÔNG DI THẢO

Nhắc đến Lê Thánh Tông (1442 – 1497), hẳn không còn ai trong chúng ta xa lạ với vị vua vĩ đại này. Tên tuổi và sự nghiệp vẻ vang của ông dưới thời Lê Sơ đã gắn liền với giai đoạn cường thịnh bậc nhất của nước Đại Việt. Ông là bậc vĩ nhân của đất nước; là vị vua anh minh, văn võ

tài lược, nhà cách tân vĩ đại, là đại diện của sự ấm no và an lành, của thái bình và thịnh trị... Ấy thế nhưng, hẳn không ít người chưa biết rằng ngoài là một bậc cai trị vĩ đại, Lê Thánh Tông còn là một tác giả truyện chí dị vô cùng tài năng, với tác phẩm tiêu biểu nhất chính là chủ đề của loạt bài viết này: THÁNH TÔNG DI THẢO.



"Thánh Tông di thảo" (聖宗遺草), hay "Thánh Tông di thảo nguyên ủy" là một thủ thảo Hán văn (bản chép tay) gồm 2 quyển, đóng thành 1 tập dày 198 trang, khổ 31x21cm, có 1 tựa, mỗi trang 9 dòng, mỗi dòng 19 từ, do Viện Viễn Đông Bác Cổ sưu tầm đầu thế kỉ XX. Hiện nay, chỉ còn lại một bản được lưu giữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội), mang ký hiệu A.202. Tác phẩm thuộc thể loại chí quái từng thư, bao gồm 19 truyện riêng biệt:

- Quyển I (thượng) có:

- (1) Mai Châu yêu nữ truyện (Truyện yêu nữ châu Mai)
- (2) Thiềm thờ miêu duệ ký (Bài ký dòng dõi con Thiềm thờ)
- (3) Lương Phật đầu thuyết ký (Bài ký hai Phật cãi nhau)
- (4) Phú cái truyện (Truyện người hành khát giàu)
- (5) Nhị thần nữ truyện (Truyện hai gái thần)
- (6) Sơn quân phả (Bản phả về thần núi)
- (7) Giao thư lục (Bức thư của con muỗi)
- (8) Hoa quốc kỳ duyên (Duyên lạ ở Hoa quốc)
- (9) Vũ môn tùng miếu (Trận cười ở núi Vũ Môn)
- (10) Ngư gia chí dị (Truyện lạ nhà thuyền chài)
- (11) Lũng cổ phán từ (Lời phán xử của anh điếc và anh mù)
- (12) Ngọc Nữ quy chân chúa (Ngọc nữ về tay chân chủ)
- (13) Hiếu để nhị thần ký (Truyện ký về hai thần hiếu để)

- Quyển II (hạ) có:

- (14) Dương phu truyện (Truyện chồng dê)
- (15) Trần nhân cư thủy phủ (Người trần ở thủy phủ)
- (16) Lăng Bạc phùng tiên (Gặp tiên ở Hồ Tây hồ Lăng Bạc)
- (17) Mộng ký (Truyện ký về một giấc mộng)
- (18) Thử tình truyện (Truyện chuột tình)
- (19) Nhất thư thủ thần nữ (Một dòng chữ lấy được gái thần)

3. TRUYỀN KỲ TÂN PHẢ

Truyền kỳ tân phả (chữ Hán: 傳奇新譜; *Cuốn phả mới về truyền kỳ*) còn có tên là **Tục truyền kỳ** (*Viết nối truyện truyền kỳ*); là tác phẩm văn xuôi chữ Hán có xen thơ, hành và văn tế của nữ sĩ Việt Nam Đoàn Thị Điểm (1705-1748).

Giới thiệu **Truyền kỳ tân phả**, danh sĩ [Phan Huy Chú](#) trong sách [Lịch triều hiến chương loại chí](#) (phần Văn tịch chí) viết:

Truyền kỳ tân phả gồm 1 quyển, do nữ học sĩ Đoàn Thị Điểm soạn. Sách ghi chép những truyện linh dị và những truyện gặp gỡ. Đó là các truyện: Hải khẩu linh từ (Đền thiêng cửa biển), Vân Cát thần nữ (Thần nữ Vân Cát), An Ấp liệt nữ (Liệt nữ ở An Ấp), Bích Câu kỳ ngộ (Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích câu), Nghĩa khuyến khuất miêu (Chó khôn chịu nhện mèo) và Hoành Sơn tiên cục (Cuộc cờ tiên trên núi Hoành Sơn).

Tuy nhiên, trong *Nam sử tập biên* (Q.5, viết năm 1724)^[1] và *Gia phả họ Đoàn* thì Đoàn Thị Diễm chỉ viết có 3 truyện, đó là:

- **Hải khẩu linh từ** (Đền thiêng cửa biển), là chuyện nữ thần Chế Thống, tức Nguyễn Thị Bích Châu, cung phi của [Trần Duệ Tông](#) đã hi sinh thân mình để nhà vua được an toàn đưa chiến thuyền vào đánh quân [Chiêm Thành](#).
- **Vân Cát thần nữ** (Thần nữ Vân Cát), là chuyện bà chúa Liễu Hạnh, một nhân vật huyền thoại có nhiều quyền năng siêu phàm, một trong bốn vị "**tứ bất tử**" ([Tản Viên](#), [Thánh Gióng](#), [Liễu Hạnh](#), [Chử Đồng Tử](#)) của [Việt Nam](#).
- **An Ấp liệt nữ** (Liệt nữ ở An Ấp). là chuyện vợ thứ ông Đinh Nho Hoàn đời vua [Lê Du Tông](#), đã tuân tiết theo chồng.

Ba truyện sau chưa rõ người viết, đó là:

- **Bích Câu kỳ ngộ** (Cuộc gặp gỡ kỳ lạ ở Bích câu). Có người cho là của [Đặng Trần Côn](#), nhưng học giả [Trần Văn Giáp](#) dựa vào nhiều tài liệu lại khẳng định là của [Đoàn Thị Diễm](#)^[2]. Sau truyện này được Vũ Quốc Trân diễn ra thơ [lục bát](#).
- **Khuyển miêu đối thoại** (Cuộc đối thoại giữa chó và mèo). Có bản không có truyện này, mà có truyện **Tùng bách thuyết thoại** (Cây tùng và cây bách nói chuyện).
- **Long hổ đấu kỳ** (Rồng hổ tranh nhau về tài lạ).

HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện truyền kỳ (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp....); cách đọc hiểu văn bản truyện truyền kỳ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>❖ Mục tiêu: giúp HS khắc sâu các đơn vị kiến thức đã học qua hệ thống các phiếu bài tập đọc hiểu.</p> <p>❖ Tổ chức thực hiện:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu bài tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện nhanh các phiếu. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN</p> <p>Các bài làm của học sinh</p>

CÁC NGŨ LIỆU NGOÀI SGK SỬ DỤNG LÀM ĐỀ LUYỆN ĐỌC HIỂU CHO HS

“Chuyện người thiếu phụ ở Khoái Châu”, “Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên”, “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”, “Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào”, “Hồn Trương Ba da hàng thịt”.

VĂN BẢN 1: CHỨC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN

(Nguyễn Dữ)

Ngô Tử Văn tên là Soạn, người huyện Yên Dũng, đất Lạng Giang. Chàng vốn khảng khái^[1], nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực. Trong làng trước có một ngôi đền linh ứng lắm. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô sang lấn cướp, vùng ấy thành một nơi chiến trường. Bộ tướng^[2] của Mộc Thạnh có viên Bách hộ^[3] họ Thôi, tử trận ở gần đền, từ đấy làm yêu làm quái trong dân gian. Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vẫn vùng tay không cần gì cả. Đốt đền xong, chàng về nhà, thấy trong mình khó chịu, đầu lảo đảo và bụng run run, rồi nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét. Trong khi sốt,

chàng thấy một người khôi ngô, cao lớn, đầu đội mũ trụ đi đến, nói năng và quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là cư sĩ^[4], đến đòi làm trả lại ngôi đền như cũ và nói:

- Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao, cứ gì lại dám khinh nhờn huỷ tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ? Biết điều thì dựng trả ngôi đền như cũ. Nếu không thì, vô cớ huỷ đền Lư Sơn, Cố Thiệu^[5] sẽ khó lòng tránh khỏi tai vạ. Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự nhiên. Người kia tức giận nói:

- Phong độ^[6] không xa xôi gì, ta tuy hèn, há lại không đem nổi nhà ngươi đến đây. Không nghe lời ta thì rồi sẽ biết. Nói rồi phát áo đi.

Chiều tối, lại có một ông già, áo vải mũ đen, phong độ nhàn nhã, thùng thình đi vào đến trước thềm, vái chào mà rằng:

- Tôi là Thổ công ở đây, nghe thấy việc làm rất thú của nhà thầy, vậy xin đến để tỏ lời mừng.

Tử Văn ngạc nhiên nói:

- Thế người đội mũ trụ đến đây ban nãy, chẳng phải là Thổ công đấy ư? Sao mà nhiều thần quá vậy?

Ông già nói:

- Ô, đây là viên tướng bại trận của Bắc triều, cái hồn bơ vơ ở Nam quốc, tranh chiếm miếu đền của tôi, giả mạo họ tên của tôi, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thử ngược^[7], Thượng Đế bị nó bùng bít, hạ dân bị nó quấy rầy, phạm những việc hưng yêu tác quái^[8] đều tự nó cả, chứ có phải tôi đâu. Xin kể đầu đuôi để nhà thầy nghe: “Tôi làm chức Ngự sử đại phu^[9] từ đời vua Lí Nam Đế^[10], vì chết về việc can vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật đã hơn một nghìn năm nay, khi nào lại làm việc gieo tai rắc vạ để kiếm miếng ăn như tên giặc giảo hoạt kia đã làm. Gần đây vì tôi thiếu sự đề phòng, bị nó đánh đuổi, nên phải đến nương tựa ở đền Tản Viên đã vài năm nay”.

Tử Văn nói:

- Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không kiện ở Diêm Vương và tâu lên Thượng Đế, lại đi khinh bỏ chức vị, làm một người áo vải nhà quê?

Ông già chau mặt đáp:

- Rể ác mọc lan, khó lòng lay động. Tôi đã định thưa kiện, nhưng mà có nhiều nỗi ngăn trở: Những đền miếu gần quanh, vì tham của dút, đều bênh vực cho nó cả. Tôi chỉ giữ được một chút lòng thành, nhưng không làm thế nào để thông đạt được lên, cho nên đành tạm ẩn nhẫn mà ngồi xó một nơi.

Tử Văn nói:

- Hắn có thực là tay hung hãn, có thể gieo vạ cho tôi không?

- Hắn quyết chống chọi với nhà thầy, hiện đã kiện thầy ở Minh ti^[11]. Tôi nhân lúc hắn đi vắng lên đến đây báo cho nhà thầy biết để mà liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng.

Ông già lại dặn Tử Văn:

- Hễ ở Minh ti có tra hỏi, thầy cứ khai ra những lời nói của tôi. Nếu hắn chối, thầy kêu xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ thì nó phải đỡ miệng. Nếu không như thế thì tôi đến vui lấp trọn đời mà thầy cũng khó lòng thoát nạn.

Tử Văn vâng lời. Đến đêm, bệnh càng nặng thêm, rồi thấy hai tên quỷ sứ đến bắt đi rất gấp, kéo ra ngoài thành về phía đông. Đi độ nửa ngày đến một toà nhà rất lớn, xung quanh có thành sắt cao vọi đến mấy chục trượng. Hai tên quỷ đến nói với người canh cổng, người canh cổng đi vào một lúc rồi ra truyền chỉ rằng:

-Tội sâu ác nặng, không được dự vào hàng khoan giảm^[12]. Nói rồi xua tay bảo đi ra phía bắc. Ở đó có một con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài ước hơn nghìn thước, gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương. Hai bên cầu có mấy vạn quỷ Dạ Xoa đều mắt xanh tóc đỏ, hình dáng nanh ác. Hai con quỷ dùng gông dài, thừng lớn gông trói Tử Văn mà giải đi rất nhanh.

Tử Văn kêu to:

- Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian, có tội lỗi gì xin bảo cho, không nên bắt phải chết một cách oan uổng.

Chợt nghe trên điện có lời quát:

- Tên này bướng bỉnh, ngoan cố, nếu không phán đoán cho rõ, chưa chắc nó đã chịu nhận tội. Bèn sai dẫn Tử Văn vào cửa điện. Tử Văn vào đến nơi, thấy người đội mũ trụ đang kêu cầu ở trước sân. Diêm Vương mắng Tử Văn rằng:

- Kẻ kia là một người cư sĩ, trung thuần lắm liệ^[13], có công với tiên triều, nên hoàng thiên cho được huyết thực^[14] ở một ngôi đền để đền công khó nhọc. Mà lại là một kẻ hàn sĩ^[15], sao dám hỗn láo, tội ác tự mình làm ra, còn trốn đi đằng nào? Tử Văn bèn tâu trình đầu đuôi như lời Thổ công đã nói, lời rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào.

Người đội mũ trụ nói:

- Ấy là ở trước vương phủ mà hấn còn ghê gớm như thế, mồm năm miệng mười, đem đặt bịa tạc. Huống hồ ở một nơi đền miếu quanh hiu hắt sợ gì mà không dám cho một mồi lửa. Hai bên cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái, vì thế Diêm Vương sinh nghi.

Tử Văn nói:

- Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đem tư giấy đến đền Tản Viên để hỏi. Không đúng như thế, tôi xin chịu thêm cái tội nói càn.

Bấy giờ người kia mới có vẻ sợ, quỳ xuống tâu rằng:

- Gã kia là học trò, thật là ngu bướng, quả đáng tội lắm. Nhưng đã trách mắng như vậy, cũng đủ răn đe rồi. Xin đại vương khoan dung tha cho hấn để tỏ cái đức rộng rãi. Chẳng cần đòi hỏi dây dưa. Nếu thắng tay trị tội nó, sợ hại đến cái đức hiếu sinh.

Diêm Vương quát lớn rằng:

- Cứ như lời hấn thì nhà ngươi đáng tội chết. Điều luật trị tội lừa dối đã sẵn sàng đó. Có sao nhà ngươi dám làm sự lập lờ nhận tội như vậy?

Diêm Vương lập tức sai người đến đền Tản Viên để lấy chứng thực. Sai nhân về tâu, nhất nhất đúng với lời Tử Văn. Vương cả giận, bảo các phán quan rằng:

- Lũ các người chia toà sở, giữ chức sự, cầm lệnh chỉ công, làm phép chỉ công, thưởng thì xứng đáng mà không thiên vị, phạt thì đích xác mà không nghiệt ngã, vậy mà còn có sự dối trá càn bậy như thế; huống chi về đời nhà Hán, nhà Đường buôn quan bán ngục, thì những mối tệ còn nói sao hết được!

Liền sai lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ người ấy vào ngục Cửu U^[16]. Vương nghĩ Tử Văn có công trừ hại, truyền cho vị thần đền kia, từ nay phần xôi lợn của dân cúng tế, nên chia cho Tử Văn một nửa và sai lính đưa Tử Văn về. Chàng về đến nhà, té ra mình chết đã được hai ngày rồi. Nhân đem những việc đã qua kể cho mọi người nghe, ai cũng kinh hãi và không tin là thực. Sau đó họ đón một bà đồng về phụ bóng^[17], đồng lên cũng nói đúng như lời Tử Văn. Người làng bèn mua gỗ, dựng lại một toà đền mới. Còn ngôi mộ của tên tướng giặc kia thì tự dựng thấy bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy. Sau đó một tháng, Tử Văn thấy Thổ công đến báo:

- Lão phu đã trở về miếu, công của nhà thầy không biết lấy gì đền đáp được. Nay thấy ở đền Tản Viên khuyết một chân phán sự, lão đã vì nhà thầy hết sức tiến cử, được đức Thánh Tản ngài đã bằng lòng, vậy xin lấy việc đó để đền ơn nghĩa. Người ta sống ở đời, xưa nay ai chẳng phải chết, miễn là chết đi còn được tiếng về sau. Nếu trùng trình độ nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Nên cố gắng đi, đừng coi là việc thường.

Tử Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu xếp việc nhà, rồi không bệnh mà mất. Năm Giáp Ngọ, có người ở thành Đông Quan^[18] vốn quen biết với Tử Văn, một buổi sớm đi ra ngoài cửa tây vài dặm, trông thấy trong sương mù có xe ngựa đi đến ầm ầm, lại nghe tiếng quát:

- Người đi đường tránh xa, xe quan phán sự!

Người ấy ngẩng đầu trông thì thấy, người ngồi trên xe chính là Tử Văn. Song Tử Văn chỉ chấp tay thi lễ chứ không nói một lời nào, rồi thoát đã cười gió mà biến mất. Đến nay con cháu Tử Văn hãy còn, người ta truyền rằng đó là “nhà quan phán sự”!

Than ôi^[19]! Người ta thường nói: “Cứng quá thì gãy”. Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời. Sao lại đoán trước là sẽ gãy mà chịu đổi cứng ra mềm? Ngó Tử Văn là một chàng áo vải. Vì cứng cỏi mà dám đốt cháy đền tà, chống lại yêu ma, làm một việc hơn

cả thần và người. Bởi thế được nổi tiếng và được giữ chức vị ở Minh ti, thật là xứng đáng. Vậy kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng cỏi.

Chú thích:

- [1] Kháng khái: ngay thẳng và hào hiệp, ưa làm việc nghĩa.
- [2] Bộ tướng: tướng dưới quyền của một vị đại tướng.
- [3] Bách hộ: chức quan võ vào thời Nguyên và thời Minh ở Trung Quốc.
- [4] Cư sĩ: người trí thức ở ẩn.
- [5] Cố Thiệu: người thời Tam Quốc, làm quan ở Dự Chương, chủ trương việc phá huỷ các đền thờ dân thần, trong số đó có đền Lư Sơn. Sau thần Lư Sơn đến xin dựng đền lại, Cố Thiệu chỉ cười mà không trả lời. Thần giận bảo: “Ba năm nữa ngươi sẽ chết”. Đến kì hạn đó, Thiệu bị ốm, mọi người đều khuyên Thiệu nên dựng lại đền, Thiệu nói: “Tà không thể thắng được chính”. Rồi sau Thiệu chết.
- [6] Phong đô: phủ của Diêm Vương ở cõi âm.
- [7] Thảm ngược: tàn ác quá mức.
- [8] Hưng yêu tác quái: dấy lên những chuyện yêu ma, làm những điều quỷ quái; ý nói gây hại cho người.
- [9] Ngự sử đại phu: chức quan phụ trách việc can gián vua.
- [10] Lí Nam Đế: tức Lí Bôn, còn gọi là Lí Bí, khởi nghĩa đuổi quân đô hộ nhà Lương, lên ngôi hoàng đế, xưng là Nam Việt Đế, ở ngôi được 4 năm (544-548), đặt quốc hiệu là Vạn Xuân.
- [11] Minh ti: âm phủ.
- [12] Khoan giảm: rộng lượng giảm bớt hình phạt.
- [13] Trung thuận: một lòng ngay thẳng; lắm liệt: mạnh mẽ, oai phong.
- [14] Được huyết thực: được thờ tự và hưởng những vật phẩm cúng tế là động vật như bò, dê, lợn, gà,...
- [15] Hàn sĩ: học trò nghèo.
- [16] Ngục Cửu U: ngục tối chín tầng ở âm phủ, nơi giam giữ và trừng phạt những kẻ khi sống gây nhiều tội ác.
- [17] Phụ bóng: mời gọi hồn người chết hoặc thần thánh về. Theo sự mê tín của dân gian, có thể gọi hồn người chết hoặc thánh thần ở cõi âm về nhập vào người đang sống để trò chuyện. Người có nhiều cảm hứng với cõi âm, có thể cho mượn xác để người cõi âm nhập vào gọi là “ông (bà) đồng” hay “ông (bà) bóng”.
- [18] Đông Quan: tức thành Thăng Long, nay là Hà Nội.
- [19] Từ đây đến hết là lời bình (cuối mỗi truyện có phần bình luận ngắn của chính tác giả - nêu nhận xét về sự việc, nhân vật trong truyện và đưa ra quan điểm hoặc lời khuyên của mình).

ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẮC NGHIỆM

Đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn một đáp án đúng nhất.

Câu 1. Tác phẩm *Chức phán sự đền Tản Viên* thuộc thể loại nào?

- A. **Truyện truyền kỳ**
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện vừa
- D. Tiểu thuyết

Câu 2. Xác định ngôi kể trong văn bản trên?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. **Ngôi thứ ba.**
- D. Không có ngôi kể cố định.

Câu 3. Chi tiết Tử Văn đốt đền cho thấy chàng là người có tính cách như thế nào?

- A. **Kháng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được.**
- B. Lươn lẹo, gian tà.
- C. Trung thực.
- D. Giàu tình thương.

Câu 4. Điều gì khiến Tử Văn châm lửa đốt đền?

- A. Vì ngôi đền thiêng ấy bị hồn một tên tướng giặc tử trận gần đó biến thành yêu quái chiếm giữ.
- B. Vì ngôi đền ấy thờ Phật.
- C. Vì chàng thích thì đốt.
- D. Vì ngôi đền đó không thiêng.

Câu 5. Cụm từ *mồm năm miệng mười* là:

- A. Thành ngữ.
- B. Tục ngữ.
- C. Quán ngữ.
- D. Ca dao.

Câu 6. Chi tiết kì ảo nào sau đây xuất hiện trong truyện?

- A. Tử Văn lên Núi Phù Lai.
- B. Tử Văn xuống Địa phủ.
- C. Tử Văn lên trời gặp Ngọc Hoàng .
- D. Tử Văn đi Tây Thiên gặp Như Lai.

Câu 7. Tại sao Tử Văn lại bị Diêm Vương sai quỷ bắt xuống Địa phủ?

- A. Vì hồn láo.
- B. Vì Tử Văn đốt đền nên hồn ma tên tướng giặc giả mạo thổ công của ngôi đền đi kiện chàng.
- C. Vì Tử Văn đốt đền thờ người có công với đất nước.
- D. Vì Tử Văn coi thường mệnh vua.

Câu 8. Câu văn sau có sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nào?

“Nhà người đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao, có gì lại dám khinh nhờn huỷ tượng, đốt đền, khiến cho hương lửa không có chỗ tựa nương, oai linh không có nơi hiển hiện, vậy bảo làm sao bây giờ?”

- A. So sánh.
- B. Nhân hóa.
- C. Ẩn dụ.
- D. Liệt kê.

Câu 9. Từ “kẻ sĩ” trong câu văn “Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời.” dùng để chỉ đối tượng nào?

- A. Là từ dùng để chỉ những người thuộc tầng lớp trí thức trong lịch sử.
- B. Là từ dùng để chỉ những kẻ có tính cách sĩ diện.
- C. Là từ dùng để chỉ những người có quân hàm sĩ quan trong quân đội.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 10. Tại sao Tử Văn lại được Diêm Vương tha về dương thế?

- A. Vì Tử Văn đã thắng kiện.
- B. Vì hồn ma tên tướng giặc xin tha cho chàng .
- C. Vì Diêm Vương không có minh chứng từ lời khai của thổ công bị hại.
- D. Vì tất cả các lí do trên.

Câu 11. Trong truyện, tại sao Tử Văn lại được phong chức Phán sự đền Tản Viên?

- A. Vì Thổ công của ngôi đền muốn đền ơn chàng nên đã tâu xin với đức thánh Tản cho chàng đảm nhiệm chức vụ đó.
- B. Vì Thổ công của ngôi đền thấy xấu hổ nên nhường chức cho chàng.
- C. Vì chàng có công với dân làng.
- D. Vì Diêm Vương thấy chàng có Tính cách tốt nên phong cho chàng chức Phán sự.

Câu 12. Qua truyện *Chức Phán sự đền Tản Viên*, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?

A. Ca ngợi khí phách của kẻ sĩ: chính trực, dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác, bảo vệ chính nghĩa. Thể hiện khát vọng và niềm tin vào công lí, vào sự chiến thắng của cái thiện.

B. Phê phán xã hội đương thời: quan lại tham nhũng, ăn hối lộ, bao che cho kẻ xấu tàn hại dân lành.

C. Thể hiện lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc.

D. **Cả 3 đáp án trên đều đúng.**

DẠNG CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Tác phẩm *Chức phán sự đền Tản Viên* thuộc thể loại nào? Yếu tố nào giúp em khẳng định được như vậy?

Gợi ý: Dựa vào bảng tóm tắt đặc trưng thể loại cuat truyện truyền kỳ để trả lời.

Đặc điểm truyện truyền kỳ	Trả lời
Có yếu tố hoang đường kỳ ảo	
Bố cục của truyện	Mở đầu thường là giới thiệu về nhân vật (tên họ, quê quán, tính tình, phẩm chất...) Kể đó là kể các câu chuyện lạ lùng – Đây là phần trung tâm của truyện. Phần kết là kể lí do kể chuyện.
Mô tuýp truyện	Mô tuýp truyện thường là người lấy tiên hoặc người lấy ma, người hóa phép, biến hóa.
Cốt truyện	Do số lượng nhân vật và sự kiện luôn ở mức tối thiểu nên dạng cốt truyện truyền kỳ là cốt truyện kể xoay quanh một nhân vật, một sự kiện, một hiện tượng xã hội tuân theo quy luật nhân quả .
Nhân vật	Số lượng nhân vật ít. Thế giới nhân vật trong truyện truyền kỳ có thể là những nhân vật có thật, ma quỷ, thần tiên biến hóa.... Tuy các nhân vật là thần tiên, ma quái thuộc thế giới phi phàm nhưng lại mang hình dáng, hành vi mô phỏng theo con người đời thường. Hình tượng người trần thế cũng được mô phỏng theo những cách riêng. Các danh nhân văn hóa lịch sử thường được mô tả có những đặc điểm phi phàm, khác lạ so với đồng bào. Nội tâm của nhân vật thường là được thể hiện bằng thơ. Đây là một bút pháp của truyện kỳ đời Đường tuy nhiên thơ chỉ được xem như một nhũ thú của đời sống tinh thần, một yếu tố ngoài cốt truyện có tính chất tĩnh tại, không phải là nội tâm khi hành động, nói năng. Ngôn ngữ nhân vật phần nhiều là tác giả nói thay, chưa có sắc thái cá tính. Ngôn ngữ của nhân vật phải phù hợp với thời đại được nhắc đến,...

Không gian và thời gian nghệ thuật	<p>Không gian truyện vừa có yếu tố thực, vừa có yếu tố hoang đường. Nó là sự pha trộn giữa các thế giới khác nhau.</p> <p>Thời gian trong truyện truyền kỳ là sự kết hợp giữa thời gian cụ thể với thời gian kỳ ảo.</p>
Trình tự kể	Trình tự kể tuân theo trình tự tuyến tính.
Lời kể, ngôn ngữ kể chuyện	<p>Ngôn ngữ trong truyện truyền kỳ chứa đựng nhiều điển tích, điển cố. Lời kể uyển chuyển hoa mỹ.</p> <p>Lời trần thuật của tác giả chia làm 2 loại: Lời văn trần thuật miêu tả câu chuyện và lời bình của tác giả với hai tư cách khác nhau.</p> <p>Một đặc điểm cũng dễ nhận thấy của ngôn ngữ truyện truyền kỳ là có màu sắc giáo huấn, đặc biệt ở những lời bình cuối truyện.</p>

Câu 2. Chi tiết Tử Văn đốt đền có ý nghĩa gì? Vì sao em suy nghĩ như vậy?

Gợi ý:

- Thể hiện quan điểm và thái độ của người trí thức muốn đả phá sự mê tín thần linh của quần chúng bình dân.
- Thể hiện sự khảng khái, chính trực và dũng cảm muốn vì dân trừ hại.
- Thể hiện tính hiếu thắng của người trẻ tuổi.
- Thể hiện tinh thần dân tộc, mạnh mẽ qua việc diệt trừ tên giặc xâm lược hung bạo, bảo vệ Thổ thần nước Việt, người từng có công giúp Lý Nam Đế chống ngoại xâm.
- Ý kiến khác.

- Việc làm của Ngô Tử Văn là đốt đền, vạch tội hồn tên tướng giặc trước Diêm Vương. Hành động của Tử Văn xuất hiện từ ý thức rõ ràng “Thấy sự gian tà thì không chịu được” chứ không phải việc làm động chạm thần linh. Tử Văn là con người "khảng khái", "nóng nảy" và "cương trực", coi trọng công lí, bất bình trước sự lộng hành của cái xấu, cái ác.

- Cuộc đấu tranh giữa Ngô Tử Văn với hồn tên tướng giặc họ Thôi là cuộc đấu tranh giữa hai thế lực: Công lí, chính nghĩa và phi nghĩa, gian tà. Cuộc đấu tranh giữa hai thế lực này có ý nghĩa hiện thực cụ thể và ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, vừa lên án giặc ngoại xâm, tố cáo sự cấu kết của thần quyền vừa phản ánh hiện thực xã hội với cái nhìn tin tưởng vào chính nghĩa thắng gian tà.

- Câu trả lời đúng nhất là câu (e). Hành động của Tử Văn vừa thể hiện sự khảng khái, chính trực và dũng cảm vì dân trừ hại (b), vừa thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ qua việc diệt trừ hồn tên giặc xâm lược hung bạo, bảo vệ thổ thần nước Việt (d). Câu (a) chỉ đúng một phần vì Ngô Tử Văn có đả phá nhưng là đả phá sự ngu tín vào những thần ác, thần bất chính chứ không đả phá tập tục thờ cúng thần linh. Câu (c) sai hoàn toàn vì Ngô Tử Văn không vô cớ đốt đền.

Câu 3. Chủ đề của truyện là gì?

Gợi ý:

- *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* có nhiều ý nghĩa nhưng chủ yếu là đề cao tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân qua hình tượng Ngô Tử Văn, một trí thức yêu chính nghĩa, dũng cảm, cương trực.

- Truyện thể hiện khát vọng công lí, niềm tin công lí, chính nghĩa nhất định sẽ chiến thắng.

Câu 4. Theo anh (chị) chi tiết Diêm Vương xử kiện ở âm phủ thể hiện điều gì ?

Gợi ý:

- a. Thể hiện niềm tin của người thời trung đại: Bên cạnh cõi trần còn có một thế giới khác là âm phủ, nơi con người sau khi chết sẽ phải nhận sự phán xét, thưởng phạt về những việc làm của mình khi còn sống.
- b. Thể hiện khát vọng công lí chưa thực hiện được trong cuộc sống trần thế của người xưa.
- c. Là chi tiết cần thiết nhằm đẩy kịch tính của truyện đến cao trào để nhân vật chính Ngô Tử Văn có dịp bộc lộ bản lĩnh, khí phách của mình.
- d. Có ý nghĩa khuyên răn, giáo dục con người nên sống và hành động đúng đắn, hợp lẽ phải, tránh làm điều ác.

e. Ý kiến khác.

- Việc xử kiện ở âm phủ là do hồn tên Bách hộ họ Thôi kiện Ngô Tử Văn đốt đền. Hồn tên tướng giặc đã giả mạo Thổ thần, làm hại dân, qua mặt cả Diêm Vương. Sở dĩ Diêm Vương không hay biết là vì các vị thần ở những đền miếu lân cận nhận đút lót nên bao che cho kẻ ác, vì các phán quan của Diêm Vương quan liêu, không theo sát thực tế.

- Chi tiết Diêm Vương xử kiện ở âm phủ là chi tiết đẩy kịch tính của truyện đến cao trào để nhân vật bộc lộ rõ tính cách, phẩm chất đồng thời khắc sâu chủ đề của truyện. Chi tiết thể hiện khát vọng của người xưa vì công lí chưa thể hiện được nơi trần thế còn đầy rẫy bất công và tội ác.

- Ý kiến đúng nhất là ý (e) vì bao gồm được tất cả các ý (a, b, c, d).

Câu 5: Chi tiết Ngô Tử Văn được nhậm chức phán sự ở đền Tản Viên có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

- Chức phán sự là một chức quan xem xét các vụ kiện tụng, đây là chức quan thực hiện công lí. Ngô Tử Văn được Thổ thần tiến cử nhận chức vì chàng đã giúp Thổ thần đòi lại công lí, chàng dũng cảm bảo vệ công lí, chính nghĩa ngay cả khi cái chết đe dọa.

- Việc nhận chức phán sự đền Tản Viên của Ngô Tử Văn là hình thức thưởng công xứng đáng có ý nghĩa noi gương cho đời sau, khích lệ mọi người dũng cảm đấu tranh chống cái ác, bảo vệ công lí. Hình ảnh Ngô Tử Văn oai phong lẫm liệt xuất hiện ở cuối chuyện đã nói lên điều đó.

Câu 6: Chỉ ra những nét nghệ thuật kể chuyện đặc sắc của Nguyễn Dữ.

Gợi ý:

- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn nhờ yếu tố kì ảo dày đặc, xen lẫn chuyện người, chuyện thần, chuyện ma, thế giới thực, ảo, trần thế, địa ngục... Kì ảo là phương thức đặc biệt để chuyên chở nội dung và cảm hứng hiện thực.

- Cách kể chuyện từng đoạn theo trình tự thời gian đầy li kì biến hóa mà vẫn tự nhiên, logic, có thắt - mở nút.

- Tác giả đã khéo léo dẫn dắt chuyện bằng mở ra một sự việc bất ngờ rồi dẫn dắt dần tới đỉnh điểm của kịch tính và giải quyết hợp lí, thỏa đáng. Người đọc hồi hộp theo dõi diễn biến các sự việc để cuối cùng thở phào nhẹ nhõm.

VĂN BẢN 2: TỪ THỨC LÁY VỢ TIÊN

(Nguyễn Dữ)

Theo truyền thuyết, Từ Thức quê ở ở Hòa Châu (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa) sống dưới triều vua Trần Thuận Tông, niên hiệu Quang Thái (1388 – 1398). Ông xuất thân từ phụ âm, tức nhờ ân đức của cha làm quan viên nên được bổ nhiệm làm tri huyện xứ Kinh Bắc (nay thuộc huyện Tiên Du, Bắc Ninh). Gần nhà ông có một ngôi chùa danh tiếng, trong chùa có trồng một cây mẫu đơn lớn, đến mùa nở hoa rất đẹp, nên ở người các nơi đến xem đông đúc nhộn nhịp, biến nơi đây thành hội xem hoa từng bừng hàng năm.

Tháng 2/1336, trong đám đông khách thập phương viếng chùa có một cô con gái độ 16 tuổi, phấn son chỉ điểm phớt, nhưng dung mạo xinh đẹp rạng rỡ, đến hội xem hoa. Vì thấy hoa đẹp nên nảy ý muốn gần hơn để xem được rõ, cô gái với tay kéo cành xuống. Không may cành mẫu đơn rất giòn nên gãy đổ, những người coi hoa thấy vậy hốt hoảng giữ cô gái lại, trói vào góc cây để chờ người mang tiền tới chuộc tội làm gãy mất hoa quý. Du khách viếng thăm, người qua

kể lại xem hoa, không ai để ý đến cô gái, ngày sắp tàn mà vẫn chưa có ai đến nhận. Trong đám người xem hội có quan huyện Từ Thức, thấy trời đã tối mà không có ai đến nhận cô gái, trong khi cô cũng không kêu cứu, ông động lòng thương, nhưng thân quan huyện cũng không có tiền bạc mấy chi, ông bèn cởi chiếc áo khoác trắng làm bằng lông cừu giao cho tăng phòng để chuộc tội cho cô gái được thả ra. Cô gái được tha, cảm tạ ân nhân cứu mạng, nói lời từ biệt rồi sau đó rời đi mất hút.

Nghĩa cử của Từ Thức được người dân trong vùng khen ngợi, ông xứng là một viên quan nhân từ. Được lòng dân ắt phải vui mừng, nhưng lâu nay Từ Thức trong lòng không muốn làm quan, ông chỉ muốn ngao du sơn thủy, ngắm cảnh và làm thơ, việc hàng ngày thường bê trễ, bỏ mặc nên thường hay bị thượng quan quở trách.

Một lần nọ, một vị quan trên quen biết với gia đình mới gọi Từ Thức lên ôn tồn nhắc nhở:

“Thân phụ của thầy làm đến quan Đại Thần, mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao?”.

Ông không biết trả lời thế nào, ra về với lòng nặng trĩu, nghĩ:

“Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong danh lợi, hay là từ quan, một mình một thuyền, nước biếc non xanh, chắc trời cao cũng sẽ không phụ ta đâu”.

Vài hôm sau, Từ Thức cởi trả ấn tín, cáo quan về quê. Vốn yêu cảnh hang động vùng Tống Sơn, ông khẩn gởi cùng một tiểu đồng lên đường. Tới nơi, ông dựng một căn nhà nhỏ làm nơi trú ẩn để tiện bề đi thăm non nước trong vùng. Từ đó, không nơi nào là không có dấu chân Từ Thức ghé qua. Phàm những nơi tú non kỳ núi như Chích Trạo, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga (những thắng cảnh của Thanh Hóa), tất cả đều có thơ vịnh của Từ Thức để lại.

Một hôm, Từ Thức dậy sớm, trông ra hướng cửa biển Thần Phù (thuộc Nga Sơn, Thanh Hóa ngày nay), thấy dị tượng mây ngũ sắc ở đâu kéo đến, tụ lại kết nên hình đóa hoa sen trên biển, ông vội chèo thuyền ra xem cho rõ, đến nơi thì bỗng đâu xuất hiện núi lớn chắn lối đi. Ngạc nhiên, ông bảo với thuyền phu:

“Ta từng lên đến sông nước, thông hết thắng cảnh đông nam, không biết núi này từ đâu lại xuất hiện ngay trước mắt, phải chăng non tiên rụng xuống, vết thần hiển linh ra chăng? Sao trước không mà nay lại có?”.

Từ Thức bèn cho thuyền neo vào bờ, quan sát thì thấy vách đá cao sừng sững, không mọc cánh không cách chi lên thăm trên đó được. Cao hứng ông liền xuất thơ đề lên vách đá, với hai câu cuối có ý hỏi: xin ai đó hãy chỉ đường mở lối, cho khách vào viễn cảnh chốn thần tiên.

“Thiên chương bích thụ quải triều đôn,
Hoa thảo ngênh nhân nhập động môn.
Nhiều giản dĩ vô tăng thái được,
Duyên lưu thặng hữu khách tầm nguyên,
Lữ du tư vị cảm tam lộng,
Điếu đình sinh nhai tửu nhất tôn.
Nghĩ hướng Vũ Lăng ngư tử vấn,
Tiền lai viễn cận chủng đào thôn”.

Diễn nghĩa:

“Triều dương bóng rải khắp ngày xanh,
Hoa cỏ cười tươi đón rước mình.
Hải thuốc nào đâu sự kể suốt,
Tìm nguồn duy có khách bên ghềnh.
Lang thang đất lạ đàn ba khúc,
Nên nổi thuyền câu rượu một bình.
Bến Vũ (9) chàng ngư, tìm thử hỏi,
Thôn Đào (9) chỉ hộ lối loanh quanh”.

Từ Thức bèn cho thuyền neo vào bờ, quan sát thì thấy vách đá cao sừng sững, không mọc cánh không cách chi lên thăm trên đó được. Đề thơ xong, ông đứng ngắm nghĩ một hồi, bỗng đâu chợt vách núi nứt ra một cửa hang rộng độ một trượng (0,5 mét). Tò mò, ông vén áo chui vào

bên trong, vừa đi được vài bước, thì cửa hang bất ngờ đóng sầm lại, bên trong tối đen như mực. Nghĩ chuyện này khó sống, bản năng sinh tồn cộng thêm kinh nghiệm ngao du đây đó, Từ Thức lấy tay sờ soạng lần theo lối rêu. Nếu tìm được đường rêu sẽ lần ra hướng có ánh sáng, ông lần theo một khe nhỏ quanh co như ruột dê. Đi hơn một dặm thấy đường càng rộng hơn, chỉ chốc sau đã lên đến đỉnh núi bên ngoài cảnh quang sáng sủa với nhiều lâu đài huy nga, mây xanh ráng đỏ bám lên các lan can, kỳ hoa dị thảo nở đầy lối đi. Từ Thức nghĩ nếu đây không phải chỗ đền đài thờ phụng, thì cũng thôn xóm của những bậc lánh đời, bỗng chợt thấy có hai người con gái áo xanh thì thầm: “Lang quân nhà ta đã đến, phu nhân chúng tôi sai mời chàng vào chơi”. Đoạn họ đi vào trong tòa nhà lộng lẫy, Từ Thức ngỡ ngác chưa hiểu họ mời ai, cho đến khi lại thấy họ ra mời một lần nữa, ông mới yên tâm theo chân đi vào trong. Vòng quanh một bức tường gấm, tiến vào khung cửa son, bát đá, tòa cung điện giác bạc sừng sững, những cảnh vật trước kia chỉ biết qua sách vở nay chính mắt nhìn thấy, lòng không khỏi kinh ngạc, ông băng qua cổng đề: “Điện Quỳnh Hu” đi vào “Gác Dao Quang”. Tại gác này, một đạo cô áo trắng ngồi trên sập thất bảo, trước sập có kê đôi kỷ nhỏ làm bằng gỗ đàn hương. Đạo cô mời Từ Thức ngồi và bảo:

“Tính hiếu kỳ của chàng đã thành chứng nghiệm. Sự vui sướng trong một chuyến đi chơi này, kể cũng đã thỏa nguyện chí bình sinh. Nhưng mỗi duyên gặp gỡ chàng có còn nhớ gì không?”.

Từ Thức mới thưa:

“Tôi là một kẻ dật sĩ ở Tống Sơn, một cánh buồm gió, một lá thuyền nan, phóng lãng giang hồ thích đâu đến đấy, nào có biết chốn này lại có tử phủ thành đô. Lần mò lên được đến đây, chẳng khác nào như mọc cánh mà bay lên đến cõi tiên, nhưng lòng trần mờ tối, chưa biết tương lai ra sao, cho nên không nhớ ra chuyện chi, dám xin cao nhân chỉ lối”.

Đạo cô cười nói:

“Chàng làm sao biết được, đây là núi Phù Lai, một động tiên thứ 6 trong 36 động, nổi trên mây, bồng bênh ngoài biển cả, dưới chân không bám vù, như hai núi La Phù hợp tan theo sóng nước, tôi là địa tiên khu Nam nhạc, tên thường gọi Ngụy phu nhân. Vì thấy chàng là người đức cao nghĩa trọng sẵn lòng giúp người trong lúc nguy khốn, nên mới dám làm phiền mời chàng đến đây”.

Đoạn, bà sai đồng tử gọi một cô tiên ra, Từ Thức nhận ra ngay ra cô gái trước kia đã làm gãy nhành mẫu đơn trong chùa. Bà tiên trở bảo rằng:

“Đưa con tôi đây là Giáng Hương, ngày trước gặp nạn trong lúc đi xem hoa, may nhờ chàng giúp đỡ, ơn ấy không quên, nay muốn kết duyên để bao đền ơn trước”.

Trò chuyện xong, bèn ngay đêm hôm ấy, bà cho người đốt đèn mỡ phượng, trải đệm vàng rồng, làm lễ cho hai người giao bái kết vợ chồng. Ngay ngày hôm sau, quần tiên đến mừng, có vị cười con ly từ phương Bắc xuống, vị đi rồng từ phía Nam lên, có người đi kiệu ngọc, vị cưỡi xe gió, tất cả đến họp mặt chung vui. Yển tiệc tổ chức tầng thượng gác Dao Quang, quần tiên vái chào nhau cùng ngồi bên trái, phía gia chủ ngồi bên phải. Ngồi đâu vào đấy, thì tiếng truyền hô Kim tiên ghé thăm (Tây Vương Mẫu), mọi người đều bước ra đón cúi lạy chào. Sau đó, nhạc được tấu lên, tiệc bày ra bằng mâm mã não, đĩa ngọc thạch, món ăn đều rất kỳ lạ, có thứ rượu kim tương, ngọc lễ, mùi hương đưa lên thơm nức, dưới trần không bao giờ có được của quý như vậy. Đoạn một vị vận áo đạo trắng quay sang nói với Từ Thức:

“Chúng tôi chơi ở nơi này mới 180 nghìn năm, mà đã ba lần chứng kiến biển Nam hóa đất liền, nay chàng từ xa đến đây, không vì tiên phạm cách trở, hương lửa ba sinh (ý nói cây hương vẫn còn cháy mà thấy người đã trải qua ba kiếp), tưởng cũng không phụ, đừng nên cho chuyện thần tiên là câu chuyện hoang đường”.

Lời được nói ra bởi vị này biết Từ Thức trước đây không mấy tin vào chuyện thần tiên. Buổi tiệc thêm nhộn nhịp với trẻ nhỏ ra vào, chia nhau từng lớp múa điệu Lãng Ba. Đoạn, Ngụy phu nhân mời tiệc, Giáng Hương châm rượu, một vị nói đùa rằng:

“Cô dâu hôm nay da hồng hào, không khô gầy như trước, người ta bảo ngọc nữ không chồng, hỏi có tin được không?”.

Quần tiên cười khi nghe câu đùa, duy có một vị áo xanh trông lo lắng, nói:

“Mối duyên của cô em đây, cũng thật tốt đẹp. Nhưng nghĩ cái giá bằng ngọc ở trên trời, lại đi kết mối tơ ở cõi thế, chẳng may tiếng đồn truyền ra, thiên hạ chê cười, quần tiên chúng ta cũng e không khỏi mang tiếng”.

Kim tiên nghe thế liền bảo:

“Ta ngự chốn lâu thành trên thiên thượng, hầu châu cạnh đức Thượng đế, chốn mệnh mang trần hải bên dưới, chưa từng đặt chân xuống, vậy mà thế gian nhiều chuyện nói gì là đã từng diện kiến ta vào đời Chu, đời Hán, ta mà còn bị thù dật như thế, huống chi các nàng đây? Hôm nay có mặt tân lang, chúng ta không nên phiếm bàn những chuyện khác làm rối dạ người ta”.

Ngụy phu nhân đáp:

“Tôi nghe tiên khó gặp chứ không khó tìm, đạo không tu mà tự đến, những gặp gỡ hiếm lạ, đời nào cũng có, bao chuyện cũ còn sờ sờ ra đây, nếu chỉ thế này mà bị cười chê, thì đã có những người trước họ đỡ tiếng cho mình”.

Mọi người nghe thế cùng phá lên cười rất vui vẻ. Một chập thì đến lúc mặt trời gác núi, khách khứa đều lần lượt ra về. Từ Thức đến bên Giáng Hương đùa hỏi:

“Thì ra khắp cõi trời đều có chuyện phối ngẫu, thời có khác nhưng tình vẫn giống nhau, nghìn xưa như thế cả. Nay quần tiên ai về chỗ này, sống trong quạnh quẽ cô liêu, có phải họ không nẩy lòng sắc dục, hay cũng có nhưng phải gượng dè nén đi?”.

Nghe vậy, Giáng Hương đỏ mặt nói: “Những vị ấy đã thuộc về huyền nguyên, tính đã chân nhất, không cần gạn mà lòng tự trong, chẳng đi lấp mà đục vẫn lặng. Không như thiếp đây, bảy tình chưa sạch, trăm cảm dễ sinh, hình trong phủ tía mà tâm lụy duyên trần, thân ngự đến quỳnh mà lòng theo cõi dục, chàng đừng nhìn thiếp đây mà nghĩ quần tiên đều thế”.

Từ Thức nói, “Nếu thế thì em còn kém các tiên kia xa lắm”, cả hai vợ chồng cùng vỗ tay cười. ... Từ Thức bỏ nhà ra đi thám thoát đã một năm, ao sen đã thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương rơi, ánh trăng qua cửa sổ, tiếng thủy triều văng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng dấy lên nỗi buồn băng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm đứng trông ra biển, thấy chiếc tàu buôn rẽ sóng về Nam. Từ Thức trở bảo với Giáng Hương: “Nhà tôi đi về phía hướng đó, nhưng biển cả trời xa chẳng biết tận phương nào”.

Một lần rảnh rỗi Từ Thức lại thổ lộ:

“Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon, dám xin nàng nề tình mà cho tạm về thăm nhà, chẳng hay ý nàng ra sao?”

Rồi lại trấn an Giáng Hương: “Tôi xin về để bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, rồi sẽ lại về đây cùng nàng sống già nơi chốn làng mây bến nước”.

Giáng Hương nghe vậy khóc nói: “Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê của chàng. Song trần gian nhỏ hẹp, kiếp người ngắn ngủi, dù chàng có về nhưng chỉ e sân liễu vườn hoa, cảnh tượng không như ngày trước nữa”.

Nhưng rồi Từ Thức do còn mang cốt tục, lòng trần, nên Giáng Hương sau đó phải đi bẩm lại xin Ngụy phu nhân an bài cho, tiên bà thở dài nói: “Không ngờ chàng còn bị lòng trần tơ vò đến vậy”.

Bà bèn sai mang mang đến một cỗ xe cảm vân để chàng Thức cười về. Để tiễn đưa chàng, Giáng Hương viết một phong thư bằng vải lụa, dán kín lại rồi đưa cho chàng, dặn rằng đến nhà rồi hãy mở ra xem.

Từ Thức ngồi xe, trong chớp mắt đã đến quê cũ bỗng thấy cảnh vật, người phố nay khác xưa duy chỉ dãy núi gần nhà là còn có thể nhận ra. Ông đi tìm người quen, rồi đem tên tuổi danh tính của mình dò hỏi những người lớn tuổi trong làng. Không ai biết tên tuổi người này, duy chỉ một cụ già sau một hồi nghĩ ngợi xa xăm rồi nói:

“Hồi nhỏ nghe kể, cụ tổ bốn đời nhà tôi cũng có tên họ giống ông, nhưng 200 năm trước đã đi vào núi rồi lạc mất, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh đời vua Lê thứ ba rồi”.

Từ Thức nghe đến đây thì giật mình, lòng bồi ngùi, sau đó muốn tìm lại xe mây để về lại cõi tiên, thì cỗ xe đã hóa thành chim loan bay đi mất. Chợt nhớ đến phong thư vợ gửi mang theo, Từ mở ra đọc thấy có mấy câu:

“Kết lưã phượng trong mây,

Nay duyên xưa đã tận,

Non tiên trên biển lớn,

Khó có ngày trùng lại”,

Độc xong mới biết, Giáng Hương đã nói trước với mình những lời từ biệt. Chàng bèn mặc áo lông cừu nhẹ, đội nón lá, đi vào vùng núi Hoành Sơn, rồi sau này không còn ai thấy nữa.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn một đáp án đúng nhất.

Câu 1. Tác phẩm *Từ Thức gặp tiên* thuộc thể loại:

- A. **Truyện truyền kỳ**
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện vừa
- D. Tiểu thuyết

Câu 2. Xác định nhân vật người kể chuyện trong bản kể trên?

- A. Từ Thức
- B. Giáng Hương
- C. Từ Thức và Giáng Hương
- D. **Người kể chuyện giấu mặt**

Câu 3. Nguyên nhân nào khiến Giáng Hương bị phạt?

- A. Do Giáng Hương làm gãy cành hoa phượng.
- B. Do Giáng Hương làm vỡ cốc lưu ly.
- C. **Do Giáng Hương làm gãy cành hoa mẫu đơn trong chùa.**
- D. Do Giáng Hương trêu ghẹo nhà sư trong chùa.

Câu 4. Điều gì khiến Giáng Hương được tha?

- A. **Do Từ Thức ra tay cứu giúp.**
- B. Do nhà chùa thấy không có ai đến nhận.
- C. Do Giáng Hương xinh đẹp lại khéo mồm xin xỏ.
- D. Do bụt hiện lên giúp đỡ.

Câu 5. Tại sao Từ Thức lại xin từ quan?

- A. **Vì xác Từ Thức không muốn bị bó mình trong vòng danh lợi.**
- B. Vì Từ Thức đam mê sắc đẹp của Giáng Hương nên từ quan để theo nàng.
- C. Vì Từ Thức làm trái lệnh vua.
- D. Vì Từ Thức muốn về quê dạy học và nuôi mẹ già.

Câu 6. Từ Thức gặp lại Giáng Hương ở núi nào?

- A. **Núi Phù Lai.**
- B. Núi Thái Sơn.
- C. Núi Phù Đổng .
- D. Núi Nghĩa Lĩnh.

Câu 7. Theo bản kể trên vì sao lại kết Duyên cùng Từ Thức?

- A. **Vì Giáng Hương muốn trả ơn Từ Thức.**
- B. Vì mê đắm vẻ đẹp của Từ Thức.
- C. Vì Giáng Hương ngưỡng mộ tài năng của Từ Thức.
- D. Vì mẹ Giáng Hương ép nàng phải lấy Từ Thức.

Câu 8. Câu văn sau có sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nào?

“Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin nàng nể tình mà cho tạm về thăm nhà, chẳng hay ý nàng ra sao?”

- A. So sánh.
- B. Nhân hóa.
- C. Ẩn dụ.
- D. **Ẩn dụ và liệt kê.**

Câu 9. Từ “bơ vơ” trong câu văn “Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cỏ héo hon, dám xin nàng nể tình mà cho tạm về thăm nhà, chẳng hay ý nàng ra sao?” có nghĩa là gì ?

- A. Một mình bơ vơ, lẻ loi, không người thân thích.
- B. Không có người thân quen.
- C. Bị bỏ rơi, không ai quan tâm.
- D. Lạc lõng.

Câu 10. Tại sao Giáng Hương nghe chồng mình xin về quê cũ thì nàng lại khóc và nói: “Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê của chàng. Song trần gian nhỏ hẹp, kiếp người ngắn ngủi, dù chàng có về nhưng chỉ e sân liễu vườn hoa, cảnh tượng không như ngày trước nữa” .?

- A. Vì Giáng Hương biết một năm trên trời bằng trăm năm ở hạ giới.
- B. Vì Giáng Hương biết chồng đi sẽ không thể quay trở lại.
- C. Vì Giáng Hương biết mối duyên giữa nàng và Từ Thức đã tận.
- D. Vì tất cả các lí do trên.

Câu 11. Trong truyện *Từ Thức gặp tiên*, Từ Thức đã đi đâu sau khi xem bức thư của Giáng Hương?

- A. Chàng đi vào vùng núi Hoành Sơn.
- B. Chàng đi vào vùng núi Hoa Quả Sơn.
- C. Chàng đi vào vùng núi Thái Sơn.
- D. Chàng đi đến nhà Trương Ba đánh cờ.

Câu 12. Qua truyện *Từ Thức gặp tiên*, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?

- A. Được sống là điều đáng quý, vì vậy chúng ta phải cố gắng sống bằng mọi giá.
- B. Hạnh phúc không phải chỉ ở sự đầy đủ về vật chất, mà còn ở thứ khác quan trọng hơn là sự tự do.
- C. Không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông. Cái gì đã đi qua không thể lấy lại được.
- D. Đáp án B và C

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 13. Chi tiết sau khi được Từ Thức cứu, Giáng Hương lấy thân đền đáp cho thấy nàng là người như thế nào? Vì sao em lại suy nghĩ như vậy?

Câu 14. Theo em, việc Từ Thức không thể quay lại đoàn tụ với Giáng Hương ở đoạn cuối như thế có phù hợp không? Vì sao?

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Trong năm Quang Thái đời nhà Trần, người ở Hóa Châu tên là Từ Thức, vì có phụ âm được bổ làm tri huyện Tiên Du. Bên cạnh huyện có một tòa chùa danh tiếng, trong chùa trồng một cây mẫu đơn, đến kỳ hoa nở thì người các nơi đến xem đông rộ rịp, thành một đám hội xem hoa tung bừng lắm. Tháng Hai năm Bính Tý (niên hiệu Quang Thái thứ chín (1396) đời nhà Trần), người ta thấy có cô con gái, tuổi độ mười sáu, phần son điểm phốt, nhan sắc xinh đẹp tuyệt vời, đến hội ấy xem hoa. Cô gái vịn một cành hoa, không may cành giòn mà gãy khúc, bị người coi hoa bắt giữ lại, ngày đã sắp tối vẫn không ai đến nhận. Từ Thức cũng có mặt ở đám hội, thấy vậy động lòng thương, nhân cởi tấm áo cừu gấm trắng, đưa vào tặng phòng để chuộc lỗi cho người con gái ấy. Mọi người đều khen quan huyện là một người hiền đức.

Song Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ ừn cả lại thường bị quan trên quả trách rằng:

– Thân phụ thầy làm đến đại thần mà thầy không làm nổi một chức tri huyện hay sao!

Từ than rằng:

– Ta không thể vì số lương năm đấu gạo đỏ mà buộc mình trong áng lợi danh. Ấu là một mái chèo về, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy.

Bền cõi trả ân tín, bỏ quan mà về. Vốn yêu cảnh hang động ở huyện Tống Sơn, nhân làm nhà tại đây để ở. Thường dùng một thằng nhỏ đem một bầu rượu, một cây đàn đi theo, mình thì mang mấy quyển thơ của Đào Uyên Minh, hễ gặp chỗ nào thích ý thì hí hứng ngã rượu ra uống. Phàm những nơi nước tú non kì như núi Chích Trạo, động Lục Vân, sông Lãi, cửa Nga, không đâu không từng có những thơ đề vịnh.

(Trích *Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên*, Truyện kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.112-113)

Câu 1. Thể loại của tác phẩm có chứa đoạn trích trên là gì? Vì sao em khẳng định như vậy?

Câu 2. Theo đoạn trích, chức quan của nhân vật Từ Thức là gì? Chàng có phải là một vị quan hết lòng vì dân không? Vì sao?

Câu 3. Trong đám hội xem hoa tung bồng, tại sao cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại?

Câu 4. Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách như thế nào?

Câu 5. Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ân tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Thể loại của đoạn trích trên là: Truyện kì. HS bám vào đặc trưng của truyện truyền kỳ để lý giải.

Câu 2. Chức quan của nhân vật Từ Thức là: Tri huyện. Chàng không phải là một vị quan hết lòng vì dân. Lý do: *Từ Thức vốn tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh, việc sổ sách bỏ quên cả lại thường bị quan trên quở trách.*

Câu 3. Trong đám hội xem hoa tung bồng cô gái bị người coi hoa bắt giữ lại vì: Cô gái vin một cành hoa, không may cành giòn mà gãy.

Câu 4. Theo đoạn trích, nhân vật Từ Thức được giới thiệu là người có tính cách: Tính hay rượu, thích đàn, ham thơ, mến cảnh.

Câu 5. Em có đồng tình với quan điểm, thái độ của Từ Thức khi trả ân tín từ quan không? Lý giải điều đó bằng quan điểm của mình.

HS trình bày theo cảm nhận của mình, có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình và lý giải thuyết phục.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Như Từ, Từ khi bỏ nhà đi thám thoát đã được một năm, ao sen đã đổi thay màu biếc. Những đêm gió thổi, những sáng sương sa, bóng trăng sáng dòm qua cửa sổ, tiếng thủy triều nghe vắng đầu giường, đối cảnh chạnh lòng, một mối buồn băng khuâng, quấy nhiễu khiến không sao ngủ được. Một hôm trông ra bể, thấy một chiếc tàu buôn đi về phương Nam. Từ trở bảo Giáng Hương rằng:

- Nhà tôi đi về phía kia kìa, song biển cả trời xa, chẳng biết là ở tận đâu.

Rồi nhân lúc rồi, chàng nói với nàng rằng:

- Tôi bước khách bơ vơ, lòng quê bịn rịn, lệ hoa thánh thót, lòng cô héo hon [dám xin thể tình mà cho được tạm về, chẳng hay ý nàng nghĩ thế nào?

Giáng Hương bùi ngùi không nở dứt. Từ lang nói:

- Tôi xin hẹn trong một thời kỳ bao nhiêu lâu, để về cho bạn bè gặp mặt và thu xếp việc nhà cho yên, sẽ lại đến đây để với nàng cùng già ở chốn làng mây bến nước.

Giáng Hương khóc mà nói:

- Thiếp chẳng dám vì tình phu phụ mà ngăn cản mối lòng quê hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, kiếp trần ngắn ngủi, dù nay chàng về nhưng chỉ e liễu sân hoa vườn, không còn đâu cảnh tượng như ngày trước nữa.

Nàng nhân thưa với phu nhân, phu nhân nói:

- Không ngờ chàng lại mắc mớ vì mối lòng trần như vậy.

Nhân cho một cỗ xe cưỡi vâng để chàng cưỡi về. Nàng cũng đưa cho chàng một bức thư viết vào lụa mà nói:

- Ngày khác trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình ngày cũ.

Rồi tràn nước mắt mà chia biệt.

Chàng đi chỉ thoát chốc đã về đến nhà, thì thấy vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thấy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thửa nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm những người già cả thì thấy có người nói:

- Thuở bé tôi nghe nói ông cụ tam đại nhà tôi cũng cùng tên họ như ông, đi vào núi mất đến nay đã hơn 80 năm, nay đã là năm thứ 5 niên hiệu Diên Ninh là đời ông vua thứ ba của triều Lê rồi. Chàng bấy giờ mới hậm hực bùi ngùi; muốn lại lên xe mây để đi, nhưng xe đã hóa làm một con chim loan mà bay mất. Mở thư ra đọc, thấy có câu: "Kết lưà phượng ở trong mây, duyên xưa đã hết, tìm non tiên ở trên bể dịp khác còn đâu!" mới biết là Giáng Hương đã nói trước với mình những lời ly biệt. Chàng bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

(Trích "Từ Thức", "Truyện kỳ mạn lục", bản dịch của Trúc Khê - Ngô Văn Triện. NXB Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận.

Câu 2: Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy những gì?

A. **Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thấy đều không như trước nữa, duy có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thửa nọ.**

B. Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: vật đổi sao dời, thành quách nhân gian, hết thấy đều không như trước nữa.

C. Khi trở lại chốn cũ quê xưa, Từ Thức thấy: có những cảnh núi khe là vẫn không thay đổi sắc biếc màu xanh thửa nọ.

D. Không thấy gì.

Câu 3: Tại sao Từ Thức từ chối cuộc sống chốn tiên bồng?

A. Không thích

B. Chán cuộc sống vợ chồng với Giáng Hương

C. **Vì ông vẫn còn nặng lòng với quê hương, với những người thân yêu ở trần gian.**

D. Vì ông nhớ mẹ.

Câu 4: Tạo sao Từ Thức lại mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoành Sơn, sau không biết đi đâu mất?

A. Bởi vì giờ đây những điều quen thuộc với cuộc sống trước đây của chàng đã chẳng còn nữa.

B. Muốn tìm đường quay về cuộc sống vợ chồng với Giáng Hương.

C. Vì ông đã chán quê hương, với những người thân yêu ở trần gian.

D. **Vì giờ đây những điều quen thuộc với cuộc sống trước đây của chàng đã chẳng còn nữa và vì ông yêu tự do, yêu quê hương sâu sắc mà không màng đến danh lợi.**

Câu 5: Chuyện về Từ Thức cho ta bài học gì?

Câu chuyện về chàng Từ Thức đã cho ta thấy được bài học về tình yêu quê hương, đất nước. Cho dù có đi xa tới đâu, có được thưởng thức những của quý, cảnh đẹp ở nhiều nơi khác thì quê hương vẫn sẽ là nơi ấn tượng nhất, nghĩa nhất đối với bản thân mỗi con người.

Câu 6: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu) nêu suy nghĩ của anh (chị) về luận đề: quê hương trong tim mỗi người.

Quê hương là một phần không thể thiếu trong tiềm thức của mỗi người. Quê hương là nơi ta sinh ra, lớn lên, nơi lưu giữ những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ. Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn ta. Là nơi mà chúng ta tìm về để được che chở khỏi sự xô bồ, ồn ào của xã hội ngoài kia.

BÀI VIẾT THAM KHẢO ĐỂ HIỂU RÕ HƠN TRUYỆN TỪ THỨC GẶP TIÊN

Trong truyện cổ, khi Từ Thức treo ấn từ quan để thỏa chí cùng non xanh nước biếc, gót chân lẫm du đưa chàng đến địa phận Tống Sơn, nay thuộc huyện Nga Sơn, Thanh Hóa, ngõ ngàng trước cảnh non xanh nước biếc khiến chàng phải thốt lên: “Ta đã đi khắp miền đông nam, biết rõ cả vùng này, nhưng chưa bao giờ nghe nói đến những núi non kỳ thú kia. Có lẽ đây là non Tiên đưa đến, hay núi Thần dời lại, không thì làm sao ta chẳng hề thấy bao giờ?” Bèn neo thuyền, lên núi đề bút làm thơ. Mải mê ngắm cảnh, chàng lạc vào một hang động, càng đi càng ngoắt ngoéo, “lần theo lớp rêu trên đá mà đi, một quãng đường hầm dần dần mở rộng. Ra khỏi bóng tối, mắt chàng chói ngợp vì ánh sáng rực rỡ, sừng sốt vì mây muôn màu sắc bao phủ các đền đài dát bằng châu ngọc giữa cảnh vườn đầy hoa quý lạ, hương thơm khác thường...”⁽²⁾. Gặp chủ nhân của hang động, Từ Thức được biết: “Nơi này biển bao bọc chung quanh, lơ lửng không chạm đất, cũng như núi La Phù theo chiều gió mưa mà tan hợp, như núi Bồng Lai mọc trên ngọn sóng, là hang động thứ sáu trong ba mươi sáu hang động Phù Lai” (*Truyện kỳ mạn lục*). Nếu gạt đi lớp vỏ “truyện kỳ” người đọc sẽ thấy vị trí tự nhiên kỳ lạ của động Từ Thức. Dây Tam Điệp như con rồng đá hùng vĩ kéo từ tây sang đông, đầu cất cao hướng ra biển Đông. Thời ấy, biển còn ăn sâu trong đất liền, cửa Thần Phù nổi tiếng linh thiêng, kỳ thoại: “*Lênh đênh qua cửa Thần Phù/ Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm*” (ca dao). Nguyễn Trãi một lần dẫn quân đi thị sát vùng cửa biển, từng cảm thán trước “cửa khẩu Thần Phù”: *Sóng dậy sấm gầm nam lẫn bắc/ Núi liền giáo dựng trước cùng sau*. Trong tưởng tượng của người xưa, giữa chốn mây trời hùng vĩ đó, nếu gặp lúc bình minh thì nơi ấy chính là chốn Bồng Lai. Chàng Từ Thức đến đó như lạc vào cõi tiên. Dễ hiểu tại sao người xưa tưởng tượng nơi ấy là chốn quân tiên hội ngộ, là hang động thứ sáu trong ba mươi sáu hang động của Phù Lai. Động Từ Thức ngày nay vẫn còn dấu tích của nàng Giáng Hương, bàn cờ tiên, suối tiên, kho vàng, kho bạc, công trời v.v... Đến động Từ Thức, đứng trước cửa hang, phóng tầm mắt bao quát cả một vùng cảnh quan, du khách không khỏi chạnh lòng ngẫm về câu chuyện cổ, chính nơi này đây, chàng Từ Thức đã gặp tiên và câu chuyện tình trần tiên trộn lẫn vui buồn khắc khoải ấy vẫn là một bí ẩn trong tiềm thức muôn đời.

Từ Thức gặp tiên - truyện tình liêu trai, chiều sâu triết lý

Chuyện kể rằng chàng Từ Thức một lần dừng chân ở động Bích Đào đã được dẫn lối vào một mê cung. Hóa ra đây là động tiên, chàng gặp lại thiếu nữ xinh đẹp đã được chàng giải cứu do nàng sơ ý làm gãy cành hoa nhà chùa. Chàng Từ Thức chuộc lỗi cho cô gái, hành động và cốt cách của chàng đã chinh phục trái tim người đẹp. Không ngờ cô gái lại là tiên nữ giáng trần, mối tình lương duyên trần - tiên đã khiến chàng Từ Thức có cơ may sống ở cõi tiên.

Song chỉ ít lâu ở tiên giới, chàng Từ Thức thấy nhớ nhà, nhớ quê, chàng ngỏ lời với tiên nữ Giáng Hương, vợ chàng, muốn được trở về hạ giới thăm nhà. Nhưng luật trời đã ban, chàng đã thuộc về cõi tiên, nếu trở về trần, chàng sẽ mất hết những gì đang có. Từ Thức đã chọn con đường trở về trần gian. Nhưng khi trở về trần gian thì mọi việc đã hoàn toàn đổi khác, hóa ra một năm trên thượng giới bằng cả trăm năm dưới trần. Chàng Từ Thức thanh xuân trên thượng giới nay trở về trần bỗng chốc biến thành một ông cụ lụ khụ râu tóc bạc phơ. Cha mẹ đã mất, cảnh cũ không còn, chẳng ai biết chàng, Từ Thức trở nên xa lạ ngay ở chính quê hương mình.

Trong kho tàng truyện cổ của Việt Nam, truyện *Từ Thức* có lẽ là truyện cổ duy nhất không có dị bản (không bị địa phương hóa không gian, không bị thay đổi tình tiết chính hoặc tên nhân vật). Đây phải chăng là điều “bất thường” đối với một tác phẩm dân gian. Lý giải điều này, theo chúng tôi, có lẽ chính bởi sắc thái duy lý đậm nét từ nội dung cho đến kết cấu. Duy lý không phải là đặc điểm thói quen của tâm lý người Việt. Người Việt thiên về duy cảm, truyện cổ của người Việt thường kết thúc có hậu để đáp ứng nhu cầu động viên, chia sẻ, hòa giải của một dân tộc vốn có tính cộng đồng rất cao. Tính duy lý của truyện *Từ Thức* là chiều sâu triết học dưới lớp vỏ ngữ nghĩa. Vì vậy, dù không có dị bản nhưng truyện cổ này vẫn được truyền tụng và phổ biến rộng rãi.

Những triết lý thuần hậu và sâu sắc, in đậm dấu ấn tính cách và tâm hồn Việt: chuyện chàng Từ Thức được sống ở cõi tiên, bên cạnh người tiên mà vẫn nhớ quê nhà, nhớ cõi trần đến mức khăng khăng dứt áo ra đi chứng tỏ sức mạnh của môi trường quen thuộc, môi trường ấy ta vẫn quen gọi là nơi chôn rau cắt rốn, là quê nhà. Trong tâm thức người Việt, môi trường cũng đã trở thành máu thịt, căn cốt góp phần hình thành nên tâm hồn và tính cách Việt. Chàng trai trong câu ca dao xưa: *Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương*. Những thứ đậm sâu trong tâm trí chàng trai không phải là cái độc đáo, đặc biệt mà là cái rất đời quen thuộc, gần gũi. Từ Thức trong truyện cổ cũng vậy. Chàng là một tâm hồn thuần Việt. Cõi tiên chỉ hấp dẫn ban đầu, hạnh phúc bên cạnh người đẹp, cuộc sống vật chất đầy đủ mà không níu giữ được chân chàng trai. Bởi tất cả những thứ ấy vẫn ở bên ngoài chàng. Chàng là người của cõi trần nên không thể hòa nhập với cõi tiên xa lạ. Đường như chàng chỉ coi đó là một chốn ngao du. Phải chăng đây là lý do quan trọng nhất khiến chàng “nhớ nhà”, nhớ môi trường quen thuộc và muốn trở về trần. Triết lý và cũng là bài học thứ nhất cho những ai muốn tìm hạnh phúc nơi “xứ người”. Xứ sở mà chàng Từ Thức đã đặt chân tới thực sự đã là cõi tiên - miền cực lạc. Thế mà chàng vẫn không tìm thấy hạnh phúc đích thực, không tìm thấy sự yên ổn cho bến đậu hạnh phúc. Có phải vì môi trường tiên giới ấy không thuộc về chàng, chàng thấy lạc lõng, xa lạ và tiềm thức đã thôi thúc chàng trở về nguồn cội. Ở tình tiết này, có thể thấy một triết lý nữa về hạnh phúc. Với Từ Thức, hạnh phúc quả không phải chỉ ở sự đầy đủ về vật chất, mà còn ở thứ khác quan trọng hơn là sự tự do. Tự do, cho dù là tự do nơi trần thế vẫn ngàn lần quý hơn cuộc sống đầy đủ nơi tiên giới mà mất tự do. Không phải ngẫu nhiên khi phải đặt trước sự lựa chọn, Từ Thức đã quyết chọn con đường trở về trần.

Song, cái giá phải trả cũng không ít. Lần thứ hai, Từ Thức bị lạc lõng. Từ Thức đã “đánh mất mình” khi chối bỏ cuộc sống nơi trần thế để đến với cõi Tiên. Cõi Tiên là một thế giới hoàn toàn khác với thế giới cõi Trần. Người ta chỉ có thể thuộc một trong hai đối cực “Trần” hay “Tiên”. Khi anh đã chối bỏ bên này thì anh đã thuộc về phía bên kia. Từ Thức không được đón nhận ở thế giới cõi trần vì chàng đã từ bỏ nó để tìm đến một thế giới khác. Không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông. Cái gì đã đi qua không thể lấy lại, Từ Thức rơi vào bi kịch của một con người không biết bằng lòng với cuộc sống của mình đang có, không tự bằng lòng với chính mình. Phải chăng đây là căn bệnh của loài người. Một căn bệnh đã được đúc kết thành một mệnh đề khúc chiết: được voi đòi tiên, và kỳ diệu thay, trí tuệ dân gian đã xây dựng triết lý nhân sinh này thành một chuyện tình lãng mạn nhuộm màu bi thương. Câu ca dao dưới đây dường như đồng nghĩa với quan niệm ấy:

*Trách chàng Từ Thức vụng suy
Đã lên cõi Phật về chi cõi trần*

Song, dường như chưa hết ý nghĩa trong câu chuyện “chàng Từ Thức vụng suy” kia. Nhìn từ góc độ tổng thể, sẽ thấy một thông điệp khác. Truyện Từ Thức có kết cấu hai phần rất rõ: phần một gọi là phần “Từ Thức gặp tiên”, phần hai là “bi kịch Từ Thức”. Phần một tương ứng với ý nghĩa sẽ thể hiện ước mơ khát vọng về cuộc sống lý tưởng và phần hai tương ứng với ý nghĩa bi kịch thực tế. Như vậy bi kịch Từ Thức là bi kịch của lãng mạn cuộc sống, nó làm cho cuộc sống trở nên thi vị, hấp dẫn hơn, nó khiến người ta lạc quan hơn, vì vậy, nó không thể thiếu. Song nếu chỉ sống với cái phần lãng mạn, mà quay lưng với thực tại thì đến một lúc nào đó anh sẽ rơi vào khoảng không bế tắc, vào ngõ cụt của bi kịch nhận thức: ta là ai? Chàng Từ Thức gặp tiên là mơ ước lãng mạn. Đó là phần bay bổng của cuộc sống. (Tâm lý chung của người Việt hình như thích nửa đầu này của truyện, bằng chứng là phần này được truyền tụng nhiều hơn). Người ta còn ưu ái lấy phần nội dung này để đặt tên cho truyện: *Từ Thức gặp tiên*, hoặc *Từ Thức tiên hôn*. Song, như ta đã thấy, trí tuệ dân gian đã không dừng câu chuyện ở đây mà tiếp tục xây dựng phần hai, phần “bi kịch Từ Thức” để hoàn chỉnh triết lý về xung đột mang tính muôn thuở này của loài người: để vượt lên những vất vả khó khăn của cuộc sống hàng ngày, người ta vẫn không thôi mơ ước, khát vọng. Song ước mơ, khát vọng nếu thoát ly hiện thực, không được xây dựng trên nền móng hiện thực và không bám rễ vào hiện thực sẽ sa vào bế tắc hư vô.

VĂN BẢN 3: CHUYỆN NGƯỜI THIẾU PHỤ Ở KHOÁI CHÂU

Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quý, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mới lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền. Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ám được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hòa nhau tiến cử. Khi sắp đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng: – Đường xá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến. Trọng Quý thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng: – Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiến, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chương nghìn trùng, hiềm nghèo giữa đám kinh nghệ, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phần nhật hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê. Sinh không được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng giời khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nói nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị. Bấy giờ có quan tướng quân họ Bạch là cháu họ ngoại của bà Lưu thị muốn lấy Nhị Khanh làm vợ, đem tiền bạc đến khấn cầu. Lưu thị bằng lòng, rồi nhân lúc vắng vẻ, bảo Nhị Khanh rằng: – Nhà nước từ ngày họ Nhuận Hồ tiếm vị, ngày tháng hoang chơi, triều chính đổ nát, họa loạn sẽ xảy ra chỉ trong sớm tối; mà Phùng lang từ ngày ra đi, thắm thoát đã sáu năm nay, tin tức không thông, mất còn chẳng rõ. Lỡ ra gặp lúc rồng tranh hổ chọi, phải khi bướm đại ong cuồng, Tra Lợi mắc vào tay (4), áp Nha không sẵn mặt (5), chỉ e Chương Đài tơ liễu, (6) trôi bay đi đến tận phương nào. Chi bằng bạn lành kén lựa, duyên mới vương xe, lấp những lời giảng gió cột tre, nương dưới bóng tùng quân cao cả. Tội gì mà bơ vơ trơ trọi, sống cái đời sương phụ buồn tênh. Nhị Khanh nghe nói sợ hãi, mất ngủ quên ăn đến hàng tháng. Lưu thị tuy biết chí nàng không chuyển động, nhưng có định lấy lễ nghi để cưỡng ép, hôn kỳ đã sắp sẵn sàng. Nhị Khanh một hôm bảo người bố già rằng: – Chú là người đầy tớ cũ của nhà ta, há không nghĩ đến sự đền đáp ơn đức của người xưa ư? Bố già nói: – Tùy ý mợ muốn sai bảo gì tôi xin hết lòng. Nhị Khanh nói: – Ta sở dĩ nhịn nhục mà sống là vì nghĩ Phùng lang hãy còn; nếu chàng không còn thì ta đã liệu mình chứ quyết không mặc áo xiêm của chồng để đi làm đẹp với người khác. Chú có thể vì ta chịu khó lặn lội vào xứ Nghệ hỏi thăm tin tức cho ta không? Người bố già vâng lời ra đi. Bấy giờ binh lửa rối ren, đường xá hiểm trở, hấn phải lặn lội đến hàng tuần mới vào được đến Nghệ An. Hấn đi hỏi thăm, biết tin Phùng Lập Ngôn đã mất được mấy năm rồi, lại vì con trai hư, nên gia tư đã sạch sành sanh, đáng phàn nàn quá!

Người bố già ghé thuyền lên bờ, vừa vào trong chợ liền gặp ngay Phùng Sinh. Sinh đưa về chỗ ở thì thấy một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống, trừ có mấy thứ như bàn cờ, hũ rượu, chim mồi, chó săn, không còn cái gì đáng giá. Sinh bảo người bố già rằng: – Quan nhà không may, thất lộc đã bốn năm nay rồi. Ta vì binh qua nghèo trở, muốn về không được. Tuy ở chốn quê người đất khách, nhưng hồn mộng không đêm nào không ở bên mình Nhị Khanh. Bèn chọn ngày lên đường về quê. Đến nhà, vợ chồng cũng trông nhau mà khóc. Đêm hôm ấy buồn loạn chung

gối, Sinh ngâm một bài thơ rằng: Ước tích bình sinh nhật, Tăng hài khế hợp nhân. Cảm quân tình thái hậu. Tiểu ngã mệnh chung truân. Biệt quệ phân huê tảo, Trường đình khuyến ẩm tần. Y y sâu lĩnh kiêu, Nhiều nhiều cách phong trần. Cộng ước nhân thiên lý, Tương vương nguyệt bán luân. Xâm tằm nhàn lục tải, Linh tạ trường song thân. Phạ thủy Hoàn sơn hiểu. Hành ca Diễn thủy tân. Đăng lâu Vương Xán lệ, Xách cú Đỗ Lăng cân. Trúc thạch nan y tục. Cầm tôn bất liệu bần. Tha hương lao ký mục, Cổ quốc trọng thương thân. Phóng lãng phi ngô sự, Yêm lưu bệnh thử thân. Ninh tri Bồng Đảo khách, Dao dạt Cẩm Giang lân. Thái Thạch trùng di trạo, Hoàng Cô lưỡng vấn tân. Kỷ niên Vu Giáp mộng, Nhất đán Vũ Lăng xuân. Hồ điệp giao tình cựu, Uyên ương biến thái tân. Khinh huyền Đường Quốc quốc, Mỹ mạn Tống Đông lân. Lục ám oanh thanh sáp, Hồng hy yển tử sân. Hiệp du kim Đỗ Mục, Kỳ ngộ cổ Lưu Thần. Ngâm vịnh liêu tùy hứng, Phong lưu khăng nhượng nhân. Hội ưng truyền thắng sự, Mệnh bút ký Chu Tàn.

Dịch:

Nhớ từ năm hãy gây thơ
 Đôi ta sớm đã xe dây Tấn Tàn
 Tình em thấm đượm vô ngần
 Số anh riêng lắm gian truân cũng kỳ.
 Chia tay một sớm ra đi,
 Trường đình chén rượu phân ly rước mời.
 Sầu treo đỉnh núi chơi vơi,
 Mịt mù gió bụi cách vời xa xăm.
 Bắc Nam nghìn dặm âm thầm,
 Trăng cài nửa mảnh dăm dăm bên trời.
 Sáu năm vùn vụt đưa thoi,
 Thông già huyền héo ngâm ngùi nhớ thương.
 Từng khi ngủ dưới Đèo Ngang,
 Từng khi bến Diên (7) ngâm vang điệu sầu.
 Lệ tuôn, Vương Xán lên lầu, (8)
 Sầu ôm, Đỗ Phủ ngâm câu cảm hoài, (9)
 Rượu đàn trúc đá ham chơi,
 Càng nghèo càng cảm thấy đời bẽ tha.
 Mắt mòn trông ngóng quê nhà,
 Lòng đau nghĩ nỗi phương xa lạc loài.
 Người mà đến thế thì thôi,
 Đời phiên lãng chỉ là đời bỏ đi.
 Hay đâu tin đến bất kỳ, (10)
 Người tiên còn vẫn yêu vì chưa thôi.
 Bến tiên khách lại trùng lai,
 Mộng say Đinh Giáp, xuân tươi Nguồn Đào. (11)
 Uyên bơi bướm giỡn xôn xao,
 Vẽ nào chẳng đượm, nét vào chẳng ưa!
 Đây vườn lục rậm hồng thừa,
 Con oanh cái én ơ hờ nhớ xuân.
 Duyên may Đỗ Mục, Lưu Thần,
 Thú Phong Lưu dễ nhượng phần cho ai.
 Việc nên truyền lại lâu dài,
 Bút hoa mượn thảo mấy lời vân vân.

Hai người vì xa cách nhau lâu, nên nay tình ái bội phần nồng đượm, sự vui sướng không còn phải nói. Song Sinh vì quen thân phóng lãng, thuộc tính chơi bời, về nhà ít lâu rồi nét cũ lại dẫu đóng đầy, hằng ngày cùng người lái buôn là Đỗ Tam bẽ tha lâu lổ. Sinh thì thích Đỗ có tiền nhiều. Đỗ thì ham Sinh có vợ đẹp. Nhưng khi uống rượu với nhau rồi đánh bạc, Đỗ thường lấy

lợi dử Sinh. Sinh đánh lần nào cũng được, thấy kiếm tiền dễ như thò tay vào túi mình lấy đồ vật vậy. Nhị Khanh vẫn răn bảo rằng: – Những người lái buôn phần nhiều là giáo quyệt, đừng nên chơi thân với họ; ban đầu tuy họ thả cho mình được, nhưng rồi họ sẽ vét hết của mình cho mà xem. Sinh không nghe. Một hôm Sinh cùng các bè bạn họp nhau đánh tứ sắc. Đồ bỏ ra trăm vạn đồng tiền để đánh và đòi Sinh đánh bằng Nhị Khanh. Trọng Quỳnh quen mui vẫn được luôn, chẳng suy nghĩ gì, liền bằng lòng cách ấy. Giấy giao kèo viết xong rồi vừa uống rượu vừa gieo quân. Trọng Quỳnh gieo ba lần đều thua cả ba, sắc mặt tái mét; cử tọa cũng đều ngơ ngác buồn rầu hộ. Trọng Quỳnh phải cho gọi Nhị Khanh đến, bảo rõ thực tình, đưa tờ giao kèo cho xem và yên ủi rằng: – Tôi vì nổi nghèo nó bó buộc, để lụy đến nàng. Việc đã đến thế này, hối lại cũng không kịp nữa. Thôi thì bi hoan tán tụ cũng là việc thường của người ta. Nàng nên tạm về với người mới, khéo chiều chuộng hấn, rồi bất nhật tôi sẽ đem tiền đến chuộc. Nàng liệu cơ không thể thoát khỏi, giả vờ nói tử tế rằng: – Bỏ nghèo theo giàu, thiếp lẽ đâu từ chối. Số giờ xếp đặt, há chẳng là tiền định hay sao! Nếu chồng mới không nỡ rẻ bỏ, còn đoái thu đến cái dong nhan tàn tạ này, thiếp xin sửa túi nâng khăn, hết lòng hầu hạ như đã đối với chàng xưa nay. Nhưng xin cho uống một chén rượu, mượn làm một chén tiễn biệt và cho về từ giã các con một chút. Đồ cả mừng, rót đầy một chén xà cừ rượu đưa mời nàng uống. Uống xong, nàng về nhà ôm lấy hai con, vỗ vào lưng mà bảo rằng: – Cha con bạc tình, mẹ đau buồn lắm. Biệt ly là việc thường thiên hạ, một cái chết với mẹ có khó khăn gì. Nhưng mẹ chỉ nghĩ thương các con mà thôi. Nói xong, lấy đoạn dây tơ thắt cổ mà chết. Đồ thấy mãi nàng không đến, lấy làm lạ, sai người đến giục, té ra nàng đã chết rồi. Trọng Quỳnh hối hận vô cùng, sắm đồ liệm táng tử tế rồi làm một bài văn tế rằng:

Hồi ơi nương tử!
 Khuê nghi đáng bậc,
 Hiền đức vẹn mười.
 Tinh thần nhã đạm,
 Dáng điệu xinh tươi.
 Khi về với ta,
 Vợ chồng thân thiết.
 Ai biết giữa đường,
 Phút nên ly biệt.
 Cha làm quan xa,
 Ta theo hầu hạ.
 Trải sáu năm dư,
 Bật tin nhận cá.
 Buồng xuân trướng lạnh.
 Hạc oán vườn sâu.
 Than ôi đường trước,
 Gieo neo đến đâu!
 Bên gò góc bể,
 Nệm khách lẻ loi.
 Tin nhà chợt đến,
 Ngựa về quất roi,
 Sắt cầm diu dặt,
 Lại gấn keo loan.
 Vừa vui sum họp,
 Phút bỗng lìa tan.
 Ta sao bạc quá!
 Nàng đáng thương thay!
 Nói năng gì nữa,
 Đã đến nỗi này.
 Hoa bay trước viện,

Quế rụng giữa trời.
 Phù dung ủ rũ,
 Dương liễu tả tơi.
 Phong cảnh còn đây,
 Người đã xa chơi.
 Lấy gì độ em?
 Một lễ lên chùa.
 Lấy gì khuây em?
 Duyên sau đền bù.
 Non mòn bể cạn,
 Mối hận khôn khuây.
 Hồi ôi nương tử,
 Hâm hưởng lễ này. (13)

Trọng Quỳnh đã góa vợ, rất ăn năn tội lỗi của mình, song sinh kế ngày một cùng quẫn, ăn bữa sớm lo bữa tối, phải đi vay quanh của mọi người làng xóm. Nhân nghĩ có một người bạn cũ, hiện làm quan ở Quy Hóa, (14) bèn tìm đến để mong nhờ vả. Dọc đường buồn ngủ, chàng nằm ghé xuống ngủ ở gốc cây bàng, bỗng nghe trên không có tiếng gọi rằng: “Có phải Phùng lang đây không? Nếu còn nghĩ đến tình xưa thì ngày ấy tháng ấy xin đến chờ thiếp ở cửa đền Trưng Vương (15). Ân tình thiết tha, đừng coi là âm dương cách trở”. Sinh lấy làm lạ tiếng giống như tiếng Nhị Khanh, mở mắt ra nhìn thì chỉ thấy trên trời một đám mây đen bay về tây bắc. Sinh tuy rất lấy làm ngờ nhưng cũng muốn thử xem ra sao, bèn đứng hẹn đến trước đền ấy. Song đến nơi chỉ thấy bóng tà rọi cửa, rêu biếc đầy sân, năm ba tiếng quạ kêu ở trên cành cây xao xác. Sinh buồn rầu toan về thì mặt trời đã lặn, bèn ngả mình nằm ở một tấm ván nát trên một cái cầu. Khoảng cuối canh ba, bỗng nghe thấy tiếng khóc nức nở từ xa rồi gần; khi thấy tiếng khóc chỉ còn cách mình độ nửa trượng, nhìn kỹ thì người khóc chính là Nhị Khanh. Nàng bảo với Sinh rằng: – Đa tạ ơn chàng, từ xa lặn lội tới đây, biết lấy gì để tặng chàng được! Trọng Quỳnh chỉ tự nhận tội lỗi của mình; nhân hỏi đầu đuôi, Nhị Khanh nói: – Thiếp sau khi mất đi, Thượng đế thương là oan uổng bèn ra ân chỉ, hiện thiếp được lệ thuộc vào tòa đền này, coi giữ về những số văn tấu đối, không lúc nào nhàn rỗi để thăm nhau được. Bữa nọ nhận đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi; nếu không thì nghìn thu dằng dặc, chẳng biết đến bao giờ được gặp gỡ nhau. Trọng Quỳnh nói: – Sao em đến chậm thế? Nhị Khanh nói: – Vừa rồi thiếp nhân theo xe mây, lên có việc ở nơi Đế sở. Vì có có chàng nên thiếp đã phải bẩm xin về trước đây; thành ra cũng sai hẹn với chàng một chút. Bèn dắt tay nhau đi nằm, cùng nhau chuyện trò thủ thủ. Khi nói đến việc hiện thời, Nhị Khanh chau mày: – Thiếp thường theo châu tả hữu Đức Bà ở đây, được trộm nghe chư tiên nói chuyện với nhau, bảo Hồ triều sẽ hết vào năm Bình tuất, (16) binh cách nổi lớn, số người bị giết tróc đến chừng hơn 20 vạn, ấy là chưa kể số bị bắt cướp đi. Nếu không phải người giống cây đức đã sâu thì chỉ e ngọc đá đều bị cháy cả. Bấy giờ có một vị chân nhân họ Lê, từ miền tây nam xuất hiện; chàng nên khuyên hai con bèn chỉ đi theo vị ấy, thiếp dù chết cũng không nát. Trời gần sáng, Nhị Khanh vội dậy để cáo biệt, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn lại, rồi thoát chốc thì biến đi mất. Trọng Quỳnh bèn không lấy ai nữa, chăm chỉ nuôi hai con cho nên người. Đến khi vua Lê Thái Tổ tuốt gươm đứng dậy ở Lam Sơn, hai người con trai đều đi theo, trải làm đến chức Nhập thị nội.

Đến nay ở Khoái Châu hiện còn con cháu.

Lời bình: Than ôi, người con gái có ba đạo theo, theo chồng là một. Nàng Nhị Khanh chết, có quả là đã theo chồng không? Thưa rằng không. Đời xưa bảo theo, là theo chính nghĩa chứ không theo tà dục. Chết hợp với nghĩa, có hại gì cho cái đạo theo. Theo nghĩa tức là theo chồng đó. Có người vợ như thế mà để cho phải hàm oan. Trọng Quỳnh thật là tuồng chó lợn. Muốn tề được nhà, phải trước tự sửa mình lấy chính, khiến cho không thẹn với vợ con, ấy là không thẹn với trời đất.

Chú thích:

(1)

huyện, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

(2) Đông Quan: tên gọi Thăng Long dưới thời thuộc Minh.

(3) Duyên Châu Trần: Trung Quốc thời cổ ở huyện Phong thuộc Từ Châu có thôn Châu Trần. Trong thôn chỉ có hai họ Châu Trần đời đời kết hôn với nhau, vì thế trong văn chương Châu Trần thành điển cố để nói về chuyện hôn nhân.

(4) Tra lợi: Hàn Hoành có tài thi phú, làm quan dưới thời vua Đức Tông nhà Đường. Thừa hân vì có người hiệp sĩ là Lý Sinh đem vợ lẽ yêu và đẹp là Liễu Thị tặng cho, lại giúp cho một số tiền lớn. Sau gặp loạn vợ chồng mỗi người mỗi nơi, Liễu Thị giữ tiết với chồng cắt tóc đi tu ở chùa Pháp Linh. Khi hết loạn, Hoành thuê người đi tìm, có bài thơ rằng: “Chương đài liễu! Tích nhật thanh thanh Kim tại Phủ? Túng sử trường điền tự cự thù, Dĩ ưng phan thiết tha nhân thủ! Nghĩa là: Chương đài liễu xanh xanh ngày trước, Nay còn chẳng tha thướt ẻo oai? Vĩ còn tha thướt cảnh dài, Bể vin chắc đã tay ai khỏi nào! Liễu được thơ cũng làm một bài đáp lại. Nhưng khi Hàn về thì Liễu đã bị tướng Phiên là Sa Tra Lợi bắt đi. Hiệp khách Hứa Tuấn thương Hoành đột nhập vào phủ tướng Phiên cướp được Liễu Thị đem về trả cho Hoành. Hai người lại được đoàn viên.

(5) Đồi Đường, Lưu Vô Song là vợ chưa cưới của Vương Tiên Khách. Gặp loạn, nàng bị bắt vào cung. Tiên Khách nhờ được nghĩa sĩ Cổ áp Nha dùng kế đưa thuốc vào cho Vô Song. Uống xong nàng chết. áp Nha giả làm người thân xin chuộc xác nàng mang ra. Đến ngoài, thuốc nhạt, nàng tỉnh lại, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

(6) Xem chú thích (4) cùng chuyện.

(7) Bến Diên: có lẽ là một bến sông thuộc Nghệ An.

(8) Vương Xán: tên tự là Trọng Tuyên, người thời Tam quốc, chạy loạn Đông Trác, nương náu tại nhà Lưu Biểu chốn Kinh Châu; Xán thường lên lầu làm bài phú đề tỏ nỗi nhớ nhà.

(9) Đỗ Phủ (712-770): hiệu là Thiếu Lăng, là một nhà thơ lớn đời Đường, có Đỗ Lăng tập.

(10) Từ câu này đến cuối bài thơ dịch giả tóm tắt, cốt giữ ý và thần câu thơ, không dịch sát nguyên văn. Vì thấy tứ thơ vẫn được giữ đầy đủ nên chúng tôi không hiệu chỉnh.

(11) Đinh giáp: Tức Vu Giáp, theo bài Cao đường phú của Tống Ngọc, giữa đầm Vân Mộng có quán Cao Đường. Tại đây Sở Hoài Vương ngủ ngày chiêm bao thấy thần nữ đến hầu chầu gối. Hỏi thì nàng nói là thần nữ núi Vu Sơn, sớm làm mây tối làm mưa ở chốn Dương Đài. Sau trong văn học, Vu Sơn, Vu Giáp, Cao Đường thường dùng làm điển để biểu đạt chuyện chầu gối ái ân trai gái.

Nguồn đào: Theo Đào hoa nguyên ký của Đào Tiễn thì có người đánh cá ở Vũ Lăng theo suối lạc vào rừng đào. ở đây chàng gặp một thôn xóm thanh bình, hỏi thì được biết họ là những người lánh nạn nhà Tần vào trú ngụ. Nguồn đào đây chỉ xóm tiên.

(12) Đỗ Mục: xem chú thích (23), Câu chuyện ở đền Hạng Vương. Lưu Thân: Lưu Thân và Nguyễn Triệu người đời Hán, khoảng đầu công nguyên vào núi hái thuốc, lạc đến động tiên, được kết duyên cùng tiên nữ. Được nửa năm, hai người nhớ nhà đòi về. Nhưng đến nhà thì không còn ai quen biết, đã qua bảy đời từ khi hai chàng ra đi. Hai chàng buồn rầu muốn trở lại cõi tiên nhưng không tìm thấy lối cũ đâu nữa.

(13) Bài này lược phần phiên âm.

(14) Quy Hóa: nguyên chú “thuộc xứ Hưng Hóa”, nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

(15) Đền Trung Vương: nguyên chú “tại xã Hát Giang, huyện Phú Lộc”, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

(16) Bính tuất: Năm này ở đây là 1406.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Từ Đạt ở Khoái Châu, lên làm quan tại thành Đông Quan thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quý, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt

soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mới lái, định kỳ cưới hỏi. Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền. Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ám được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghét Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắp đi phó nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng: - Đường xá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.

(Trích Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn, 2018, tr.14-15)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

Câu 2: Nhân vật Từ Đạt được nhắc tới trong đoạn trích là người như thế nào?

Nhân vật Từ Đạt là người: nghèo, tiết kiệm, biết giữ lễ.

Câu 3: Theo đoạn trích, Nhị Khanh có cách ứng xử như thế nào để được khen là người nội trợ hiền?

Cách ứng xử của Nhị Khanh:

- + khéo biết cư xử với họ hàng
- + rất hòa mục
- + thờ chồng rất cung thuận

Câu 4: Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quý khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ như thế nào?

Việc Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quý khi chàng chơi bời lêu lổng cho thấy nàng là người vợ:

- + có trách nhiệm với chồng
- + có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc.

Câu 5: Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm gì?

Cách giới thiệu nhân vật của truyện trong đoạn mở đầu có đặc điểm: giới thiệu trực tiếp về nhân vật (Tên, quê quán, chức tước, nghề nghiệp, tính cách...)

Câu 6: Qua nhân vật Nhị Khanh, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

Suy nghĩ về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam:

- + Dịu dàng, nhân hậu.
- + Đảm đang, tháo vát.
- + Thương chồng, thương con, giàu đức hi sinh.
- + Luôn có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc...

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới

Từ Đạt ở Khoái Châu, (1) lên làm quan tại thành Đông Quan (2) thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy nghĩa mà chơi bời đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quý, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mới lái, định kỳ cưới hỏi.

Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền. Trọng Quỳnh lớn lên, dần sinh ra chơi bời lêu lổng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn.

Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ẩm được bổ làm một chức ở phủ Kiên Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử.

Khi sắp đi phò nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng: – Đường xá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến. Trọng Quỳnh thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng: – Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiến, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chướng nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kinh nghệ, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm săn sóc, không kể đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phấn nhật hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê. Sinh không được được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng gười khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nói nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị.

Câu 1: Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

Nhân vật chính trong đoạn trích là Nhị Khanh.

Câu 2: Đoạn trích sau sử dụng cách dẫn nào? Chỉ rõ dấu hiệu nhận biết.

“Khi sắp đi phò nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

Đường xá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi

sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.”

Đoạn trích đã sử dụng cách dẫn trực tiếp. Dấu hiệu nhận biết là việc trích dẫn lời nói của Phùng Lập Ngôn bằng cách sử dụng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm.

Câu 3: Vì sao Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳnh khi chàng hay chơi bời lêu lổng?

Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quỳnh khi chàng hay chơi bời lêu lổng vì cô biết rằng nếu Trọng Quỳnh tiếp tục theo đuổi cuộc sống vui chơi, lêu lổng thì sẽ gặp khó khăn và nguy hiểm, và cô không muốn chàng phải đối mặt với những khó khăn đó.

Câu 4: Em rút ra bài học gì qua lời khuyên chồng của Nhị Khanh ở cuối đoạn trích?

Bài học mà ta có thể rút ra từ lời khuyên chồng của Nhị Khanh ở cuối đoạn trích là sự quan tâm và lo lắng của một người vợ cho chồng. Cô không chỉ quan tâm đến việc chồng mình có thể gặp nguy hiểm trong cuộc sống, mà còn lo lắng cho danh dự và hiếu thảo của gia đình.

VĂN BẢN 4: HÒN TRƯƠNG BA DA HÀNG THỊT (Nguyễn Dữ)

Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung-quốc. Buổi ấy ở Trung-quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người đo tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vô đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cười mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như

đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỳ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỳ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xóa, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: - "Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi". Đế Thích cười bảo: - "Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết". Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khản khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: - "Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống". Nói đoạn, cười mây bay về trời.

Từ đó, Trương Ba thỉnh thoảng lại dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc. Nhưng một hôm Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa. Thấy có nén nhang dất ở mái nhà, chị ta vô tình lấy xuống đốt lên cắm trước bàn thờ chồng. Ở thiên đình, thần Đế Thích nhận được tin bằng mùi hương bèn xuống ngay. Thấy vắng mặt Trương Ba, Đế Thích ngạc nhiên:

- Trương Ba đâu?

Vợ Trương Ba sụt sùi:

- Nhà tôi chết đã gần một tháng nay rồi!

- Chết rồi, sao lúc mới tắt nghỉ không gọi ta xuống liền, để đến bây giờ còn làm thế nào được nữa.

Suy nghĩ một chốc, Đế Thích lại hỏi thêm:

- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?

Vợ Trương Ba đáp:

- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua. Thần Đế Thích bảo chị ta dẫn mình đến nhà người hàng thịt rồi bảo nhỏ với chị: - "Ta sẽ kiếm cách làm cho chồng nhà ngươi sống lại". Nói xong thần hóa phép rồi trở về trời.

Nói chuyện trong nhà người hàng thịt lúc đó, mọi người đang xúm quanh linh sàng khóc lóc kể lể thì tự nhiên thấy người chết ngồi nhóm dậy. Hắn ta vát tất cả mọi đồ khâm liệm rồi chẳng nói chẳng rằng đi thẳng một mạch về nhà Trương Ba. Vợ Trương Ba thấy người hàng thịt biết là thần Đế Thích đã làm cho chồng mình sống lại, mừng rỡ đón vào. Giữa lúc đó thì vợ con người hàng thịt cũng chạy theo níu lấy chồng. Nhưng không những họ bị vợ Trương Ba giằng lại, mà ngay chính chồng họ cũng nhất định không chịu về. Đôi bên cãi cọ nhau cuối cùng biến thành một cuộc đấu khẩu rất kịch liệt. Xóm làng không biết phân xử ra sao, đành đem việc đó lên quan.

Quan cho đòi các nhà hàng xóm tới hỏi cung thì ai cũng bảo người sống lại đó là anh hàng thịt. Nhưng chỉ có vợ Trương Ba thì nhất định nhận là chồng mình. Quan hỏi: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo đánh cờ mà thôi". Quan lại hỏi vợ người hàng thịt: - "Chồng chị ngày thường làm nghề gì?". Đáp: - "Chồng tôi chỉ thạo nghề mổ lợn".

Nghe đoạn, quan sai đem một con lợn vào công đường cho anh hàng thịt mổ, nhưng anh ta lúng túng không biết làm thế nào cả. Quan lại sai mấy người giỏi cờ vào tỷ thí với người hàng thịt thì không ngờ con người đó đi những nước cờ rất cao không ai địch nổi. Quan bèn phán cho về nhà Trương Ba.

Vì thế mới có câu Hồn Trương Ba, da hàng thịt[1].

KHẢO DỊ

Một dị bản vốn gốc từ thần tích kể rằng: Trương Ba là nho sĩ người đời nhà Lý, ở làng Liên Hạ (Hải-dương). Trương Ba ở đây không đánh cờ với Kỳ Như mà thường đánh với Trang Ứng Long vốn là bạn cờ. Trong truyện cũng có việc quan thử thách để tìm ra chân lý. Người chết sống lại cũng không mổ được lợn, nhưng lại làm được thơ phú thao thao bất tuyệt, và khi người bạn cờ Trang Ứng Long cùng đánh một ván, thì ông này nhận ra ngay đó chỉ có thể là Trương Ba.

Đoạn kết truyện còn kể: vì thấy vợ người hàng thịt khóc lóc thảm thiết nên Trương Ba tái sinh đã bàn với vợ và khi được vợ ưng thuận, anh ta lấy luôn người đàn bà kia làm vợ lẽ[2].

Trung-quốc cũng có truyện Xác công tử, hồn ông sư:

Một ông sư ở chùa Vạn-phúc tu hành đắc đạo, tuổi hơn 80 mới chết. Hồn sư đi vợ vẫn gặp một công tử con nhà quan đi săn cùng 10 người hầu, bất thành linh ngã ngựa chết. Hồn sư nhập vào xác mới làm cho xác sống lại. Bọn người hầu tưởng chủ tỉnh lại, chạy tới chăm sóc, nhưng sư ta trừng mắt hỏi: - "Làm sao ta lại ở đây?". Người ta đưa về nhà công tử. Ai đến thăm cũng niệm: - "Nam mô a di đà phật, làm sao ta lại đến đây?". Người ta đưa cơm cho thì ăn, còn thịt thì không đụng đến. Đêm ngủ một mình, hề thấy bóng đàn bà đến gần là chạy. Cả nhà ngạc nhiên tưởng công tử hóa điên.

Được ba ngày sau, sư ta đi bách bộ ra ngoài hỏi thăm chùa Vạn-phúc, tìm đến, nói mình vốn là hòa thượng ở chùa này. Các sư tiểu trong chùa cho là nói đùa, nhưng sư ta kể lại mọi việc đều phù hợp. Cuối cùng ở lại chùa tu hành như cũ[3].

[1] Theo Vũ Nguyên Hanh, sách đã dẫn. Ở Sứ Nam chí dị thì chép: Hồn phách Trương Ba, xương da hàng thịt.

[2] Theo Sê-ông (Chéon). Suu tập những bài mới.

[3] Theo Bồ Tùng Linh, Liêu trai chí dị.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc và trả lời câu hỏi bằng cách chọn một đáp án đúng nhất.

Câu 1. Tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* thuộc thể loại:

- A. Truyện truyền kỳ
- B. Truyện ngắn
- C. Truyện vừa
- D. Tiểu thuyết

Câu 2. Xác định nhân vật người kể chuyện trong bản kể trên?

- A. Đế Thích
- B. Trương Ba
- C. Hàng thịt
- D. Người kể chuyện giấu mặt

Câu 3. Nguyên nhân nào khiến Trương Ba chết?

- A. Do Trương Ba bị cái chết mang đi một cách đột ngột
- B. Do sự tặc trách của Nam Tào khiến Trương Ba bị chết nhầm
- C. Do sự tặc trách của Đế Thích khiến Trương Ba bị chết nhầm
- D. Do sự tặc trách của Bắc Đẩu khiến Trương Ba bị chết nhầm

Câu 4. Điều gì khiến Trương Ba được sống lại?

- A. Do ông ta sống tốt.
- B. Do ông ta quen Đế Thích.
- C. Do Diêm Vương thấy Trương Ba chưa đến số chết.
- D. Do Đế Thích cho hồn Trương Ba nhập vào xác hàng thịt.

Câu 5. Tại sao Đế Thích lại để hồn Trương Ba nhập vào xác của hàng thịt?

- A. Vì xác Trương Ba đã không còn.
- B. Vì xác hàng thịt vừa chết còn nguyên vẹn.
- C. Vì hồn Trương Ba nhập nhầm vào xác hàng thịt.
- D. Do Đế Thích tặc trách khiến cho hồn Trương Ba nhập vào xác hàng thịt.

Câu 6. Vì muốn sao sau khi hàng thịt sống dậy lại chạy một mạch về nhà Trương Ba?

- A. Do hồn Trương Ba ở nằm trong xác hàng thịt.
- B. Do hàng thịt thích vợ Trương Ba.
- C. Do Đế Thích bảo Hàng thịt sang nhà Trương Ba ở.
- D. Vì cả 3 lí do trên.

Câu 7. Theo bản kể trên vì sao sau khi hàng thịt sống dậy tất cả phải đến nhờ quan phân xử?

- A. Vì hàng thịt sau khi sống dậy nhất định về nhà Trương Ba ở.
- B. Vì hàng thịt sau khi sống dậy liền về nhà Trương Ba chơi đánh cờ với Đế Thích.
- C. Do Đế Thích bảo Hàng thịt sang nhà Trương Ba ở.
- D. Vì hai bà vợ giằng co không ai nhường ai.

Câu 8. Quan đã làm thế nào để nhận ra đó là Trương Ba hay hàng thịt?

- A. Cho hàng thịt đánh bạc.
- B. Cho hàng thịt đánh cờ.
- C. Cho hàng thịt mổ lợn.
- D. Không làm gì cả.

Câu 9. Điều gì khiến mọi người đều khẳng định Trương Ba là hàng thịt?

- A. Vì Trương Ba mang thể xác của hàng thịt.
- B. Trương Ba biết mổ lợn.
- C. Vì vợ hàng thịt nhận đúng chồng mình.
- D. Cả ba đáp án trên đều sai.

Câu 10. Tại sao vợ Trương Ba lại một mực khẳng định hàng thịt là chồng mình?

- A. Vì Trương Ba mang thể xác của hàng thịt.
- B. Vì Trương Ba biết mổ lợn.
- C. Vì vợ Trương Ba biết Đế Thích để hồn chồng mình nhập trong xác hàng thịt.
- D. Vì Hàng thịt biết đánh cờ.

Câu 11. Trong truyện Hồn Trương Ba da hàng thịt, viên quan đã để hàng thịt đến nhà ai ở?

- E. Đến nhà hàng thịt.
- F. Không đến nhà ai ở cả.
- G. Đến nhà Đế Thích ở.
- H. Đến nhà Trương Ba.

Câu 12. Qua truyện Hồn Trương Ba, da hàng thịt, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?

- A. Được sống là điều đáng quý, vì vậy chúng ta phải cố gắng sống bằng mọi giá.
- B. Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hòa giữa thể xác và tâm hồn.
- C. Con người phải luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân mình, chống lại sự dung tục, để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị cao quý.
- D. Đáp án B và C

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 13. Chi tiết sau khi Trương Ba chết, Đế Thích làm cho Trương Ba sống lại cho thấy Đế Thích là người như thế nào? Vì sao em lại suy nghĩ như vậy?

Câu 14. Theo em, việc quan để cho hàng thịt đến nhà Trương Ba ở đoạn cuối như thế có phù hợp không? Vì sao?

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao. Nước cờ của anh chàng không mấy ai trong thiên hạ địch nổi. Bao nhiêu giải cờ trong những hội hè mùa xuân đều về tay anh. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung Quốc. Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí. Hai người độ tài nhau mấy ván liền không phân thua được. Nhưng đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vô đầu suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có hòng gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi trên thiên đình, bỗng nghe câu nói hỗn xược của Trương Ba xúc phạm đến mình, liền cười mây xuống trần định cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh, chợt có một ông cụ già đến ngồi cạnh bàn cờ. Ông cụ thùng thình mách cho Kỵ Như mấy nước. Phút chốc bên Kỵ Như chuyển bại thành thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức

giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Nhưng nhìn thấy ông cụ râu tóc trắng xoá, mặt mũi không có vẻ là người trần, chàng chợt hiểu, liền sụp xuống lạy mà rằng: “Ngài hẳn là thần Đế Thích đây rồi, tôi người trần mắt thịt không biết, xin thứ lỗi”. Đế Thích cười bảo: “Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết”. Trương Ba liền giữ Đế Thích lại mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp cũng rất yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: “Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nắm hương này, mỗi lần cần đến ta thì thả lên một cây, ta sẽ xuống”. Nói đoạn, cười mây bay về trời.

(Nguyễn Đồng Chi, *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*)

Câu 1: Những yếu tố nào giúp em biết đoạn trên đây được trích từ bản kể truyện truyền kỳ?

- Câu mở đầu nói về sự việc xảy ra vào thời quá khứ xa xưa, thời gian không xác định: Ngày xưa...
- Nhân vật được giới thiệu ngay ở câu đầu: Ngày xưa, có một người tên là Trương Ba, người còn trẻ tuổi nhưng đánh cờ tướng rất cao.
- Sự xuất hiện của những yếu tố có tính chất kì ảo (thần cờ Đế Thích trên thiên đình cười mây xuống trần, Đế Thích cười mây về trời).
- Có chi tiết gợi trí tò mò của người đọc, người nghe (lời dặn của Đế Thích khi từ biệt Trương Ba để về thiên đình).

Câu 2: Để đánh dấu lời của các nhân vật trong truyện, đoạn trích đã dùng hình thức trình bày nào?

Trong đoạn trích, người viết văn bản đã dùng hai hình thức trình bày để giúp người đọc nhận ra lời nhân vật:

- Hình thức thứ nhất: Sau lời dẫn của người kể chuyện, dùng dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng, ghi lời của nhân vật.
- Hình thức thứ hai: Sau lời dẫn của người kể chuyện, dùng dấu hai chấm, mở ngoặc kép, ghi lời của nhân vật.

Câu 3: Ở phần sau của truyện, Đế Thích và Trương Ba sẽ còn gặp nhau. Câu nào trong đoạn trích đã hé lộ điều đó?

Để nhận biết khả năng Trương Ba gặp lại Đế Thích ở phần sau của truyện, em cần chú ý chi tiết: Thấy anh chàng khẩn khoản muốn học nước cờ của mình, Đế Thích bảo: “Ta thấy nhờ ngươi có bụng chân thành. Vậy ta cho một nắm hương này, mỗi lần cần đến ta thì thả lên một cây, ta sẽ xuống”. Trong truyện cổ tích, những vật lạ như nắm hương của Đế Thích bao giờ cũng phát huy tác dụng. Và quả đúng như thế. Nếu em đọc hết truyện sẽ biết rằng: Sau này, Trương Ba chết đột ngột, bà vợ dọn dẹp nhà cửa, thấy nắm hương mà Trương Ba đã cất, thả lên trước bàn thờ của chồng, Đế Thích liền bay từ trời xuống hỏi có chuyện gì.

Câu 4: Phân tích tính chất kì ảo của một nhân vật trong đoạn trích.

Trong đoạn trích, tính chất kì ảo được thể hiện ở nhân vật Đế Thích. Đây là nhân vật thần linh (gọi là thần cờ), ngự trên thiên đình, có khả năng nghe được tiếng nói của con người ở hạ giới, có thể cười mây xuống trần, thoát ẩn thoát hiện, có loại hương đặc biệt (tặng Trương Ba một nắm, hễ muốn gặp Đế Thích thì thả lên một cây). Những chi tiết lạ lùng, huyền ảo này hoàn toàn không có thực trong đời sống. Đó là kết quả sự thêu dệt bằng trí tưởng tượng phong phú của dân gian mà thôi.

Câu 5: Nếu phải kể lại đoạn trên bằng lời của một trong các nhân vật đã xuất hiện, em sẽ chọn kể theo lời nhân vật nào? Vì sao?

Trong đoạn trích có ba nhân vật: Trương Ba, Kỵ Như và Đế Thích. Trong đó, Kỵ Như và Đế Thích xuất hiện sau, không biết được tường tận về Trương Ba. Do đó, chọn Trương Ba làm nhân vật kể chuyện là phù hợp nhất.

Câu 6: Dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí”, em hãy đoán nghĩa của từ tỉ thí.

Tỉ thí nếu đứng riêng, có thể em chưa hiểu nghĩa của nó. Nhưng dựa vào các câu “Buổi ấy, ở Trung Quốc có ông Kỵ Như cũng nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang Nam tìm đến tận nhà tỉ thí” ta có cơ sở để đoán tỉ thí là đấu với nhau (ở đây là đánh cờ) để phân định người thắng người thua.

Câu 7: Trong câu “Hai người độ tài nhau mấy ván liền không phân thua được”, em hãy tìm từ khác thay cho từ thua được mà vẫn giữ nguyên nghĩa của câu.

Trong câu “Hai người độ tài nhau mấy ván liền không phân thua được”, từ thua được có thể thay bằng thắng bại hoặc hơn thua. Thay từ như thế, nghĩa của câu vẫn không thay đổi.

VĂN BẢN 5: PHẠM TỬ HƯ LÊN CHƠI THIÊN TÀO (Nguyễn Dữ)

Phạm Tử Hư quê ở Cẩm-giàng, là một người tuấn-sắc hào-mại, không ưa kiếm thức. Theo học nhà xử-sĩ Dương Trạc, Trạc thường răn Tử-Hư về cái tính hay kiêu-căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt.

Khi Dương Trạc chết, các học-trò đều tan đi cả, duy Tử-Hư làm lều ở mà để chầu-chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử-Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, Tử-Hư ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kè lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững-chạc. Tử-Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạc. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạc xua tay nói:

— Giữa đường không phải chỗ nói chuyện; tối mai nên đến đền Trấn-võ ở cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn-huyên một hôm.

Tử-Hư bèn sắm sẵn rượu và thức nhắm, đúng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui-vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

— Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển-hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.

Dương Trạc nói:

— Ta thừa sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn; quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế-quân đây ngài khen là có bụng tốt, tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu linh giá ngài lên châu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử Hư nói:

— Thầy được linh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yếu của con, thầy có được rõ không?

— Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.

— Vậy thế thầy giữ về việc gì?

— Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.

Tử Hư mừng mà rằng:

— Nếu thế thì tiền trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?

— Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu, nét thành thực. Chỉ phải cái hơi còn niên thiếu, anh thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muộn để phải chùn nhụt cái nét ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thế trước của Mông Chính^[1] nhặt hạt cải của Hạ hầu^[2], phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế.

Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dải nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đổi họ để đi học, thay tên để ra thi; hề trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiên bối, chỉ khi ngông ngáo tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dốt dẫn rên cạp, phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Và như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn, thế mà sau ta mất, nghe có người đại vàng mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mộ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.

Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:

— Thừa thầy, ông mỗ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông mỗ làm chức sư tu mà mô phạm không đủ, ông mỗ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông mỗ chăn dân mà dân bị tai hại, ông mỗ chăm văn mà lấy đỗ thiên vị, ông mỗ trị ngục mà buộc tội oan uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mép béo lẻo, đến lúc trù tính, quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngồi trong đám mây mù, thậm đến không noi theo danh, không xét theo thực, không trung với đáng quân thượng, lớn thì làm việc bán nước của Lưu Dự^[3] nhỏ thì làm việc dối vua của Diên Linh^[4]. Bọn ấy sau khi chết, có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?

Trạm cười mà rằng:

— Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh-thang, thừa nhưng chẳng lọt. Chỉ có rằng thời-gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ anh nghe: trong khoảng trời đất báo-ứng luân-hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế-đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa-phủ. Cho nên Nhan Hối lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết làm chức Tu-văn^[5], Vương Bàng ngày thường có nét kiêu-ngoaan mà chết phải máu rây mặt đất^[6]. Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thế mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình-phạt thì quá lạm, tước thưởng thì thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn-hạ cũng cất nhắc lên, đưa hoạt thẳng gian, nhờ đứt-lót mà được thoát khỏi. Anh nên cố-gắng, đừng gieo cái nghiệp-báo ở kiếp sau này.

Tử-Hư nói:

— Cái cửa họa phúc đã được nghe đại-khái. Nhưng nay những người học-trò thường đến đền Đế-quân làm lễ cầu mộng, xin ngài báo ứng cho biết những sự nghiệp về sau. Việc đó có quả thực không?

Trạm cười mà rằng:

— Đáng Đế-quân ngài nuốt nhả nguyên khí, chu-du tám phương, ngày xét giấy tờ, đêm châu Thượng-đế, còn lúc nào rỗi để làm cái việc vụn-vặt ấy. Song những người một lòng chạy sạch thành kính, thì trong lúc bập-bùng, tựa như có thấy. Người đời không hiểu bèn cho là sự thực, thật đáng buồn cười.

— Thừa thầy, nếu thế thì chuyện phóng bảng cửa trời, cũng là câu chuyện truyền ngoa chẳng?

— Không, việc đó thì có thật đấy.

Trạm bèn giơ ra một cuộn giấy phong dán rất kỹ, bảo Tử-Hư rằng:

— Đây là bảng xuân sang năm đây. Ta vâng mệnh Đế-quân, đi tra xét kỹ-lưỡng để giao lên cửa trời biên vào cho đủ. Vì có anh đến chơi đây nên ta chưa đi được.

Dương Trạm lại kể cho Tử-Hư nghe những thú vui ở trên Thiên-tào, hơn ở cõi trần nhiều lắm, và bảo nhà người nên cố-gắng sửa mình chuốt nét, tự-nhiên có ngày được lên ở trên ấy; như ta đây, cũng là một cái duyên may-mắn khác thường. Tử-Hư nói:

— Minh trần vóc tục, còn biết do lối nào mà noi lên được! Chỉ mong theo đòi xe gió, được tạm lên chơi xem một chuyến, chẳng hay thầy có thể giúp cho được không?

— Sự đó cũng không khó. Để ta bấm với đức Đế-quân, đem tên họ anh điền vào.

Bèn lấy bút son viết vào cuối giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử-Hư được theo thầy lên ngôi ở một bên xe, rồi cỗ xe thẳng đường bay lên. Lên đến trên trời, Tử-Hư thấy một khu có những bức tường bạc bao quanh, cái cửa lớn khảm trai lộng-lẫy, hai bên có những tòa

lầu châu điện ngọc, vàng-vặc sáng như ban ngày, sông Ngân bên Sao, ôm-áp lấy đặng sau đặng trước, gió thơm phưng-phức, đượm ngát quanh hiên, hơi lạnh thấu da, ánh sáng chói mắt, trông xuống cõi trần, thấy mọi cảnh-vật đều bé nhỏ tũn-mủn.

Dương Trạm nói:

— Anh có biết đây là đâu không? Tức là kinh Bạch-ngọc ở trên trời mà người đời vẫn thường nói đó. Ở chính giữa kia có một đám mây hồng che phủ, tức là cung Tử-vi của đức Thượng-đế ngài ngự. Anh nên đứng chờ ta ở ngoài cửa thành để ta vào tâu xin cho anh.

Nói rồi Dương Trạm cầm cuộn giấy đi vào, sau một lúc lâu mới ra. Chợt nghe ở trên thành có tiếng hô vang, nói người đỗ đầu bảng sang năm, đã kén được viên trạng-nguyên họ Phạm rồi.

Dương Trạm bèn dẫn Tử-Hư đi chơi thăm khắp cả các tòa. Trước hết đến một tòa có cái biển đề ngoài là « Cửa Tích-Đức » trong có chừng hơn nghìn người mũ hoa dải huệ, kẻ ngồi người đứng. Tử-Hư hỏi thì Dương Trạm nói:

— Đó là những vị tiên thuở sống có lòng yêu thương mọi người, tuy không phải dốc hết tiền của để làm việc bố-thí, nhưng biết tùy thời mà chu-cấp, đã không keo bần, lại không hợm-hĩnh. Thương-đế khen là có nhân, liệt vào thanh-phẩm nên họ được ở đây.

Lại đi qua một tòa sở có cái biển đề ở ngoài là « Cửa Thuận-Hạnh », trong có độ hơn nghìn người, áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa. Tử-Hư lại hỏi, Dương Trạm nói:

— Đó là những vị tiên thuở sống hiếu-thuận, hoặc trong lưu-ly biết bao-bọc lấy nhau, hoặc đem đất cát mà san-xẻ cho nhau, mấy đời ở chung, không nhờ chia rẽ. Thương-đế khen là có lòng, cho vào cung mây nên họ được ở đây.

Lại đến một tòa sở có cái biển đề là « Cửa Nho Thần » người ở đây đều áo dài đai rộng, cũng có tới số một nghìn, trong có hai người mặc áo lụa, đội mũ sa. Dương Trạm trở bảo Tử-Hư rằng:

— Ấy là ông Tô Hiến-Thành triều Lý và ông Chu văn-An triều Trần đó. Ngoài ra thì là những danh thần đời Hán đời Đường, không sung vào quan-vị hay chức-chương gì cả, chỉ ngày sóc ngày vọng thì vào tham-yết Đế-quân, như những viên tán quan đời nay thỉnh-thoảng vào chầu vua mà thôi. Cứ cách năm trăm năm lại cho giáng sinh, cao thì làm đến khanh-tướng, thấp cũng làm được sĩ-phu, hiệu-doãn. Ngoài ra còn đến hơn trăm tòa sở nữa, nhưng trời gần sáng không đi xem khắp được, vội cười gió mà bay xuống trần. Xuống đến cửa bắc, thấy trăm quan đã lục-tục vào triều chầu vua.

Tử-Hư từ biệt thầy trở về; sang năm đi thi quả đỗ tãn-sĩ. Phàm những việc cát hung họa phúc nhà Tử-Hư, thường được thầy về báo cho biết.

Lời bình

Than ôi, những chuyện huyền-hoặc Tề-Hải, những lời ngụ-ngôn Trang-Chu, người quân-tử vốn chẳng nên ham-chuộng. Nhưng nếu là chuyện quan-hệ đến luân-thường, là lời ký-ngụ ý khuyên-giới, thì chép ra và truyền lại, có hại gì đâu.

Nay như câu chuyện Tử-Hư, có thể để khuyên cho những người ăn-ở trung-hậu với thầy, lại có thể làm răn cho những người ăn ở bạc bẽo với thầy, có quan hệ đến luân thường của người ta lớn lắm. Đến như việc lên chơi Thiên tào, có hay không có, hà tất phải gạn gùng đến nơi đến chốn làm gì!

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo yêu cầu:

“Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiêu thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã để chầu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi văn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tán vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chỉnh tề. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạ. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạ xua tay nói:

– Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sấm rượu và thức nhắm, đứng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

– Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạ nói:

– Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lĩnh giá ngài lên châu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà người, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên...”

(Trích Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ,

NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

Lựa chọn một đáp án đúng nhất:

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên

- A. Truyện ngắn
- B. Tiểu thuyết
- C. Truyền kì
- D. Thơ văn xuôi

Câu 2. Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạ răn đe và sửa đổi?

- A. Không ưa kiểm thức
- B. Kiêu căng
- C. Nóng nảy
- D. Ngang bướng

Câu 3. Xác định các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích trên.

- A. Phạm Tử Hư, Dương Trạ
- B. Nguyễn Dữ, Dương Trạ
- C. Người kể chuyện, Dương Trạ
- D. Phạm Tử Hư, Dương Trạ, Nguyễn Dữ

Câu 4. Điều gì khiến Dương Trạ được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

- A. Tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn.
- B. Toan chạy đến gần sụp lạy khi thấy Đức Đế.
- C. Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ.
- D. Giữ điều tín thực với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi.

Câu 5. Từ Hán Việt “kiểm thức” được hiểu nghĩa như thế nào?

- A. Tiết kiệm
- B. Kiểm chế bó buộc trong hoạt động.
- C. Hối thúc, thúc giục.
- D. Kiểm chế cảm xúc cá nhân

Câu 6. Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

- A. Ca ngợi phẩm chất cao quý của Tử Hư.
- B. Tạo ra sự sinh động, tạo hứng thú tăng tính hấp dẫn cho người đọc.
- C. Muốn bắt tử hóa nhân vật Dương trạ vì đã có những phẩm chất tốt.
- D. Cả B và C.

Câu 7. Ý nào khái quát nội dung chính của đoạn trích?

- A. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Dương Trạng và tình nghĩa thầy trò cao quý.
 B. Ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của Tử Hư và tình nghĩa thầy trò cao quý.
 C. Phê phán những học trò không biết tôn sư trọng đạo.
 D. Nhấn nhủ mỗi cá nhân cần phải có đức tính tôn sư trọng đạo.

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Chi tiết khi Dương Trạng chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã đề châu chực, sau ba năm rồi mới trở về cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

Câu 9. Theo anh/chị tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện như thế nào?

Câu 10. Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, em có suy nghĩ gì về truyền thống tôn sư trọng đạo của nhân dân ta?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

CÂU	1	2	3	4	5	6	7
ĐÁP ÁN	C	B	A	D	B	D	A

Câu 8. Chi tiết khi Dương Trạng chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã đề châu chực, sau ba năm rồi mới trở về cho thấy Phạm Tử Hư là người sống có tình, có nghĩa, biết tôn sư trọng đạo.

Câu 9. Tinh thần tôn sư trọng đạo được biểu hiện:

- Tôn trọng, lễ phép, chăm học.
- Luôn nghĩ về công lao thầy cô, mong muốn được đền đáp.
- Người đi học cần rèn trước hết là đạo đức.

Câu 10. Truyền thống tôn sư trọng đạo là truyền thống tốt đẹp từ xưa đến nay của nhân dân ta. Truyền thống nhằm đề tôn vinh, kính trọng và sự biết ơn của mỗi cá nhân đối với người thầy của mình.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Một buổi sáng, Tử-Hư ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tàn vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững-chạc. Tử-Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạng. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạng xua tay nói:

— Giữa đường không phải chỗ nói chuyện; tôi mai nên đến đền Trấn-võ ở cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn-huyên một hôm.

Tử-Hư bèn sầm sấn rượu và thức nhắm, đứng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui-vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

— Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển-hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng.

Dương Trạng nói:

— Ta thừa sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn; quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế-quân đây ngài khen là có bụng tốt, tâu xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu linh giá ngài lên châu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên.

Tử Hư nói:

— Thầy được lĩnh chức trọng quyền cao như vậy, chẳng hay sự sống chết thọ yếu của con, thầy có được rõ không?

— Việc đó không phải thuộc về chức vụ của ta.

— Vậy thế thầy giữ về việc gì?

— Ta trông coi về việc văn chương thi cử, khoa danh cao thấp của những học trò trong thiên hạ.

Tử Hư mừng mà rằng:

— Nếu thế thì tiền trình của con cùng đạt thế nào chắc thầy biết rõ?

— Cứ như văn chương tài nghệ của anh, đương đời này không ai bì kịp, huống anh lại còn có tính trung hậu, nét thành thực. Chỉ phải cái hồi còn niên thiếu, anh thường lấy văn tài mà kiêu ngạo với người khác, cho nên trời mới bắt đỗ muôn để phải chùn nhụt cái nét ngông ngáo đi. Nếu không thì cướp thế trước của Mông Chính^[1] nhật hạt cái của Hạ hầu^[2], phỏng anh còn khó khăn gì nữa. Cho nên xưa nay người ta bàn về kẻ sĩ, tất trước hết xét đến đức hạnh là vì thế. Ngày nay những người mặc áo nhà nho, đeo dãi nhà nho thì lại khác hẳn. Họ thường đòi họ đi học, thay tên để ra thi; hề trượt đỗ thì đổ lỗi mờ quáng cho quan chấm trường, hơi thành danh thì hợm mình tài giỏi hơn cả tiền bối, chí khí ngông ngáo tính tình tráo trở, thấy thầy nghèo thì lảng tránh, gặp bạn nghèo thì làm ngơ, không biết rằng ngày thường dặt dãn rên cạp, phần nhiều là cái công đức của thầy bạn. Và như ta ngày xưa, dạy có đến mấy nghìn học trò, giao du ở kinh đô rất nhiều bè bạn, thế mà sau ta mất, nghe có người đái vàng mũ bạc, có người quan cả ngôi cao, nhưng không hề một ai tìm đến thăm viếng mồ ta mà tưới lên một vài chén rượu. Nhân thế ta vẫn để ý đến anh lắm.

Tử Hư nhân đem những người làm quan bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một:

— Thừa thầy, ông mồ ở ngôi trọng thần mà tham lam không chán, ông mồ làm chức su tư mà mô phạm không đủ, ông mồ coi lễ mà lễ nhiều thiếu thốn, ông mồ chăn dân mà dân bị tai hại, ông mồ chăm văn mà lấy đồ thiên vị, ông mồ trị ngục mà buộc tội oan uổng; lại còn những người lúc thường bàn nói thì môi mép béo lẻo, đến lúc trù tính, quyết định kế lớn của quốc gia thì mờ mịt như ngòi trong đám mây mù, thậm đến không noi theo danh, không xét theo thực, không trung với đáng quân thượng, lớn thì làm việc bán nước của Lưu Dự^[3] nhỏ thì làm việc dối vua của Diên Linh^[4]. Bọn ấy sau khi chết, có phải luận tội gì không, hay là cứ được hưởng tôn vinh mãi thế?

Trạm cười mà rằng:

— Trông dưa được dưa, trông đậu được đậu. Lưới trời thênh-thang, thừa nhưng chẳng lọt. Chỉ có rằng thời-gian chưa đến mà thôi. Nay ta bảo rõ anh nghe: trong khoảng trời đất báo-ứng luân-hồi, chỉ có hai loài thiện ác. Người chăm làm thiện, tuy hãy còn sống, tên đã ghi ở Đế-đình; người hay làm ác, không đợi đến chết, án đã thành ở Địa-phủ. Cho nên Nhan Hôi lúc sống ở trong ngõ hẻm mà chết làm chức Tu-văn^[5], Vương Bàng ngày thường có nét kiêu-ngoa mà chết phải máu rây mặt đất^[6]. Không phải như người ở cõi đời, có thể mượn thế mà được làm quan, có thể nhờ tiền mà được khỏi vạ, hình-phạt thì quá lạm, tước thưởng thì thiên tư, cúi đầu khom cật, dù hèn-hạ cũng cất nhắc lên, dựa hoạt thẳng gian, nhờ đứt-lót mà được thoát khỏi. Anh nên cố-gắng, đừng gieo cái nghiệp-báo ở kiếp sau này.

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Chỉ ra ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

Ngôi thứ 3

Câu 2. Đoạn trích kể về cuộc đối thoại giữa những nhân vật nào?

Tử Hư và thầy học là Dương Trám.

Câu 3. Trong đoạn trích, sau khi mất, thầy của Tử Hư đã được ban cho chức quan gì?

Chức trực lại ở cửa Tử Đồng.

Câu 4. Việc Tử Hư canh mộ thầy ba năm rồi mới trở về thể hiện Tử Hư là người như thế nào?

Rất tôn trọng và quý mến thầy.

Câu 5. Tại sao Tử Hư mãi vẫn không thi đỗ được?

Do tính tình kiêu căng.

Câu 6. Điều gì khiến Dương Trám quý trọng Tử Hư?

Do Tử Hư trung hậu, hiếu nghĩa với thầy.

Câu 7. Việc thầy của Tử Hư sau khi mất được làm chức trực lại ở cửa Tử đồng cho ta thấy gì về nhân cách của ông?

Việc thầy của Tử Hư sau khi mất được làm chức trực lại ở cửa Tử đồng cho ta thấy: Ông là người tốt, chính trực, tốt bụng nên mới được làm chức trực lại ở cửa Tử Đồng

Câu 8. Em có cảm nhận như thế nào về tình nghĩa thầy trò giữa Tử Hư và Dương Trám trong đoạn trích?

Tình nghĩa thầy trò giữa Tử Hư và Dương Trám là tình nghĩa gắn bó, kính trọng thầy của mình và yêu thương người học trò.

Câu 9: Chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố hoang đường, kì ảo trong đoạn trích trên.

- Làm câu chuyện trở nên hấp dẫn, sinh động hơn; tạo hứng thú cho người đọc người nghe.

- Khắc họa, làm nổi bật đặc điểm tính cách của nhân vật trong truyện.

Câu 10. Nếu em là Tử Hư, em có canh mộ ba năm sau khi thầy mất như Tử Hư không? Vì sao?

Câu *. Chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố kì ảo trong cả truyện **Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào**?

Gợi ý:

Trong chuyện "Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào", có một số yếu tố kì ảo được thể hiện như sau:

1. Thiên tào: Thiên tào là một loại cây cổ thụ, có khả năng biến hình và di chuyển. Nó có thể biến thành một con tào thụ, một con tào phượng, một con tào quân tử và một con tào đại vương. Điều này tạo ra một không gian kì ảo và mở ra cơ hội cho nhân vật chính khám phá thế giới thần tiên.

2. Nhân vật phụ: Trong câu chuyện, có những nhân vật phụ như Tôn Ngộ Không, Đường Tam Tạng và Sa Tăng. Họ là những nhân vật huyền thoại trong truyền thuyết Tây Du Ký. Sự xuất hiện của họ trong câu chuyện tạo ra một không gian kì ảo và mang lại những tình huống hài hước và phi thực tế.

3. Sự biến đổi: Trong câu chuyện, nhân vật chính Phạm Tử Hư có khả năng biến hình thành nhiều hình dạng khác nhau. Anh ta có thể biến thành một con tào thụ, một con tào phượng và một con tào quân tử. Sự biến đổi này tạo ra một không gian kì ảo và mang lại những tình huống hài hước và bất ngờ.

4. Cảnh sắc thiên nhiên: Trong câu chuyện, mô tả về cảnh sắc thiên nhiên cũng mang tính kì ảo. Ví dụ, cây tào thụ có thể biến thành một con tào phượng và bay lượn trên trời. Điều này tạo ra một không gian kì ảo và mang lại những trải nghiệm thú vị cho nhân vật chính và độc giả. Tổng quan, yếu tố kì ảo trong chuyện "Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào" được thể hiện qua sự xuất hiện của những nhân vật huyền thoại, sự biến đổi của nhân vật chính và mô tả về cảnh sắc thiên nhiên.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỐ

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - HS hiểu được cách diễn giải khái niệm điển tích, điển cố ở SGK, nhận biết các nguồn điển tích, điển cố thường được sử dụng.
 - HS biết cách nhận ra điển tích, điển cố trong các VB, biết cách tìm hiểu, tra cứu để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố ở từng trường hợp cụ thể; thấy được tác dụng cũng như giới hạn của việc sử dụng điển tích, điển cố trong văn học.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.
- Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về điển tích điển cố

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Phiếu học tập 01

Nhận biết điển tích, điển cố	
Điển tích, điển cố là gì?	
Điển tích, điển cố tồn tại như thế nào trong VB?	
Tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố?	
Muốn hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố khi đọc VB, cần phải làm gì?	

Lấy ví dụ một điển tích, điển cố mà em biết.

Phiếu học tập 02

Tìm hiểu nghĩa của các điển cố, điển tích

Nối cụm từ ở cột bên trái với ý nghĩa phù hợp ở cột bên phải.	
1. nước hết chuông rền	A. nỗi lòng nhớ nhà, nhớ quê
2. ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam	B. thời gian qua nhanh, đời người đã đến lúc kết thúc
3. khuynh thành khuynh quốc	C. sức mạnh của sắc đẹp ở người phụ nữ
4. gót chân A-sin	D. điểm yếu chết người của đối tượng

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu: - HS hiểu được cách diễn giải khái niệm điển tích, điển cố ở SGK, nhận biết các nguồn điển tích, điển cố thường được sử dụng.

- HS biết cách nhận ra điển tích, điển cố trong các VB, biết cách tìm hiểu, tra cứu để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố ở từng trường hợp cụ thể; thấy được tác dụng cũng như giới hạn của việc sử dụng điển tích, điển cố trong văn học.

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

Bài tập 1/sgk: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
Với bài tập có tính chất nhận biết như thể này, HS cần đọc hết các chú thích ở chân trang, dựa vào kiến thức đã có, chỉ ra được những trường hợp sử dụng	Những điển tích, điển cố được sử dụng trong <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> : <i>mùa dưa chín quá kì; nước hết chuông</i>

<p>dụng điển tích, điển cố của VB; tự xem xét khả năng của bản thân để thấy những khó khăn trong việc hiểu ý nghĩa của từng điển tích, điển cố vừa chỉ ra.</p> <p>Về hỏi thứ hai, GV có thể nêu bất kì trường hợp nào trong các điển tích, điển cố trên; yêu cầu HS giải thích nghĩa (không nhìn vào chú thích). GV biểu dương trường hợp HS trả lời chính xác. Nếu HS không giải thích được, cần nói rõ lí do. Trên cơ sở đó, GV khái quát: điển tích, điển cố có nguồn gốc từ nền văn hoá, văn học xưa, các tác giả Việt Nam chủ yếu mượn từ văn học Trung Quốc. Mặc dù trong VB, điển tích, điển cố chỉ là từ ngữ, nhưng đằng sau đó là những câu chuyện, lời thơ, kinh sách,... khá xa lạ với người đọc ngày nay.</p>	<p><i>rền; ngõ liễu tường hoa; núi Vọng Phu; ngọc Mị Nương; cỏ Ngu mê; Tào Nga; Tinh Vệ; ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam; quăng thoi đứng dậy, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân; mất búa đổ ngờ; ý dĩ đầy xe, Quang Võ đổ ngờ lão tướng; trói lại mà giết, Tào Tháo đến phụ ân nhân.</i></p>
---	--

Bài tập 2/sgk: Làm việc nhóm theo hình thức cặp đôi chia sẻ

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
<p>Bài tập này có ba yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + hiểu được đặc điểm của điển tích, điển cố; + hiểu nghĩa của từng điển tích, điển cố cụ thể; + chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố gắn với từng ngữ cảnh. 	<p>a. Cụm từ in đậm trong các câu đều ẩn chứa câu chuyện, sự tích nào đó. Thế nhưng, ý nghĩa sâu xa của từng câu chuyện, sự tích thì không phải ai cũng biết. Muốn biết, phải xem chú giải hay tìm tài liệu để tra cứu.</p> <p>b. Tác dụng của từng cụm từ in đậm trong câu:</p> <p>Ở câu thứ nhất, câu chuyện người đàn bà bỏ con ngóng chồng đến hoá đá (điển tích <i>núi Vọng Phu</i>) là biểu tượng của tình yêu sâu nặng, lòng chung thủy sắt son, khát vọng gắn bó bền chặt giữa vợ chồng. Trong lời than trước khi trầm mình xuống sông, Vũ Nương nhắc điển tích này để làm nổi bật sự xót xa của mình: đến tình cảnh đáng thương của nàng Vọng Phu, Vũ Nương cũng không thể có được. Điều đó có nghĩa bi kịch của nàng sâu sắc hơn nhiều.</p>

	<p>-Hai điển tích được dùng trong câu thứ hai (<i>ngọc Mị Nương, cỏ Ngưu mĩ</i>) đều nói đến những điều linh thiêng, kì lạ của người đàn bà sau khi chết. Chết mà vẫn tỏ được sự trong trắng, thủy chung. Nhắc đến hai điển tích này trong lời than trước khi tự tử, Vũ Nương muốn sau khi mình ra đi, người đời không hoài nghi về phẩm giá của mình.</p> <p>- Câu văn thứ ba là lời của Phan Lang nói với Vũ Nương khi tình cờ gặp nàng nơi cung nước. Ở đây, Phan Lang nhắc đến điển tích về Tào Nga và Tinh Vệ – những người con gái có cái chết hoàn toàn không giống với việc lựa chọn cách trầm mình vì oan khuất của Vũ Nương. Do vậy, theo Phan Lang, cách hành xử của Vũ Nương cũng phải khác: nên tìm đường trở về quê nhà với người xưa.</p> <p>- Câu cuối cùng là lời của Vũ Nương, ở đây nàng dùng điển tích <i>ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam</i>, muốn nói tuy được sống với các nàng tiên nơi cung nước, nhưng nỗi nhớ nhà, nhớ quê luôn canh cánh trong lòng. Với điển tích này, Vũ Nương đã bộc lộ tình cảm thật của mình, mặc dù trước đó nàng phải chịu sự đối xử tệ bạc của chồng và hành động quyết liệt như muốn rũ bỏ tất cả những gì thuộc về cuộc sống trần gian.</p>
--	---

Bài tập 3: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
<p>Giải thích ý nghĩa các điển cố (in đậm) trong các câu thơ sau:</p> <p>a. “Sầu đông các lắc càng đầy Ba thu dọn lại một ngày dài ghê” (Nguyễn Du – Truyện Kiều)</p> <p>b. “Nhớ ơn chín chữ cao sâu,</p>	<p>Bảng dưới</p>

<p>Một ngày một ngả bóng dâu tà tà” (Nguyễn Du – Truyện Kiều)</p> <p>c. Bấy lâu nghe tiếng má đào Mắt xanh chẳng để ai vào có không? (Nguyễn Du – Truyện Kiều)</p>	
---	--

A	B	c
<p>-Điển cố này xuất phát từ câu trong Kinh Thi: một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu (Nhất nhật bất kiến như tam thu hề)</p> <p>- Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du sử dụng điển cố này nhằm diễn tả mối tương tư của Kim Trọng với Thúy Kiều. Một ngày không gặp Thúy Kiều, Kim Trọng có cảm giác lâu như đã ba năm.</p>	<p>- Điển cố này cũng xuất phát từ Kinh Thi. Chín chữ nói về công lao của cha mẹ đối với con cái, đó là: sinh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc.</p> <p>- Điển cố này trong câu thơ nói đến việc Kiều nghĩ đến công ơn cha mẹ, trong khi nàng chưa có dịp báo đáp được</p>	<p>- Đòi Tán có người là Nguyễn Tịch Quý quý ai thì tiếp bằng mắt xanh, không ưa ai thì tiếp bằng mắt trắng</p> <p>- Từ Hải dùng điển tích này để khẳng định tuy Thúy Kiều ở chốn lầu xanh nhưng tấm lòng vẫn trong trắng, phẩm giá vẫn đáng quý trọng và đáng được đ</p>

Bài tập 4: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
<p>Phân tích giá trị nghệ thuật của các thành ngữ in đậm trong các câu thơ sau:</p> <p>- Người nách thước kẻ tay dao, Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi</p> <p>- Một đời được mấy anh hùng, Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi</p> <p>- Đội trời đạp đất ở đời, Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông.</p>	<p>“Đầu trâu mặt ngựa”: thể hiện tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan quân đến nhà Thúy Kiều khi gia đình nàng bị vu oan.</p> <p>- “Cá chậu chim lồng”: thể hiện được cánh sống tù túng, chật hẹp, mất tự do.</p> <p>- “Đội trời đạp đất”: thể hiện lối sống và hành động tự do, ngang tàng, không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền nào. Thành ngữ này nói về khí phách hảo hán, ngang</p>

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)	tàng của nhân vật Từ Hải.
---------------------------	---------------------------

Bài tập 5: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
<p>Xác định điển tích, điển cố và nêu tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố trong các trường hợp sau:</p> <p>a.</p> <p><i>Trướng hùm mở giữa trung quân,</i></p> <p><i>Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi.</i></p> <p><i>Tiên nghiêm, trống chửi dứt hồi,</i></p> <p><i>Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.</i></p> <p>(Nguyễn Du, <i>Truyện Kiều</i>)</p> <p>b.</p> <p><i>Cho gươn mời đến Thúc lang,</i></p> <p><i>Mặt như chàm đỏ, mình dường dễ run.</i></p> <p><i>Nàng rằng: “Nghĩa trọng nghìn non,</i></p> <p><i>Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không?</i></p> <p><i>Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng,</i></p> <p><i>Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân?</i></p> <p><i>Gầm trăm cuốn, bạc nghìn cân.</i></p> <p><i>Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là [...]”</i></p> <p>(Nguyễn Du, <i>Truyện Kiều</i>)</p>	<p>Điển tích, điển cố trong các câu:</p> <p>a. chữ <i>hùm</i>, Nguyễn Du dùng để chỉ phong thái của người anh hùng Từ Hải. Nói về sự uy nghi của một phiên tòa báo ân báo oán đang được mở, mà Kiều và Từ Hải là chủ tọa.</p> <p>b. Điển cố: <i>Sâm, Thương</i>: tức là để chỉ sao Sâm và sao Thương. Qua đó, để chỉ tình cảm cách biệt, không bao giờ có thể gặp nhau.</p>

Bài tập 6: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
<p>Dùng từ điển để tra cứu nghĩa của các thành ngữ dưới đây và cho biết các thành ngữ này gắn với điển tích, điển cố nào.</p> <p>a. <i>Lá thắm chỉ hồng</i></p> <p>b. <i>Tái Ông thất mã</i></p> <p>c. <i>Ngưu lang Chức nữ</i></p>	<p>a. <i>Lá thắm chỉ hồng</i>: duyên số, tiền định trong tình yêu, hôn nhân.</p> <p>- Đó là câu chuyện: Vu Hựu đời Đường kết duyên với nàng cung nữ mà trước đây chàng đã từng đề thơ của mình vào chiếc lá thắm đỏ thả trôi theo dòng nước gửi vào cung cấm; cũng ví như Vi Cố kết duyên với người con gái mà trước đây chàng đã thuê người giết và muốn chống lại duyên phận khi ông tơ cho biết chỉ hồng đã buộc chân hai người từ thuở ấy, lúc vợ chàng mới là cô gái lên ba.</p> <p>b. <i>Tái Ông thất mã</i>: trong cuộc sống may - rủi là những điều khó đoán định, khó lường trước được, có thể chuyển hóa tác động lẫn nhau.</p> <p>- Đó là câu chuyện: Thượng Tái ông có con ngựa quý tự nhiên biến mất, nhiều người đến hỏi thăm, ông nói với họ biết đâu đó lại là điều phúc. Quả nhiên, ít hôm sau ngựa quý quay về và kéo theo một con ngựa khác về cùng. Ông lại nói với mọi người biết đâu đó là điều họa, và đúng vậy, con trai ông mãi mê phi ngựa, chẳng may ngã gãy chân. Thượng Tái ông lại nói với mọi người biết đâu đó lại là điều phúc. Ít lâu sau có giặc, trai trẻ trong làng đều phải ra trận, nhiều người chẳng bao giờ trở về nữa, riêng con ông vì tàn tật mà được ở lại và sống sót.</p> <p>c. <i>Ngưu lang Chức nữ</i>: chỉ cảnh vợ chồng xa cách, biệt ly, nó trở thành biểu tượng cho tình yêu và lòng thủy chung.</p> <p>- Đó là câu chuyện Ngưu lang và Chức nữ. Ngưu Lang – một chàng trai nghèo; Chức Nữ - một tiên nữ xinh đẹp. Hai người đã vượt qua mọi khó khăn và chia ly để được gặp nhau mỗi năm vào ngày Thất Tịch (ngày 7 tháng 7 âm lịch).</p>

Bài tập 7: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
Kể tên một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm mà em biết. Chỉ ra ít nhất một từ ngữ hoặc hình ảnh mà em thích trong tác phẩm ấy và giải thích lí do em lựa chọn từ ngữ/ hình ảnh như vậy.	<p>- Tác phẩm <i>Truyện Kiều</i>, trong đó có câu thơ:</p> <p><i>Trước sau nào thấy bóng người,</i> <i>Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.</i></p> <p>(Nguyễn Du, <i>Truyện Kiều</i>)</p> <p>- Hình ảnh: <i>Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông</i>: ý câu thơ cuối trong bài thơ <i>Đề Đố Thành Nam Trang</i> của Thôi Hộ (Trung Quốc):</p> <p><i>Khi niên kim nhật thủ môn trung,</i> <i>Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.</i> <i>Nhân diện bất tri hà xứ khí,</i> <i>Đào hoa y cựu tiếu đông phong.</i></p> <p>(Năm trước ngày này ngày của này, Mặt người, hoa đào ánh hồng lẫn nhau. Mặt người chẳng biết đã đi đâu? Hoa đào vẫn như xưa cười với gió đông.)</p> <p>Nguyễn Du mượn tích này để biểu đạt nỗi băng khuâng nhớ thương và hụt hẫng của Kim Trọng khi trở về vườn Thúy, Thúy Kiều đã đi xa, chỉ còn thấy bóng dáng ảo ảnh của nàng nơi nhà xưa, vườn cũ.</p>

Bài tập 8: Làm việc cá nhân.

Yêu cầu	Gợi ý đáp án
Xác định thành ngữ có trong đoạn trích sau và cho biết hiệu quả của việc sử dụng (những) thành ngữ này:	<p>- Thành ngữ: <i>quỷ quái tinh ma, kẻ cắp bà già, kiến bò miệng chén</i>.</p> <p>- Tác dụng: để thể hiện hành động trừng phạt cái ác theo quan điểm của nhân dân</p>

<p>Vợ chàng quỷ quái, tinh ma, Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau! Kiến bò miệng chén chưa lâu. Muru sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa!</p> <p>(Nguyễn Du, Truyện Kiều)</p>	<p>nên ngôn ngữ cũng thật nôm na, bình dị theo cách nói của nhân dân, cái ác phải trùng phạt.</p>
--	---

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

(CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TỰ NHIÊN)

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
 - HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết, cụ thể ở đây là con người trong mối quan hệ với tự nhiên.
 - HS viết được bài văn nghị luận bằng cách nêu vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*, bài viết có bố cục rõ ràng, triển khai các phần hợp lí (có hệ thống luận điểm, sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm rõ từng luận điểm), giàu sức thuyết phục.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về kiểu bài

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

GV cần lưu ý HS một số điểm cụ thể:

Đây là kiểu bài hoàn toàn mới, chưa từng xuất hiện trong chương trình 2006 → Tránh áp cách dạy “cũ” cho nội dung mới.

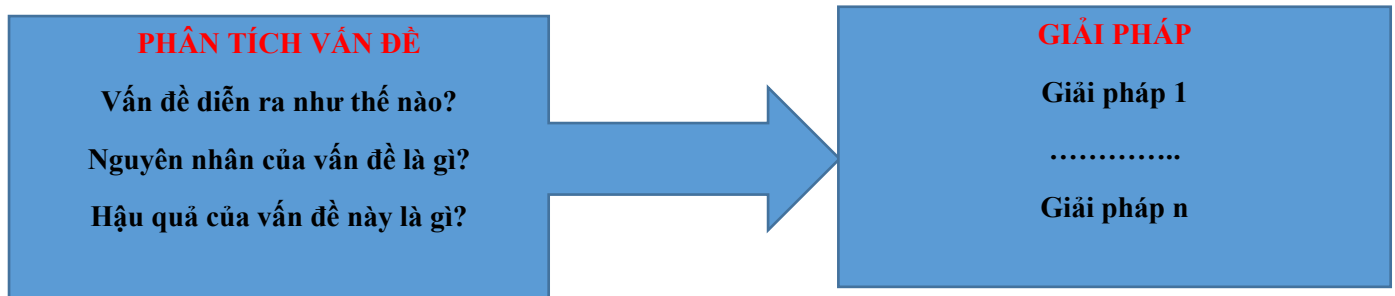
I/ Yêu cầu cần đạt của chương trình

1. HS viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
2. Nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (lớp 9):
Mục đích là thuyết phục người đọc về những phân tích, giải pháp đưa ra để giải quyết một vấn đề trong đời sống.
3. Đề tài của bài viết: Một vấn đề cần giải quyết, một tình thế không mong muốn, mang đến tác động tiêu cực cần phải có giải pháp khắc phục.
4. Hệ thống ý:
 - Hệ thống LD tập trung làm rõ: phân tích của người viết về vấn đề cần giải quyết, các giải pháp.
 - Các ý thực trạng, tác hại, nguyên nhân là các ý nhỏ, làm rõ cho luận điểm phân tích vấn đề.
 - Luận điểm về giải pháp là trọng tâm của toàn bộ bài viết.

Luận điểm về giải pháp là trọng tâm của bài viết (căn cứ vào mục đích giao tiếp của kiểu bài, YCCĐ của chương trình)

II. Đề xuất mạch ý và dàn ý của bài viết

- a. Đề xuất mạch ý:
- b.



b. Đề xuất dàn ý của bài viết

A. MB: Giới thiệu vấn đề

Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề.

B. TB:

1. Giải thích vấn đề
2. Phân tích vấn đề

- Thực trạng
- Nguyên nhân
- Hậu quả

3. Nêu giải pháp khắc phục vấn đề

- Giải pháp 1
- Giải pháp n

C. KB:

- Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề
- Nêu ra bài học cho bản thân.

*** Lưu ý đến yêu cầu về giải pháp: khả thi và thuyết phục.**

Với kiểu bài này, HS không đơn thuần liệt kê các giải pháp có thể thực hiện.

Điều cốt yếu là phải phân tích các giải pháp để cho thấy chúng khả thi và thuyết phục như thế nào.

CHỦ ĐỀ CẦN VIẾT THỨ NHẤT

VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT CỦA CON NGƯỜI VỚI THẾ GIỚI TỰ NHIÊN

- Khi nêu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, cần tường minh hoá bằng câu văn cụ thể để nhận thức đúng bản chất của nó, từ đó mới có thể triển khai bài viết theo đúng yêu cầu.
- Các luận điểm phải làm rõ từng khía cạnh của vấn đề (những khía cạnh thể hiện nhận thức của người viết và khía cạnh đề cập ý kiến trái chiều để phản bác). Phản bác ý kiến trái chiều phải có cơ sở và nhằm mục đích củng cố ý kiến của bản thân.
- Nếu bàn về vấn đề có tính tích cực, cần nêu cách phát huy tác dụng của nó đối với đời sống; nếu bàn về vấn đề có tính tiêu cực, cần đề xuất giải pháp hạn chế. Các giải pháp phải có tính khả thi.

Thực hành viết theo các bước

- *Hướng dẫn HS chọn đề tài:* GV lưu ý HS dựa vào nội dung đã nêu trong SHS để tìm đề tài. SHS đã nêu một số đề tài có tính chất gợi ý, HS có thể chọn một trong số đó hoặc tìm đề tài mà mình am hiểu và có hứng thú để viết bài.
- *Hướng dẫn HS tìm ý:* Sau khi HS chọn được đề tài, GV hướng dẫn các em tìm ý bằng cách điền thông tin vào các ô theo mẫu phiếu sau đây:

Vấn đề nào cần được giải quyết?	
Em có ý kiến như thế nào về vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng)	
Có ý kiến trái chiều nào cần phản bác? Phải phản bác như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)	
Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?	

- *Hướng dẫn HS lập dàn ý:* Từ kết quả tìm ý của HS, GV nhận xét, chỉnh sửa, bổ sung; cho HS sắp xếp các ý đã ghi chép vào các phần của bài viết (Mở bài, Thân bài, Kết bài) theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý.
- *Hướng dẫn HS viết bài:* HS dựa vào dàn ý để tiến hành viết bài. Cần đọc kĩ bài viết tham khảo để biết cách mở bài, kết bài trong một đoạn văn sao cho gây được ấn tượng. Mỗi luận điểm của phần Thân bài cũng cần được triển khai trong một đoạn văn, tổ chức theo các hình thức linh hoạt (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp). Điều quan trọng nhất khi viết bài là sử dụng lí lẽ và bằng chứng ở từng luận điểm (khẳng định sự đúng đắn của ý kiến mình nêu hoặc phản bác ý kiến trái chiều) để bài viết giàu sức thuyết phục.
- *Nhận xét về kết quả viết và chỉnh sửa bài viết*
- GV nêu một số nét chung về bài viết của HS (mức độ bám sát yêu cầu viết, bố cục bài viết, cách triển khai các luận điểm, huy động kiến thức, dùng lí lẽ và bằng chứng, cách trình bày, diễn đạt,...), khái quát những mặt mạnh và mặt yếu, hướng dẫn cách khắc phục.
- Hướng dẫn HS sửa bài (căn cứ vào hướng dẫn chỉnh sửa nêu ở SHS, xem lại những chỗ GV đã

đánh dấu và nhận xét cụ thể). Khuyến khích HS về nhà viết lại một bản mới, khắc phục những nhược điểm, phát huy ưu điểm của bài viết đã được đánh giá.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VIẾT VỀ KIỂU BÀI

- **1. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- **2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- **3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- **4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

MỘT SỐ BÀI LÀM THAM KHẢO

Đề 1: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là một học sinh, em hãy đề xuất những giải pháp phù hợp để bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu?"

Dàn ý

I. Mở bài

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động, nơi môi trường sống bị đe dọa nghiêm trọng bởi ô nhiễm và biến đổi khí hậu. Những hiện tượng thời tiết cực đoan, mất đa dạng sinh học, và ô nhiễm không khí, nước, đất đai đã trở thành những vấn đề cấp bách cần được giải quyết. Là một học sinh, tôi nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây không chỉ là trách nhiệm của các nhà lãnh đạo, các tổ chức quốc tế mà còn là trách nhiệm của mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

- **Biến đổi khí hậu:** Là sự thay đổi của khí hậu do tác động của con người, chủ yếu là do việc thải ra quá nhiều khí nhà kính như CO₂. Biến đổi khí hậu gây ra nhiều hệ lụy như nhiệt độ tăng, mực nước biển dâng, thiên tai ngày càng khốc liệt.
- **Ô nhiễm môi trường:** Là tình trạng môi trường bị ô nhiễm bởi các chất thải từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người. Ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người và các loài sinh vật khác.

2. Phân tích vấn đề

- **Thực trạng:**
 - Theo báo cáo của Liên Hợp Quốc, nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 1 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp.
 - Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Mực nước biển dâng cao đe dọa các khu vực ven biển, hạn hán và lũ lụt diễn ra thường xuyên hơn.
 - Ô nhiễm môi trường ở Việt Nam cũng đang ở mức báo động. Các thành phố lớn thường xuyên bị ô nhiễm không khí, nguồn nước bị ô nhiễm nặng nề.
- **Nguyên nhân:**
 - Sử dụng quá mức nhiên liệu hóa thạch.
 - Phá rừng và khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức.
 - Ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế.

- **Hậu quả:**
 - Thiên tai, dịch bệnh gia tăng.
 - Mất đa dạng sinh học.
 - Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người.
 - Kinh tế bị thiệt hại nặng nề.
- **Ý kiến trái chiều:**
 - Một số người cho rằng biến đổi khí hậu là một quá trình tự nhiên, không phải do con người gây ra.
 - Có ý kiến cho rằng việc bảo vệ môi trường sẽ cản trở sự phát triển kinh tế.
- **Phản biện:**
 - Các bằng chứng khoa học đã chứng minh rằng biến đổi khí hậu chủ yếu là do hoạt động của con người.
 - Bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế không phải là hai mục tiêu đối lập nhau. Chúng ta hoàn toàn có thể phát triển kinh tế bền vững mà vẫn bảo vệ được môi trường.

3. Giải pháp

3.1. Tiết kiệm năng lượng:

- **Người thực hiện:** Học sinh.
- **Cách thực hiện:**
 - Tắt đèn, quạt, điều hòa khi không sử dụng.
 - Hạn chế sử dụng các thiết bị điện tử.
 - Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện (đèn LED, tủ lạnh tiết kiệm năng lượng...).
 - Đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng thay vì xe máy cá nhân.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:**
 - Các ứng dụng theo dõi lượng điện tiêu thụ.
 - Các chương trình khuyến khích tiết kiệm năng lượng của nhà trường, địa phương.
- **Lí giải/phân tích:** Tiết kiệm năng lượng giúp giảm lượng khí thải nhà kính, nguyên nhân chính gây biến đổi khí hậu.
- **Bằng chứng:** Nhiều trường học đã áp dụng thành công các chương trình "Giờ Trái Đất", "Ngày Môi trường Thế giới", khuyến khích học sinh tiết kiệm điện, nước, giảm thiểu rác thải.

3.2. Giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng rác thải:

- **Người thực hiện:** Học sinh.
- **Cách thực hiện:**
 - Phân loại rác tại nguồn.
 - Hạn chế sử dụng túi nilon, đồ nhựa dùng một lần.
 - Sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường (bình nước cá nhân, hộp cơm...).
 - Tái chế các vật liệu có thể tái chế (giấy, nhựa, kim loại...).
 - Tái sử dụng các vật dụng cũ (quần áo, sách vở...).
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:**
 - Các thùng rác phân loại tại trường học, khu dân cư.
 - Các chương trình thu gom và tái chế rác thải của địa phương.
- **Lí giải/phân tích:** Giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng rác thải giúp giảm lượng rác thải ra môi trường, tiết kiệm tài nguyên và giảm ô nhiễm.
- **Bằng chứng:** Trường THCS Giảng Võ (Hà Nội) đã trở thành hình mẫu điển hình khi xây dựng thành công mô hình “Trường học không rác thải”, trong đó học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động giảm thiểu và tái chế rác thải.

3.3. Trồng cây xanh:

- **Người thực hiện:** Học sinh.
- **Cách thực hiện:**

- Tham gia các hoạt động trồng cây của nhà trường, địa phương.
- Trồng cây xanh tại nhà, trường học, khu dân cư.
- Chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:**

- Các chương trình "Trồng cây gây rừng", "Xanh hóa trường học" của nhà trường, địa phương.
- Các ứng dụng hướng dẫn trồng và chăm sóc cây xanh.

- **Lí giải/phân tích:** Cây xanh giúp hấp thụ khí CO₂, giảm hiệu ứng nhà kính, điều hòa khí hậu, làm sạch không khí và bảo vệ đất.

- **Bằng chứng:** Dự án "Một triệu cây xanh cho Việt Nam" đã huy động được sự tham gia của hàng triệu học sinh, sinh viên trong việc trồng cây xanh trên khắp cả nước.

3.4. Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường:

- **Người thực hiện:** Học sinh.

- **Cách thực hiện:**

- Tìm hiểu về biến đổi khí hậu và các giải pháp bảo vệ môi trường qua sách báo, internet, các chương trình giáo dục.
- Chia sẻ kiến thức với bạn bè, gia đình và cộng đồng.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường.

- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:**

- Các trang web, ứng dụng cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.
- Các câu lạc bộ, đội nhóm hoạt động về môi trường.

- **Lí giải/phân tích:** Nâng cao nhận thức giúp mọi người hiểu rõ hơn về tác hại của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường, từ đó có ý thức và hành động bảo vệ môi trường.

- **Bằng chứng:** Nhiều trường học đã tổ chức thành công các cuộc thi, hội thảo, triển lãm về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, thu hút sự quan tâm của đông đảo học sinh và cộng đồng.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân tôi luôn cố gắng thực hiện những hành động nhỏ để bảo vệ môi trường như:

- Luôn tắt đèn, quạt khi ra khỏi phòng.
- Mang theo bình nước cá nhân để hạn chế sử dụng chai nhựa dùng một lần.
- Tham gia trồng cây xanh ở trường và khu dân cư.
- Tuyên truyền cho bạn bè, người thân về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

III. Kết bài

Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của mỗi người, mỗi học sinh. Chúng ta không thể đứng ngoài cuộc trước những thách thức to lớn này. Bằng những hành động nhỏ bé nhưng thiết thực, chúng ta có thể góp phần tạo nên sự thay đổi tích cực cho môi trường sống của chúng ta và cho thế hệ tương lai. "Trái Đất là ngôi nhà chung của chúng ta. Hãy cùng nhau chung tay bảo vệ ngôi nhà này!"

Bài làm

Hành tinh xanh của chúng ta đang đối mặt với một cuộc khủng hoảng môi trường chưa từng có. Biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường đang đe dọa nghiêm trọng đến sự sống còn của con người và các loài sinh vật khác. Là một học sinh, tôi nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây không chỉ là trách nhiệm của các nhà lãnh đạo, các tổ chức quốc tế mà còn là sứ mệnh của mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ - những người sẽ thừa hưởng tương lai của Trái Đất.

Biến đổi khí hậu, với biểu hiện rõ rệt là sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng cao và các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng, đang gây ra những hậu quả nặng nề trên toàn thế giới. Theo báo cáo của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 1,1 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp. Tại Việt Nam, những tác động của biến đổi khí

hậu đã hiện hữu rõ ràng, từ tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long đến những trận lũ lụt lịch sử ở miền Trung.

Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường, bao gồm ô nhiễm không khí, nước và đất, cũng đang là một vấn đề đáng báo động. Theo báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ô nhiễm không khí gây ra khoảng 7 triệu ca tử vong mỗi năm trên toàn cầu. Tại Việt Nam, các thành phố lớn như Hà Nội và TP.HCM thường xuyên nằm trong danh sách những thành phố có chất lượng không khí kém nhất thế giới.

Nguyên nhân chính của biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường là do hoạt động của con người, đặc biệt là việc sử dụng quá mức nhiên liệu hóa thạch, phá rừng và khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức. Theo báo cáo của Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên (WWF), từ năm 1970 đến nay, thế giới đã mất đi khoảng 60% quần thể động vật hoang dã do các hoạt động của con người.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ý kiến cho rằng biến đổi khí hậu là một quá trình tự nhiên và việc bảo vệ môi trường sẽ cản trở sự phát triển kinh tế. Đây là những quan điểm sai lầm và cần được bác bỏ. Các bằng chứng khoa học đã chứng minh rằng biến đổi khí hậu chủ yếu là do hoạt động của con người. Hơn nữa, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế không phải là hai mục tiêu đối lập nhau. Chúng ta hoàn toàn có thể phát triển kinh tế bền vững, thân thiện với môi trường.

Để ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, chúng ta cần hành động ngay từ bây giờ. Một trong những giải pháp quan trọng nhất để ứng phó với biến đổi khí hậu là tiết kiệm năng lượng. Theo báo cáo của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), ngành năng lượng chiếm tới 73% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu. Vì vậy, việc giảm tiêu thụ năng lượng là chìa khóa để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Học sinh chúng ta có thể đóng góp bằng những hành động đơn giản như tắt đèn, quạt, điều hòa khi không sử dụng, hạn chế sử dụng thiết bị điện tử, và sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện. Trường THPT Chuyên Hà Nội – Amsterdam đã triển khai thành công chương trình “Green School”, trong đó học sinh được khuyến khích đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng phương tiện công cộng, giúp giảm lượng khí thải từ phương tiện giao thông cá nhân.

Bên cạnh đó, việc giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng rác thải cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi ngày Việt Nam thải ra khoảng 60.000 tấn rác thải rắn sinh hoạt, trong đó chỉ có khoảng 10% được tái chế. Điều này không chỉ gây ô nhiễm môi trường mà còn lãng phí tài nguyên. Học sinh chúng ta có thể bắt đầu bằng việc phân loại rác tại nguồn, hạn chế sử dụng túi nilon và đồ nhựa dùng một lần, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, và tham gia các hoạt động thu gom và tái chế rác thải của nhà trường và địa phương. Trường THCS Giảng Võ (Hà Nội) đã trở thành hình mẫu điển hình khi xây dựng thành công mô hình “Trường học không rác thải”, trong đó học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động giảm thiểu và tái chế rác thải.

Trồng cây xanh là một giải pháp khác không kém phần quan trọng. Cây xanh không chỉ hấp thụ khí CO₂, giảm hiệu ứng nhà kính mà còn giúp điều hòa khí hậu, làm sạch không khí, và bảo vệ đất. Chương trình “Vì một Việt Nam xanh” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các tổ chức phi chính phủ triển khai đã khơi dậy phong trào trồng cây trong cộng đồng học sinh, góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc, và cải thiện môi trường sống.

Cuối cùng, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường là yếu tố then chốt để tạo ra sự thay đổi tích cực. Chúng ta cần chủ động tìm hiểu về biến đổi khí hậu và các giải pháp bảo vệ môi trường thông qua sách báo, internet, các chương trình giáo dục, và chia sẻ kiến thức với bạn bè, gia đình và cộng đồng. Các câu lạc bộ môi trường trong trường học là một diễn đàn tuyệt vời để học sinh cùng nhau trao đổi, học hỏi, và thực hiện các dự án bảo vệ môi trường.

Bản thân tôi luôn cố gắng thực hiện những hành động nhỏ để bảo vệ môi trường. Tôi luôn mang theo bình nước cá nhân để hạn chế sử dụng chai nhựa dùng một lần. Tôi tham gia trồng cây xanh ở trường và khu dân cư. Tôi cũng chia sẻ thông tin về môi trường và biến đổi khí hậu với bạn bè và người thân để nâng cao nhận thức của mọi người.

Bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của tất cả chúng ta. Mỗi hành động nhỏ của chúng ta đều có thể tạo nên sự khác biệt lớn. Hãy chung tay hành động vì một tương lai xanh, sạch và bền vững cho Trái Đất. "Trái Đất không phải là tài sản mà chúng ta được thừa hưởng từ cha ông, mà là món quà mà chúng ta vay mượn từ con cháu." - Hãy cùng nhau bảo vệ món quà vô giá này!

Đề 2: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là một học sinh, em hãy đề xuất những giải pháp phù hợp để hạn chế sử dụng túi ni-lon trong đời sống?"

Dàn ý

I. MỞ BÀI

Túi ni-lông, một vật dụng quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, đang trở thành mối đe dọa nghiêm trọng đối với môi trường và sức khỏe con người. Với đặc tính tiện lợi và giá thành rẻ, túi ni-lông được sử dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực, từ mua sắm, đựng thực phẩm đến đóng gói hàng hóa. Tuy nhiên, việc lạm dụng túi ni-lông đã và đang gây ra những hậu quả khôn lường, đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ, để tìm ra giải pháp khắc phục.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích vấn đề

Túi ni-lông là loại túi được làm từ nhựa polyethylene, có khả năng chống thấm nước và chịu được lực kéo đứt tốt. Tuy nhiên, túi ni-lông rất khó phân hủy trong môi trường tự nhiên. Theo các nghiên cứu khoa học, một chiếc túi ni-lông thông thường có thể mất hàng trăm năm, thậm chí hàng nghìn năm để phân hủy hoàn toàn. Trong quá trình phân hủy, túi ni-lông sẽ giải phóng ra các chất độc hại, gây ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

2. Phân tích vấn đề

Thực trạng:

Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi ngày Việt Nam thải ra môi trường khoảng 25 triệu túi ni-lông. Con số này cho thấy mức độ sử dụng túi ni-lông ở nước ta đang ở mức báo động. Túi ni-lông không chỉ gây ô nhiễm môi trường sống mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. Các chất độc hại từ túi ni-lông có thể xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp, tiêu hóa và da, gây ra nhiều bệnh nguy hiểm như ung thư, dị tật bẩm sinh...

Nguyên nhân:

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng lạm dụng túi ni-lông. Thứ nhất, do thói quen sử dụng túi ni-lông của người dân. Túi ni-lông tiện lợi, dễ sử dụng và giá thành rẻ nên được nhiều người lựa chọn. Thứ hai, do ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế. Nhiều người chưa nhận thức được tác hại của túi ni-lông đối với môi trường và sức khỏe. Thứ ba, do công tác quản lý, kiểm soát việc sản xuất và sử dụng túi ni-lông chưa hiệu quả.

Hậu quả:

Nếu tình trạng lạm dụng túi ni-lông không được kiểm soát, hậu quả sẽ rất nghiêm trọng. Môi trường sống sẽ bị ô nhiễm nặng nề, ảnh hưởng đến sức khỏe của các thế hệ hiện tại và tương lai. Nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ bị cạn kiệt do việc sản xuất túi ni-lông tiêu tốn rất nhiều năng lượng và nguyên liệu.

Ý kiến trái chiều:

Một số người cho rằng việc hạn chế sử dụng túi ni-lông là không cần thiết vì túi ni-lông mang lại nhiều tiện ích cho cuộc sống. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Túi ni-lông chỉ mang lại lợi ích trước mắt, còn tác hại của nó đối với môi trường và sức khỏe là lâu dài và nghiêm trọng.

3. Giải pháp

3.1. Nâng cao nhận thức cộng đồng:

- **Người thực hiện:** Các tổ chức chính phủ, trường học, cơ quan truyền thông.

- **Cách thực hiện:** Tổ chức các buổi tuyên truyền, hội thảo, cuộc thi về tác hại của túi ni-lông và lợi ích của việc sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường. Sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, truyền hình, mạng xã hội để lan tỏa thông điệp.
- **Công cụ hỗ trợ:** Ấn phẩm truyền thông, video, infographic, website, ứng dụng di động.
- **Phân tích:** Nâng cao nhận thức là bước đầu tiên và quan trọng nhất để thay đổi hành vi của người dân. Khi mọi người hiểu rõ về tác hại của túi ni-lông, họ sẽ có động lực để thay đổi thói quen sử dụng.
- **Dẫn chứng:** Tại Việt Nam, chiến dịch "Chống rác thải nhựa" đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa, trong đó có túi ni-lông.

3.2. Khuyến khích sử dụng túi thân thiện với môi trường:

- **Người thực hiện:** Các doanh nghiệp sản xuất, siêu thị, cửa hàng.
- **Cách thực hiện:** Sản xuất và cung cấp các loại túi thân thiện với môi trường như túi giấy, túi vải, túi tự hủy sinh học. Tổ chức các chương trình khuyến mãi, giảm giá cho khách hàng sử dụng túi thân thiện với môi trường.
- **Công cụ hỗ trợ:** Các sản phẩm túi thân thiện với môi trường đa dạng về mẫu mã, chất lượng.
- **Phân tích:** Việc cung cấp các sản phẩm thay thế túi ni-lông sẽ giúp người dân có nhiều lựa chọn hơn và dễ dàng thay đổi thói quen sử dụng.
- **Dẫn chứng:** Tại nhiều siêu thị ở Việt Nam, việc sử dụng túi giấy thay thế túi ni-lông đã trở nên phổ biến.

3.3. Áp dụng chính sách thuế, phí đối với túi ni-lông:

- **Người thực hiện:** Chính phủ.
- **Cách thực hiện:** Áp dụng thuế, phí đối với việc sản xuất và sử dụng túi ni-lông. Sử dụng số tiền thu được để đầu tư vào các hoạt động bảo vệ môi trường.
- **Công cụ hỗ trợ:** Các văn bản pháp luật, chính sách về thuế, phí.
- **Phân tích:** Chính sách thuế, phí sẽ tác động trực tiếp đến giá thành của túi ni-lông, từ đó khuyến khích người dân giảm thiểu việc sử dụng.
- **Dẫn chứng:** Tại Ireland, việc áp dụng thuế đối với túi ni-lông đã giúp giảm 90% lượng tiêu thụ túi ni-lông trong vòng một năm.

3.4. Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý túi ni-lông hiệu quả:

- **Người thực hiện:** Chính quyền địa phương, các doanh nghiệp xử lý chất thải.
- **Cách thực hiện:** Xây dựng các điểm thu gom túi ni-lông tại các khu dân cư, trường học, chợ. Đầu tư vào công nghệ xử lý túi ni-lông tiên tiến, thân thiện với môi trường.
- **Công cụ hỗ trợ:** Thùng rác phân loại, hệ thống xử lý chất thải hiện đại.
- **Phân tích:** Việc thu gom và xử lý túi ni-lông đúng cách sẽ giúp giảm thiểu lượng túi ni-lông thải ra môi trường, đồng thời tạo ra nguồn nguyên liệu tái chế.
- **Dẫn chứng:** Tại Nhật Bản, hệ thống thu gom và tái chế rác thải nhựa, bao gồm cả túi ni-lông, đã đạt hiệu quả cao, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân em đã và đang thực hiện những giải pháp trên. Em luôn mang theo túi vải khi đi mua sắm, từ chối sử dụng túi ni-lông khi không cần thiết. Em cũng thường xuyên chia sẻ thông tin về tác hại của túi ni-lông với bạn bè, người thân và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do nhà trường tổ chức.

III. KẾT BÀI

Hạn chế sử dụng túi ni-lông là trách nhiệm của mỗi người, đặc biệt là học sinh - thế hệ tương lai của đất nước. Bằng những hành động nhỏ nhưng thiết thực, chúng ta có thể góp phần bảo vệ môi trường sống và xây dựng một tương lai xanh, sạch, đẹp.

Bài làm tham khảo

Túi ni-lông, vật dụng quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày, đã trở thành một phần không thể thiếu trong hoạt động mua sắm, đựng thực phẩm và đóng gói hàng hóa. Tuy nhiên, sự tiện lợi và giá

thành rở của túi ni-lông đã dẫn đến tình trạng lạm dụng, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường và sức khỏe con người.

Túi ni-lông được làm từ nhựa polyethylene, một loại vật liệu rất khó phân hủy trong môi trường tự nhiên. Theo nghiên cứu, một chiếc túi ni-lông thông thường có thể mất từ 500 đến 1.000 năm để phân hủy hoàn toàn. Trong quá trình này, chúng giải phóng ra các chất độc hại như chì, cadimi, thủy ngân,... ngấm vào đất và nguồn nước, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Thực trạng sử dụng túi ni-lông ở Việt Nam đang ở mức báo động. Theo thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi ngày Việt Nam thải ra môi trường khoảng 25 triệu túi ni-lông. Con số này tương đương với khoảng 9 tỷ túi ni-lông mỗi năm, góp phần làm gia tăng lượng rác thải nhựa trên toàn cầu. Túi ni-lông không chỉ gây ô nhiễm môi trường đất và nước mà còn làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước, gây ngập úng, tạo điều kiện cho vi khuẩn, muỗi phát triển, lây lan dịch bệnh.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng lạm dụng túi ni-lông. Thứ nhất, do thói quen sử dụng túi ni-lông của người dân. Túi ni-lông tiện lợi, dễ sử dụng và giá thành rẻ nên được nhiều người lựa chọn mà không quan tâm đến tác hại của nó. Thứ hai, do ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế. Nhiều người chưa nhận thức được tác hại của túi ni-lông đối với môi trường và sức khỏe, thậm chí có người biết nhưng vẫn thờ ơ, vô trách nhiệm. Thứ ba, do công tác quản lý, kiểm soát việc sản xuất và sử dụng túi ni-lông chưa hiệu quả. Các quy định về hạn chế sử dụng túi ni-lông chưa được thực hiện nghiêm túc, chế tài xử phạt chưa đủ sức răn đe.

Một số người cho rằng việc hạn chế sử dụng túi ni-lông là không cần thiết vì túi ni-lông mang lại nhiều tiện ích cho cuộc sống. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Túi ni-lông chỉ mang lại lợi ích trước mắt, còn tác hại của nó đối với môi trường và sức khỏe là lâu dài và nghiêm trọng.

Để giảm thiểu tác hại của túi ni-lông, chúng ta cần hành động ngay từ hôm nay. Trước hết, để thay đổi một thói quen đã ăn sâu vào nếp sống, cần bắt đầu từ việc nâng cao nhận thức cộng đồng. Chính phủ, nhà trường và các cơ quan truyền thông cần chung tay tổ chức các hoạt động tuyên truyền đa dạng như hội thảo, cuộc thi sáng tạo về tác hại của túi ni-lông và lợi ích của việc sử dụng các sản phẩm thay thế thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, việc tận dụng sức mạnh của truyền thông đại chúng như báo chí, truyền hình và mạng xã hội sẽ giúp thông điệp này lan tỏa rộng rãi, chạm đến mọi tầng lớp người dân. Tại Việt Nam, chiến dịch "Chống rác thải nhựa" đã cho thấy hiệu quả tích cực trong việc nâng cao ý thức cộng đồng về vấn đề ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa, trong đó có túi ni-lông.

Song song với việc nâng cao nhận thức, cần có những giải pháp thiết thực để thay đổi hành vi tiêu dùng. Các doanh nghiệp sản xuất và phân phối có vai trò quan trọng trong việc khuyến khích người dân sử dụng túi thân thiện với môi trường. Bằng cách sản xuất và cung cấp đa dạng các loại túi giấy, túi vải, túi tự hủy sinh học với mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, cùng với các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, người tiêu dùng sẽ có thêm động lực để chuyển sang sử dụng các sản phẩm này. Thực tế cho thấy, tại nhiều siêu thị lớn ở Việt Nam, việc thay thế túi ni-lông bằng túi giấy đã trở thành một xu hướng được nhiều người hưởng ứng.

Bên cạnh đó, chính phủ cần có những chính sách cụ thể để hạn chế sản xuất và sử dụng túi ni-lông. Việc áp dụng thuế, phí đối với túi ni-lông sẽ tác động trực tiếp đến giá thành sản phẩm, từ đó khuyến khích người dân giảm thiểu việc sử dụng. Số tiền thu được từ thuế, phí này có thể được sử dụng để đầu tư vào các hoạt động bảo vệ môi trường, tạo ra một vòng tuần hoàn tích cực. Điển hình như tại Ireland, việc áp dụng thuế túi ni-lông đã giúp giảm tới 90% lượng tiêu thụ túi ni-lông chỉ trong vòng một năm.

Cuối cùng, không thể thiếu một hệ thống thu gom và xử lý túi ni-lông hiệu quả. Chính quyền địa phương và các doanh nghiệp xử lý chất thải cần phối hợp xây dựng các điểm thu gom túi ni-lông tại các khu dân cư, trường học, chợ... Đồng thời, việc đầu tư vào công nghệ xử lý túi ni-lông tiên tiến, thân thiện với môi trường là rất cần thiết. Đây không chỉ là giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường mà còn tạo ra nguồn nguyên liệu tái chế quý giá. Nhật Bản là một ví dụ điển hình cho việc xây dựng hệ thống thu gom và tái chế rác thải nhựa, bao gồm cả túi ni-lông, đạt hiệu quả cao.

Bản thân em đã và đang thực hiện những giải pháp trên. Em luôn mang theo túi vải khi đi mua sắm, từ chối sử dụng túi ni-lông khi không cần thiết. Em cũng thường xuyên chia sẻ thông tin về tác hại của túi ni-lông với bạn bè, người thân và tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do nhà trường tổ chức.

Hạn chế sử dụng túi ni-lông không chỉ là trách nhiệm của mỗi học sinh mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Bằng những hành động nhỏ nhưng thiết thực, chúng ta có thể góp phần bảo vệ môi trường sống, bảo vệ sức khỏe của chính mình và các thế hệ mai sau. Hãy hành động ngay hôm nay vì một tương lai xanh, sạch, đẹp.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là một học sinh, em hãy đề xuất những giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề ô nhiễm chất thải công nghiệp?"

Dàn ý

I. MỞ BÀI

Trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hiện nay, ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm chất thải công nghiệp nói riêng đã trở thành một vấn đề nhức nhối, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe con người và sự phát triển bền vững của đất nước. Là một học sinh, tôi nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào công cuộc chung này.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích vấn đề

Chất thải công nghiệp là những chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp. Chúng bao gồm các loại chất thải rắn, lỏng, khí có chứa các chất độc hại, nguy hiểm như kim loại nặng, hóa chất, chất phóng xạ,...

2. Phân tích vấn đề

- **Thực trạng:** Theo số liệu thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường, mỗi năm Việt Nam thải ra môi trường khoảng 18 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, trong đó có tới 30% là chất thải nguy hại. Tình trạng này diễn ra phổ biến ở các khu công nghiệp, làng nghề, gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, đất, không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân.
- **Nguyên nhân:** Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm chất thải công nghiệp như:
 - Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp còn kém.
 - Công nghệ xử lý chất thải lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu.
 - Hệ thống quản lý chất thải chưa được hoàn thiện.
 - Sự thiếu quan tâm, giám sát của các cơ quan chức năng.
- **Hậu quả:** Ô nhiễm chất thải công nghiệp gây ra những hậu quả nặng nề:
 - Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, làm suy thoái đa dạng sinh học.
 - Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người, gây ra các bệnh về đường hô hấp, tim mạch, ung thư,...
 - Gây thiệt hại về kinh tế do chi phí xử lý ô nhiễm, giảm năng suất lao động, mất nguồn thu từ du lịch,...
- **Ý kiến trái chiều:** Một số người cho rằng việc phát triển công nghiệp là tất yếu và ô nhiễm môi trường là cái giá phải trả. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Chúng ta hoàn toàn có thể phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường nếu có những chính sách, giải pháp phù hợp.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

3.1. Nâng cao nhận thức về ô nhiễm chất thải công nghiệp:

- **Người thực hiện:** Học sinh, giáo viên, nhà trường.
- **Cách thực hiện:**
 - Tổ chức các buổi sinh hoạt, ngoại khóa, cuộc thi về môi trường, tập trung vào vấn đề chất thải công nghiệp.
 - Lồng ghép kiến thức về ô nhiễm chất thải công nghiệp vào các môn học như Hóa học, Sinh học, Địa lý.
 - Sử dụng các phương tiện truyền thông như báo tường, website, mạng xã hội để tuyên truyền, chia sẻ thông tin.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sách báo, tài liệu, phim ảnh, internet.

- **Lí giải/phân tích:** Nâng cao nhận thức là bước đầu tiên và quan trọng nhất để thay đổi hành vi và thúc đẩy hành động. Khi hiểu rõ về tác hại của ô nhiễm chất thải công nghiệp, học sinh sẽ có ý thức hơn trong việc bảo vệ môi trường và có những hành động thiết thực để giảm thiểu chất thải.
- **Dẫn chứng:** Nhiều trường học ở Việt Nam đã tổ chức thành công các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi về môi trường, thu hút sự tham gia tích cực của học sinh. Ví dụ, trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam đã tổ chức cuộc thi "Sáng tạo xanh" với các sản phẩm tái chế từ chất thải, góp phần nâng cao nhận thức và khuyến khích học sinh sáng tạo giải pháp bảo vệ môi trường.

3.2. Phân loại và thu gom chất thải tại nguồn:

- **Người thực hiện:** Học sinh, nhân viên nhà trường, gia đình.
- **Cách thực hiện:**
 - Đặt các thùng rác phân loại tại trường học, gia đình, nơi công cộng.
 - Hướng dẫn học sinh, người dân cách phân loại chất thải đúng cách.
 - Liên hệ với các cơ sở thu gom, tái chế chất thải để xử lý chất thải đã phân loại.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Thùng rác phân loại, biển báo hướng dẫn, ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý chất thải.
- **Lí giải/phân tích:** Phân loại và thu gom chất thải tại nguồn giúp giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái chế và xử lý chất thải.
- **Dẫn chứng:** Mô hình "Phân loại rác tại nguồn" đã được triển khai thành công ở nhiều thành phố lớn trên thế giới như Thụy Điển, Đức, Nhật Bản. Tại Việt Nam, một số địa phương như Đà Nẵng, Hội An cũng đã áp dụng mô hình này và đạt được những kết quả tích cực trong việc giảm thiểu lượng rác thải ra môi trường.

3.3. Tiết kiệm và tái sử dụng:

- **Người thực hiện:** Học sinh, gia đình.
- **Cách thực hiện:**
 - Sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy.
 - Tái sử dụng các vật dụng có thể tái sử dụng như chai lọ, túi nilon.
 - Sáng tạo các sản phẩm tái chế từ chất thải.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, các vật liệu tái chế.
- **Lí giải/phân tích:** Tiết kiệm và tái sử dụng giúp giảm thiểu nhu cầu sản xuất mới, từ đó giảm thiểu lượng chất thải công nghiệp phát sinh.
- **Dẫn chứng:** Phong trào "Sống xanh" đang được nhiều bạn trẻ trên thế giới hưởng ứng, với các hoạt động như sử dụng túi vải thay túi nilon, mang bình nước cá nhân, hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần. Tại Việt Nam, nhiều bạn trẻ cũng đã khởi xướng các dự án tái chế sáng tạo, góp phần giảm thiểu chất thải và lan tỏa thông điệp sống xanh đến cộng đồng.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân tôi luôn ý thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường. Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động ngoại khóa về môi trường, thu gom rác thải, trồng cây xanh. Tôi cũng luôn cố gắng sống xanh, tiết kiệm năng lượng, hạn chế sử dụng túi nilon, đồ nhựa dùng một lần.

III. KẾT BÀI

Ô nhiễm chất thải công nghiệp là một vấn đề nghiêm trọng cần được giải quyết một cách triệt để. Là một học sinh, tôi sẽ tiếp tục nỗ lực học tập, rèn luyện để trở thành một công dân có ích cho xã hội, góp phần xây dựng một môi trường sống trong lành, bền vững cho thế hệ mai sau. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người. Hãy cùng chung tay hành động để bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta.

Bài làm tham khảo

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ, ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm chất thải công nghiệp nói riêng đã trở thành một vấn nạn nhức nhối, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe con người và sự phát triển bền vững của đất nước. Là một học sinh, tôi nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và mong muốn đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào công cuộc chung này.

Chất thải công nghiệp là những chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp. Chúng bao gồm các loại chất thải rắn, lỏng, khí có chứa các chất độc hại, nguy hiểm như kim loại nặng, hóa chất, chất phóng xạ,... Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường năm 2022, mỗi năm Việt Nam thải ra môi trường khoảng 18 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp,

trong đó có tới 30% là chất thải nguy hại. Tình trạng này diễn ra phổ biến ở các khu công nghiệp, làng nghề như làng nghề tái chế phế liệu ở xã Liên Hà, huyện Đông Anh, Hà Nội, gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, đất, không khí, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm chất thải công nghiệp. Thứ nhất, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp còn kém. Họ thường xuyên xả thải trái phép, không qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn ra môi trường. Thứ hai, công nghệ xử lý chất thải của nhiều doanh nghiệp còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu. Thứ ba, hệ thống quản lý chất thải chưa được hoàn thiện, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng. Cuối cùng, sự thiếu quan tâm, giám sát của các cơ quan chức năng cũng là một nguyên nhân quan trọng.

Hậu quả của ô nhiễm chất thải công nghiệp là vô cùng nặng nề. Đất bị ô nhiễm khiến cây trồng không thể sinh trưởng, phát triển, thậm chí gây ra những vụ ngộ độc tập thể. Nước bị ô nhiễm gây ra các bệnh về đường tiêu hóa, da liễu, thậm chí ung thư. Không khí bị ô nhiễm gây ra các bệnh về đường hô hấp, tim mạch. Vụ việc Formosa Hà Tĩnh năm 2016 đã gây ra thảm họa môi trường biển nghiêm trọng, ảnh hưởng đến đời sống của hàng triệu người dân.

Tuy nhiên, một số người cho rằng việc phát triển công nghiệp là tất yếu và ô nhiễm môi trường là cái giá phải trả. Họ cho rằng việc đầu tư vào công nghệ xử lý chất thải sẽ làm tăng chi phí sản xuất, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Chúng ta hoàn toàn có thể phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường nếu có những chính sách, giải pháp phù hợp.

Để giải quyết vấn đề này, cần có sự chung tay của toàn xã hội. Trước hết, nâng cao nhận thức về vấn đề ô nhiễm chất thải công nghiệp là chìa khóa then chốt để thay đổi hành vi và thúc đẩy hành động tích cực. Theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Việt Nam thải ra môi trường khoảng 18 triệu tấn chất thải công nghiệp rắn mỗi năm, trong đó chỉ có khoảng 60% được xử lý. Con số này cho thấy mức độ nghiêm trọng của vấn đề và sự cần thiết phải nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ. Các trường học cần tích cực lồng ghép kiến thức về ô nhiễm chất thải công nghiệp vào chương trình giảng dạy, tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, cuộc thi sáng tạo về môi trường. Một ví dụ điển hình là trường THPT Chuyên Hà Nội - Amsterdam với cuộc thi "Sáng tạo xanh" đã thu hút đông đảo học sinh tham gia, tạo ra nhiều sản phẩm tái chế độc đáo từ chất thải, góp phần nâng cao nhận thức và khơi dậy tinh thần sáng tạo của học sinh trong việc bảo vệ môi trường.

Tiếp theo, việc phân loại và thu gom chất thải tại nguồn là một giải pháp quan trọng để giảm thiểu lượng chất thải ra môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái chế. Ở các nước phát triển như Thụy Điển, hơn 99% rác thải được tái chế hoặc sử dụng để sản xuất năng lượng. Tại Việt Nam, mô hình "Phân loại rác tại nguồn" đã được triển khai thành công ở một số địa phương như Đà Nẵng, Hội An, góp phần giảm đáng kể lượng rác thải chôn lấp và ô nhiễm môi trường. Học sinh có thể đóng vai trò quan trọng trong việc này bằng cách thực hiện phân loại rác tại trường học, gia đình và vận động người thân, bạn bè cùng tham gia.

Bên cạnh đó, tiết kiệm và tái sử dụng là những hành động nhỏ nhưng mang lại ý nghĩa lớn trong việc giảm thiểu chất thải công nghiệp. Theo thống kê, mỗi người Việt Nam thải ra khoảng 1,2kg rác thải mỗi ngày, trong đó có nhiều vật dụng có thể tái sử dụng hoặc tái chế như chai nhựa, túi nilon, giấy báo. Việc sử dụng tiết kiệm điện, nước, giấy và tái sử dụng các vật dụng này không chỉ giúp giảm thiểu lượng chất thải mà còn tiết kiệm tài nguyên và giảm chi phí. Phong trào "Sống xanh" đang được lan tỏa mạnh mẽ trong giới trẻ, với những hành động thiết thực như sử dụng túi vải, bình nước cá nhân, hạn chế sử dụng đồ nhựa dùng một lần.

Là một học sinh, tuy không thể trực tiếp tham gia vào quá trình xử lý chất thải công nghiệp, nhưng tôi nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ môi trường. Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động ngoại khóa về môi trường, thu gom rác thải, trồng cây xanh. Tôi cũng chia sẻ những kiến thức về bảo vệ môi trường cho bạn bè, người thân và cộng đồng. Tôi tin rằng mỗi hành động nhỏ của mình sẽ góp phần làm cho môi trường sống trở nên tốt đẹp hơn.

Ô nhiễm chất thải công nghiệp là một vấn đề nghiêm trọng, đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội. Là một học sinh, tôi sẽ tiếp tục nỗ lực học tập, rèn luyện để trở thành một công dân có ích cho xã hội, góp phần xây dựng một môi trường sống trong lành, bền vững cho thế hệ mai sau. Hãy cùng nhau hành động vì một Việt Nam xanh, sạch, đẹp!

CHỦ ĐỀ 2: BÀI 2 NHỮNG CUNG BẠC TÂM TRẠNG

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**A. MỤC TIÊU****I. Năng lực**

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - Năng lực nhận biết các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát.
 - Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ song thất lục bát ngoài SGK.
 - Năng lực cảm thụ văn học.

II. Phẩm chất

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.
- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.**2. Tiến hành ôn tập.****HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về thể loại thơ song thất lục bát****1. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể thơ song thất lục bát.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát.
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.
- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm, HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại thơ song thất lục bát. Câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại. Em hãy nêu chủ đề của tác phẩm văn học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> HS tích cực trả lời. GV khích lệ, động viên. Bước 3: Báo cáo sản phẩm <ul style="list-style-type: none"> HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, nhận xét	I. TRI THỨC NỀN VỀ THỂ LOẠI THƠ SONG THẤT LỤC BÁT <ol style="list-style-type: none"> Khái niệm <ul style="list-style-type: none"> <i>Song thất lục bát là thể thơ mà trong đó mỗi khổ thơ gồm hai câu 7 chữ (song thất), một câu sáu chữ, một câu tám chữ (lục bát). Bốn câu dài ngắn khác nhau tạo thành một khổ và luân phiên kéo dài bao nhiêu khổ cũng được.</i> <i>Đặc điểm cấu tạo của nhịp điệu thơ song thất lục bát là hai câu thất thường ngắt nhịp cố định 3 / 4 (khác với câu thất ngôn của thơ Đường luật thường ngắt nhịp 4 / 3), còn câu lục và câu bát có thể ngắt nhịp linh hoạt hơn. Như thế, hai câu ngắt nhịp cố định đi liền với hai câu ngắt nhịp bất định lặp đi lặp lại theo những chu kì. Cấu trúc nhịp điệu này rất thích hợp để diễn tả những tâm trạng buồn triền miên, ít biến động. Về gieo vần, thể song thất lục bát có cả vần trắc và vần bằng, vần chân và vần lưng.</i> Định hướng cách đọc hiểu thơ song thất lục bát. <ul style="list-style-type: none"> + Bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát? + Xác định chủ đề, bố cục của bài thơ và mối quan hệ giữa các câu thơ trong bài.

+ Tìm hiểu các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng. Chú ý nhịp điệu bài thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ VÀ ĐỀ SONG THẤT LỤC BÁT TIÊU BIỂU HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện truyền kỳ (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp...); cách đọc hiểu văn bản truyện truyền kỳ.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>❖ Mục tiêu: giúp HS khắc sâu các đơn vị kiến thức đã học qua hệ thống các phiếu bài tập đọc hiểu.</p> <p>❖ Tổ chức thực hiện:</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu bài tập. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện nhanh các phiếu. <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. 	<p>II. LUYỆN TẬP KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN</p> <p>Các bài làm của học sinh</p>

CÁC NGỮ LIỆU NGOÀI SGK SỬ DỤNG LÀM ĐỀ LUYỆN ĐỌC HIỂU CHO HS *Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến*

“Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,

Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo,

Có khi tăng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang,
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,

Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần trước sau,
Buổi dương cừu cùng nhau hoạn nạn,
Phận đầu thặng chẳng dám tham trời,

Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần,

Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,

Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày,

Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mãi lên tiên,

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,

Giường kia treo những hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn,
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương,

Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan."

***Chú thích:**

- Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) hiệu là Quế Sơn, tên lúc nhỏ là Nguyễn Thắng, sinh tại quê ngoại là xã Hoàng Xá (nay thuộc Yên Trung), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.
- Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo.
- Năm 1864, ông đỗ đầu trong kỳ thi Hương. Nhưng mấy kì thi sau lại trượt, cho đến năm 1871, ông mới đỗ đầu cả kỳ thi Hội và thi Đình.
- Ông được người đời gọi là Tam Nguyên Yên Đổ (do đỗ đầu cả ba kỳ thi).
- Tuy vậy, ông chỉ làm quan có hơn mười năm, còn lại cuộc đời đều sống thanh bạch bằng nghề dạy học tại quê nhà.
- Nguyễn Khuyến là một người tài năng, có tấm lòng yêu nước thương dân.
- Sáng tác của ông bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với hơn 800 bài gồm nhiều thể loại: thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ.
- Thơ ông thường viết về đề tài tình yêu quê hương đất nước, bạn bè, gia đình; phản ánh cuộc sống của những con người thuần hậu, chất phác; châm biếm đả kích bọn thực dân xâm lược...
- Một số tác phẩm tiêu biểu: Quế Sơn thi tập, Yên Đổ thi tập, Bách liêu thi văn tập, Cầm Ngũ, cùng nhiều bài ca, hát ả đào, văn tế, câu đối truyền miệng...

*** Nhà thơ Dương Khuê:**

- Dương Khuê (1839 – 1902) người làng Vân Đình, tổng Phương Đình, tỉnh Hà Đông (nay là Ứng Hòa, Hà Nội).
- Ông đỗ tiến sĩ năm 1868, làm quan đến chức Tổng đốc Nam Định, Ninh Bình. Ông là bạn của Nguyễn Khuyến.

*** Văn bản Khóc Dương Khuê:**

- Được viết theo thể thơ song thất lục bát
- Ngôn ngữ bình dị
- Sử dụng kết hợp các biện pháp nghệ thuật: nói giảm nói tránh + các câu hỏi tu từ + điệp từ...
- Bố cục gồm 3 phần:
- + Phần 1. Hai câu thơ đầu: Nỗi đau mất bạn của nhà thơ.
- + Phần 2. Tiếp theo đến “Mừng rằng bác hãy tinh thần chưa can”: Hồi tưởng kỉ niệm đẹp đẽ về tình bạn.
- + Phần 3. Còn lại: Nỗi cô đơn của hiện tại.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc bài thơ Khóc Dương Khuê và trả lời câu hỏi

Câu 1. Nội dung chính của bài thơ là gì? Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự nào?

Trả lời:

Nội dung chính của bài thơ Khóc Dương Khuê nói lên nỗi lòng đau xót khôn nguôi của tác giả trước việc người bạn tri kỉ đã qua đời.

Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm gì với bạn, theo trình tự:

Cách 1

- Nhà thơ nhắc lại những kỉ niệm: từ thuở đăng khoa sớm hôm cạnh nhau, khi chơi nơi dặm khách nghe tiếng suối, khi từng gác cheo leo, nghe con hát cầm xoang, cùng uống rượu, có khi soạn câu văn, cùng nhau chung hoạn nạn...

- Trình tự: hồi tưởng của dòng cảm xúc thời gian.

Câu 2. Tình bạn thâm thiết, thủy chung giữa hai người được thể hiện như thế nào?

Trả lời:

Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

- Câu thơ đọc lên nghe nhói đau, quặn thắt bởi cái sự không lành kia đến đột ngột quá. Câu lục ngắt nhịp 2/1/3 thể hiện đúng cái trường độ đứt đoạn của những tiếng nấc tắc nghẹn trong nỗi đau đến quá đỗi bất ngờ. Trong khi đó nhịp thơ dần trải và đều đặn ở câu bát làm nỗi đau lan toả ra khắp không gian, trời đất. Một tượng đài đáng kính, đáng trọng trong lòng nhà thơ vừa mất đi một cách quá bàng hoàng khiến người trong cuộc choáng váng, tiếc nuối mà biết rằng không thể cưỡng lại được.

- Đau gắn với nhớ, càng nhớ càng đau. Hiện tại phũ phàng khơi gợi về những ngày tươi đẹp trong quá khứ để rồi khi những kỉ niệm kia vụt tan thì hiện thực lại càng gợi sự đớn đau quặn thắt hơn. Câu thơ lặng lẽ trôi về quá khứ, dựng dậy cả một thời "quá khứ hoàng kim" của tình bạn, với mấy chục năm trời gắn bó:

+ Từ buổi đầu gặp gỡ ("thừa đăng khoa ngày trước") đến tận khi tóc bạc da mồi ("Bác già tôi cũng già rồi");

+ Có lúc thật phong lưu tài tử ("Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang") lại có khi chia sẻ cay đắng gian nan ("Buổi dương cừu cùng nhau hoạn nạn"),...

=> Đường như nỗi đau mất bạn như đang muốn tựa vào quá khứ để níu giữ một cái đã vĩnh viễn mất đi. Nguyễn Khuyến không đối diện với quá khứ mà sống cùng nó, sống trong nó. Cái chết không thể chôn vùi được những giá trị tinh thần cao quý. Tình bạn nặng trĩu trong từng câu chữ. Cái tình không chỉ là yêu thương, quý mến,... mà là "kính yêu" - cái tình của hai trí thức lớn. Đoạn thơ hồi tưởng không ồn ào mà đầm thắm, thiết tha, sâu lắng.

Câu 3. Đây là một bài thơ có nghệ thuật tu từ đặc sắc. Hãy phân tích những biện pháp nghệ thuật tu từ thể hiện nỗi trống vắng của nhà thơ khi bạn qua đời.

Trả lời:

- Nghệ thuật nói giảm nói tránh "Bác Dương thôi đã thôi rồi"

- Nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối bài thơ. Hàng loạt các câu thơ như: Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mãi lên tiên, ... Để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi

- Điệp từ không dùng rất hợp hoàn cảnh và đặc sắc. Chỉ một cặp lục bát mà chồng xếp 5 chữ không diễn tả thật đúng cái trống vắng khi mất bạn. Để rồi kết đọng trong tiếng khóc đáng thương của người bạn già tri kỉ. Câu thơ cuối buông nhẹ mà khơi gợi, xót đau, hờn tủi.

Bài thơ rất thành công trong nghệ thuật tu từ, nhất là nghệ thuật sử dụng các câu hỏi tu từ trong đoạn cuối của bài thơ. Có thể thấy hàng loạt các câu thơ như: *Làm sao bác vội về ngay; Vội vàng sao đã mãi lên tiên*,... để rồi lắng đọng trong những câu thơ hụt hẫng, chơi vơi:

Rượu ngon không có bạn hiền,

Không mua không phải không tiền không mua.

Hư từ không dùng trong trường hợp này thật hợp và cũng thật sắc. Không mua rượu không phải vì không tiền, mà vì mất bạn. Không có tri kỉ thì độc ẩm chỉ tăng thêm nỗi xót xa. Chữ không tạo thành nghịch lí: Có tiền mà không mua. Chuyện uống rượu đối với nhà thơ đã thành "nghĩa tửu" bởi thế mà nó không chỉ còn là câu chuyện vật chất tầm thường nữa. Chỉ một cặp lục bát mà chồng xếp 5 chữ không diễn tả thật đúng cái trống vắng khủng khiếp khi mất bạn: Câu thơ không viết, câu thơ không biết đưa ai, chiếc giường treo không bạn, tiếng đàn ngơ ngẩn không tri âm. Ý thơ trống vắng, chơi vơi để rồi kết đọng trong tiếng khóc đáng thương của người bạn già tri kỉ:

Tuổi già hạt lệ như sương,

Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

Ngoài những nghệ thuật tu từ đặc sắc trên, bài thơ cũng sử dụng nhiều biện pháp tu từ khác như: nói giảm ("Bác Dương thôi đã thôi rồi"), nhân hóa ("nước mây man mác"), cách nói so sánh ("tuổi già giọt lệ như sương"), sử dụng lối liệt kê (có lúc, có khi, cũng có khi,...) nhằm tái hiện những kỉ niệm về tình bạn thân thiết và tấm lòng của nhà thơ với bạn.

Câu 4. Bài thơ “**Khóc Dương Khuê**”, Nguyễn Khuyến đã gửi gắm trọn vẹn thông điệp về một tình bạn cao cả, thủy chung, gắn bó và chân thành, không có sự cách biệt về không gian hay thời gian nào có thể phai nhòa đi tình bạn ấy.

Khoảng cách cộng với vinh hoa quý phú cũng không làm mai một đi tình bạn cao đẹp, tuy nhiên trước ngưỡng cửa của sinh lão bệnh tử, có mấy ai mà tránh được.

Câu 5. Bài thơ Khóc Dương Khuê giúp em nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

- Bài thơ giúp em hiểu rằng tình bạn là thứ tình cảm vô cùng thiêng liêng, cao quý trên cuộc đời này.

Chính vì vậy, chúng ta cần quý trọng tình bạn chân thành.

- Tình bạn là thứ tình cảm vô cùng đẹp đẽ, đáng trân trọng trong cuộc đời này.

- Giúp em nhận thức được những tình cảm đáng quý, thiết tha sâu nặng giữa những người tri kỷ, đồng thời ca ngợi, trân trọng và giữ gìn tình bạn mà mình đang có.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

*Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dăm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
Có khi từng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang.
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân.
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần trước sau.
(Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến)*

Câu 1. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ: “Bác Dương thôi đã thôi rồi”.

Câu 2. Nêu nghĩa của từ “xuân” trong câu thơ: “Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân”.

Câu 3. Đoạn thơ trên cho anh/chị suy nghĩ gì về tình bạn của học sinh thời nay?

Lời giải

Câu 1: (1 điểm)

- Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ “Bác Dương thôi đã thôi rồi”: nói giảm (nói tránh).

- Tác dụng: nhà thơ sợ phải nhắc đến một sự thật đau đớn; thể hiện tình cảm buồn thương, nuối tiếc... trong lòng mình.

Câu 2: (1 điểm)

Nghĩa của từ “xuân” trong câu thơ “Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân” chỉ chất men say của rượu ngon, đồng thời cũng có nghĩa bóng chỉ sức sống dạt dào, tình cảm thắm thiết của bạn bè...

Câu 3: (2 điểm)

Suy nghĩ về tình bạn của học sinh thời nay.

- Ở câu này, giám khảo chấm điểm linh hoạt. Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- Học sinh trình bày suy nghĩ của mình với thái độ chân thành, nghiêm túc, có thể theo định hướng sau:

+ Quan niệm về tình bạn, biết phân biệt các biểu hiện tốt và chưa tốt trong tình cảm bạn bè ở tuổi học sinh...

+ Thấy được tầm quan trọng, ý nghĩa của tình bạn...

+ Bản thân phải làm gì để có tình bạn đẹp, có những người bạn tốt ...

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác ngậm mùi lòng ta
Nước từ thuở đặng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.*

(Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến)

Câu 1. Xác định những phương thức biểu đạt đc sử dụng trong đoạn thơ trên?

Câu 2. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?

Câu 3. Từ đoạn thơ trên, anh/chị hãy viết đoạn văn ngắn cảm nhận về tình bạn của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê.

Lời giải

1. Những phương thức biểu đạt được sử dụng là: biểu cảm, tự sự

2. Biện pháp tu từ được sử dụng:

- Nói giảm nói tránh "thôi đã thôi rồi" -> nhằm làm giảm những đau thương mất mát khi Nguyễn Khuyến khóc người bạn thân của mình.

- Nhân hóa "nước mây man mác", "nước từ thuở đặng khoa ngày trước" diễn tả sự đau thương nhuốm cả cảnh vật (Bởi "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ") Non nước như cũng ngậm ngùi khóc thương người bạn của Nguyễn Khuyến.

3. Tình bạn giữa Nguyễn Khuyến với Dương Khuê là tình bạn chân thành và sâu sắc. Bởi qua lời thơ ai oán đau thương, chân tình ấy ta thấy được nỗi đau của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi của bạn.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 4

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

*Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Sao vội vàng đã mãi lên tiên;
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.*

*Câu thơ nghĩ đến đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.
Giường kia treo cũng hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.*
(Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến)

Câu 1: Tóm tắt nội dung đoạn thơ bằng một câu không quá 20 chữ (0.25 điểm)

Câu 2: Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì? Cho biết cách hiệp vần của thể thơ đó (0.5 điểm)

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn thơ từ câu 5 đến câu 8 (0.5 điểm)

Câu 4:

*Câu thơ nghĩ đến đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*

Anh/ chị hãy cho biết : tại sao tác giả lại “ nghĩ đến đo không viết” ? Hai câu thơ trên cho thấy mối quan hệ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê như thế nào? (0.25 điểm)

Lời giải

Câu 1: Nỗi đau khôn tả của Nguyễn Khuyến khi mất bạn (hoặc : nỗi đau rụng rời, hụt hẫng trước sự ra đi vĩnh viễn của bạn)

Câu 2:

- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ song thất lục bát

- cách hiệp vần của thể thơ song thất lục bát như sau:

+ ở cặp song thất, tiếng cuối của câu 1 vần với tiếng thứ 5 của câu 2;

+ ở cặp lục bát, tiếng cuối câu lục vần với tiếng thứ 6 câu bát;

+ Cặp song thất và cặp lục bát vần với nhau theo cách tiếng cuối của câu thất thứ 2 vần với tiếng cuối câu lục.

Câu 3:

- Các biện pháp tu từ : nói giảm (lên tiên – chết); điệp từ (từ “ không” lặp lại 5 lần)

- Tác dụng:

+ dùng cụm từ “ lên tiên” để nói về cái chết nhằm xoa dịu nỗi đau;

+ Điệp từ “ không” nhằm nhấn mạnh nỗi đau hụt hẫng trước sự ra đi vĩnh viễn của bạn

Câu 4: Nguyễn khuyến “ dẫn đo không viết” là vì bạn đã mất rồi, còn ai đọc thơ mình nữa mà viết. Hai câu thơ cho thấy giữa Nguyễn Khuyến và Dương Khuê là một tình bạn tri âm tri kỉ.

1. CHINH PHỤ NGÂM KHÚC – TÁC GIẢ: ĐẶNG TRẦN CÔN DỊCH GIẢ: ĐOÀN THỊ ĐIỂM.

1/ Tác giả Đặng Trần Côn và dịch giả Đoàn Thị Điểm

a. Đặng Trần Côn

Đặng Trần Côn là tác giả của Chinh phụ ngâm, kiệt tác văn học viết bằng chữ Hán của Việt Nam. Tiểu sử của Đặng Trần Côn cho đến nay biết được còn rất ít. Kể cả năm sinh năm mất cũng không biết chính xác. Các nhà nghiên cứu ước đoán ông sinh vào khoảng năm 1710 đến 1720, mất khoảng 1745, sống vào thời vua Lê Chúa Trịnh. Đặng Trần Côn quê ở làng Nhân Mục (còn gọi làng Mọc), huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, tức Hà Tây ngày nay. Ông đỗ Hương cống, nhưng thi Hội thì hỏng. Sau đó làm huấn đạo trường phủ, rồi tri huyện Thanh Oai, sau thăng chức Ngự sử đài đại phu. Có một vài giai thoại về Đặng Trần Côn. Tương truyền lúc ấy chúa Trịnh Giang cấm nhân dân Thăng Long ban đêm không được đốt lửa, để đèn sáng, ông phải đào hầm dưới đất, thấp đèn mà học. Khi mới làm thơ, Đặng Trần Côn có đem đến cho bà Đoàn Thị Điểm xem, Đoàn Thị Điểm cười nói: "nên học thêm sẽ làm thơ." Ngoài Chinh phụ ngâm, Đặng Trần Côn có một số bài thơ, bài phú tả cảnh thiên nhiên, nhưng chỉ còn lưu lại một số bài như *Tiêu tương bát cảnh*, ba bài phú *Trương Hàn tư thuần lộ*, *Trương Lương bố y*, *Khẩu môn thanh*. Khuynh hướng chung của thơ văn ông là đi sâu vào tình cảm, đi sâu vào nỗi lòng trắc ẩn, phức tạp, sâu kín của con người, nhất là đối với người phụ nữ.

b. Đoàn Thị Điểm

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (段氏點) sinh năm 1705 tại làng Giai Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (nay là tỉnh Bắc Ninh) mất năm 1748 tại tỉnh Nghệ An. Bà có tài, có sắc, thông minh từ nhỏ, học văn uyên bác, viết nhiều tác phẩm bằng chữ Hán và chữ Nôm. Tác phẩm nổi tiếng nhất của bà là bản dịch *Chinh phụ ngâm* (Khúc ngâm của người vợ có chồng đi chiến trận). Khúc ngâm này nguyên tác bằng chữ Hán của nhà thơ Đặng Trần Côn (1715-1750) quán làng Nhân Mục (làng Mọc) thuộc Kinh thành Thăng Long. Đoàn Thị Điểm hiệu Hồng Hà nữ sĩ, con của Đoàn Doãn Nghi, em danh sĩ Đoàn Doãn Luân. Tổ quán vốn ở xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc, sau bà và mẹ về ở với anh ở huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng). Năm 16 tuổi, Thượng thư Lê Anh Tuấn muốn xin bà làm con nuôi rồi gả ý muốn tiến bà vào cung chúa Trịnh, nhưng chỉ ở ít lâu bà xin về, cùng với anh cù học tập trở nên người sành văn chương. Khi người anh mất, bà đảm nhận gánh nặng gia đình. Bấy giờ bà đã nhiều tuổi mà vẫn chưa lấy chồng. Nhiều người đến hỏi, trong đó có cả những kẻ quyền quý (như công tử làng Hoạch Trạch là Nhữ Đình Toản; Thượng thư làng Kim Lũ...), bà đều từ chối. Năm 37 tuổi, bà lập gia đình với Tiến sĩ Nguyễn Kiều, người làng Phú Xá, huyện Từ Liêm. Năm 1748, ông được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Ngày cùng chồng lên đường đến nhiệm sở mới, bà bệnh nặng rồi mất ở Nghệ an ngày 11/09/1748. Đặng Trần Côn viết Chinh phụ ngâm để ghi nhận một hiện thực lịch sử của đất nước. Trải bao thế kỷ, dân tộc ta phải đương đầu chống giặc ngoại xâm, trai tráng trong nước phải tòng quân giết giặc, những người phụ nữ phải đảm nhiệm công việc gia đình, đồng ruộng. Và kiên trì chờ đợi ngày về của người lính chiến. Tình trạng ấy cũng diễn ra trong đời sống của tác giả và dịch giả là thời Trịnh Nguyễn phân tranh, nạn binh hỏa liên miên không dứt. Dịch *Chinh phụ ngâm* từ thơ chữ Hán sang thơ tiếng Việt, Đoàn Thị Điểm không làm công việc chuyển dịch bình thường. Bà đã tạo nên một công trình văn học dịch có giá trị cao, không những sát với nguyên tác mà có phần còn vượt nguyên tác.

Tâm tư và cảnh ngộ của bà giống hết tâm tư cảnh ngộ của người vợ trong khúc ngâm. Vì vậy, tuy là dịch thơ mà bà đã "dịch" chính đời mình ra thơ:

"Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên"

Đời bà vất vả thế. Ba mươi bảy tuổi lấy chồng (ông tiến sĩ Nguyễn Kiều). Lấy chồng được một tháng, chồng đi sứ ba năm. Cảnh tiễn biệt:

"Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp, ai rầu hơn ai?"

Chồng đi vắng, vợ ở nhà vừa làm nhiệm vụ con trai nuôi mẹ vừa làm nhiệm vụ người cha dạy con:

"Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam
Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân
Nay một thân nuôi già dạy trẻ
Nỗi quan hoài mang mẽ xiết bao"

Sau thời gian đi sứ, ông Nguyễn Kiều về. Sum họp chẳng được bao lâu, ông được lệnh vào trị nhậm ở Nghệ An. Bà đi cùng với ông. Mới vào đến Nghệ An, chẳng may bà bị bệnh, mất đột ngột, không thực hiện được câu thơ:

"Liên ngâm, đôi ả đòi phen
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già
Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ
Giữ gìn nhau vui thưở thanh bình"

Đoàn Thị Điểm cùng với Bà Huyện Thanh Quan và Hồ Xuân Hương là ba nhà thơ nữ kiệt xuất trong văn học Việt Nam xưa, góp phần làm vẻ vang cho văn học Việt Nam nói chung và văn học nữ giới Việt Nam nói riêng. Bản dịch Chinh phụ ngâm của Đoàn Thị Điểm đã phổ biến sâu rộng, được rất nhiều người yêu thích và ngâm nga truyền miệng như văn học dân gian.

2/ Tác phẩm Chinh phụ ngâm khúc

Chinh phụ ngâm được viết bằng chữ Hán, do tác giả Đặng Trần Côn sáng tác vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Đây là thời kì vô cùng rối ren của xã hội phong kiến. Chiến tranh xảy ra liên miên, hết Lê-Mạc đánh nhau đến Trịnh-Nguyễn phân tranh, đất nước chia làm hai nửa. Ngai vàng của nhà Lê mục ruỗng. Nông dân bất bình nổi dậy khởi nghĩa ở khắp nơi. Nhân dân sống trong cảnh loạn li nòi da nẫu thịt, cha mẹ xa con, vợ xa chồng. Văn học thời kì này tập trung phản ánh bản chất tàn bạo, phản động của giai cấp thống trị và nỗi đau khổ của những nạn nhân trong chế độ thối nát ấy. Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn ra đời đã nhận được sự đồng cảm rộng rãi của tầng lớp Nho sĩ. Nhiều bản dịch xuất hiện, trong đó bản dịch sang chữ Nôm của bà Đoàn Thị Điểm được coi là hoàn hảo hơn cả, thể hiện thành công lẫn trị nội dung và nghệ thuật của nguyên tác.

Nội dung *Chinh phụ ngâm* phản ánh thái độ oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa, đặc biệt là đề cao quyền sống cùng khao khát tình yêu và hạnh phúc lứa đôi của con người. Đó là điều ít được nhắc đến trong thơ văn trước đây.

Bằng bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tác giả đã diễn tả được những diễn biến phong phú, tinh vi các cung bậc tình cảm của người chinh phụ. Cảnh cũng như tình được miêu tả rất phù hợp với diễn biến của tâm trạng nhân vật.

Thông qua tâm trạng đau buồn của người chinh phụ đang sống trong tình cảnh lẻ loi vì chồng phải tham gia vào những cuộc tranh giành quyền lực của các vua chúa, tác giả đã đề cao hạnh phúc lứa đôi và thể hiện tinh thần phản kháng đối với chiến tranh phi nghĩa. Tác phẩm *Chinh phụ ngâm* đã toát lên tư tưởng chủ đạo trong văn chương; một thời, đó là tư tưởng đòi quyền sống quyền được hưởng hạnh phúc rất chính đáng của con người.



ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN CẢM HỨNG CỦA TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ.

- Đề tài chiến tranh, chinh phu, chinh phụ là đề tài truyền thống và phổ quát của nhiều nền văn học.
- Tác giả và dịch giả Chinh phụ ngâm có phần đã tìm nguồn thi hứng từ những trang sách cổ. **Nhưng cái chính là nguồn cảm hứng của cả hai đều bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống.**

THỂ LOẠI, BÚT PHÁP, BỐ CỤC.

1. Thể loại: Tìm hiểu đặc trưng thể loại để xác định phương pháp tiếp cận tác phẩm. Chinh phụ ngâm là tác phẩm trữ tình, tác phẩm chỉ có một nhân vật - người chinh phụ- hình tượng cảm nghĩ. Toàn bộ khúc ngâm chỉ là sự diễn tả tâm trạng của người chinh phụ. Do đó phương pháp tiếp cận tác phẩm là phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật trữ tình.

2. Bút pháp: Tác phẩm được viết với bút pháp tượng trưng, ước lệ là chủ yếu. Khi phân tích phải đặc biệt chú ý đặc điểm này.

3. Bố cục: Nguyên văn bằng chữ Hán gồm 477 câu. Bản dịch do nhà xuất bản Văn Hóa in có 408 câu. Bản in của nhà in Tân Việt có 412 câu. Có thể chia tác phẩm làm ba phần như sau:

- Phần 1: Bốn câu đầu, phần này có giá trị như phần đặt vấn đề.
- Phần 2: Tiếp đến câu 369 (Mọi bề trung hiếu thiệp xin vẹn tròn) đây là phần chính của khúc ngâm miêu tả tâm trạng của người chinh phụ với nhiều sắc thái khác nhau.
- Phần 3: Phần kết thúc tác phẩm với ước mơ sum họp trong cảnh thanh bình.

VỀ NỘI DUNG

Chinh phụ ngâm là tiếng nói thiết tha với hạnh phúc tình yêu, tiếng nói khao khát hạnh phúc, khao khát hòa bình của dân tộc ta trong một thời đại nhất định. Tiếng nói ấy càng có ý nghĩa hơn bao giờ hết vì nó là tiếng nói của một người phụ nữ- nạn nhân đau khổ nhất của chế độ cũ. Đường thời tác phẩm đã góp phần vào cuộc đấu tranh cho quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người, đấu tranh chống áp bức của giai cấp thống trị.

VỀ NGHỆ THUẬT

- Trong Chinh phụ ngâm nghệ thuật ước lệ được sử dụng một cách phổ biến.

- Kết cấu chặt chẽ, miêu tả được sự diễn biến phong phú, tinh vi trong tâm tình chinh phụ theo một trình tự logic tâm lý chặt chẽ bảo đảm sự thống nhất. Tác giả đã gắn tâm lý với hoàn cảnh, tôn trọng quy luật tâm lý. Đau khổ tăng dần, nhận thức về chiến tranh cũng diễn biến. Đây là kết quả của một quá trình suy ngẫm và thể hiện.

- Tác giả đã chú ý tả cảnh để tả tình, tình cảnh có khi thống nhất hoặc mâu thuẫn.

- Tác giả đã sử dụng thủ pháp trùng điệp (lấy lại), liên hoàn (nối tiếp), chiếu ứng (so sánh) để tạo ra những đợt sóng cảm xúc.

- Tác giả đã chú ý khai thác nhiều yếu tố tâm lý như liên tưởng, hồi tưởng, tưởng tượng.

- Ngôn ngữ điêu luyện: Chinh phụ ngâm có cả một kho từ vựng diễn tả tình cảm u sầu với những sắc thái khác nhau.

*Tóm lại tác giả đã miêu tả tâm trạng của chinh phụ khá sâu sắc và tâm trạng ấy phản ánh con người Việt Nam- con người thiết tha với hạnh phúc. Vì thế tác phẩm giúp chúng ta hiểu con người Việt Nam trong hiện tại.

Bản dịch được coi như là một sáng tác phẩm có giá trị độc lập tương đối với nguyên tác.

MỘT SỐ ĐỀ ĐỌC HIỂU

ĐỀ SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Buổi tiễn đưa
(TRÍCH: *CHINH PHỤ NGÂM KHÚC* – DỊCH GIẢ: ĐOÀN THỊ ĐIỂM)

*Đường giòng ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng bạn thê noa.
Bóng cò tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
Chàng tuổi trẻ vốn giòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
Thành liền mong tiến bệ rồng,
Thước gươm đã quyết chẳng dung giặc trời.
Chỉ làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị, ào ào gió thu.
Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước dây dây lại dừng.*

ĐỀ SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Một năm một nhật mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời?
Giờ sao nữ để cách vời Sâm, Thương?
Chàng ruổi ngựa, dặm trường mây phủ,
Thiếp đạo hài, lối cũ rêu in.
Gió Xuân ngày một vắng tin,
Khả thương lỡ hết mấy phen lương thì.
(Trích Chinh phụ ngâm khúc, Đặng Trần Côn, "Chinh phụ ngâm khúc" và hai bản dịch Nôm, NXB Văn học, 2011, tr. 68)*

Chú thích: *Sâm, Thương: Tên hai chòm sao trong Nhị thập bát tú. Chòm Sâm thuộc phương Tây, chòm Thương thuộc phương Đông. Hai chòm này ở vào hai vị trí đối nhau trên vòm trời, thường được nhắc tới trong văn thơ cổ, chỉ sự vĩnh viễn cách xa.

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Đoạn thơ trên biểu đạt tâm trạng, cảm xúc của nhân vật nào, trong hoàn cảnh nào?

Câu 3. Nêu tác dụng của hình ảnh biểu tượng trong câu thơ thứ 4.

Câu 4. Nêu hiệu quả của biện pháp nghệ thuật đối trong hai câu thơ sau:

Xưa sao hình ảnh chẳng rời?

Giờ sao nữ để cách vời Sâm, Thương?

Câu 5. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Gợi ý đáp án

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2. Đoạn thơ trên biểu đạt tâm trạng của người chinh phụ, trong hoàn cảnh chờ chồng đi chinh chiến chưa về.

Câu 3. Những hình ảnh biểu tượng: Sao Thương, sao Sâm vừa tạo ấn tượng về sự xa cách vời vợi giữa chinh phu- chinh phụ - sự xa cách trải rộng trong không gian vũ trụ; vừa tạo tính hình tượng và sự hàm

súc cho lời thơ.

Câu 4.

Xưa sao hình ảnh chẳng rời?

Giờ sao nữ để cách vời Sấm, Thương?

Biện pháp nghệ thuật đối: Xưa - giờ; chẳng rời - cách vời.

Tác dụng:

- Nhấn mạnh sự đối lập giữa quá khứ hạnh phúc với hiện tại cô đơn, cách trở; biểu đạt sự cô đơn, nhớ nhung của người chinh phụ; thể hiện niềm đồng cảm của nhà thơ trước tình cảnh cô đơn, khát khao hạnh phúc lứa đôi trọn vẹn của con người; lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa.
- Tạo giọng điệu đa diết, khắc khoải cho lời thơ, làm cho lời thơ sinh động hấp dẫn, tăng hiệu quả diễn đạt.

Câu 5.

- Tâm trạng của chủ thể trữ tình trong đoạn trích: Cô đơn, sầu muộn, nhớ thương chồng, mong ước tái hợp.

- Trạng thái tâm trạng đó không phải ngày một, ngày hai, mà đa diết, triền miên. Tâm trạng ấy xuất phát từ khát khao hạnh phúc lứa đôi mãnh liệt của người chinh phụ. Từ tâm trạng ấy, người đọc còn cảm nhận được tư tưởng nhân đạo của tác phẩm: Tấm lòng đồng cảm của nhà thơ với cảnh ngộ, khát khao của nhân vật.

ĐỀ SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.
Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.
Nước có chảy mà phiền chẳng rửa
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi tay lại cầm tay,
Bước đi một bước giầy giầy lại dừng.*

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn, Bản dịch: Đoàn Thị Điểm)

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Xác định thể thơ, phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Câu 3. Đoạn trích miêu tả sự việc gì?

Câu 4. Chỉ ra những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích, qua đó em cảm nhận được bức tranh thiên nhiên đó như thế nào?

Câu 5. Chỉ ra những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích? Theo em, từ "dặc dặc buồn" có giá trị biểu đạt như thế nào?

Câu 6. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ sử dụng trong hai câu thơ sau:

Ngồi đầu cầu nước trong như lọc,

Đường bên cầu cỏ mọc còn non.

Câu 7. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai câu thơ sau?

Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,

Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.

Câu 8. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích.

Câu 9. Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ trên? Theo em, thể thơ có tác dụng như thế nào trong việc biểu đạt giọng điệu của bài thơ?

Câu 10. Miêu tả cảnh chia tay giữa Thúy Kiều và Từ Hải, Nguyễn Du viết: "Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong" và "Quyết lời dứt áo ra đi", còn trong đoạn thơ trên, tác giả viết: "Nhủ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giầy giầy lại dừng." Theo anh/chị, điểm khác biệt trong trạng thái cảm xúc của các nhân vật trong hai cảnh chia tay trên là gì? Thử lí giải vì sao lại có sự khác biệt ấy?

Gợi ý đáp án

Câu 1.

Thể thơ: song thất lục bát

Phong cách ngôn ngữ: nghệ thuật

Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong đoạn trích: Người chinh phụ

Câu 3. Đoạn trích miêu tả cuộc chia tay giữa chinh phu – chinh phụ.

Câu 4. Những từ ngữ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích: nước trong như lọc, cỏ mọc còn non, nước (có) chảy, cỏ (có) thơm. Qua đó, hiện lên bức tranh thiên nhiên đẹp, tươi sáng, đầy sức sống.

Câu 5. Những từ ngữ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích: buồn, phiền, dạ chẳng khuây.

Cụm từ "dặc dặc buồn" biểu đạt nỗi buồn dai dẳng, không nguôi, cứ kéo dài, kéo dài mãi...

Câu 6.

*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*

- Biện pháp tu từ: so sánh

- Tác dụng:

+ Tạo ấn tượng về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên: xanh tươi, đầy sức sống;

+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu tính nghệ thuật.

Câu 7.

*Nước có chảy mà phiền chẳng rửa,
Cỏ có thơm mà dạ chẳng khuây.*

Hai câu thơ trên có thể hiểu: Trong thời khắc chia ly, mặc dù những cảnh vật thiên nhiên xung quanh tươi đẹp, đầy sức sống nhưng không thể nào xua đi được nỗi phiền muộn trong lòng người.

=> Tổ cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa; thể hiện lòng cảm thông của tác giả.

Câu 8. Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn trích:

Trong buổi chia tay người chồng đi chinh chiến, trong lòng người chinh phụ ngổn ngang bao trạng thái cảm xúc:

- Nỗi buồn sâu, phiền muộn vì phải chia xa người chồng đầu gối, tay ấp (*dặc dặc buồn, phiền chẳng rửa, dạ chẳng khuây*)

- Bịn rịn, lưu luyến không nỡ chia lìa (*Nhũ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giầy giầy lại dừng*)

Câu 9.

- Nhận xét về giọng điệu của đoạn thơ trên: giọng điệu buồn, da diết.

- Thể thơ song thất lục bát có âm điệu triền miên là một trong những yếu tố góp phần tạo nên giọng điệu buồn da diết của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung.

Câu 10. Miêu tả cảnh chia tay giữa Thúy Kiều và Từ Hải, Nguyễn Du viết: "Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong" và "Quyết lời dứt áo ra đi", còn trong đoạn thơ trên, tác giả viết:

"Nhũ rồi tay lại cầm tay - Bước đi một bước giầy giầy lại dừng."

Điểm khác biệt trong trạng thái cảm xúc của các nhân vật trong hai cảnh chia tay trên là: cảnh chia tay giữa chinh phu – chinh phụ thì dằng dặc, lưu luyến, buồn sâu, còn cảnh chia tay Thúy Kiều – Từ Hải thì dứt khoát, nhanh chóng, không hề có nỗi buồn sâu ly biệt. Có sự khác biệt đó phải chăng vì:

- Người chinh phu trong *Chinh phụ ngâm* ra đi không biết ngày nào trở lại, tương lai mịt mờ, nhiều bất trắc. Còn Từ Hải lên đường mang trong mình quyết tâm và sự tự tin chỉ một năm sau sẽ làm nên nghiệp lớn nên tạo cho Kiều cảm giác yên tâm, thanh thản.

- Ở một phương diện khác, Nguyễn Du xây dựng nhân vật Từ Hải là người anh hùng cái thế, chí lớn ở bốn phương trời, "là con người của trời đất, của bốn phương" nên không thể bịn rịn vì tình cảm "nữ nhi thường tình" được – đó là dụng ý của tác giả.

ĐỀ SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*
(Trích *Chinh phụ ngâm* - Bản dịch Đoàn Thị Điểm)

Câu 1. Đoạn thơ miêu tả tâm trạng của nhân vật trữ tình sau cảnh chia tay (giữa chinh phu - chinh phụ). Theo em, nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?

Câu 2. Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của phép điệp, phép đối trong khổ thơ trên.

Câu 3. Đoạn thơ bộc lộ tâm trạng, cảm xúc gì của nhân vật trữ tình?

Câu 4. Theo em, ý nghĩa biểu đạt của màu "xanh ngắt" trong câu thơ *Ngàn dâu xanh ngắt một màu* có giống với màu xanh trong câu thơ sau trích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du không: *Cỏ non xanh tận chân trời*.

Câu 5. Theo em, câu *"Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai"* có phải nhằm mục đích để cân đo đong đếm, so sánh giữa hai nỗi sầu của chinh phụ và chinh phụ?

Câu 6. Liên hệ với cuộc chia ly giữa Thúy Kiều và Từ Hải, em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ bình luận về nét tương đồng hoặc khác biệt trong hai cuộc chia tay này.

Gợi ý đáp án

Câu 1. Dựa vào cách xưng hô "chàng" (ngôi hai), "thiếp" (ngôi một), ta thấy, nhân vật trữ tình trong đoạn trích trên là người chinh phụ trong buổi tiễn chồng lên đường chinh chiến.

Câu 2. Các phép tu từ trong đoạn thơ trên:

- Phép điệp: Thấy - thấy; xanh xanh- xanh; ngàn dâu- ngàn dâu.
- Phép đối: Trông lại / chẳng thấy; chẳng thấy/ thấy; lòng chàng/ ý thiếp.

Tác dụng:

- Góp phần miêu tả không gian mênh mông và màu xanh choán ngợp của ngàn dâu.
- Tạo nên giọng điệu da diết, khắc khoải, góp phần biểu đạt thành công trạng thái dỗi theo trong vô vọng, mịt mờ cùng tâm trạng hụt hẫng, tiếc nuối của người chinh phụ.

Câu 3. Tâm trạng của người chinh phụ trong cuộc chia tay trên là trạng thái hụt hẫng, tiếc nuối khi dỗi theo người chinh phụ đến lúc bóng hình của chồng đã xa khuất, mất hút giữa ngàn dâu xanh ngắt. Còn lại một mình, người chinh phụ lúc này mới thấm thía tận cùng nỗi buồn đau, sầu muộn. Vì từ đây là cảnh li tan không biết khi nào hợp tụ.

Câu 4. Tuy cùng là màu xanh của cỏ, của cây, nhưng nếu màu xanh "tận chân trời" trong thơ Nguyễn Du là màu xanh của sức sống mùa xuân trải ra mênh mông, bất tận - thể hiện tâm trạng đắm say, rạo rực của lòng người trong tiết xuân sang thì màu "xanh ngắt" trong câu thơ dịch của Đoàn Thị Điểm lại gợi lên một cách ám ảnh sắc xanh đơn điệu "một màu" - gợi nỗi buồn, sự hụt hẫng bởi ngoài màu xanh ấy không còn hình bóng của người chồng mà chinh phụ đang dỗi theo. Lúc trước, mọi ánh nhìn của chinh phụ đều hướng về chồng, chỉ nhìn thấy chồng, bây giờ người chồng đã khuất dạng, chỉ còn thấy màu xanh của ngàn dâu. Màu "*xanh ngắt*" vì thế không phải màu xanh của niềm tin, hi vọng mà dường như là nỗi u sầu của người chinh phụ đọng lại thành khối. Màu xanh dày đặc ấy như quán lầy, cuốn đi sự khao khát được nhìn thấy nhau của hai người.

Câu 5. "*Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai*" là câu hỏi tu từ đầy ý xót xa. Không phải một câu oán trách, không phải một lời hờn giận hay dùng để cân đo đong đếm, so sánh giữa hai nỗi sầu. Câu thơ chỉ làm rõ hơn nữa nỗi sầu của người chinh phụ mà thôi.

Câu 6. *Cuộc chia tay giữa chinh phụ- chinh phụ trong đoạn thơ trên và cuộc chia tay giữa Từ Hải - Thúy Kiều trong đoạn trích Chí khí anh hùng đều là những cuộc chia tay chồng- vợ. Tuy nhiên, cảm xúc, suy nghĩ.. của nhân vật trong các cuộc tiễn đưa này không phải đều giống nhau. Nếu trong đoạn thơ của Chinh phụ ngâm, tình cảm lưu luyến, tiếc nuối, buồn sầu của người chinh phụ là cảm xúc chủ đạo bao trùm cảnh ly biệt thì trong đoạn trích Chí khí anh hùng, cảm xúc của Thúy Kiều chỉ được miêu tả thoáng qua, trở thành phông nền để khắc họa chân dung Từ Hải. Không phải Kiều, Từ Hải mới là nhân vật trung tâm của cảnh tiễn đưa. Không buồn thương, sầu não, bịn rịn, cảnh ly biệt giữa Thúy Kiều- Từ Hải mang đậm màu sắc lí tưởng hóa. Hình ảnh người anh hùng Từ Hải với ý chí lớn lao, khát vọng cao cả.. trở thành nhân vật chính của đoạn trích. Ngược lại, người chinh phụ trong chinh phụ ngâm - ra đi chiến đấu để bảo vệ ngai vàng cho nhà vua, tương lai mờ mịt.. nên phương diện lí tưởng, hoài bão không được nhắc đến. Trong đoạn trích này, hình ảnh người chinh phụ hiện lên khá mờ nhạt, có chút bị thương.*

ĐỀ SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh
Chón Hàm kinh chàng còn ngoảnh lại
Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang
Khói Tiêu Tương cách Hàm Dương

*Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?
(Sau phút chia ly, Trích Chinh phụ ngâm)*

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản?

Câu 2: Trong văn bản, nhân vật trữ tình là ai?

Câu 3: Chỉ ra những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt ly cách trở trong văn bản?

Câu 4: Nêu hiệu quả của phép đối được sử dụng trong câu thơ:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Câu 5: Anh/ chị hiểu thế nào về nội dung câu thơ sau: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

Câu 6: Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản?

Gợi ý đáp án:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: biểu cảm

Câu 2: Trong văn bản, nhân vật trữ tình là: người chinh phụ.

Câu 3: Những chi tiết diễn tả hoàn cảnh biệt ly cách trở:

Chàng thì đi cõi xa mưa gió

Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.

Câu 4: Hiệu quả của phép đối:

- Biện pháp nghệ thuật: phép đối: cùng trông lại >< cùng chẳng thấy;

- Tác dụng:

+ Thể hiện sự trông ngóng, sự nhớ thương của người chinh phụ;

+ Tạo sự sinh động, hấp dẫn, tăng hiệu quả diễn đạt, tạo sự cân đối hài hòa.

=> Qua đó thể hiện thái độ đồng cảm, xót thương của nhà thơ.

Câu 5: Nội dung của câu thơ: *Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?* là câu hỏi tu từ nhưng thực chất là lời tự vấn.

Câu hỏi nêu ra không phải để so sánh chàng sầu hơn hay thiếp sầu hơn mà nó chỉ nhằm khắc họa thêm nỗi sầu, nỗi đau đớn khi phải chia lìa của người chinh phụ.

=> Bộc lộ niềm xót thương, đồng cảm của tác giả. Đó là biểu hiện của giá trị nhân đạo sâu sắc.

Câu 6: Nhận xét về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản:

- Tâm trạng cô đơn, sầu muộn, nhớ thương chồng...

-Khao khát hạnh phúc lứa đôi => bộc lộ niềm thương cảm xót xa, qua đó thấy rõ giá trị hiện thực nhân đạo và nhân văn.

ĐỀ SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai?
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây.
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay? [1]
Những mong cá nước vui vầy,
Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.
Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn. [2]
Có sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm thôi hôm những sầu?*

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

(Chú thích: [1] Vay: Tiếng đệm của câu than thở; [2] Vương tôn: Con nhà giàu, thích đi chơi không đoái hoài đến gia đình)

Câu 1: Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?

Câu 3: Những từ ngữ nào trong đoạn thơ thể hiện sự cách biệt chinh phụ - chinh phụ?

Câu 4: Chỉ ra 02 biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng:

Những mong cá nước vui vầy,

Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.

Câu 5: Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.

Câu 6: Theo anh/chị, tư tưởng nhân đạo của đoạn trích thể hiện ở những phương diện nào?

Gợi ý đáp án

Câu 1: Thể thơ: Song thất lục bát; Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Người chinh phụ.

Câu 3: Những từ ngữ nào trong đoạn thơ thể hiện sự cách biệt chinh phu - chinh phụ: *Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây; đôi ngả nước mây cách vời; cách trở nước non..*

Câu 4: 02 biện pháp nghệ thuật sử dụng trong hai câu thơ:

Những mong cá nước vui vầy,

Nào ngờ đôi ngả nước mây cách vời.

- Phép đối: Những mong >< nào ngờ; vui vầy >< cách vời;

- Ẩn dụ: *cá nước, nước mây* - chỉ người chinh phu, chinh phụ;

Tác dụng:

- Nhấn mạnh tình cảnh chia lìa, xa cách giữa chinh phu, chinh phụ và nỗi khắc khoải chờ mong trong buồn đau cô đơn của người vợ;

- Tăng nhịp điệu, nhạc điệu, sự sinh động, hấp dẫn cho lời thơ.

Câu 5: Cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích:

- Nỗi buồn đau, cô đơn, nhớ nhung trong chờ đợi;

- Than trách số phận nghiệt ngã chia lìa đôi lứa;

- Ước mong tái hợp vui vầy...

Câu 6: Tư tưởng nhân đạo của đoạn trích thể hiện ở những phương diện:

- Niềm cảm thông, thương xót của tác giả đối với tình cảnh đáng thương của người chinh phụ khi có chồng đi chinh chiến;

- Lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa đã gây nên cảnh đôi lứa chia lìa, đẩy những người chinh phụ vào tình cảnh buồn đau, cô đơn, ngóng chờ trong vô vọng.

- Trân trọng khát vọng chính đáng của con người: khát vọng về tình yêu đôi lứa, về hạnh phúc gia đình...

ĐỀ SỐ 7

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Sương như búa bổ mòn gốc liễu,
Tuyết đường cưa xẻ héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng chuông chùa nện khơi.*

*Vài tiếng dế nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.*

*Hoa giải nguyệt nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*
(Trích *Chinh phụ ngâm*)

Câu 1: Xác định thể thơ, phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?

Câu 3: Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên đó.

Câu 4: Xác định 02 biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ sau và nêu tác dụng của chúng:

Sương như búa bổ mòn gốc liễu,

Tuyết đường cưa xẻ héo cành ngô.

Câu 5: Xác định và phân tích hiệu quả của phép điệp trong những câu sau:

*Hoa giải nguyệt nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.*

*Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*

Câu 6: Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích.

Câu 7: Viết đoạn văn cảm nhận về tâm trạng của người chinh phụ trong bốn câu cuối.

Gợi ý đáp án:

Câu 1: Thể thơ: Song thất lục bát; Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ: Người chinh phụ.

Câu 3: Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích: Sương, tuyết, góc liễu (mòn), cành ngô (héo), nguyệt hoa, gió thốc, gió xuyên, bóng hoa, bóng nguyệt, hoa giải nguyệt, nguyệt lồng hoa, hoa nguyệt trùng trùng..

Nhận xét: Cảnh thiên nhiên vừa mang nét lạnh lẽo, hoang sơ, cô quạnh, tĩnh mịch (8 câu đầu), vừa quán quýt, giao hòa (hoa, nguyệt - 4 câu cuối).

Câu 4: 02 biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ:

*Sương như búa bổ mòn góc liễu,
Tuyết đường cửa xẻ héo cành ngô.*

Là:

- So sánh: *sương như búa, tuyết đường cửa;*

- Đối: *Sương như búa >< Tuyết đường cửa; bổ mòn góc liễu >< xẻ héo cành ngô.*

Tác dụng: Gợi lên hình ảnh thiên nhiên lạnh lẽo, khắc nghiệt; góp phần biểu đạt nỗi cô đơn, lạnh lẽo trong lòng người chinh phụ;

Làm cho lời thơ cân xứng, nhịp nhàng; gợi hình, gợi cảm.

Câu 5:

*Hoa giải nguyệt nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!*

Phép điệp ngữ: *hoa, nguyệt, lồng*

Tác dụng: Miêu tả cảnh thiên nhiên với hoa, nguyệt điệp trùng, quán quýt bên nhau; Nhấn mạnh nỗi cô đơn của người chinh phụ khi nhìn thấy cảnh trùng phùng hoa nguyệt (cảnh quán quýt, còn người lẻ loi). Làm cho lời thơ sinh động, hấp dẫn, tăng tính nhạc..

Câu 6: Nhận xét về cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn trích

Nỗi buồn đau, cô đơn, nhớ nhung trong chờ đợi;

- Chạnh lòng trước sự quán quýt của cảnh thiên nhiên hoa nguyệt; ước ao sum vầy đôi lứa.

Câu 7:

Bức tranh thiên nhiên trong bốn câu thơ cuối không hề lạnh lẽo, thê lương sâu thẳm (như 8 câu đầu) mà lồng lẩy nguyệt hoa, nồng nàn, rạo rực. Đẹp hơn khi hoa, nguyệt lại giao hòa, quán quýt bên nhau, trùng trùng lớp lớp chồng lên nhau. Phép điệp ngữ được sử dụng đặc địa càng làm cảnh thiên nhiên thêm nồng nàn, rạo rực. Cảnh ấy đã đánh thức khao khát xuân tình trong lòng người chinh phụ. Nỗi khao khát ái ân ấy tuy âm thầm mà mãnh liệt. Nàng vẫn còn trẻ, còn khao khát yêu đương, nên nhìn cảnh nàng không khỏi chạnh lòng. Vậy nên, trước cảnh - khi thì "hoa giải nguyệt", khi lại "nguyệt lồng hoa", lòng nàng dâng lên biết bao sầu muộn. Sầu muộn bởi cảnh vô tri mà lại có đôi, có cặp, tương giao, bên cài; còn người hữu tình thì lại cô đơn, lẻ loi trong vô vọng. Lòng càng xôn xao rạo rực, khao khát yêu thương, hạnh phúc thì càng đau khổ bởi cảnh ngộ trở trêu. Thật đáng thương thay. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến mức tuyệt diệu cổ điển. Mỗi chữ là một nét vẽ biểu cảm thần tình tạo nên âm điệu thiết tha, quán quýt, xôn xao.. Có thể nói ngoại cảnh thiên nhiên với nguyệt hoa lồng lẩy vừa đánh thức tuổi xuân và tình xuân trong lòng nàng chinh phụ, vừa gợi nỗi đau đớn, xót xa đến nghẹn lòng.

MỘT SỐ TÁC PHẨM THƠ HIỆN ĐẠI ĐƯỢC VIẾT THEO THỂ SONG THẤT LỤC BÁT

Bài thơ Trăng rơi

Huỳnh Minh Nhật

Khung cửa sổ treo mảnh năm tháng
Cửa cài then nặng chẳng lối vào
Đêm đêm mây gió rì rào
Ánh trắng mệt mỏi rơi ào qua vai

Nhặt mảnh trăng rơi bẻ làm hai
Treo lên khung cửa thoáng hương nhài
Thấp lên nỗi nhớ thật dài
Trách ai đi mãi hương tình nhạt phai

Yêu thương đi đắng cay ở lại
Đêm đêm mơ ướt cả bờ vai
Mất sâu đắm lệ phôi phai
Tóc mây bù rối môi càng khô thâm
Hồn tro trọi thảng ngày suy ngẫm
Tim héo hơn thắm đắm tình yêu
Tình yêu trả lại cô liêu
Bên thềm lá rụng tiêu điều xác xơ

Cô gái ấy nay còn đâu nữa
Một nửa hồn đã chết tim yêu
Những đêm gió thoảng dập dìu
Bóng hình ai đó lại điêu đứng lòng.

Bài thơ Đôi mắt

Lưu Trọng Lư

Có hoa nào qua mùa không héo?
Có tiếng nào giàu đẹp hơn không?
Mắt em là một dòng sông
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em.

Đàn “nguyệt dạ” hương đêm bay lạc
Gì buồn hơn tiếng vạc lưng chừng?
Phép gì khỏi nhớ đừng trông
Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi.

Bài thơ Thuyền neo bến đậu

Hoàng Mai

Em nhớ mãi chiều thu lá đỏ
Mình bên nhau cạn tỏ nguồn cơn
Chạnh lòng anh vọng lời thương
Xa xa vắng tiếng nghe dường ní non

Anh khắc khoải lòng son giữ mãi
Đời biển dâu xa xót tình đau
Lời anh nghe thấm từng câu
Người như ôm cả nỗi sầu thế nhân

Hai ta cứ tần ngần nuôi tiếc
Một đời em tha thiết từng mơ
Nào ai học được chữ ngờ
Gối chần hờ hững sương mờ phủ giăng

Anh chôn ấy! Mộng nay đã hết
Em ngồi đây lặng chết từng giây
Một mình trần trờ đêm nay
Biết ai hiểu thấu đắng cay chuyện lòng

Xuân trở giấc hoa không muốn trở
Ngại ngần lo sầu khổ bao mùa
Thôi đành duyên kiếp đầy đọa
Thuyền neo bên hẹn gió mùa lất lay

Tình chợt đến, chợt đi, ai biết
Đường vào tim khôn xiết bề bâng
Chòng chênh với chiếc đò ngang
Mai sau biết có vẹn toàn được chăng.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - HS nhận biết được cách tạo ra lối chơi chữ và tác dụng chủ yếu của bptt chơi chữ.
 - HS nhận ra lối chơi chữ được sử dụng trong các VB nghệ thuật, có ý thức sưu tầm tìm hiểu về bptt thú vị này.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm, - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bptt chơi 	I. TRI THỨC NỀN VỀ BPTT CHƠI CHỮ <ol style="list-style-type: none"> Khái niệm <ul style="list-style-type: none"> * Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,...làm câu văn hấp dẫn và thú vị. Theo Từ điển thuật ngữ văn học, Chơi chữ còn gọi là

<p>chữ</p> <p>Câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về bptt chơi chữ - Em hãy nêu 1 số vd bptt chơi chữ mà em biết. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. <p>Bước 3: Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá, nhận xét</p>	<p>“lộng ngữ”, là “Một biện pháp tu từ có đặc điểm: người sáng tác sử dụng những chỗ giống nhau về ngữ âm, ngữ nghĩa, văn tự, văn cảnh để tạo ra sự bất ngờ thú vị trong cách hiểu, trong dòng liên tưởng của người đọc, người nghe”. Các hình thức của lộng ngữ rất phong phú, trong đó có: nói lái, dùng từ đồng âm hoặc gần âm, dùng từ đồng nghĩa, tách một từ thành các từ khác nhau...</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thầy giáo, tháo giày đi dép lớp • Đuôi như trái chuối • Sành điệu như củ kiệu • Tôi yêu Việt Nam "đồng" • Nhớ nước đau lòng con quốc quốc/ Thương nhà mỏi miệng cái gia gia <p>* Các lối chơi chữ thường gặp</p> <p>Các lối chơi chữ thường gặp là:</p> <p>1. Dùng từ đồng âm</p> <p>Biện pháp này sử dụng các từ giống nhau về cách phát âm hoặc đồng âm.</p> <p>Thường được gọi là đồng âm nhưng có nghĩa hoàn toàn khác nhau. Cách chơi chữ này thường mang hàm ý và nghĩa thương châm biếm, đả kích là chính.</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Anh Hươu đi chợ Đồng Nai Bước qua bến Nghé, ngồi nhai thịt bò <p>Đây là câu thơ sử dụng cách chơi chữ dùng từ đồng âm. Đủ tên 4 con vật lớn: hươu, nai, nghé, bò. Hai địa danh được lấy ra phần sau (thành tố sau của một từ gồm hai thành tố) đồng âm với tên hai con vật nai và nghé.</p> <p>🌸 Bà già đi chợ cầu Đông Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng? Thầy bói xem quẻ nói rằng: Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn.</p> <p>- Từ lợi mà bà già dùng (lợi chăng) nghĩa là lợi ích, thuận lợi</p> <p>Từ lợi trong câu nói của thầy bói nghĩa là phần thịt bao quanh chân răng.</p> <p>- Tác dụng: Thầy bói nhắc khéo bà già: bà đã quá già rồi (răng không còn) thì lấy chồng làm gì nữa ⇒ sự bất ngờ, thú vị, dí dỏm.</p> <p>- Lối chơi chữ: dùng từ đồng âm nhưng khác nghĩa</p> <p>2. Dùng lối nói trại âm (gần âm)</p> <p>Là lối chơi chữ sử dụng các từ gần giống nhau, chỉ khác nhau về dấu câu, nhưng ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>Sánh với Na Va "ranh tướng" Pháp</p>
---	---

Tiếng tăm nông nặc ở Đông Dương

- Dựa vào hiện tượng gần âm: ranh tướng gần với danh trước nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Danh tướng là vị tướng giỏi được lưu danh, còn ranh tướng là kẻ ranh ma

- Tác dụng: mang ý mỉa mai - chế giễu

- Lối chơi chữ: dùng cách nói trại âm (gần âm)

3. Dùng cách điệp âm

Cách chơi chữ này cố ý lặp lại một số yếu tố ngữ âm nào đó (phụ âm đầu, vần hoặc thanh) để tạo sự cộng hưởng ý nghĩa, có tác dụng tô đậm thêm hình tượng hoặc xúc cảm, gợi liên tưởng, đồng thời giúp cho lời văn, lời thơ thêm nhạc tính.

Ví dụ:

Mênh mông muôn mẫu một màu mưa

Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ.

- Mượn cách nói điệp âm: hai câu thơ điệp âm "m" tới 14 lần

- Tác dụng: diễn tả sự mịt mờ của không gian đầy mưa

- Lối chơi chữ: dùng cách điệp âm

4. Dùng lối nói lái

Nói lái hay còn gọi là cách nói ngược câu chữ, có tác dụng châm biếm, mỉa mai hoặc bông đùa...

Loại này không phải người đọc, người nghe nào cũng hiểu được hàm ý của tác giả nếu như không suy luận hay phân tích từng từ một. Chơi chữ bằng cách nói lái quen thuộc và dễ gặp nhất khi đọc văn thơ, tục ngữ.

Ví dụ:

1. Một con cá đối nằm trên cối đá.

Hai con cá đối nằm trên cối đá

2. Con mỗ kiến đậu trên miếng cỏ.

3. Chim vàng lông đậu cạnh công lang

4. Con cá đối bỏ trong cối đá,

5. Con mèo cái nằm trên mái kèo,

6. Trách cha mẹ nghèo, anh nữ phụ duyên em.

- Cá đối nói lái thành cối đá - Mèo cái nói lái thành mái kèo

- Tác dụng: diễn tả sự trái khoáy, sự hẩm hiu của duyên phận

- Lối chơi chữ: dùng lối nói lái

5. Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa

Loại này chỉ giống nhau phụ âm đầu, giúp tạo điểm nhấn cho toàn bộ bài thơ.

Ví dụ:

	<p>Ngọt thơm sau lớp vỏ gai, Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng Mời cô mời bác ăn cùng Sầu riêng mà hóa vui chung trăm nhà</p> <p>- Sầu riêng - danh từ ⇒ chỉ một loại trái cây ở Nam Bộ Sầu riêng - tính từ ⇒ chỉ sự phiền muộn riêng của con người - Lối chơi chữ: dựa vào hiện tượng trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa.</p> <p>3. Tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ</p> <p>Chơi chữ là một trong những biện pháp tu từ xuất hiện từ lâu và bắt nguồn từ đời sống xã hội để phát triển dần lên nên thường gần gũi với ngôn ngữ đời thường. Được sử dụng trong cuộc sống thường ngày, trong văn thơ, đặc biệt là thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố...</p> <p>Biện pháp tu từ chơi chữ giúp câu văn thể hiện sự hài hước, dí dỏm nên gây được nhiều hứng thú ấn tượng với người đọc, người nghe. Nó giúp bài viết, lời nói sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ được ghi nhớ lâu dài.</p> <p>Biện pháp tu từ chơi chữ thể hiện được sự khéo léo, tinh tế của tác giả khi biết lồng ghép các câu từ để cho câu văn mang nhiều ý nghĩa, mang đậm sự trào phúng nhưng tinh tế, không lộ liễu.</p> <p>Chơi chữ trong lời nói hàng ngày làm tạo ra những tiếng cười, thêm màu sắc cho cuộc sống.</p>
--	--

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- HS biết cách nhận ra bptt chơi chữ trong các VB, hiểu được ý nghĩa của bptt chơi chữ ở từng trường hợp cụ thể
- Hứng thú trong việc vận dụng bptt chơi chữ trong thực tiễn.

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

Bài tập 1: Làm việc cá nhân.

Bài 1. Xác định biện pháp tu từ chơi chữ trong các trường hợp sau và nêu tác dụng của biện pháp này.

- a. Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỗi miệng cái gia gia.

(Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

b.

Con cá đối nằm trong cối đá

Mèo đuôi cụt nằm mút đuôi mèo

Anh mà đối đặng, dẫu anh nghèo em cũng ưng.

(Ca dao)

c. Tiệm bánh mì chả nóng ế khách vì bán bánh mì chả nóng

Lời giải:

a. BPTT chơi chữ đồng âm – đồng nghĩa

- Tiếng kêu của hai loài chim được liên tưởng đồng âm với hai danh từ “quốc” và “gia” nên thành loài chim “quốc quốc” và “gia gia”

- “quốc” có nghĩa là “nước” và “gia” có nghĩa là “nhà” vậy nên có sự tương ứng giữa nỗi buồn đau được nhân hóa của mỗi loài vật với tên gọi và tiếng kêu của chúng: con quốc đau lòng nhớ nước, con gia gia mỗi miệng thương nhà.

=> Nhà thơ đã sử dụng tiếng kêu "quốc quốc" và "gia gia" để thể hiện sự nhớ thương đối với đất nước và quê hương của mình, qua đó thể hiện tâm trạng đậm đà của Bà Huyện Thanh Quan.

b. BPTT chơi chữ nói lái

- “ cá đối” nói lái thành “cối đá”

- “Mèo đuôi cụt” nói lái thành “mút đuôi mèo”

=> Nhằm diễn tả sự hẩm hiu, nghèo nàn của chàng trai

c. BPTT chơi chữ đồng âm – khác nghĩa

- Chả nóng1: thực phẩm làm từ thịt

- Chả nóng2: chả không nóng, chả bị nguội

=> Nhằm tạo tiếng cười gợi sự chú ý của người nghe.

Bài tập 2: Làm việc cá nhân.

Bài 2. Trong bài thơ Bác Hồ đã dùng lối chơi chữ như thế nào?

Cảm ơn bà biếu gói cam,

Nhận thì không đúng, từ làm sao đây?

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,

Phải chăng khổ tận đến ngày cam lai?

Đáp án

- Dùng từ đồng âm: khổ, cam

+ khổ: khổ đau (thuần Việt); đắng (Hán Việt)

+ cam: quả cam (thuần Việt); ngọt (Hán Việt)

- Thành ngữ Hán Việt: khổ tận cam lai (khổ: đắng, tận: hết, cam: ngọt, lai: đến): Hết khổ sở đến lúc sung sướng

=> Niềm sung sướng, hạnh phúc được sống trong độc lập, tự do.

Bài tập 3: Làm việc cá nhân.

Bài 3. Mỗi câu sau đây có những tiếng nào chỉ các sự vật gần gũi nhau? Cách nói này có phải là chơi chữ không?

- Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dõ đến hàng nem chả muốn ăn.

- Bà đồ Nứa, đi võng đôn tre, đến khóm trúc, thờ dài hi hóp.

Đáp án

Câu 1. thịt, mỡ, dõ (giò), nem, chả: thức ăn liên quan đến chất liệu thịt

Câu 2. Nứa, tre, trúc, hóp: chỉ cây cối thuộc họ tre

→ Đây là hiện tượng chơi chữ vì vừa dùng từ đồng âm vừa dùng các từ cùng trường nghĩa

Bài tập 4: Làm việc cá nhân.**Bài 4. Bài thơ dưới đây sử dụng lối chơi chữ nào?**

Duyên duyên ý ý tình tình
 Đây đây đó đó tình tình ta
 Năm năm tháng tháng ngày ngày
 Chờ chờ đợi đợi, rày rày mai mai

Đáp án

Dùng cách điệp âm

Tuy hai dòng đầu phụ âm Đ - được điệp trong 4 âm tiết (sử dụng 4 lần chữ có phụ âm Đ), phụ âm T được điệp trong 6 âm tiết; nhưng về cơ bản đây chỉ là sự gấp đôi một cách đều đặn các âm tiết cấu tạo nên bài ca dao: hai cặp lục bát chỉ sử dụng 14 âm tiết (trong đó chữ "tình" được điệp 4 lần).

Cách điệp trong trường hợp này cho thấy sự dần dỗi, bức xúc của người nói.

Bài tập 5: Làm việc nhóm.**Bài 5. Sưu tầm một số cách chơi chữ****Gợi ý đáp án**

- Thay đổi trật tự các chữ (nói ngược)

*Vợ cả, vợ hai, (hai vợ) cả hai đều là vợ cả
 Thầy tu, thầy chùa, chùa thầy cứ việc thầy tu*

- Câu đối của tri huyện Lê Kim Thắng và Xiển Bột:

*Học trò là học trò con, tóc đổ như son là con học trò.
 Tri huyện là tri huyện Thắng, ăn nói lằng nhằng là thắng tri huyện*

Chơi chữ bằng cách nói lái là kiểu chơi chữ rất khó vì thế ít gặp trong thơ. Hồ Xuân Hương- Bà chúa thơ Nôm, có nhiều bài chơi chữ theo kiểu này:

Chùa Quán Sứ

*Quán Sứ sao mà khách vắng teo
 Hỏi thăm sư cụ đảo nơi neo
 Chày kinh tiểu để sông không đắm
 Tràng hạt vãi lằn đếm lại đeo*

(Hồ Xuân Hương)

Dựa vào sự gần dạng của một số chữ Hán, những người uyên thâm Hán tự đã thực hiện chơi chữ theo lối chiết tự. Ví dụ:

Không chồng mà chữa

*Cả nể cho nên hoá dở dang,
 Nỗi niềm nàng có biết chẳng chàng.
 Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc,(1)
 Phận liễu sao đà nảy nét ngang.(2)
 Cái nghĩa trăm năm chàng nhớ chưa?(3)
 Mạnh tình một khối thiếp xin mang.(4)
 Quản bao miệng thế lời chệnh lệch,
 Không có, nhưng mà có, mới ngoan!
 (Hồ Xuân Hương)*

Chơi chữ trong thơ bằng xếp chữ

Trong kiểu chơi chữ này, thông tin gián tiếp được tác giả kín đáo đưa ra qua các tiếng đứng ở vị trí nào đó của câu thơ. Ví dụ:

Cụ Hồ muôn tuổi

Cụ già thông thả buông cần câu,
Hồ rộng trời trong mặt nước sâu.
Muôn dặm đài sen thơm bát ngát,
Tuổi già vui thú với non sông.

Chơi chữ bằng cách dùng các tiếng cùng phụ âm đầu:

*Thật thà thẳng thắn thường thua thiệt
 Lươn lẹo lọc lừa lại lên lương*

- Chơi chữ đồng âm: đây là kiểu chơi chữ phổ biến, với những mục đích khác nhau, chẳng hạn:

+ Tạo ra các chuỗi tiếng đồng âm khác nghĩa:

*Vũ cựa mạnh vũ ra vũ múa, vũ gặp mưa vũ ướt cả lông
 Thị phải chầu thị đứng thị xem, thị cũng thềm thị không có ấy*

+ Tạo ra trường từ vựng các nghề nghiệp:

Câu đối Nguyễn Khuyến làm giúp cho vợ người thợ rèn khóc chồng:

*Tưởng cơ đồ thiếp phải làm than, con thơ dại lấy ai rèn cặp;
 Thôi công việc chàng đành bỏ bể, vợ trẻ trung lắm kẻ đe loi.*

+ Tạo ra trường từ vựng các từ gần nghĩa:

*Bà Đồ Nửa đi vòng đò tre, đến khóm trúc thờ dài hi hóp
 Trời mưa đất thịt trơn như mỡ, dõ đến hàng nem chả muốn ăn.*

+ Tạo ra khó khăn khi ngắt giọng cho đúng nghĩa:

*Con ngựa đá con ngựa đá con ngựa đá không đá con ngựa
 Thằng mù nhìn thằng mù nhìn hăng mù nhìn không nhìn thằng mù*

- Chơi chữ bằng nói lái:

*Cô gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi;
 Chàng trai Hòn Đất hát đòn trúng hòn đất....*

- Lặp phụ âm đầu:

*Mênh mông muôn mẫu một màu mưa
 Mỗi mắt miêm man mãi mịt mờ
 Mộng mị mỗi mòn mai một một
 Mỹ miều may mắn mấy mà mơ
 (Mưa - Tú Mỡ)*

- Dùng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa:

*“Đi tu Phật bắt ăn chay
 Thịt chó ăn được thịt cây thì không”
 “ Rắn hổ đất leo cây thực địa
 Ngựa nhà trời ăn cỏ chỉ thiên”
 “ Đôi đũa lệch:
 Gái trẻ hân hoan chờ phối ngẫu
 Trai già thấp thỏm đợi giao bôi
 Tổ nữ thời @:
 Quần may ngắn ngủn phô đùi nồn
 Áo vá sơ sài lộ ngực tơ”
 (Về Miền Trung- Blog tiếng Việt)*

Bài tập 6: Làm việc theo cặp.

Bài 6. Thi sưu tầm một số câu nói của người thân, bạn bè có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ.
 Nêu đặt điểm và tác dụng của biện pháp tu từ này trong mỗi trường hợp.

Lời giải:

BPTT chơi chữ nói lái:

Đụng là cháy – chạy là đúng

Chả sợ gì – chỉ sợ già

Tác dụng: Gây tiếng cười, hài hước dí dỏm cho người nghe

Bài tập 7: Làm việc cá nhân.**Bài 7: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp thanh trong các trường hợp sau:**

a. Ô hay buồn vương cây ngô đồng

Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mệnh mông.

(Bích Khê, Tì bà)

b. Tài cao phận thấp chí khí uất

Giang hồ mê chơi quên quê hương.

(Tản Đà, Thăm mả cũ bên đường)

Lời giải:

a. Các câu thơ trên đều thuộc thanh Bằng đọc nhẹ một hơi gợi nỗi buồn mơ hồ, phảng phất, miên man, trải dài trong không gian mệnh mông nhuộm màu thu. Nỗi buồn không trĩu nặng mà như vương vất đâu đây, lan toả trong không gian.

b. Điệp thanh trắc cùng âm tắc cuối âm tiết (thấp, uất) thể hiện sự uất ức của một người có ý thức cái tài của mình nhưng không được thoả nguyện. “Giang hồ mê chơi quên quê hương” toàn thanh bằng, các nguyên âm bổng, âm cuối là những phụ âm vang mang âm hưởng bay bổng như bước chân ngao du và tâm hồn phóng khoáng, đa tình đến phóng túng của nhà thơ.

Bài tập 8: Làm việc cá nhân.**Bài 8: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đến Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người.

(Nguyễn Tuân, Người lái đò Sông Đà)

a. Em có nhận xét gì về thanh điệu của các âm tiết trong đoạn trích trên?

b. Việc sử dụng thanh điệu như vậy có tác dụng gì?

Lời giải:

a. Thanh điệu Bằng Trắc đan xen.

b. Tác dụng Gợi nhịp điệu nhẹ nhàng, lâng lâng, mơ màng. Vẻ đẹp thơ mộng, êm đềm của Sông Đà càng nổi bật và giàu chất thơ (chất nhạc)

Bài tập 9: Làm việc cá nhân.**Bài 9: Theo em, sự hài hoà về âm thanh trong đoạn thơ dưới đây được tạo ra nhờ những yếu tố nào?**

*Rồi một hôm nào, tôi thấy tôi
Nhẹ nhàng như con chim cà lơi
Say đồng hương nắng vui ca hát
Trên chín tầng cao bát ngát trời...*

(Tố Hữu, Nhớ đồng)

Lời giải:

- Thanh Bằng được lặp lại với một mật độ dày đặc, đặc biệt là câu hai 6 chữ cuối tác giả sử dụng thanh bằng.
- Điệp văn ôi, oi, a, at, ang.

Bài tập 10: Làm việc cá nhân.
GV giao bài tập này về nhà cho hs luyện viết

Bài 9: Em hãy tự chọn 1 ngữ liệu thơ ca có sử dụng lối chơi chữ và viết 1 đoạn văn phân tích tác dụng của lối chơi chữ trong ngữ liệu đó.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN- Tiết

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC
(MỘT BÀI THƠ SONG THẤT LỤC BÁT)

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
 - Năng lực riêng biệt:
 - Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một bài thơ song thất lục bát.
 - HS viết được bài văn nghị luận văn học bằng cách nêu vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*, bài viết có bố cục rõ ràng, triển khai các phần hợp lí (có hệ thống luận điểm, sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm rõ từng luận điểm), giàu sức thuyết phục.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.
- Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về kiểu bài

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

🌈 Hoạt động 1.1: GV nhắc lại cho HS một số đặc trưng của thể thơ lục bát và giới thiệu thêm những ngữ liệu tiêu biểu làm theo thể thơ này

Thơ song thất lục bát là thể thơ có hai câu bảy chữ, xen kẽ là một câu sáu chữ và một câu tiếp theo là tám chữ. Trải dọc theo thời gian, mặc dù thể thơ này không còn được ưa chuộng như trước, nhưng nó vẫn mang giá trị tinh thần to lớn, gắn liền với hình ảnh bình dị của người dân Việt Nam. Những bài thơ song thất lục bát tiêu biểu trở thành niềm tự hào của dân tộc như: Chinh phụ ngâm (Đoàn Thị Điểm), Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến), Hải Ngoại huyết thư (Phan Bội Châu), Tế thập loại chúng sinh (Nguyễn Du). Khi nhắc đến bài thơ song thất lục bát, ta sẽ không thể không kể đến những tác phẩm “đề đời”, dù trải qua hàng trăm nhưng vẫn còn nguyên giá trị tới hiện tại. Dưới đây là đoạn trích từ những tác phẩm nổi tiếng ấy, mà có lẽ chúng ta đã được học từ thuở còn trên ghế nhà trường.

Đoạn trích thơ: Tình Cảnh Lẻ Lòi Của Người Chinh Phụ

- Trích *Chinh Phụ Ngâm*

Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,
 Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.
 Ngoài rèm thước chẳng mách tin,
 Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng ?
 Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
 Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
 Buồn rầu nói chẳng nên lời,
 Hoa đèn kia với bóng người khá thương.
 Gà eo óc gáy sương năm trống,
 Hoè phát phơ rủ bóng bốn bên.
 Khắc giờ đằng đẵng như niên,
 Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.
 Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
 Gương gượng soi lệ lại châu chan.
 Sát cầm gượng gảy ngón đàn,
 Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.
 Lòng này gửi gió đông có tiện?
 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên Non
 Non Yên dù chẳng tới miền,
 Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.
 Cảnh cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.
 Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
 Cảnh buồn người thiết tha lòng,
 Cảnh cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

(Tác giả: Đoàn Thị Điểm)

Đoạn trích thơ: Cung Oán Ngâm Khúc

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết
 Hình thì còn bụng chết đòi nau
 Thảo nào khi mới chôn nhau
 Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra!
 Khóc vì nỗi thiết tha sự thế
 Ai bày trò bãi bể nương dâu
 Trắng răng đến thuở bạc đầu
 Tử, sinh, kinh, cụ làm nau mấy lần.

Cuộc thành bại hầu cần mái tóc
 Lớp cùng thông như đúc buồng gan
 Bệnh trần đòi đoạ tâm toan
 Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da.

Gót danh lợi bùn pha sắc xám
 Mặt phong trần nắng râm mùi dâu
 Nghĩ thân phù thế mà đau
 Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.

Mùi tục vị lưỡi tê tân khổ
 Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu
 Sóng cồn cửa bể nhấp nhô
 Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh.

Trẻ tạo hoá đành hanh quá ngán
 Chết đuổi người trên cạn mà chơi
 Lò cừ nung nấu sự đời
 Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương.

Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc
 Thú ca lâu để khóc canh dài
 Đất bằng bỗng rập chông gai
 Ai đem nhân ảnh nhuộm màu tà dương.

Môi phú quý dũ làng xa mã
 Bả vinh hoa lừa gã công khanh
 Giấc Nam Kha khéo bất bình
 Bùng con mắt dậy thấy mình tay không.

Sân đào lý mây lòng man mác
 Nền đỉnh chung nguyệt gác mơ màng
 Cánh buồm bề hoạn mệnh mang
 Cái phong ba khéo cột phùng lợi danh.

Quyền họa phúc trời tranh mất cả
 Chút tiện nghi chẳng trả phần ai
 Cái quay búng sẵn lên trời
 Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.

Hình mộc thạch vàng kim ổ cổ
 Sắc cảm ngư ử vũ ê phong
 Tiêu điều nhân sự đã xong
 Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư.

Cầu thế thủy ngồi trơ cổ độ
 Quán thụ phong đứng rũ tà huy
 Phong trần đến cả sơn khê
 Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.

Tuồng ảo hóa đã bày ra đây
 Kiếp phù sinh trông thấy mà đau
 Trăm năm còn có gì đâu
 Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì.

(Tác giả: Nguyễn Gia Thiều)

Bài thơ Xuân Sầu (II)

Trăm hoa đua nở đẹp hơn cười
 Một cái oanh vàng uốn lưỡi chơi
 Phong cảnh chiều xuân vui vẻ thế
 Xuân sầu chi để bận riêng ai!
 Mười lăm năm trước xuân xanh
 Tri Tri cất tiếng, Hữu Thanh gọi đàn
 Tình nguyện vọng chứa chan non nước
 Bạn tri âm man mác giờ mây
 Nở gan một cuộc cười say
 Đường xa coi nhẹ gánh đây như không
 Phận nam nhi tang bồng là chí
 Chữ trọng phụ ý khí nhường ai
 Non sông thề với hai vai
 Quyết đem bút sắt mà mài lòng son
 Dư đồ rách, nước non tô lại
 Đồng bào xa, trai gái kêu lên
 Doanh hoàn là cuộc đua chen
 Rồng Tiên phải giống ngu hèn, mà cam!
 Tiếng gọi bạn nửa năm vừa dứt
 Sức thua giờ, trăm sức mà chi
 Tình duyên đến lúc phân ly
 Giang sơn bằng lãng, tu mi thẹn thùng
 Xếp ngọn bút, đau lòng son sắt
 Giã đàn văn, lánh mặt phong sương
 Cho hay trần lụy đa mang
 Trăm năm duyên nợ văn chương còn nhiều
 Thuyền một lá buông liêu sông nước
 Lái tám năm xuôi ngược dòng sông
 Nực cười trận gió đông phong
 Làm cho chú lái không công mất thuyền
 Ngồi nghĩ lại mối duyên sao lạ
 Dầu kêu rằng món nợ cũng hay
 Trần hoàn trả trả vay vay
 Kể chi công nợ, cho rầy thanh tao
 Mừng xuân mới, rượu đào khuyên cạn
 Vắng tri âm mà bạn non xanh
 Gan vàng, tóc bạc, non xanh
 Thiên nhiên ai họa bức tranh xuân sầu?

(Tác giả: Tản Đà)

Bài thơ: Ai Tư Vãn

Gió hiu hắt phòng tiêu lạnh lẽo
 Trước thềm lan, hoa héo ron ron.
 Cầu Tiên khói tỏa đỉnh non,
 Xe rồng thăm thẳm, bóng loan dầu dầu.

Nỗi lai lịch dễ hầu than thở
 Trách nhân duyên mờ lẽ có sao ?
 Sầu sầu, thăm thẳm xiết bao...
 Sầu đầy giạt bể, thăm cao ngất trời !

Từ cò thắm trở vời cỏi Bắc,
 Nghĩa tôn phù vãng vặc bóng dương.
 Rút dây vãng mệnh phụ hoàng,
 Thuyền lan chèo quế thuận đường vu quy.

Trăm ngàn dặm quán chi non nước;
 Chữ "nghĩ gia" mừng được phải duyên.
 Sang yêu muôn đội ơn trên,
 Rõ ràng về thúy, nổi chen tiếng cầm.

Lượng che chở, vụng lằm nào kể.
 Phận đình ninh cận kề mọi lời.
 Dầu rằng non nước biến dời,
 Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.

Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội,
 Khấp tôn thân cùng đội ơn sang.
 Miếu đường còn dấu chưng thường,
 Tùng thu còn rậm mấy hàng xanh xanh.

Nhờ hồng phúc, đôi cành hờn quế
 Đượm hơi dương dây rể cùng tươi
 Non Nam lần chúc tuổi trời,
 Dâng câu Thiên Bảo, bày lời Hoa Phong.

Những ao ước trập trùng tuổi hạc,
 Nguyên trăm năm ngộ được vầy vui.
 Nào hay sông cạn, bể vùi,
 Lòng trời giáo giở, vận người biệt ly.

Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
 Xót mình rông mỗi một chẳng yên.
 Xiết bao kinh sợ, lo phiền,
 Miếu thần đã đảo, thuốc tiên lại cầu.

Khấp mọi chôn đâu đâu tìm rước,
 Phương pháp nào đổi được cùng chăng ?
 Ngán thay, máy Tạo bất bằng,
 Bóng mây thoát đã ngất chừng xe loan.

Cuộc tụ, tán, bi, hoan kíp bấy,
 Kể sum vầy đã mấy năm nay ?
 Lênh đênh chút phận bèo mây,
 Duyên kia đã vầy, thân này nương đâu ?

Trần trọc luống đêm thâu, ngày tối,
 Biết cậy ai đập nổi bi thương ?
 Trông mong luống những mơ màng,
 Mơ hồ bằng mộng, bằng hoàng như say.

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
 Ngõ hương trời băng băng còn đâu:
 Vội vàng sửa áo lên châu,
 Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện giăng.

Khi bóng trắng, lá in lấp lánh,
 Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.

Vội vàng dạo bước tới nơi,
Thương ơi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa !

Tưởng phong thể xót xa đòi đoạn,
Mặt rồng sao cách gián lâu nay,
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành ?

Nẻo u minh khéo chia đôi ngã,
Nghĩ đòi phen, nông nã đòi phen.
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,
Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương.

Nghe trước có đấng vương Thang, Võ,
Công nghiệp nhiều tuổi thọ thêm cao;
Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình !

Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuần,
Công đức dày, ngự vận càng lâu;
Mà nay lượng cả, ơn sâu,
Móc mưa rưới khắp chín châu đơm nhuần.

Công đường ấy, mà nhân đường ấy,
Cõi thọ sao hẹp bấy hóa công ?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi nguoi.

Buồn thay nhẽ, sương rơi gió lọt,
Cảnh điêu hiu, thánh thót châu sa.
Tưởng lời di chúc thiết tha,
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê.

Buồn thay nhẽ, xuân về hoa ở,
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong,
Quyết liều mong vẹn chữ tòng,
Trên rường nào ngại giữa dòng nào e.

Con trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ tình thâm chưa thoát được đi,
Vậy nên nắn ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo;

Theo buổi trước ngự đèo Bồng Đảo,
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân,
Theo xa thôi lại theo gần,
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.

Đương theo bỗng tiếng gà sức tỉnh,
Đau đớn thay ấy cảnh chiêm bao !
Mơ màng thêm nỗi khát khao,
Ngọc kinh chốn ấy ngày nào tới nơi ?

Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
Nguyệt đồng sinh sao đã kíp phai ?
Xưa sao sớm hỏi khuya bây,
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.

Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ,
 Tình cô đơn, ai kẻ xét đầu ?
 Xưa sao gang tấc gần châu,
 Trước sân phong nguyệt, trên lầu sính ca.

Giờ sao bỗng cách xa đôi cỗi,
 Tin hàn huyền khôn hỏi thăm nhanh.
 Nửa cung gãy phím cầm lạnh,
 Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ !

Nghĩ nông nỗi ngần ngơ đòi lúc,
 Tiếng tử quy thêm giục lòng thương.
 Nào người thay, cảnh tiên hương,
 Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông.

Trông mái đông: lá buồm xuôi ngược,
 Thấy mệnh mỏng những nước cùng mây,
 Đông rồi thì lại trông tây:
 Thấy non cao ngất, thấy cây rườm rà.

Trông Nam thấy nhận sa lác đác,
 Trông bắc thời ngàn bạc màu sương.
 Nọ trông trời đất bốn phương,
 Cõi tiên khơi thăm, biết đường nào đi.

Cậy ai có phép gì tới đó,
 Dâng vật thường xin ngỏ lòng trung,
 Này gương là của Hán cung
 Ở trên xưa đã soi chung đôi ngày.

Duyên hảo hợp xót rày nên lẽ,
 Bụng ai hoài vội ghê vì đâu ?
 Xin đưa gương ấy về châu,
 Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.

Tưởng linh sáng nhơn nhơn còn dấu,
 Nỗi sinh cơ có thấu cho không ?
 Cung xanh đang tuổi ấu xung
 Di mưu sao nữ quên lòng đoái thương ?

Gót lân chỉ mấy hàng lẫm chẫm
 Đầu mũ mao, mình tấm áo gai,
 U ơ ra trước hương đài,
 Tưởng quang cảnh ấy chưa cay lòng này.

Trong sáu viện ố đào, ủ liễu
 Xác ve gầy, lỏng lẻo xiêm nghê
 Long đong xa cách hương quê,
 Mong theo: lăm lỏi, mong về: tụi duyên.

Dưới bệ ngọc hàng uyên vò vồ
 Cát chân tay thương khó xiết chi.
 Hang sâu nghe tiếng thương bi,
 Kẻ sơ còn thế, hướng gì người thân.

Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,
 Mạch sầu tuôn ai tát cho vơi ?

Càng trông càng một xa vời,
Tắc lòng thăm thiết, chín trời biết chẳng ?

Buồn trông trắng, trắng mờ thêm tủi,
Gương Hằng Nga đã bụi màu trong.
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà.

Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,
Cánh hải đường đã quyến giọt sương.
Trông chim càng dễ đoạn trường
Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.

Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu ?
Phút giây bãi bể nương dâu,
Cuộc đời là thế biết hầu nài sao ?

Chữ tình nghĩa trời cao, đất rộng,
Nỗi đoạn trường còn sống còn đau.
Mấy lời tâm sự trước sau,
Đôi vàng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

(Tác giả: Lê Ngọc Hân)

Bài thơ: Mãi mãi

– Vâng, anh sẽ yêu em mãi mãi;
Mãi mãi là trong những phút giây.
Sắc hồng mãi mãi hôm nay,
Hoa sim nở rộ cuồng say một đời;
Em nói nhỏ: “hỡi người yêu dấu,
Hãy yêu em mãi mãi nghe anh?”
Say xưa anh cũng dặn tình:
“Yêu anh mãi mãi nghe! Mình yêu anh.”
Hoa nửa buổi muốn thành vạn thuở,
Lòng một đời tính độ ngàn năm;
Sông trôi núi lở âm thầm,
Đường đi vũ trụ có cầm được đâu!
Nhưng ta sẽ yêu nhau mãi mãi,
Mãi mãi là trong những phút giây;
Lâu dài là bóng, là mây,
Là môi kỳ ngộ, là tay hảo cầu.
Mãi mãi ở trong câu hò hẹn,
Mãi mãi trong ý nguyện bình sinh;
Thời gian không phải của mình,
Tình chỉ mãi mãi bằng tình tháng năm?
Vâng, anh sẽ yêu em mãi mãi,
Trong phút giây ân ái muôn đời.
Mai kia dù có rẽ rời,
Đôi ta đã mãi mãi ngồi bên nhau.

(Mãi mãi - Xuân Diệu)

Bài thơ: Đêm Khuya Tự Tình Với Sông Hương

Bây giờ chỉ có đôi ta
 Bao nhiêu tâm sự Hằng Nga biết rồi
 Thuở nước non đến hồi non nước
 Sông Hương đành xuôi ngược đông tây
 Soi lòng chỉ có đám mây
 Đám mây phú quý những ngày lao đao
 Sao mặt sông xanh xao ra dáng
 Sao tình sông lai láng khôn ngăn?
 Vì ai lắm nỗi chứa chan
 Hay còn đợi khách quá giang một lần
 Này thử hỏi, thuyền nan thả lá
 Thuyền ai đây nấn ná bấy lâu?
 Mặc ai khanh tướng công hầu
 Không thêm chung đỉnh, lưng bầu gió trắng
 Sao trời đất dãi dằng ra thế?
 Sao mưa nguồn chớp bể luôn đêm?
 Trong thành yên ấm vui thêm
 Tiếng ca lạnh lạnh lọt rèm rèm thưa
 Sông Hương hỡi, xuân vừa tơ liễu
 Cả trăm hoa hàm tiếu nhơn nhơ
 Vì đâu nước chảy lững lờ
 Hay cho thế sự cuộc cờ chiêm bao
 Ghét xa mã nao nao uốn khúc
 Giận thời gian những lứa xuân xanh
 Nhà ai khiêu vũ năm canh
 Hơi men sục nức dưới thành đô xưa
 Sao tức tối trôi bừa đi mãi
 Chẳng buồn nghe cô lái thở than
 “Thuyền em đậu bến Hương Giang
 Chờ người quân tử lỡ làng tình duyên”
 Thuyền lặng lẽ nằm yên với bóng
 Nước sông xuôi dợn sóng bến thuyền
 Trong thành ngủ chết con đen
 Khoá xuân bỏ lỏng đến then chẳng gài
 Hãy trông thử đèn đài dinh thự
 Dấu xưa, xưa tình tứ làm sao
 Ô hay! Sóng chảy dạt dào
 Chiếc thuyền vô định tạc vào bến mê
 Sao trai gái đi về trong mộng
 Mà sông Hương chẳng động niềm riêng
 Trong thành để lạnh hương nguyên
 Tiếng gà gáy nguyệt láng giềng còn say.

Bài thơ: Thuyền neo bến đậu

Em nhớ mãi chiều thu lá đỏ
 Mình bên nhau cạn tỏ nguồn cơn
 Chạnh lòng anh vọng lời thương
 Xa xa vắng tiếng nghe đường nỉ non

Anh khắc khoải lòng son giữ mãi
 Đời biển dâu xa xót tình đau
 Lời anh nghe thấm từng câu
 Người như ôm cả nỗi sầu thế nhân
 Hai ta cứ tần ngần nuôi tiếc
 Một đời em tha thiết từng mơ
 Nào ai học được chữ ngờ
 Gối chăn hờ hững sương mờ phủ giăng
 Anh chôn ấy! Mong nay đã hết
 Em ngồi đây lặng chết từng giây
 Một mình trần trở đêm nay
 Biết ai hiểu thấu đắng cay chuyện lòng
 Xuân trở giấc hoa không muốn trở
 Ngại ngần lo sầu khổ bao mùa
 Thôi đành duyên kiếp đẩy đưa
 Thuyền neo bến hẹn gió mùa lất lay
 Tình chợt đến, chợt đi, ai biết
 Đường vào tim khôn xiết bề bàng
 Chông chênh với chiếc đò ngang
 Mai sau biết có vẹn toàn được chăng.

(Tác giả: Hoàng Mai)

Bài thơ: Bà Má Hậu Giang

Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
 Phèn la kêu, trống giục vang đồng
 Đường quê đỏ rực cờ hồng
 Giáo gươm sáng đất, tầm vông nhọn trời
 Quyết một trận, quét đời nô lệ
 Quăng máu xương, phá bẻ xiềng gông!

Hỡi ôi! Việc chưa thành công
 Hôm nay máu chảy đỏ đồng Hậu Giang
 Giặc lòng, giặc đốt xóm làng
 Xác xơ cây cỏ, tan hoang cửa nhà
 Một vùng trắng bãi tha ma
 Lặng im, không một tiếng gà gáy trưa.

Có ai biết, ai ngờ trong đó
 Còn chơ vơ một ổ lều con
 Đạn bom qua, hãy sống còn
 Núp sau lưng rộng một hòn đá to.
 Có ai biết trong tro còn lửa
 Một má già lần lửa không đi
 Ở đây sóng gió bất kỳ
 Má ơi, má ở làm chi một mình?
 Rừng một dải U Minh tối sớm
 Má lom khom đi lượm củi khô
 Ngày đêm củi chất bên lò
 Ai hay má cắt củi khô làm gì?
 Hay má lẫn quên vì tuổi tác
 Hay má liều một thác cho yên?

Bồng đầu một buổi mai lên
 Trên đường quê ấy, qua miền nghĩa quân
 Một toán quỷ rầm rầm rộ rộ
 Mắt mèo hoang, mũi chó, râu dê
 Súng trường nhọn hoắt lưỡi lê
 Khét nồng khí chết, tanh dề máu oan!
 Chúng rảo bước. Lính quan nện gót
 Mắt nhìn quanh lục mót dạng người
 Đồng không, lạnh vắng, im hơi
 Chỉ đôi bóng quạ ngang trời loáng qua
 Ách-là! Thằng quan ba dừng bước
 Rút ống dòm, và ngược mắt nheo
 Xa xa, sau lớp nhà xiêu
 Một tia khói nhỏ ngoằn ngoèo bay lên...
 Hấn khoái trá cười điên sáng sặc
 Nhe hàm răng sáng quắc như gươm
 Vẫy tay lũ tớ guờm guờm
 Như bấy chó đói chực chồm miếng ăn.
 Rồi lặng lặng bước chân hùm sói
 Tiến dần lên tia khói, vây quanh...

Má già trong túp lều tranh
 Ngồi bên bếp lửa, đun canh củi khô
 Một mình má, một nồi to
 Cơm vừa chín tới, vùi tro, má cười...
 Chết! Có tiếng gì rơi sột soạt?
 Má già run, trán toát mồ hôi
 Chạy đâu? Thôi chết, chết rồi!
 Gót giày đầu đã đạp rơi liếp mảnh.
 Một thằng cướp, mắt xanh mũi lõ
 Đốc gươm dài tuốt vỏ cầm tay
 Rung rinh bậc cửa tre gầy
 Nghênh ngang một ống chân đầy lối đi!

Hấn rướn cổ, giương mi, trợn mắt
 Như hổ mang chọt bắt được mồi
 Trùng trùng trông ngược trông xuôi
 Trông vào bếp lửa: Một nồi cơm to.
 Hấn rống hét: “Con bò cái chết!
 Một mình mày ăn hết này sao?
 Đừng hòng che được mắt tao
 Khai mau, du kích ra vào nơi đâu?
 Khai mau, tao chém mất đầu!”
 Má già lẩy bẩy như tàu chuối khô
 Má ngã xuống bên lò bếp đỏ
 Thằng giặc kia đứng ngỗ trùng trùng
 Má già nhắm mắt, rung rung
 “Các con ơi, ở trong rừng U Minh
 Má có chết, một mình má chết
 Cho các con trừ hết quân Tây!”
 Thằng kia bỗng giậm gót giày
 Đạp lên đầu má: “Mẹ mày, nói không?”
 Lưỡi gươm lạnh toát kẻ hông
 “Các con ơi! Má quyết không khai nào!”
 Súc đầu như ngọn sóng trào
 Má già đứng dậy, ngó vào thằng Tây

Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!
 Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
 Tao già không sức cầm dao
 Giết bay, có các con tao trăm vùng!
 Con tao, gan dạ anh hùng
 Như rừng được mạnh, như rừng chàm thơm!
 Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”
 Thương ôi! Lời má lưởi gươm cắt rồi!
 Một dòng máu đỏ lên trời
 Má ơi, con đã nghe lời má kêu!
 Nước non muôn quý ngàn yêu
 Còn in bóng má sớm chiều Hậu Giang.

(Tác giả: Tố Hữu)

Bài thơ: Hai Chữ Nước Nhà

Chốn Ai Bắc mây sâu ảm đạm
 Cõi trời Nam gió thảm điều hiu
 Bốn bề hồ thét chim kêu
 Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
 Chút thân tàn lặn bước dặm khơi
 Trông con tâm tã châu rơi
 Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:

Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định
 Máy ngàn năm suy thịnh đổi thay
 Trời Nam riêng một cõi này
 Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì!

Than vận nước gặp khi biến đổi
 Để quân Minh thừa hội xâm lăng
 Bốn phương khói lửa bùng bùng
 Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông!

Nơi đô thị thành tung quách vỡ
 Chốn dân gian bỏ vợ lìa con
 Làm cho xiêu tán hao mòn
 Lạ gì khác giống dễ còn thương đâu!

Thảm vong quốc kẻ sao cho xiết
 Trông cơ đồ nhường xé tâm can
 Ngậm ngùi khóc đất giời than
 Thương tâm nỗi giống lầm than nỗi này!

Khói Nùng lĩnh như xây khối uất
 Sóng Long giang nhường vật con sầu
 Con ơi! càng nói càng đau...
 Lấy ai tế độ đàn sau đó mà?

Cha xót phận tuổi già sức yếu
 Lỡ sa cơ đành chịu bó tay
 Thân lươn bao quản vũng lầy
 Giang sơn gánh vác sau này cậy con

Con nên nhớ tổ tông khi trước
 Đã từng phen vì nước gian lao
 Bắc Nam bờ cõi phân mao
 Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây

Kìa Trưng nữ ra tay buồm lái
 Phận liễu bồ xoay với cuồng phong
 Giết giặc nước, trả thù chồng
 Nghìn thu tiếng nữ anh hùng còn ghi

Kìa Hưng Đạo gặp khi quốc biến
 Vì giống nòi quyết chiến bao phen
 Sông Bạch Đằng phá quân Nguyên
 Gươm reo chính khí nước rền dư uy

Coi lịch sử gươm kia còn tỏ
 Mở dư đồ đất nọ chưa tan
 Giang san này vẫn giang san
 Mà nay sẽ ghé tan đàn vì ai?

Con nay cũng một người trong nước
 Phải nhắc câu Gia, Quốc đôi đường
 Làm trai hồ thi bốn phương
 Sao cho khỏi thẹn với gương Lạc Hồng

Thời thế có anh hùng là thế
 Chữ vinh hoa xá kể làm chi!
 Mấy trang hào kiệt xưa kia
 Hy sinh thân thể cũng vì nước non

Con đương độ đầu xanh tuổi trẻ
 Bước cạnh tranh há dễ nhường ai?
 Phải nên thương lấy giống nòi
 Đừng tham phú quý mà nguôi tắc lòng

Kiếp luôn cúi, đỉnh chung cũng nhục;
 Thân tự do chiên chúc mà vinh
 Con ơi nhớ đức sinh thành
 Sao cho khỏi để ô danh với đời

Chớ lặn lữa theo loài nô lệ
 Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai
 Đem thân đây đọa tội đời
 Nhục nhân bêu riếu muôn đời hay chi?

Sống như thế, sống dê, sống mạt
 Sống làm chi thêm chật non sông!
 Thà rằng chết quách cho xong
 Cái thân cẩu trệ ai mong có mình!

Hướng con cũng học hành khôn biết
 Làm giống người phải xét nông sâu
 Tuồng chi gục mặt cúi đầu
 Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đành!

Nỗi tâm sự đỉnh ninh đường ấy
 Cha khuyên con có bấy nhiêu lời

Con ơi! con phải là người
Thì con theo lấy những lời cha khuyên

Cha nay đã muôn nghìn bi thảm
Nói bao nhiêu tâm khảm càng đau!
Chân mây mặt cỏ rầu rầu
Càng trông cổ quốc mạch sầu càng thương!

Lời cha dặn khắc xương để dạ
Mấy gian lao con chớ sai nguyên
Tuốt gươm thề với vương thiên
Phải đem tâm huyết mà đền cao sâu

Gan tráng sĩ vững sau như trước
Chí nam nhi lấy nước làm nhà
Tấm thân xẻ với san hà
Tượng đồng bia đá hoạ là cam công

Nửa mai một giết xong thù nghịch
Mùi long tuyền lau sạch màu tanh
Làm cho đất rộng trời kinh
Bấy giờ quốc hiển gia vinh có ngày!

Nghĩa vụ đó con hay chẳng tá?
Tính toán sao vẹn cả đôi đường
Cha dù đất lạ gởi xương
Trông về cổ quốc khỏi thương hồn già

Con ơi! Hai chữ nước nhà!

(Tác giả: Trần Tuấn Khải)

Bài thơ: Chuyện Tình Không Đoạn Kết

Người tìm đến một chiều đông giá
Khi đời em lòng dạ ngổn ngang
Duyên đầu vội sớm ly tan
Anh đem nắng ấm... chứa chan xuân về
Qua rồi tuổi đam mê tình ái
Em và người gặp lại là duyên
Nửa vòng trái đất mỗi đêm
Xa xôi cách trở nỗi niềm tỏ phân
Dòng thư tỏ thu dần khoảng cách
Người và em dằng dặc đêm trường
Cánh chim bạt gió tha hương
Trái tim vết khắc một đường hằn sâu
Dòng tâm sự đón đau thân xác
Nỗi đoạn trường than trách ai đây
Tổ tường bao nỗi đắng cay
Trời cao có thấu lòng này hay chẳng
Người gọi ta hồng nhan tri kỷ
Ta gọi người thủ thi tình quân
Mỗi năm vào dịp nghinh tân
Cùng nhau dạo Hội hoa xuân quê nhà
Thấm thoát sáu năm dài rông rã
Luôn ưu tư tắc dạ u hoài

Có chi duyên ngắn tình dài
Trách sao Tạo Hóa đọa đầy hồng nhan

(Tác giả: Hoàng Mai)

Bài thơ: Nhớ Ơn Cha Mẹ

Ngày tháng bảy mưa rơi lướt thướt
Chạnh lòng con suốt mướt canh đầu
Mẹ cha giờ khuất nơi đâu
Dương gian hay cõi thâm sâu ngút ngàn
Đêm trở gió bàng hoàng tỉnh giấc
Nhớ công ơn chắt ngất lòng đau
Mẹ cha khuất bóng đã lâu
Con chưa đền đáp ơn sâu cứu trùng
Nhớ cái thuở bên cùng cạn kiệt
Cha đảm đương mãi miết vườn rau
Cơm canh khoai sắn bên nhau
Chắt chiu ngày tháng mong cầu vươn lên
Thời gian vững lòng bền cha bước
Lên tỉnh thành sau trước lo toan
Đàn con sâm sập hiền ngoan
Mẹ thay cha dạy bảo ban con khờ
Rồi đến lúc con thơ đã lớn
Bỏ mẹ cha về chốn phồn hoa
Đứa an phận đứa bôn ba
Xót xa con trẻ lệ nhòa đêm đầu
Khi con đã bắt đầu ổn định
Thì mẹ cha thân tịnh bất an
Mẹ đi về chốn mây ngàn
Cha thương nhớ mẹ vô vàng theo sau
Con chưa kịp ơn sâu đền đáp
Chỉ mong sao Phật Pháp nhiệm màu
Mẹ cha thoát cảnh khổ đau...
Luân hồi sanh tử nguyện cầu vãng sanh

(Tác giả: Hoàng Mai)

Bài thơ: Đôi Mắt

Có hoa nào qua mùa không héo?
Có tiếng nào giàu đẹp hơn không?
Mắt em là một dòng sông
Thuyền anh bơi lội giữa dòng mắt em.
Đàn “nguyệt dạ” hương đêm bay lạc
Gì buồn hơn tiếng vạc lưng chừng?
Phép gì khỏi nhớ đừng trông
Mắt em bỏ túi, vắng lòng đem soi.

(Tác giả: Lưu Trọng Lư)

Những bài thơ song thất lục bát khiến không chỉ đông đầy cảm xúc, mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Mỗi dòng thơ như tiếng lòng từ chính tác giả, chạm đến trái tim hàng triệu độc giả mến mộ thơ ca Việt trong suốt mấy mươi năm.

Cách gieo vần thơ song thất lục bát thoát nhìn qua, tưởng chừng như không theo bất cứ quy luật thơ ca nào. Tuy nhiên khi nhìn lại bạn sẽ thấy được cách bỏ chữ đầy thú vị, không tạo cảm giác gò bó. Tác giả dễ dàng thổi hồn mình vào từng câu thơ, chạm đến trái tim người mến mộ, tạo nên nét đặc trưng riêng.

Hoạt động 1.2: GV yêu cầu HS nhắc lại tri thức của kiểu bài:

- + Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (tên tác phẩm, tên tác giả), nêu được nhận định chung của người viết về tác phẩm.
- + Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.
- + Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (vần, nhịp, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) và hiệu quả thẩm mỹ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.
- + Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- + Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

Hoạt động 1.3: GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình viết theo các bước

a. Trước khi viết

*** Lựa chọn đề tài:**

Nhớ lại các tác phẩm song thất lục bát đã học hoặc đã đọc. Chọn trong số đó một tác phẩm em thấy thú vị, có nhiều xúc cảm để phân tích.

*** Tìm ý:**

- Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm (nếu có) và những thông tin khác có liên quan để viết phần Mở bài và liên hệ, mở rộng khi phân tích.
 - Xác định bố cục của tác phẩm và nội dung chính của từng phần.
 - Xác định những nỗi niềm tâm tư, xúc cảm chủ đạo trong tác phẩm.
 - Tìm hiểu các yếu tố nghệ thuật mà tác giả đã sử dụng để truyền tải nội dung chủ đề.
- => Bài viết nên kết hợp phân tích nội dung và nghệ thuật để làm rõ sự hô ứng, hòa quyện của hai phương diện này trong cùng một (hoặc một nhóm) câu thơ. Việc triển khai bài sẽ thuận lợi hơn khi lần lượt phân tích theo trình tự các phần của tác phẩm thơ.

*** Lập dàn ý:**

- + Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhân đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.
- + Thân bài: Lần lượt phân tích các phần theo bố cục tác phẩm thơ:

- Phần 1 (từ câu... đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,... và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.
- Phần 2 (từ câu... đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,... và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.
- ...

Ngoài cách phân tích tác phẩm theo bố cục, có thể phân tích theo lần lượt đi từ nội dung đến hình thức nghệ thuật hoặc ngược lại.

- + Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.

b. Viết bài

– Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý. Mỗi ý trong phần Thân bài nên được viết thành một đoạn văn.

– Khi viết, lựa chọn những từ ngữ chính xác, phù hợp, thể hiện được quan điểm và tình cảm của người viết, tránh sử dụng những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì. Nên sử dụng hiệu quả các thông tin ngoài tác phẩm (nếu có), giúp cho việc phân tích các giá trị của tác phẩm được rõ ràng, nổi bật hơn.

Lưu ý: Với trường hợp tác phẩm thơ dài, có thể trích dẫn ở mỗi phần những câu thơ, đoạn thơ quan trọng và phân tích sâu. Tùy điều kiện, thời gian làm bài để có cách xử lí thích hợp.

c. Chỉnh sửa bài viết

Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát và dàn ý đã lập, rà soát các phần chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Kiểm tra việc triển khai dàn ý	<ul style="list-style-type: none"> – Rà soát xem đã triển khai đầy đủ các ý chưa, nếu thiếu thì phải bổ sung. – Rà soát xem bài viết đã phân tích các giá trị nội dung và nghệ thuật (đặc biệt là đã khai thác những đặc điểm của thể thơ song thất lục bát) của tác phẩm chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung. – Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Nếu chưa cân đối thì cần điều chỉnh.
Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt	Chỉnh sửa các lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tạo lập đoạn văn và văn bản (nếu có).

Hoạt động 1.4: Yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo

TRƯA VẮNG

Hồn tôi đây: căn trường nho nhỏ,
Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non
Lâu rồi còn thoảng mùi thơm,
Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ

Sâu rộng quá những giờ vui trước!
Nhịp cười say trên nước chưa trôi.
Trưa hè thường thấy hai tôi
Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn

Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?
Trang sách đầu chép hết giây mơ.
Ngả mình trên bóng nhưng tơ,
Tôi nguyên: sau lớn làm thơ suốt đời!

Cỏ mấy bận xanh rồi lại tạ,
Gió lùa thu trong lá bao lần...
Bạn trường những bóng phù vân,
Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.

Hồn xưa đây: chim cành động nắng,
Lá reo trên hồ lặng lẽ trong
Trưa im, im đến nỗi nùng,
Tôi ngờ trông học trong lòng trưa vang...

(Hồ Dzếnh, *Quê ngoại*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 62 – 63)

Hồ Dzếnh (1916 – 1991) là tác giả đã khẳng định được tên tuổi từ phong trào Thơ mới. Các thi phẩm của ông gợi cho người đọc ấn tượng về một giọng thơ âm áp, chân thật. Đọc thơ ông, ta có cảm giác như ông đang kể câu chuyện cuộc đời mình. Bài thơ *Trưa vắng* in trong tập thơ *Quê ngoại* (1942) là một sáng tác tiêu biểu cho giọng thơ, hồn thơ của thi sĩ.

Bài thơ mở đầu bằng lời chia sẻ:

*Hồn tôi đây: căn trường nho nhỏ,
Nước vôi xanh, bờ cỏ tươi non
Lâu rồi, còn thoảng mùi thơm
Chân đi nghe động tới hồn ngây thơ.*

Đó là câu chuyện của “hồn tôi” được nhà thơ kể lại, một thế giới âm ập những kỉ niệm, những xúc cảm thân thương. Nơi ấy có ngôi trường “nhỏ nhỏ” tác giả từng gắn bó thời thơ ấu. Ngôi trường ấy được quét “nước vôi xanh”, cỏ “bờ cỏ tươi non” và “thoảng mùi thơm”, rộn vang tiếng “chân đi”,... Hình ảnh ngôi trường lưu lại trong tâm hồn tác giả rõ mồn một từng chi tiết, được cảm nhận qua cả thị giác, khứu giác và thính giác, như vẫn đang hiện hữu với vẻ đẹp xinh xắn, tinh khôi. Những câu thơ song thất lục bát giàu vần điệu (mỗi khổ thơ gồm một cặp câu thơ 7 chữ và một cặp lục bát luôn có tới 7 tiếng được gieo vần, điều không một thể thơ nào khác có được) dẫn dắt người đọc vào thế giới tâm hồn của thi sĩ, ở đó, những câu chuyện diễn ra từ thuở cắp sách đến trường mà có cảm giác như đang sống động trước mắt.

Trong thế giới của kí ức ấy, có bao kỉ niệm không thể nào quên, khiến tác giả kể một cách say sưa:

*Sâu rộng quá những giờ vui trước!
Nhịp cười say trên nước chưa trôi.
Trưa hè thường thấy hai tôi
Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn.*

Khi miêu tả “những giờ vui trước” là “sâu rộng” (biện pháp tu từ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, dùng cảm nhận không gian để miêu tả thời gian), thi nhân muốn thể hiện những xúc cảm đang ngập tràn tâm hồn mình. Đó là niềm vui một thời cùng anh trai (tác giả có hai người anh trai, nhân vật “hai tôi” chính là người anh cả) của mình đùa chơi trên sông, nghịch trò “ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn”. Câu thơ “Ném đầu chim chích, bắt đuôi chuồn chuồn” miêu tả những trò chơi tuổi dại khờ năm xưa, đồng thời gợi ra biết bao trò tình nghịch khác (nhờ hiệu quả của phép đối), giờ đã trở thành kỉ niệm vô giá của hai anh em.

Những năm tháng không thể nào quên ấy không chỉ luôn sống trong kí ức mà còn trở thành nguồn động lực để đi tới tương lai: trở thành nhà thơ vì thấy cuộc đời quá đẹp!

*Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?
Trang sách đầu chép hết giây mơ.
Ngả mình trên bóng nhưng tơ,
Tôi nguyện: sau lớn làm thơ suốt đời!*

Vẻ đẹp của cuộc đời và tình yêu tha thiết dành cho cuộc đời được thi sĩ thể hiện qua câu hỏi tu từ: “Đời đẹp quá, tôi buồn sao kịp?”. Vì muốn ghi lại những vẻ đẹp ấy, thể hiện tình yêu ấy, tác giả đã nguyện “làm thơ suốt đời”. Câu thơ “Tôi nguyện: sau lớn làm thơ suốt đời!” có thể sử dụng một trong hai cách ngắt nhịp 2/2/2/2 hoặc 2/6. Nếu cách ngắt đều đặn theo nhịp 2/2/2/2 tạo cảm nhận về một lời giải bày, tâm sự, thì cách ngắt nhịp 2/6 lại tạo ra sự biến điệu: hai tiếng đầu là lời “tuyên thệ” đồng dạng, tự hứa với lòng mình; sáu tiếng còn lại là nội dung “tuyên thệ” đầy tâm huyết, thiết tha. Dù chọn cách ngắt nhịp nào thì hai tiếng “tôi nguyện” vẫn được ngắt riêng, thể hiện một quyết tâm mạnh mẽ, dứt khoát, không gì lay chuyển được. Lời nguyện ước năm ấy của “tôi” đã trở thành hiện thực, và chúng ta nhận ra rằng mỗi phút giây mà con người trải qua không phải là một sự trôi đi, biến mất trong dĩ vãng, mà là một sự lắng lại, tiếp tục hiện hữu, như phù sa bồi đắp nên đôi bờ. Đời thơ ấy đã lắng đọng nên hồn thơ ấy.

Kể từ đó, thời gian thấm thoát thoi đưa:

*Cỏ mấy bận xanh rồi lại tạ
Gió lùa thu trong lá bao lần...
Bạn trường: những bóng phù vân,
Xót thương mái tóc nay dần hết xanh.*

Cuộc sống đã có biết bao biến đổi: cỏ cây đã bao lần héo úa rồi lại xanh tươi; trời đất đã bao độ thu đến rồi lặn, bạn học cùng mái trường năm ấy giờ như “bóng phù vân”, mỗi người mỗi ngả, bản thân thi sĩ cũng dần bạc mái đầu. Dấu chấm lửng nằm giữa những câu thơ miêu tả thiên nhiên và miêu tả con

người không tạo sự ngăn cách giữa hai nhóm đối tượng này, mà như một khoảng lặng thần thờ của thi sĩ, chất chứa những ngậm ngùi trước dòng chảy của thời gian.

Tuy vậy, với Hồ Dzếnh, cuộc sống có thay đổi thế nào thì dấu ấn của những kỉ niệm xưa vẫn không phai mờ trong tâm trí:

*Hồn xưa dậy: chim cánh động nắng,
Lá reo trên hồ lặng lẽ trong
Trưa im, im đến nào nùng
Tôi ngỡ trống học trong lòng trưa vắng...*

Người yêu thơ không khó để nhận ra sự đồng điệu về xúc cảm giữa khổ thơ này với những câu thơ “Gì sâu bằng những trưa thương nhớ/ Hiu quạnh bên trong một tiếng hò!” và “Gì sâu bằng những trưa hiu quạnh/ Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!” trong bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu. Buổi trưa ở xứ nhiệt đới là khoảng thời gian nghỉ ngơi, là quãng lặng giữa hai buổi làm việc trong ngày. Chính quãng lặng của trưa vắng ấy đã trở thành một khoảng thời gian đặc biệt, có thể khiến tâm hồn con người sống dậy những hồi tưởng, hoài niệm. Trong buổi trưa vắng hôm ấy, không rõ tiếng trống làm thức dậy kỉ niệm xưa hay kỉ niệm xưa làm dậy vang tiếng trống trong hồn thi nhân. Dấu chấm lửng cuối bài thơ thể hiện âm vang tiếng trống trường năm xưa còn chưa dứt. Với thi nhân, quá khứ không chỉ là những hoài niệm. Quá khứ vẫn đang hiện hữu trong hiện tại.

Bài thơ được viết bằng ngôn ngữ tự nhiên, mộc mạc và giàu biểu cảm như một tự truyện ngọt ngào, thể hiện những rung cảm nhẹ nhàng mà sâu lắng của tâm hồn thi nhân. Thể thơ song thất lục bát xen kẽ từng cặp câu thơ bảy chữ và cặp câu thơ lục bát đầy biến tấu, giàu vần điệu, ngắt nhịp đa dạng, có khả năng chuyển tải những xúc cảm muôn màu, rất phù hợp để nhà thơ bộc bạch lòng mình. Bài thơ làm sống dậy trong ta những kỉ niệm của tuổi ấu thơ, thuở cắp sách tới trường, khiến ta thêm yêu quý, trân trọng những phút giây mình đã và đang sống.

(Nhóm biên soạn)

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VIẾT VỀ KIỂU BÀI

1. **Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
2. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
4. **Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

Đề bài: Chọn phân tích một tác phẩm thơ song thất lục bát mà em yêu thích

- **Mở bài:** Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (nhân đề, tên tác giả) và nêu ý kiến chung về tác phẩm.

- **Thân bài:**

Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.

Có thể lựa phân tích theo bố cục tác phẩm thơ:

+ Phần 1 (từ câu...đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,...và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+ Phần 2 (từ câu...đến câu...): phân tích những tâm tư, nỗi niềm, khát vọng,...và một số nét đặc sắc về nghệ thuật.

+...

- **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ.

Ví dụ: Phân tích bài thơ Hai chữ nước nhà của Á Nam Trần Tuấn Khải

Hai chữ nước nhà là bài thơ mở đầu tập **Bút quan hoài I** của Trần Tuấn Khải, được sáng tác vào năm 1926. Bài thơ lấy đề tài lịch sử thời kì nước ta bị quân Minh xâm lược (thế kỉ XV). Cha con Nguyễn Trãi đã bị thất thế trong cuộc xâm lược này của quân giặc. Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt giải về Trung Quốc, Nguyễn Trãi định theo cha nhưng tới biên giới phía Bắc, Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi nên quay trở về để tính chuyện trả thù cho cha, cho dân tộc.

Tác giả bài thơ đã mượn lời người cha căn dặn con để viết nên tác phẩm mang tinh thần yêu nước sâu sắc và ý nguyện độc lập dân tộc. Đoạn trích “Hai chữ nước nhà” gồm 36 câu thơ được Trần Tuấn Khải sáng tác vào năm 1926, in trong tập Bút quan hoài I. Những đề tài lịch sử, những gương anh hùng dân tộc đã được Trần Tuấn Khải ghi lại nhằm khích lệ tinh thần yêu nước, nói lên nỗi nhục của những người mất nước, qua đó thể hiện khát vọng độc lập, tự do của tác giả.

Trong lời đề từ của bài thơ, tác giả nói rõ cảm hứng của mình là Nghĩ lời ông Phi Khanh dặn ông Nguyễn Trãi khi ông bị quân Minh bắt giải sang Tàu. Từ chi tiết này, ta có thể thấy Hai chữ nước nhà là bài thơ mượn đề tài lịch sử để thể hiện tinh thần yêu nước của tác giả.

Phần đầu của bài thơ, tác giả gợi lên cảnh đau thương của đất nước khi bị quân Minh xâm lược. Những hình ảnh nhân hóa rất gợi cảm như mây sầu ảm đạm, gió thảm điều hiu, hổ thét chim kêu đã cho thấy sự đau thương của đất nước dưới ách đô hộ của nhà Minh. Sông núi cũng mang một nỗi đau như con người. Cả một không gian rộng lớn từ chốn ải Bắc đến cõi giời Nam và khắp bốn bề đều thấm máu và nước mắt của bao con người Việt Nam.

*Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,
Cõi giời Nam gió thảm điều hiu,...
Chút thân tàn lèn bước dặm khơi,
Trông con tâm tã châu rơi*

Trước cảnh đất nước bị đô hộ người cha trên đường đi đầy vẫn còn ngổn ngang nỗi niềm. Các chữ trong đoạn thơ đã thể hiện niềm uất hận của người anh hùng thất thế, một bi kịch mà người cha đang gặp. Câu thơ thấm đầy nỗi niềm, giọng thơ vừa thiết tha vừa nào nùng: Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên. Trước khi ra đi, người cha chỉ kịp nhắn gửi đến con những nỗi niềm của mình giao phó trách nhiệm trọng đại lại cho con

*Giống Hồng Lạc hoàng tiên đã định,
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay
Giời Nam riêng một cõi này,
Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì!*

Câu Anh hùng hiệp nữ xưa nay kém gì! như muốn nhắc người con khắc ghi lòng tự tôn dân tộc, nối tiếp truyền thống của những người đi trước quên mình vì độc lập của dân tộc. Những câu thơ sau trở nên đầy hận khí khi người cha nói về những tội ác tày trời của quân giặc

*Bốn phương khói lửa bùng bùng,
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông*

Những hình ảnh như khói lửa bùng bùng, xương rừng máu sông, thành tung quách vỡ, đất khóc giời than... tuy mang tính ước lệ nhưng vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ vì đã gợi lên bao nỗi nhục mất

nước, lòng căm thù đối với quân giặc. Người cha trước khi đi nhìn cảnh đất nước mà đau đớn lòng. Càng lo cho vận mệnh của đất nước thì nỗi đau ấy càng thêm chất chứa. Câu cảm thán kết hợp với câu hỏi tu từ cất lên vô cùng thống thiết:

Con ơi! càng nói càng đau,

Lấy ai tế độ đàn sau đó mà

Lời thơ như chứa đầy lệ, có lời than, có tiếng nức nở. Ở đây không còn là lời cha dặn con đơn thuần mà là lời của cả một dân tộc. Những câu cuối cùng trong bài thơ vừa nói lên bi kịch của người cha: tuổi già sức yếu, sa cơ đành chịu bó tay, vừa đặt niềm tin vào người con trong việc trả thù nhà, gánh nợ nước: Giang sơn gánh vác sau này cậy con. Những lời tha thiết dặn con lần cuối như vì nước, nhớ tổ tông mệnh lệnh cho người con trong hoàn cảnh đau buồn của đất nước.

Con nên nhớ tổ tông khi trước

Đã từng phen vì nước gian lao,

Bắc Nam bờ cõi phân mao

Ngọn cờ độc lập máu đào còn đây...

Có thể nói, **Hai chữ nước nhà** là bài thơ hay và cảm động. Bài thơ thể hiện một cách cô đọng nỗi đau mất nước, đồng thời khích lệ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, nêu cao khát vọng độc lập tự do của cả dân tộc. Hai chữ nước nhà không còn là lời giữa hai cha con với nhau mà là lời của Tổ quốc, của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

CHỦ ĐỀ 3: BÀI 3
HÒN NƯỚC NẪM TRONG TIẾNG MẸ CHA
THỂ LOẠI TRUYỆN THƠ NÔM
TUẦN - Tiết:

LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
2. Năng lực riêng biệt:
 - Năng lực nhận biết các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát.
 - Năng lực đọc hiểu các văn bản thơ song thất lục bát ngoài SGK.
 - Năng lực cảm thụ văn học.

II. Phẩm chất

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.
- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về thể loại truyện thơ Nôm

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại truyện thơ Nôm.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện thơ Nôm như: chữ viết, yếu tố tự sự, yếu tố trữ tình trong truyện thơ Nôm.....
 - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.
 - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các biện pháp tu từ: chơi chữ, điệp thanh và điệp vần.
 - Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học.
- 2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.
- 3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- 4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG 1.1: GV CHỐT MỘT SỐ LƯU Ý KHI ĐỌC HIỂU TRUYỆN THƠ NÔM

1. Các đặc điểm của truyện thơ Nôm

- Đây là một loại hình tự sự có khả năng phản ánh về hiện thực của xã hội và con người với một phạm vi tương đối rộng, vì vậy có người gọi truyện thơ Nôm là trung thiên tiểu thuyết (tiểu thuyết vừa).
- Nội dung của truyện thơ Nôm thường phản ánh đời sống xã hội cũng như thể hiện quan niệm, lí tưởng nhân sinh của tác giả thông qua việc miêu tả và thường là miêu tả chi tiết, tường thuật lại một cách tương đối trọn vẹn cuộc đời, tính cách nhân vật bằng một cốt truyện với chuỗi các biến cố, sự kiện nổi bật.
- Truyện thơ Nôm tiêu biểu cho văn học cổ điển Việt Nam, nở rộ vào cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, do viết bằng tiếng Việt dùng chữ Nôm nên được gọi là *truyện Nôm*.
- Truyện thơ Nôm có nhiều nguồn gốc cốt truyện khác nhau:
 - Một số tác phẩm sử dụng cốt truyện dân gian (lấy từ cổ tích, thần tích, Phật thoại...) vốn lưu hành trong dân gian như: *Tấm Cám*, *Thạch Sanh*, *Quan Âm Thị Kính*, *Tống Trân – Cúc Hoa*, *Trương Chi...*
 - Một số tác phẩm lấy cốt truyện trong văn học viết Trung Quốc (tiểu thuyết chương hồi, truyện truyền kì, ca bản), như: *Song Tinh – Bất Dụ*, *Hoa tiên*, *Truyện Kiều*, *Nhị độ mai*, *Tì bửu quốc âm tân truyện...*
 - Một số tác phẩm lấy cốt truyện từ chính cuộc đời tác giả và thực tiễn đời sống (có thông qua hư cấu, sáng tạo) như: *Sơ kính tân trang*, *Truyện Lục Vân Tiên*, *Vợ ba Cai Vàng*, *Chàng Lía...*

Dù cốt truyện xuất phát từ nguồn nào thì các truyện thơ Nôm vẫn ít nhiều phản ánh các vấn đề của thực tại xã hội và con người đương thời cũng như phản ánh tâm tư, nguyện vọng của tác giả về những điều tốt đẹp hơn cho những nhân vật trong truyện.

– Kết cấu: Truyện thơ Nôm thường kết cấu theo mô hình: *Gặp gỡ (Hội ngộ) – Tai biến (Lưu lạc) – Đoàn tụ (Đoàn viên)*. Tùy vào chủ đề của tác phẩm mà phần nào sẽ được nhấn mạnh. Đối với các truyện thơ Nôm mang chủ đề giải phóng tình yêu đôi lứa, thì “gặp gỡ” thường được nhấn mạnh, tác giả dành nhiều trang viết để đi sâu vào miêu tả và tán dương tình yêu tự do, say đắm. Đối với các truyện thơ Nôm mang chủ đề đấu tranh cho công lí xã hội thì “tai biến” (và sự đấu tranh vượt qua “tai biến”) là phần quan trọng. Tuy nhiên, cả hai loại truyện này đều cơ bản có kết thúc gì bản có kết thúc giống nhau: kết thúc có hậu, kết thúc có tính chất lí tưởng. (Tất nhiên, cũng có những tác phẩm có hậu chỉ là bề ngoài, thực chất là kết thúc bi kịch, chẳng hạn như *Truyện Kiều*, phản ánh khát vọng (đồng thời cũng là sự bế tắc, bất lực) của tác giả trước thực tại bất công, nghiệt ngã.)

– Nhân vật:

+ Nhân vật của truyện thơ Nôm thường được chia thành hai tuyến rõ ràng: nhân vật chính diện (đại diện cho cái tốt, cái tiến bộ) và nhân vật phản diện (đại diện cho cái xấu, cái ác, cái bảo thủ). Ở những truyện thơ Nôm xuất sắc (chẳng hạn *Truyện Kiều*), lại có những nhân vật lưỡng diện, khó xác quyết là chính diện hay phản diện (như Thúc Sinh trong *Truyện Kiều*). Có những truyện thơ Nôm lại không có nhân vật phản diện do không đặt ra vấn đề đấu tranh giai cấp hoặc đấu tranh tư tưởng (*Hoa tiên*, *Mai đình mộng kí*). Cũng có những nhân vật chỉ có ý nghĩa chức năng, không cần xếp vào loại nào (chẳng hạn nhân vật nàng hầu, nhân vật người dẫn đường, thầy bói,...).

+ Nhân vật truyện thơ Nôm cũng thường được xây dựng theo khuôn mẫu, các môtip như: chàng trai nghèo, học giỏi (sau thành đạt), chung tình; cô gái (nhà giàu) nét na, đảm đang, hiếu thảo;... Tuy nhiên, cũng đã có một vài nhân vật truyện thơ Nôm được xây dựng đa chiều, sinh động hơn (có tính cách cá thể, có đời sống tâm lí phong phú,...), điển hình là nhân vật *Thúy Kiều* trong *Truyện Kiều*.

+ Ngoại hình các nhân vật cũng được chú ý miêu tả, nhưng nhìn chung vẫn theo lối ước lệ, tượng trưng. Ở những truyện thơ Nôm thành công nhất, ngoại hình nhân vật đã có những nét cá thể hoá, biểu thị tính cách, số phận.

+ Các nhân vật cũng thường được xây dựng theo khuôn mẫu, các môtip như: chàng trai nghèo, học giỏi (sau thành đạt), chung tình; cô gái (nhà giàu) nét na, đảm đang, hiếu thảo;... Tuy nhiên, cũng đã có một

vài nhân vật truyện thơ Nôm được xây dựng đa chiều, sinh động hơn (có tính cách cá thể, có đời sống tâm lí phong phú,...), điển hình là nhân vật *Thúy Kiều* trong *Truyện Kiều*.

+ Ngoại hình các nhân vật cũng được chú ý miêu tả, nhưng nhìn chung vẫn theo lối ước lệ, tượng trưng. Ở những truyện thơ Nôm thành công nhất, ngoại hình nhân vật đã có những nét cá thể hoá, biểu thị tính cách, số phận.

+ Các nhân vật cũng được khắc hoạ thông qua ngôn ngữ đối thoại. Một số nhân vật (ở truyện thơ Nôm bác học) đã được khắc hoạ đời sống tâm lí thông qua việc tả cảnh ngụ tình hoặc miêu tả trực tiếp tâm trạng, tâm lí (ngôn ngữ độc thoại).

– Ngôn ngữ:

+ Tuỳ theo tài năng của tác giả cũng như trình độ phát triển văn học của các vùng miền nơi sản sinh tác phẩm mà ngôn ngữ truyện thơ Nôm hoặc còn thô sơ, mộc mạc hay đã đạt đến mức độ tinh tế, hoàn thiện.

+ Truyện thơ Nôm luôn có sự kết hợp của hai loại ngôn ngữ: ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học. Ngôn ngữ bình dân là lời ăn tiếng nói hằng ngày, ngôn ngữ đời sống (khẩu ngữ, thành ngữ, tục ngữ, phương ngữ,...). Ngôn ngữ bác học là ngôn ngữ được trau chuốt, dùng phổ biến trong nền văn học viết trung đại, thiên về ước lệ tượng trưng, sử dụng nhiều từ Hán Việt, điển tích, điển cố, văn thi liệu Hán học, nhiều thủ pháp tu từ phức tạp. Mỗi loại ngôn ngữ có ưu thế riêng: ngôn ngữ bình dân thì cụ thể, chi tiết, cá thể hoá; ngôn ngữ bác học thì trang trọng, tao nhã, thâm thúy. Tuỳ từng tác phẩm của từng tác giả mà tỉ lệ hai loại ngôn ngữ này có khác nhau và sự kết hợp, bổ trợ cho nhau cũng khác nhau. Những truyện thơ Nôm thành công là những tác phẩm sử dụng hài hoà, kết hợp nhuần nhuyễn và tận dụng được ưu thế của cả hai loại ngôn ngữ trên.

2. Phân loại truyện thơ Nôm:

- - Căn cứ vào thể thơ dùng để sáng tác, người ta chia truyện thơ Nôm thành hai loại là truyện thơ Nôm Đường luật và truyện thơ Nôm lục bát.
- + Truyện thơ Nôm Đường luật không có nhiều, cũng như bị thất truyền, chỉ có một số tác phẩm như: *Tổ Công phụng sứ*, *Chiêu Quân cống hồ*, *Lâm tuyền kì ngộ*.
- + Truyện thơ Nôm lục bát chiếm ưu thế với số lượng và thành tựu lớn, đại diện cho truyện thơ Nôm nói chung.
- + Các tác phẩm tiêu biểu có: *Truyện Kiều*, *Hoa tiên*, *Truyện Lục Vân Tiên*, *Tổng Trân – Cúc Hoa*, *Phạm Tải Ngọc Hoa*...
 - Căn cứ vào đối tượng sáng tác, người ta chia truyện thơ Nôm thành hai loại là truyện thơ Nôm bình dân và truyện thơ Nôm bác học.
 - Truyện thơ Nôm bình dân do các tác giả trong giới bình dân (thường là khuyết danh) sáng tác do được truyền miệng hoặc qua ghi chép thô sơ trong dân gian nên khó xác định tác giả. Loại tác phẩm này cũng chủ yếu lưu hành trong dân gian. Nội dung của chúng thường phản ánh khát vọng của người dân tầng lớp dưới (bình đẳng xã hội, thay đổi vị thế trong xã hội, ước mơ ấm no, hòa bình, hạnh phúc, những điều tốt đẹp trong cuộc sống... Chất lượng nghệ thuật của loại truyện này cũng ở mức vừa phải, ngôn ngữ bình dân gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân, ít có các biện pháp tu từ cũng như sử dụng những từ ngữ thể hiện quyền thế. Nhóm này có các tác phẩm như: *Phạm Tải – Ngọc Hoa*, *Tổng Trân – Cúc Hoa*, *Thoại Khanh – Châu Tuấn*...
 - Truyện thơ Nôm bác học do các tác giả là trí thức Nho học (thường có tên tuổi, lai lịch rõ ràng), thường là tầng lớp nho gia trong xã hội sáng tác và lưu hành rộng rãi nhưng chủ yếu vẫn trong giới trí thức tinh hoa. Nội dung của chúng thường phản ánh nhu cầu của giới trí thức lớp trên (giải phóng tình cảm, khẳng định tài năng, phẩm hạnh). Chất lượng nghệ thuật của truyện thơ Nôm bác học khá cao. Nhóm này có những tác phẩm như: *Truyện Kiều*, *Hoa tiên*, *Phan Trần*, *Sơ kính tân trang*, *Truyện Lục Vân Tiên*...

2. So sánh sự giống và khác nhau giữa truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm.

a. Đặc trưng của truyện thơ dân gian

- Truyện thơ dân gian thường có hình thức đơn giản, thường chỉ bao gồm một số câu thơ ngắn, không có cốt truyện dài, trong khi truyện thơ Nôm thường có cấu trúc phức tạp hơn, có thể bao gồm nhiều câu thơ, tạo thành cốt truyện dài hơn.
- Truyện thơ dân gian thường kể về các chuyện tình cảm, tâm linh, tình bạn, trong khi truyện thơ Nôm thường kể về các chủ đề lịch sử, nhân vật lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng dân gian.
- Truyện thơ dân gian thường được sử dụng để giải trí, thư giãn trong các dịp hội hè, lễ hội dân gian, trong khi truyện thơ Nôm có tính giáo dục, truyền bá các giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc.

b. Truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm là **hai thể loại văn học truyền thống của Việt Nam. Chúng có một số điểm khác biệt:**

- Truyện thơ dân gian thường được viết bằng ngôn ngữ thông thường, dễ hiểu và phổ biến trong dân gian, trong khi truyện thơ Nôm được viết bằng chữ Nôm, sử dụng từ vựng phong phú hơn và phức tạp hơn.
- Truyện thơ dân gian thường có hình thức đơn giản, thường chỉ bao gồm một số câu thơ ngắn, không có cốt truyện dài, trong khi truyện thơ Nôm thường có cấu trúc phức tạp hơn, có thể bao gồm nhiều câu thơ, tạo thành cốt truyện dài hơn.
- Truyện thơ dân gian thường kể về các chuyện tình cảm, tâm linh, tình bạn, trong khi truyện thơ Nôm thường kể về các chủ đề lịch sử, nhân vật lịch sử, văn hóa và tín ngưỡng dân gian.
- Truyện thơ dân gian thường được sử dụng để giải trí, thư giãn trong các dịp hội hè, lễ hội dân gian, trong khi truyện thơ Nôm có tính giáo dục, truyền bá các giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc.

GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM TRUYỆN THƠ NÔM TIÊU BIỂU

TRUYỆN KIỀU VÀ NGUYỄN DU

1. Giới thiệu về tác giả Nguyễn Du

Nguyễn Du sinh ngày 3 tháng 1 năm 1766, tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Ông sinh ra trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn chương. Cha của Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm (1708- 1775), sinh ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, tên tự Hy Tư, hiệu Nghị Hiên, biệt hiệu là Hồng Ngự cư sĩ, thi đỗ tiến sĩ, từng làm Tể tướng 15 năm, tước Xuân Quận công. Mẹ là bà Trần Thị Tần (1740- 1778), con gái một người làm chức Câu kê. Bà Tần quê ở làng Hoa Thiều, xã Minh Đạo, huyện Tiên Du (Đông Ngàn), xứ Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh; cũng văn hay chữ tốt. Bà Tần là vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm. Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản làm quan đến chức Tham Tụng từ dưới thời Lê Trịnh. Với truyền thống gia đình dòng dõi, Nguyễn Du có điều kiện tiếp xúc với nhiều vùng văn hóa, dồi mài kinh sử, vốn sống, vốn hiểu biết phong phú.

Thế nhưng, thời cuộc đổi thay, loạn lạc xảy ra, gia đình ông cũng bị sa sút dần rồi rơi vào loạn ly khi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ. Nguyễn Du sớm phải gánh chịu những nỗi đau mất mát, thăng trầm. Lên 10 tuổi, Nguyễn Du mất cha. Hai năm sau, mẹ ông cũng qua đời. Nguyễn Du lưu lạc khắp nơi trong nhân gian và theo anh Nguyễn Khản, lúc về quê mẹ, lúc tại về thành Thăng Long. Cuộc đời gian nan, lận đận, phải gánh chịu không biết bao nhiêu cực khổ. Cộng thêm vào giai đoạn đó lịch sử nước nhà có nhiều rối ren, khủng hoảng xã hội, đất nước chia cắt, các thế lực phong kiến chém giết và tàn sát lẫn nhau, nông dân nổi dậy khởi nghĩa khắp nơi mà tiêu biểu là phong trào Tây Sơn do Nguyễn Huệ lãnh đạo. Những yếu tố đó đã ảnh hưởng đến tư tưởng trong sáng tác của ông. Bởi thế ông luôn nhận thức trung thành với triều Lê, căm thù sâu sắc với quân Tây Sơn. Nguyễn Du phải trải qua cuộc sông mười năm phiêu bạt, từng mưu đồ chống Tây Sơn nhưng thất bại, lui về ẩn dật. Khi phong trào Tây Sơn thất bại, nhà Nguyễn phục hưng, Nguyễn Du có ra làm quan triều Nguyễn. Khi cao sang tột bậc, lúc cơ hàn cùng cực. Nguyễn Du ốm, mất ở Huế năm 1820. Hoàn cảnh đó cũng tác động lớn tới cuộc đời và tính cách của Nguyễn Du. Cuộc đời thăng trầm, đi nhiều đã giúp ông có hiểu biết sâu rộng, am hiểu văn hóa vùng miền, văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.

Nguyễn Du là người thông minh, tài trí, có năng khiếu văn học bẩm sinh, ham học hỏi, có hiểu biết sâu rộng và từng trải. Ông có vốn sống phong phú với nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với nhiều cảnh đời khổ, nhiều con người và số phận khác nhau, sớm chịu cảnh mồ côi. Ông từng đi sứ sang Trung Quốc, qua nhiều vùng đất Trung Hoa rộng lớn với nền văn hoá rực rỡ. Chính những vốn sống thực tế phong phú và niềm cảm thông sâu sắc đã tạo cho ông cảm hứng để sáng tác nhiều tác phẩm văn học giá trị.

Truyền thống thi thư của gia đình đã cho Nguyễn Du năng khiếu văn chương. Hơn nữa, ông là con người có trái tim giàu lòng yêu thương và tâm hồn nhạy cảm, tinh tế luôn cảm thông cho những đau thương, cực khổ của nhân dân. Chính nhà thơ đã từng viết trong Truyện Kiều “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”. Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy. Ông còn là người thanh liêm và có nhân cách sống cao thượng.

2. Giới thiệu về tác phẩm "Truyện Kiều"

Truyện Kiều hay còn có tên gọi là Đoạn trường Tân Thanh được nhà thơ sáng tác vào đầu thế kỉ XIX (1805 -1809). Đây là một tác phẩm tiêu biểu viết bằng chữ Nôm dựa trên cốt truyện tiểu thuyết của Thanh Tâm tài nhân (Trung Quốc). Với cảm hứng nhân đạo và xuất phát từ thực tế cuộc sống, xã hội cũng như con người, Nguyễn Du đã có những sáng tạo tài tình cải biến để phù hợp với xã hội Việt Nam. Đây là câu truyện được kể bằng 3254 câu thơ chia làm 3 phần chính: Gặp gỡ và đính ước, Gia biến và lưu lạc, Đoàn tụ. Đề tài của truyện là viết về cuộc đời Kiều nhưng thông qua đó tố cáo xã hội phong kiến lúc bấy giờ đã chà đạp, xô đẩy người phụ nữ vào bước đường cùng; đồng thời ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều và của người phụ nữ nói chung. Tác phẩm còn thể hiện rất rõ hiện thực cuộc sống đương thời với "con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ tới muôn đời" của nhà thơ.

TÓM TẮT NỘI DUNG TRUYỆN KIỀU

Truyện Kiều kể về một gia đình viên ngoại họ Vương có 3 người con : Thúy Kiều, Thúy Vân và Vương Quan. Cả hai người con gái đều có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Trong lễ hội đạp thanh Thúy Kiều gặp Kim Trọng cả hai người nguyện thề sống chết. Kim Trọng về Liêu Dương chịu tang chủ, gia đình Thúy Kiều gặp nạn. Kiều phải bán mình chuộc cha, nhường mối tơ duyên cho em gái Thúy Vân. Từ đây bắt đầu 15 năm lưu lạc đầy nước mắt của Kiều “thanh y mấy lượt, thanh lâu mấy lần”. Sau đó Thúy Kiều may mắn gặp Từ Hải một người anh hùng đầu đội trời chân đạp đất, Kiều trả ân, báo oán. Kiều và Từ Hải mắc mưu Hồ Tôn Hiến, Từ Hải chết đứng. Kiều bị Hồ Tôn Hiến bắt gả cho viên thổ quan, vì quá nhục nhã Kiều nhảy xuống sông Tiền Đường nhưng may mắn được sư vãi Giác Duyên cứu sống và đi tu. Sau đó Kim Trọng và Vương Quan đỗ đạt làm quan lớn, may mắn gặp sư vãi Giác Duyên và đoàn tụ gia đình sau 15 năm lưu lạc.

MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ TRUYỆN KIỀU

*Có thể nói ngoài việc thể hiện được tài năng và nghệ thuật điều khiển ngôn từ cao tay của Nguyễn Du, Truyện Kiều còn mang giá trị hiện thực và nhân đạo vô cùng sâu sắc.

1. Về giá trị hiện thực: Truyện Kiều là bức tranh xã hội đầy rẫy ren với bộ mặt tàn bạo của giai cấp thống trị. Sức mạnh của đồng tiền và số phận những con người bị áp bức, nạn nhân của đồng tiền, đặc biệt là người phụ nữ. Đây gia đình Vương vào cảnh tan cửa nát nhà, đồng tiền cũng khiến Thúy Kiều dấn lần bảy lượt vào lầu xanh chịu sự sỉ nhục, đánh đập của Hoạn Thư, Bạc Bà, Bạc Hạnh. Số phận nhân phẩm bị chà đạp, bị tước đoạt những quyền cơ bản nhất của con người. Cuộc đời đầy nước mắt của Kiều chính là bằng chứng đanh thép nhất để tố cáo xã hội phong kiến đầy bất lương và tàn nhẫn.

2. Về giá trị nhân đạo: Truyện Kiều chính là tiếng nói, sự trân trọng đề cao con người từ ngoại hình, phẩm chất cao đẹp, tài năng khát vọng công lí đến ước mơ và tình yêu chân chính, tự do. Nó là sự thương cảm với những kiếp người bất hạnh, đồng thời cũng là khát vọng ước mơ về một hạnh phúc tình yêu chân chính của con người. Bên cạnh đó niềm khát khao công lí về chiến thắng thế lực bạo tàn còn được nhà thơ gửi gắm qua hình tượng nhân vật Từ Hải.

*Có thể nói đến Truyện Kiều thì tài năng của Nguyễn Du như được khẳng định một cách trọn vẹn nhất. bằng cách điều khiển ngôn từ, xây dựng cốt truyện hấp dẫn , nghệ thuật miêu tả- tả cảnh ngụ tình... ông đã khiến cho Truyện Kiều trở thành một thi phẩm xuất sắc, một kiệt tác muôn đời truyền tải ý nghĩa nhân văn, khơi gợi tình yêu thương sự công bình giữa người với người trong xã hội.

CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẮC NGHIỆM XOAY QUANH TRUYỆN KIỀU

TRẮC NGHIỆM VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

Câu 1: Ý nào sau đây không đúng về nghệ thuật của “Truyện Kiều”?

- A. Có nghệ thuật dẫn chuyện hấp dẫn.
- B. Trình bày diễn biến sự việc theo chương hồi.
- C. Sử dụng ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát một cách điêu luyện.
- D. Nghệ thuật khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc.

Câu 2: Truyện Kiều gồm mấy phần?

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 3: Đoạn trường tân thanh có nghĩa là gì?

- A. Đứt từng mảnh ruột
- B. Tiếng kêu mới
- C. Con đường dài màu xanh đứt đoạn
- D. Tiếng kêu mới tới đứt từng khúc ruột

Câu 4: Dòng nào nói đúng về những tủi nhục mà Thuý Kiều đã trải qua ?

- A. Thanh lâu ba lượt, thanh y hai lần.
- B. Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.
- C. Thanh lâu hai lượt, thanh y ba lần.
- D. Thanh lâu bốn lượt, thanh y hai lần.

Câu 5: Thể loại của Truyện Kiều là

- A. Truyện Nôm
- B. Kí
- C. Tiểu thuyết chương hồi
- D. Truyền kì

Câu 6: Truyện Kiều có nguồn gốc từ đâu ?

- A. Từ trong dân gian.
- B. Từ một tác phẩm tự sự của Trung Quốc.
- C. Thương những con người tài hoa bị chà đạp nên tác giả đã sáng tạo ra.
- D. Từ cuộc đời một người con gái có tên là Tiểu Thanh.

Câu 7: Giá trị hiện thực của Truyện Kiều là :

- A. Tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị.
- B. Tác phẩm cũng thể hiện rõ số phận của những con người bị áp bức, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ.
- C. Tố cáo lễ giáo phong kiến khắc nghiệt đã đẩy người phụ nữ vào cảnh oan trái, tàn khốc.
- D. Cả A và B.

Câu 8: Giá trị về mặt nội dung của Truyện Kiều là gì?

- A. Giá trị nhân đạo, hiện thực
- B. Bức tranh về xã hội bất công, tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người
- C. Đề cao tài năng, nhân phẩm của con người
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 9: Nguyễn Du sống ở thế kỷ bao nhiêu?

- A. XVIII
- B. XIX
- C. XVII
- D. XVI

Câu 11: Truyện Kiều là tên gọi do ai đặt?

- A. Thanh Tâm tài nhân
- B. Nguyễn Du
- C. Người dân
- D. Không rõ

Câu 12: Đặc sắc nhất về mặt nghệ thuật của Truyện Kiều là gì?

- A. Được dịch ra nhiều thứ tiếng, được giới thiệu ở nhiều nơi trên thế giới
- B. Ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt đến đỉnh cao rực rỡ
- C. Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc
- D. Cách khắc họa tính cách con người độc đáo

Câu 13: Ý nào sau đây có trình tự đúng diễn biến của các sự kiện trong “Truyện Kiều” là:

- A. Gặp gỡ và đính ước – Gia biến và lưu lạc – Đoàn tụ
- B. Gia biến và lưu lạc - Gặp gỡ và đính ước - Đoàn tụ
- C. Gia biến và lưu lạc - Đoàn tụ - Gặp gỡ và đính ước
- D. Gặp gỡ và đính ước – Đoàn tụ - Gia biến và lưu lạc

Câu 14: Quê hương của Nguyễn Du ở đâu?

- A. Thanh Miện, Hải Dương
- B. Nghi Xuân, Hà Tĩnh
- C. Can Lộc, Hà Tĩnh
- D. Thọ Xuân, Thanh Hóa

TRẮC NGHIỆM ĐOẠN TRÍCH CHỊ EM THÚY KIỀU

Câu 1: Câu thơ “Một hai nghiêng nước nghiêng thành”, có sử dụng thủ pháp nghệ thuật gì ?

- A. Nghệ thuật phóng đại.
- B. hình ảnh tượng trưng.
- C. Sử dụng điển tích, điển cố.
- D. Nghệ thuật hoán dụ.

Câu 2: Tác giả sử dụng bút pháp nào khi miêu tả vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều?

- A. Bút pháp phóng đại
- B. **Bút pháp ước lệ tượng trưng**
- C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình
- D. Bút pháp trần thuật

Câu 3: Vẻ đẹp của Thúy Vân khiến tự nhiên, tạo hóa phải thua, nhường dự báo trước cuộc đời của Thúy Vân sẽ thế nào?

- A. Sóng gió, gập ghềnh, trắc trở
- B. **Cuộc đời êm ả, bình lặng, suôn sẻ sau này**
- C. Cuộc đời gặp nhiều tai họa, sóng gió
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 4: Thúy Kiều được miêu tả như thế nào?

- A. Là một trang tuyệt thế giai nhân, sắc sảo, mặn mà về trí tuệ và tâm hồn
- B. Là người có vẻ đẹp đoan trang, hiền dịu
- C. Là người có đôi mắt đẹp (làn thu thủy) gợi vẻ đẹp trong sáng, lạnh lợi, sắc sảo hơn người.
- D. **Cả A và C**

Câu 5: Qua những câu thơ miêu tả Thúy Kiều trong đoạn trích, Nguyễn Du dự báo cuộc đời nàng diễn ra theo chiều hướng nào?

- A. Hạnh phúc, vinh hiển
- B. Bình lặng, suôn sẻ
- C. **Trắc trở, khổ đau**
- D. Giàu sang, phú quý

Câu 6: Trong bức chân dung tả Thúy Kiều tác giả đặc tả tài năng của Thúy Kiều như thế nào?

- A. Tài năng của Thúy Kiều xếp thứ hai, sau nhan sắc
- B. Tài cầm, kì, thi, họa theo chuẩn mực vẻ đẹp thời phong kiến
- C. Tài năng của Thúy Kiều nổi trội hơn hẳn là ở tài chơi đàn
- D. **Tất cả đều đúng**

Câu 7: Khi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân, tác giả không sử dụng phép tu từ nào?

- A. **Nhân hóa**
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Liệt kê

Câu 8: Qua cung đàn Kiều sáng tác, em hiểu gì về nhân vật này?

- A. Là người tươi vui, lạc quan
- B. **Là người có trái tim đa sầu, đa cảm**
- C. Là người gắn bó với gia đình
- D. Là người có tình yêu thủy chung

Câu 9: Từ “tổ nga” để nói về ai?

- A. Chỉ Thúy Kiều
- B. Chỉ Hoạn Thư
- C. Chỉ Thúy Vân
- D. **Đáp án A và C**

Câu 10: Hai chữ “trang trọng” ở câu thơ miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân có ý nghĩa gì ?

- A. Nói lên sự giàu sang trọng của Thúy Vân.
- B. **Thể hiện vẻ đẹp cao sang, quý phái của Thúy Vân.**
- C. Thể hiện vẻ đẹp hài hoà, êm đềm của Thúy Vân.
- D. Thể hiện vẻ đẹp tao nhã, dịu dàng của Thúy Vân.

Câu 11: Vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều được nhà thơ gợi tả qua những chi tiết nào ?

- A. Khuôn mặt, làn da.
 B. Giọng nói, ánh mắt.
 C. **Vẻ đẹp trong sáng, linh hoạt, của đôi mắt.**
 D. Dáng vẻ thanh cao, cốt cách tronng sáng.
Câu 12: Câu thơ “Mai cốt cách tuyết tinh thần” nói lên nội dung gì?
 A. Nói lên cốt cách và tinh thần trong sáng của nhà thơ.
 B. Miêu tả vẻ đẹp của cây hoa mai và tuyết trắng.
 C. Giới thiệu vẻ đẹp chung của những người phụ nữ trong xã hội cũ.
 D. **Gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ.**

Câu 13: Những câu thơ sau cho thấy Thúy Kiều là con người như thế nào?

*Thông minh vốn sẵn tính trời,
 Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
 Cung thương lầu bậc ngũ âm,
 Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
 Khúc nhà tay lựa nên chương,
 Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.*

- A. Có tài cầm, kì, thi, họa.
 B. Có sự thông minh, sắc sảo.
 C. Có vẻ đẹp hình dáng bên ngoài.
 D. **Ý A và B đúng**
Câu 14: Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm trong phần nào?
 A. Gia biến và lưu lạc
 B. **Gặp gỡ và đính ước**
 C. Đoàn tụ
 D. Phản đề từ

Câu 15: Vì sao tác giả lại miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước Thúy Kiều ?

- A. Vì Thúy Vân là nhân vật phụ.
 B. Vì Thúy Vân không đẹp bằng Thúy Kiều.
 C. **Vì tác giả muốn làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt thế của Kiều.**
 D. Vì tác giả thích vẻ đẹp tròn đầy nhân hậu êm đềm của Thúy Vân.

TRẮC NGHIỆM ĐOẠN TRÍCH CẢNH NGÀY XUÂN

Câu 1: Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của hai câu thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thoi/ Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

- A. Khung cảnh sáng mùa xuân tuyệt đẹp .
 B. Vừa nói về thời gian xuân trôi mau, vừa gợi tả được không gian xuân trong sáng.
 C. Ngày xuân thấm thoát trôi mau, mới đó đã bước sang tháng ba.
 D. **Gợi tả những cánh én rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời bầu trời trong sáng.**

Câu 2: Nguyễn Du đã sử dụng những yếu tố nghệ thuật nào để miêu tả lễ hội mùa xuân ?

- A. Danh từ, động từ, tính từ xuất hiện liên tiếp để tả, để gợi lên không khí rộn ràng, nhộn nhịp, tấp nập của lễ hội.
 B. Cách nói ẩn dụ “nô nức yến anh” gợi lên hình ảnh từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân như chim én, chim oanh bay ríu rít.
 C. Dùng nhiều tính từ, nhịp thơ dồn dập để thể hiện tâm trạng náo nức của người đi hội.
 D. **A và B đúng**

Câu 3: Cảnh thiên nhiên được miêu tả trong 6 câu thơ cuối là cảnh như thế nào?

- A. Âm đạm, hiu hắt
 B. **Thanh nhẹ, dịu dàng nhưng buồn**
 C. Đẹp và tươi sáng
 D. Khô cằn, héo úa

Câu 4: Chữ “điểm ” trong câu "Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa." đã đạt được hiệu quả nghệ thuật nào trong việc tả cảnh mùa xuân ?

- A. Khung cảnh sáng mùa xuân tuyệt đẹp thêm sinh động.
 B. Vừa nói về thời gian xuân trôi mau, vừa gợi tả được không gian xuân trong sáng.
 C. **Làm cho cảnh vật sinh động có hồn chứ không tĩnh tại.**
 D. Gợi tả những cánh én rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời bầu trời trong sáng.

Câu 5: Nhận định nào nói đầy đủ nhất đặc sắc nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du ở 4 câu thơ cuối ?

- A. Sử dụng nhiều từ láy.
- B. Tạo dựng không gian và thời gian(có sự biến đổi so với bốn câu đầu.
- C. Cảnh được miêu tả qua tâm trạng của con người.
- D. **Tất cả đều đúng .**

Câu 6: Khung cảnh mùa xuân được miêu tả với đặc điểm thế nào trong 4 câu thơ đầu ?

- A. Là bức tranh xuân với thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời.
- B. Màu sắc cảnh xuân có sự hài hoà đến tuyệt diệu.
- C. **Thể hiện vẻ đẹp riêng của mùa xuân : mới mẻ tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt, trong trẻo, nhẹ nhàng thanh khiết.**
- D. Chữ “điểm ” tả màu sắc cảnh xuân có sự hài hoà đến tuyệt diệu, làm cho cảnh vật sinh động có hồn chứ không tĩnh tại.

Câu 7: Nội dung chính của đoạn trích Cảnh ngày xuân là gì?

- A. Tả lại vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều.
- B. **Tả lại cảnh chị em Thuý Kiều đi chơi xuân.**
- C. Tả lại cảnh mọi người đi lễ hội trong tiết Thanh minh.
- D. Tả lại cảnh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ.

Câu 8: Cụm từ “nô nức yến anh” trong câu thơ “Gần xa nô nức yến anh” biểu thị phép tu từ gì?

- A. Nhân hóa
- B. Hoán dụ
- C. **Ẩn dụ**
- D. Liệt kê

Câu 9: Phép tu từ ẩn dụ được dùng trong câu thơ *Gần xa nô nức yến anh* có tác dụng gì?

- A. Miêu tả hình dáng bên ngoài của những người đi tảo mộ.
- B. Nhấn mạnh tâm trạng vui mừng của người đi hội.
- C. **Gợi tả sự nhộn nhịp, đông vui của ngày hội.**
- D. Miêu tả từng đoàn người đi chơi như chim én, chim oanh ríu rít.

Câu 10: Nguyễn Du đã gợi tả được những vẻ đẹp gì trong chiều xuân ?

- A. Tả vẻ đẹp đầy sức sống của mùa xuân
- B. Mọi chuyển động của cảnh vật, con người đều nhẹ nhàng tuy nhiên không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa.
- C. Gợi cảnh nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội
- D. **Tất cả các ý trên.**

Câu 11: Đoạn trích "Cảnh ngày xuân" đã tả lễ hội mùa xuân diễn ra ở thời điểm nào?

- A. Giữa mùa xuân
- B. Đầu mùa xuân
- C. **Cuối mùa xuân**
- D. Bắt đầu bước sang mùa hè

TRẮC NGHIỆM ĐOẠN TRÍCH KIỀU Ở LÀU NGƯNG BÍCH

Bài tập 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi dưới đây

“Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.”
(SGK *Ngữ văn 9*, tập một)

Câu 1. Đoạn trích thể hiện phẩm chất nào của Thuý Kiều?

- A. **Hiếu thảo**
- B. Tự trọng
- C. Giữ chữ tín
- D. Nhân hậu

Câu 2. Câu là thành ngữ có trong đoạn trích trên?

- A. Xót người tựa cửa
- B. **Quạt nồng ấp lạnh**
- C. Sân Lai cách mấy
- D. Đã vừa người ôm

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. **Nỗi nhớ của Thúy Kiều đối với cha mẹ**
- B. Nỗi xót xa của Thúy Kiều với Kim Trọng
- C. Sự thương xót cho thân phận mình
- D. Suy ngẫm của Thúy Kiều với cuộc đời

Câu 4. Truyện Kiều còn có tên gọi khác là gì?

- A. Kim Vân Kiều truyện
- B. Kiều Nguyệt Nga
- C. **Đoạn trường tân thanh**
- D. Thúy Kiều

Câu 5. Đoạn trích trên nằm ở phần nào của “Truyện Kiều”?

- A. Phần 1: Gặp gỡ và đính ước
- B. **Phần 2: Gia biến và lưu lạc**
- C. Phần 3: Đoàn tụ
- D. Cả 3 phương án trên

Bài tập 2: Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi dưới đây

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
 Tin sương luống những rày trong mai chờ
 Bên trời góc bể bơ vơ
 Tấm son gột rửa bao giờ cho phai
 Xót người tựa cửa hôm mai
 Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
 Sân Lai cách mấy nắng mưa
 Có khi gốc tử đã vừa người ôm
 (SGK Ngữ văn 9, tập một)*

Câu 1. Tác giả của văn bản chứa đoạn trích trên là ai?

- A. **Nguyễn Du**
- B. Nguyễn Dữ
- C. Nguyễn Trãi
- D. Nguyễn Duy

Câu 2. Đoạn trích trên nói về nỗi nhớ của Thúy Kiều dành cho ai?

- A. Cha mẹ và các em
- B. Cha mẹ và Từ Hải
- C. **Cha mẹ và Kim Trọng**
- D. Cha mẹ và Thúc Sinh

Câu 3. Tại sao Thúy Kiều lại nhớ Kim Trọng trước, nhớ cha mẹ sau?

- A. **Vì Thúy Kiều vẫn nợ Kim Trọng lời thề ước, còn cha mẹ thì nàng đã phần nào trả ơn.**
- B. Vì cha mẹ giờ đã ổn còn Kim Trọng không biết tình hình ra sao.
- C. Vì Kim Trọng đã giúp đỡ cho Thúy Kiều nhiều thứ.
- D. Cả ba phương án trên.

Câu 4. Nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong đoạn trích trên là?

- A. Ước lệ tượng trưng
- B. Tả cảnh ngụ tình
- C. Họa mây nảy trăng
- D. **Điển cố điển tích**

Câu 5. Cách hiểu đúng nhất về từ “chén đồng” trong đoạn thơ trên?

- A. Chén ăn cơm làm bằng đồng
- B. Chén nước làm bằng đồng
- C. **Chén rượu làm bằng đồng thể hiện sự đồng lòng, đồng tâm**
- D. Chén rượu đồng cam cộng khổ

Bài tập 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời 5 câu hỏi dưới đây

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
 Buồn trông ngọn nước mới sa
 Hoa trôi man mác biết là về đâu*

Buồn trông nội cỏ rầu rầu
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
 Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi
 (SGK Ngữ văn 9, tập một)

Câu 1. Đoạn trích trên nói về tâm trạng của ai?

- A. Nguyễn Du
- B. **Thúy Kiều**
- C. Kim Trọng
- D. Thúy Vân

Câu 2. Các từ láy có trong đoạn trích trên là?

- A. **Thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.**
- B. Chiều hôm, xa xa, man mác, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.
- C. Thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, róc rách.
- D. Chiều hôm, xa xa, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

Câu 3. Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên là?

- A. Tự sự và thuyết minh
- B. Nghị luận và biểu cảm
- C. **Miêu tả và biểu cảm**
- D. Thuyết minh và nghị luận

Câu 4. Bút pháp nghệ thuật tiêu biểu được sử dụng trong đoạn trích trên là?

- A. Ước lệ tượng trưng
- B. **Tả cảnh ngụ tình**
- C. Họa mây này trắng
- D. Điển cố điển tích

Câu 5. Biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn trích là gì?

- A. **Điệp ngữ, câu hỏi tu từ**
- B. So sánh, nhân hóa
- C. Nói quá, điệp ngữ
- D. Hoán dụ, câu hỏi tu từ

PHIẾU ĐỌC HIỂU DẠNG CÂU HỎI TỰ LUẬN TRUYỆN KIỀU

ĐỀ SỐ 1

Cho câu thơ sau:

“Ngày xuân con én đưa thoi”

(Trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du)

Câu 1: Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo. Những câu thơ em vừa chép thuộc đoạn trích nào của Truyện Kiều? Nêu tên tác giả?

Câu 2: Theo em, hình ảnh “con én đưa thoi” trong đoạn thơ được hiểu như thế nào?

Câu 3: Trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có một bài thơ sử dụng hình ảnh “thoi”. Em hãy chép lại câu thơ đó và ghi rõ tên tác phẩm, tác giả? Nghĩa chung hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ này là gì?

Câu 4: Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận qui nạp, trình bày cảm nhận của em về cảnh ngày xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên. Trong đoạn có sử dụng câu dùng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép.

Đáp án

Câu 1:

– Chép tiếp ba câu thơ tiếp theo:

“Ngày xuân con én đưa thoi
 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
 Cỏ non xanh tận chân trời
 Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”

– Xuất xứ: Văn bản “Cảnh ngày xuân” (trích Truyện Kiều)

– Tác giả: Nguyễn Du

Câu 2:

Hình ảnh “con én đưa thoi” trong đoạn thơ:

Hình ảnh “con én đưa thoi” có thể hiểu theo hai cách:

- Cánh én chao liệng đầy trời.
- Thời gian trôi rất nhanh tựa như những cánh én vút bay trên bầu trời
- Mùa xuân chín mười ngày thì sáu mươi ngày đã trôi qua

Câu 3:

Chép câu thơ cũng sử dụng hình ảnh “thoi”, nêu tên tác giả, tác phẩm. Nghĩa chung hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ:

- Chép đúng câu thơ:

*“Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng”*

- Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” – tác giả Huy Cận
- Nghĩa chung của hình ảnh “thoi” trong hai câu thơ: rất nhiều, tấp nập và nhanh.

Câu 4:

Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cảnh ngày xuân trong đoạn thơ đã dẫn ở trên:

- Hình ảnh ẩn dụ “con én đưa thoi” + “thiều quang” → Hình ảnh khái quát về khung cảnh thiên nhiên trong buổi sáng mùa xuân.

- Bức tranh tuyệt mỹ:

+ Hình ảnh “cỏ non”, “chân trời”, “bông hoa lê” đã mở ra một cảnh tượng khoáng đạt.

+ Màu sắc của cỏ non xanh, bông hoa lê trắng là sự kết hợp hài hòa tuyệt diệu

+ Đảo ngữ “trắng điểm” làm cho cảnh vật trở nên sinh động → Tâm hồn con người hồn nhiên, nhạy cảm, tha thiết với thiên nhiên.

=> Ngôi bút tài hoa, giàu chất tạo hình, ngôn ngữ biểu cảm, gợi nhiều hơn tả đã tạo nên bức tranh tuyệt mỹ.

ĐỀ SỐ 2

Nguyễn Du đã có những câu thơ khắc họa bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp như sau:

*“Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.”*
(Trích Truyện Kiều)

Câu 1: Từ “Thiều quang” trong đoạn trích trên có nghĩa là gì?

Câu 2: Em hãy chỉ ra phép đảo ngữ được Nguyễn Du sử dụng trong đoạn thơ trên. Cách sử dụng nghệ thuật đảo ngữ trong đoạn thơ đã góp phần khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân như thế nào?

Câu 3: Trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có một bài thơ sử dụng phép đảo ngữ để khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên mùa xuân. Em hãy chép lại những câu thơ tương tự và cho biết đó là bài thơ nào? Do ai sáng tác? So sánh cách sử dụng phép đảo ngữ của các tác giả trong cả hai bài thơ.

Câu 4: Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 10-12 câu, nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép và một thành phần biệt lập.

Đáp án**Câu 1:**

Giải thích từ “thiều quang : ánh sáng đẹp của ngày xuân.

Câu 2:

- Phép đảo ngữ: “trắng điểm”.

- Tác dụng: làm cho cảnh vật trở nên sinh động chứ không tĩnh tại không chỉ nhấn mạnh thân sắc của hoa lê mà còn tạo sự bất ngờ về vẻ mới mẻ, tinh khôi của sự vật.

Câu 3:

- Chép câu thơ tương tự:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc”

- Tên bài thơ: “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải

- So sánh:

+ Giống: nhấn mạnh sức sống của cảnh vật

+ Khác:

Cảnh ngày xuân: nhấn mạnh màu sắc -> sự mới mẻ, tinh khôi của sự vật

Mùa xuân nho nhỏ: nhấn mạnh trạng thái hoạt động -> sức sống của sự vật.

Câu 4:

Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn thơ trên:

– Hình ảnh ẩn dụ “con én đưa thời” + “thiếu quang” -> Hình ảnh khái quát về khung cảnh thiên nhiên trong buổi sáng mùa xuân.

– Bức tranh tuyệt mỹ:

+ Hình ảnh “cỏ non”, “chân trời”, “bông hoa lê” đã mở ra một cảnh tượng khoáng đạt.

+ Màu sắc của cỏ non xanh, bông hoa lê trắng là sự kết hợp hài hòa tuyệt diệu

+ Nghệ thuật đảo ngữ “trắng điểm” làm cho cảnh vật trở nên sinh động. Tâm hồn con người hồn nhiên, nhạy cảm, tha thiết với thiên nhiên.

=> Ngôi bút tài hoa, giàu chất tạo hình, ngôn ngữ biểu cảm, gợi nhiều hơn tả đã tạo nên bức tranh tuyệt mỹ.

ĐỀ SỐ 3

Cho đoạn thơ sau:

“Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.”

Câu 1: Những câu thơ trên trong đoạn trích nào? Của ai? Hãy nêu ngắn gọn nội dung của những câu thơ đó?

Câu 2: “Nao nao” là một từ láy diễn tả tâm trạng con người, vậy mà Nguyễn Du lại viết: “Nao nao dòng nước uốn quanh”. Cách dùng từ như vậy mang lại ý nghĩa như thế nào cho câu thơ?

Câu 3: Trong Truyện Kiều, cách dùng từ tả tâm trạng người để tả cảnh vật không chỉ xuất hiện một lần. Hãy chép lại hai câu thơ liên nhau trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích có cách dùng từ như vậy

Câu 4: Viết đoạn văn theo cách lập luận Tổng – Phân – Hợp khoảng 12 câu diễn tả cảm nhận của em về đoạn thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu bị động và phép thế để liên kết câu.

Đáp án

Câu 1:

– Đoạn trích Cảnh ngày xuân

– Tác giả: Nguyễn Du

– Nội dung đoạn thơ: Cảnh buổi chiều mùa xuân khi tan hội và tâm trạng của con người (hoặc cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về).

Câu 2:

Từ láy “nao nao” và giá trị dùng từ:

– Chữ “nao nao” đâu chỉ gợi về hình dòng nước chảy liu diu, thoáng chút gợn trên bề mặt, mà còn diễn tả một nỗi buồn dịu nhẹ đang lan tỏa.

– Cảnh gợi cảm giác băng khuâng, xao xuyến về một ngày vui xuân đang còn và linh cảm về cuộc gặp gỡ định mệnh với nam mô nàng Đạm Tiên bất hạnh và chàng thư sinh phong tư tài mạo hơn người Kim Trọng.

Câu 3: Câu thơ tả cảnh mang tâm trạng:

“Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu.”

TRUYỆN THƠ NÔM LỤC VÂN TIÊN – NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

1. NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Nguyễn Đình Chiểu (chữ Hán: 阮廷炤; 1822 - 1888), tục gọi là **cụ đồ Chiểu** (khi dạy học), tự **Mạnh Trạch**, hiệu **Trọng Phủ**, **Hối Trai** (sau khi bị mù), là một nhà thơ lớn của Nam Kỳ trong nửa cuối thế kỷ 19. Vào ngày 24/11/2021, ông được UNESCO công nhận là Danh Nhân Văn Hoá Thế Giới.

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho tiết tháo, sống theo đạo nghĩa, tuy mang khiếm khuyết về cơ thể mù lòa và gặp lúc biến loạn nhưng vẫn giữ được phẩm cách thanh cao. Ông không chỉ là người con có hiếu, người thầy thuốc mẫu mực mà còn là một nhà thơ yêu nước, đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị.

Ông là nhà thơ có quan niệm văn chương nhất quán. Ông chủ trương dùng văn chương biểu hiện đạo lý và chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa. Nói khác hơn, ông làm thơ là để "*chở đạo, sửa đời và dạy người*".^[16] Vì vậy, mỗi vần thơ của ông đều ngụ ý khen chê công bằng, rạch ròi, và đều bộc lộ một tấm lòng thương dân yêu nước của ông.

2. TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

--Lục Vân Tiên là một tác phẩm truyện thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu, được sáng tác theo thể lục bát vào đầu những năm 50 của thế kỷ 19 và được Trương Vĩnh Ký cho xuất bản lần đầu tiên vào năm 1889. Đây là một trong những sáng tác có vị trí cao của văn học miền Nam Việt Nam.

--Truyện Lục Vân Tiên (mà người miền Nam thường gọi là thơ Lục Vân Tiên) là một cuốn tiểu thuyết về luân lý, cốt bản đạo làm người với quan niệm văn dĩ tải đạo. Tác giả muốn đem gương người xưa mà khuyên người ta về cương thường – đạo nghĩa.

--**Nội dung của truyện như sau:**

Lục Vân Tiên quê ở huyện Đông Thành, khôi ngô tuấn tú, tài kiêm văn võ. Nghe tin triều đình mở khoa thi, Vân Tiên từ giã thầy xuống núi đua tài. Trên đường về nhà thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành, chàng đã một mình đánh tan bọn cướp, cứu được Kiều Nguyệt Nga. Cảm ân đức ấy, Nguyệt Nga tự nguyện gắn bó suốt đời với Vân Tiên và tự tay vẽ một bức hình chàng giữ luôn bên mình. Còn Vân Tiên tiếp tục cuộc hành trình, gặp và kết bạn với Hớn Minh, một sĩ tử khác.

Sau khi về nhà thăm cha mẹ, Vân Tiên cùng tiểu đồng lên đường đi thi, ghé thăm Võ Công, người đã hứa gả con gái là Võ Thể Loan cho chàng. Từ đây, Vân Tiên có thêm người bạn đồng hành là Vương Tử Trực, tới kinh đô lại gặp Trịnh Hâm, Bùi Kiệm. Thấy Vân Tiên tài cao, Hâm và Kiệm sinh lòng đố kỵ, ghen ghét. Lúc sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin mẹ mất, liền bỏ thi trở về quê chịu tang. Dọc đường về, Vân Tiên đau mắt nặng rồi bị mù cả hai mắt, lại bị Trịnh Hâm lừa đẩy xuống sông. Nhờ giao long diu đỡ đưa vào bãi, Vân Tiên được gia đình ông ngư cứu mạng. Sau đó, chàng lại bị cha con Võ Công hãm hại đem bỏ vào hang núi Thương Tòng. Được Du thần và ông Tiều cứu ra, Vân Tiên may mắn gặp lại Hớn Minh (vì trừng trị cậu công tử con quan ý thế làm càn mà Hớn Minh phải bỏ thi, sống lẩn tránh trong rừng). Hớn Minh đón Vân Tiên về an dưỡng bệnh. Khoa thi năm ấy Tử Trực đỗ thủ khoa, trở lại nhà họ Võ hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công nảy ý muốn gả Thể Loan, bị Tử Trực cự tuyệt và mắng thẳng vào mặt, Võ Công hổ thẹn quá ốm chết.

Nghe tin Lục Vân Tiên đã chết, Kiều Nguyệt Nga thề sẽ thủ tiết suốt đời. Thái sư đương triều hỏi nàng cho con trai không được, đem lòng thù oán, tâu vua bắt Nguyệt Nga đi cống giặc Ô Qua. Thuyền đi tới biên giới, nàng mang theo bức hình Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đưa nàng dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công nhận nàng làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại nằng nặc đòi lấy nàng làm vợ. Nguyệt Nga phải trốn khỏi nhà họ Bùi, vào rừng nương tựa một bà lão dệt vải.

Lục Vân Tiên ở với Hớn Minh, được tiên cho thuốc, mắt lại sáng, liền trở về nhà thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm cha của Kiều Nguyệt Nga. Đến khoa thi, chàng đỗ Trạng nguyên và được nhà vua cử đi dẹp giặc Ô Qua. Hớn Minh được tiến cử làm phó tướng. Đánh tan giặc, Vân Tiên một mình lạc trong rừng và gặp lại Nguyệt Nga. Chàng về triều tâu hết sự tình, kẻ gian ác bị trừng trị, người nhân nghĩa được đền đáp, Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga sum vầy hạnh phúc

Mục đích chính của Nguyễn Đình Chiểu khi viết tác phẩm Lục Vân Tiên là để truyền dạy đạo lý làm người:

*Hỡi ai lẳng lặng mà nghe
Dữ răn việc trước, lành dè thân sau
Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh là câu trau mình.*

CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU DẠNG TRẮC NGHIỆM XOAY QUANH TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

Câu 1: Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích gợi nhớ đến nhân vật trong truyện cổ tích nào em đã được đọc?

- A. Anh Khoai trong truyện Cây tre trăm đốt
- B. Người em trong truyện Cây khế
- C. **Thạch Sanh trong truyện Thạch Sanh**
- D. Nhà vua trong truyện Tấm Cám

Câu 2: Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ gì?

- A. Nói quá
- B. Ẩn dụ
- C. Nhân hóa
- D. **So sánh**

Câu 3: Tác dụng của phép tu từ trong câu thơ sau là gì ?

“Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”

- A. Tô đậm vẻ đẹp của một người nông dân chất phác.
- B. Ca ngợi vẻ đẹp của tấm lòng nhân hậu, vị tha.
- C. Nhấn mạnh vẻ đẹp của một chàng thư sinh nho nhã.
- D. **Khắc họa được vẻ đẹp của một dũng tướng thời xưa.**

Câu 4: Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” khiến em liên tưởng đến nhân vật trong truyện cổ tích nào?

- A. Người em trong truyện “Cây khế”
- B. Nhà vua trong truyện “Tấm Cám”
- C. Anh Khoai trong truyện “Cây tre trăm đốt”
- D. **Thạch Sanh trong truyện “Thạch Sanh”**

Câu 5: “Truyện Lục Vân Tiên” được viết bằng loại chữ nào?

- A. Chữ Hán
- B. Chữ quốc ngữ
- C. **Chữ Nôm**
- D. Chữ Pháp

Câu 6: Hình ảnh “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” được khắc họa giống với mô-típ nào trong truyện cổ?

- A. **Một chàng trai tài giỏi, cứu một cô gái thoát khỏi hiểm nguy, họ trả nghĩa nhau và thành vợ chồng**
- B. Một ông vua mang hạnh phúc đến cho một con người đau khổ.
- C. Những con người ăn ở hiền lành, thật thà, phúc đức sẽ được đền đáp xứng đáng.
- D. Một anh nông dân nghèo nhờ chăm chỉ đã lấy được vợ đẹp và trở nên giàu có.

Câu 7: Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

- A. **Băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.**
- B. Thán phục trước việc làm nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên.
- C. Coi thường việc làm của Lục Vân Tiên.
- D. Ngưỡng mộ tài năng của Lục Vân Tiên.

Câu 8: Nét đẹp nhất của nhân vật Kiều Nguyệt Nga khiến dân gian yêu mến nàng là gì ?

- A. **Xem trọng ơn nghĩa, chung thủy hi sinh với tình yêu tự nguyện của mình**
- B. Nhu mì , xem trọng ơn nghĩa,
- C. Chung thủy, nét na, xinh đẹp
- D. Giữ đúng khuôn phép, chung thủy

Câu 9: Nhân vật Lục Vân Tiên thuộc kiểu nhân vật nào trong văn học?

- A. Nhân vật tư tưởng.
- B. **Nhân vật lý tưởng.**
- C. Nhân vật điển hình.
- D. Nhân vật sử thi.

Câu 10: Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người như thế nào?

- A. Khuê các, nhút nhát, thủy mị , nét na và có học thức, ân tình thủy chung.
- B. Khuê các, nét na và có học thức, ân tình thủy chung, tài sắc vẹn toàn.

C. Khuê các, thủy mị, nét na và có học thức, ân tình thủy chung.

D. Khuê các, thủy mị, nét na và có học thức, và rất nhạy cảm.

Câu 11: Ý nào nói đúng nhất bản chất con người của Lục Vân Tiên trong lời nói và thái độ của chàng với Kiều Nguyệt Nga?

A. Vì nghĩa lớn, không màng danh lợi

B. Từ tâm, nhân hậu

C. Chính trực, hào hiệp

D. Tất cả đều đúng

Câu 12: Ngôn ngữ của Truyện Lục Vân Tiên có đặc điểm gì ?

A. Mộc mạc, giản dị.

B. Biến đổi rất linh hoạt.

C. Ngôn ngữ trau chuốt.

D. **Đậm màu sắc Nam Bộ.**

Câu 13: Văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga được trích từ tác phẩm nào?

A. Kim Vân Kiều truyện

B. **Lục Vân Tiên**

C. Truyện Kiều

D. Chuyện người con gái Nam Xương

Câu 14: Tác phẩm Lục Vân Tiên thuộc thể loại gì?

A. Tiểu thuyết

B. Truyện ngắn

C. **Truyện thơ**

D. Tùy bút

Câu 15: Chọn các đáp án đúng.

Đâu là giá trị nghệ thuật của văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga?

A. Khắc họa nhân vật bằng hành động

B. **Ngôn ngữ bình dị, mộc mạc**

C. Sử dụng ngôi bút đậm chất hội họa

D. Sử dụng điển tích, điển cố

E. Ước lệ tượng trưng

Câu 16: Văn bản nói về nội dung gì?

A. Cảnh Lục Vân Tiên đi thi

B. **Cảnh Lục Vân Tiên đánh cướp cứu người**

C. Cảnh Lục Vân Tiên đỗ trạng nguyên

D. Cảnh Lục Vân Tiên bị hại

Câu 17: Hình ảnh Lục Vân Tiên là nguyên mẫu của tác giả ngoài đời, đúng hay sai?

A. **Đúng**

B. Sai

Câu 18: Dòng nào nói đúng nhất vẻ đẹp của Lục Vân Tiên thể hiện qua hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga?

A. Có tính cách anh hùng

B. Có tài năng

C. Có tấm lòng vị nghĩa

D. **Cả A, B, C đều đúng**

Câu 19: Kiều Nguyệt Nga hiện lên là cô gái thế nào?

A. Mạnh mẽ, bản lĩnh

B. Có tài năng

C. **Hiếu nghĩa, biết trước sau**

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 20: Khi Kiều Nguyệt Nga muốn trả ơn, Lục Vân Tiên đã xử trí thế nào?

A. **Không nhận ơn**

B. Vui vẻ nhận tấm lòng của cô gái

C. Từ chối thẳng thừng và đi ngay

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 21: Cụm từ “kén nghĩa bất vi” trong câu thơ “*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*” có nghĩa là?

- A. Việc nhỏ như con kiến
- B. **Thấy việc nghĩa mà không làm**
- C. Thấy việc nghĩa phải làm
- D. Làm việc nghĩa là anh hùng

Câu 22: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi dưới đây:

Vân Tiên nghe nói liền cười:
 “Làm ơn há dễ trông người trả ơn
 Nay đà rõ đặng nguồn cơn
 Nào ai tính thiệt so hơn làm gì
 Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
 Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

(SGK Ngữ văn 9, tập một)

Trong đoạn thơ, Vân Tiên đã bộc lộ phẩm chất tốt đẹp gì?

- A. Tự trọng
- B. Hiếu thảo
- C. **Tình nghĩa**
- D. Trung thành

PHIẾU ĐỌC HIỂU DẠNG CÂU HỎI TỰ LUẬN TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

ĐỀ SỐ 1

Đọc văn bản sau:

LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ (Nguyễn Đình Chiểu)

*Vân Tiên ghé lại bên đàng,
 Bẻ cây làm gậy, nhằm làng xông vô.
 Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ!
 Chớ quen làm thói hồ đồ (1) hại dân.”
 Phong Lai (2) mặt đỏ phừng phừng:
 “Thằng nào dám tới lấy lừng (3) vào đây.
 Trước gây việc dữ tại đây, (4)
 Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.”
 Vân Tiên tả đột hữu xông (5),
 Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.
 (6) Lâu la bốn phía vỡ tan,
 Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
 Phong Lai trở chẳng kịp tay,
 Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.
 (7) Dẹp rồi lũ kiến chòm ong,
 Hỏi: “Ai than khóc ở trong xe này?”
 Thưa rằng: “Tôi thiệt người ngay,
 Sa cơ nên mới làm tay hung đồ.
 Trong xe chật hẹp khôn phò,
 (8) Cúi đầu trăm lạy, cứu cô tôi cùng.”
 Vân Tiên nghe nói động lòng,
 Đáp rằng: “Ta đã trừ dòng lâu la.
 Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
 Nàng là phận gái, ta là phận trai.
 Tiểu thư con gái nhà ai,
 Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ.
 (9) Chẳng hay tên họ là chi?
 Khuê môn (10) phận gái việc gì đến đây?
 Trước sau chưa hân dạ này, (11)*

Hai nàng ai tỏ, ai thầy nói ra?”
 Thừa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga,
 Con này tì tất (12) tên là Kim Liên.
 Quê nhà ở quận Tây Xuyên,
 Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.
 Sai quân đem bức thư về,
 Rước tôi qua đó định bề nghi gia.
 Làm con đâu dám cãi cha,
 Vĩ dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành!
 Chẳng qua là sự bất bình,
 (13) Hay vậy (14) cũng chẳng đáng trình (15) làm chi.
 Lâm nguy chẳng gặp giải nguy,
 Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi. (16)
 Trước xe quân tử (17) tạm ngồi,
 Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa:
 Chút tôi (18) liễu yếu đào thơ, (19)
 Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần. (20)
 Hà Khê qua đó cũng gần,
 Xin theo cùng thiếp đền ơn cho chàng.
 Gặp đây đương lúc giữa đàng,
 Của tiền không có, bạc vàng cũng không.
 Gẫm câu báo đức thù công, (21)
 Lấy chi cho phi (22) tấm lòng cùng người.”
 Vân Tiên nghe nói liền cười:
 “Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
 Nay đà rõặng nguồn cơn,
 Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?
 Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
 Làm người thế ấy cũng phi anh hùng (23)”

(Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Lục Vân Tiên, trong Nguyễn Đình Chiểu toàn tập, tập 1, NXB Đại học và THCN, Hà Nội, 1980)

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong truyện thơ Nôm trên

Câu 2. Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ gì?

Câu 3. Truyện “Lục Vân Tiên được khắc họa giống với mô-típ nào trong truyện thơ Nôm?

Câu 4. Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phi tấm lòng cùng người” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

Câu 5. Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người như thế nào?

Câu 6. Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên nổi bật với những phẩm chất nào?

Gợi ý đáp án

Câu 2: Hai câu thơ “Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang” sử dụng phép tu từ so sánh. => Hai câu thơ trên so sánh Lục Vân Tiên với Triệu Tử Long – một nhân vật chiến tướng dũng cảm trong Tam quốc diễn nghĩa của tác giả La Quán Trung.

Câu 3: Hình ảnh Lục Vân Tiên được khắc họa theo mô típ quen thuộc của truyện Nôm truyền thống: một chàng trai tài giỏi cứu một cô gái thoát khỏi tình huống hiểm nghèo, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu... như chàng Thạch Sanh đánh đại bàng, cứu công chúa Quỳnh Nga (“Thạch Sanh”). Mô-típ này thể hiện niềm mong ước của tác giả và cũng là của nhân dân. Trong thời buổi nhiễu nhương hỗn loạn này, người ta trông mong ở những người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời.

Câu 4: Hai câu thơ “Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phi tấm lòng cùng người” thể hiện tâm trạng băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.

Câu 5: Qua lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga, em thấy nàng là con người: => Khuê các, thủy mị, nét na và có học thức, ân tình thủy chung.

Câu 6: Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên là Hình ảnh một người anh hùng hảo hán, có khí phách, trượng nghĩa, thượng võ, bên vực kẻ yếu, trừ gian diệt ác cho nhân dân. Lục Vân Tiên không chỉ là một người có học thức mà còn là một người hào hiệp, trượng nghĩa. Đối với Vân Tiên, chàng coi việc nhân nghĩa trên đời là điều tất yếu, nếu làm ơn mà vì được đền đáp, trông ngóng đến việc trả ơn thì đó không còn là người anh hùng.

ĐỀ SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

LỤC VÂN TIÊN GẶP NẠN

Đêm khuya lặng lẽ như tờ,
 Nghinh ngang sao mọc mịt mờ sương bay.
 Trinh Hâm khi ấy ra tay,
 Vân Tiên bị ngã xô ngay xuống vờ.
 Trinh Hâm giả tiếng kêu trời,
 Cho người thức dậy lấy lời phui pha.
 Trong thuyền ai nấy kêu la,
 Đều thương họ Lục xót xa tấm lòng
 Vân Tiên mình lụy giữa dòng,
 Giao long dìu đỡ vào trong bãi rày.
 Vừa may trời đã sáng ngày,
 Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ
 Hối con vầy lửa một giờ,
 Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.
 Vân Tiên vừa ẩm chơn tay,
 Ngẩn ngơ hồn phách như say mới rồi.
 Ngỡ thân mình phải nước trôi,
 Hay đâu còn hãyặng ngồi dương gian.
 Ngư ông khi ấy hỏi han,
 Vân Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.
 Ngư rằng: “Người ở cùng ta,
 Hôm mai hăm hút với già cho vui”
 Tiên rằng: “Ông lấy chi nuôi,
 Thân tôi như thể trái mùi trên cây.
 Nay đà trôi nổi đến đây,
 Không chi báo đáp mình này trơ trơ”.
 Ngư rằng: “Lòng lão chẳng mơ,
 Dốc lòng nhơn nghĩa há chờ trả ơn?
 Nước trong rửa ruột sạch trơn,
 Một câu danh lợi chi sồn lòng đây.
 Rày voi mai vịnh vui vầy,
 Ngày kia hứng gió đêm này chơi trăng.
 Một mình thông thả làm ăn,
 Khoẻ quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.
 Nghêu ngao nay chích mai dầm,
 Một bầu trời đất vui thăm ai hay.
 Kinh luân đã sẵn trong tay,
 Thung dung dưới thế vui say trong trời.
 Thuyền nan một chiếc ở đời,
 Tắm mưa chải gió trong vờ Hàn Giang”.

Câu 1: Chủ đề của đoạn trích Lục Vân Tiên gặp nạn

Gợi ý: **Phê phán cái ác, đề cao và ca ngợi cái thiện, thể hiện niềm tin vào những điều tốt đẹp ở đời,**

Câu 2: Nhận định nào nói đúng nghệ thuật kể chuyện của tác giả trong đoạn thơ trên?

Gợi ý: Sắp xếp các tình tiết hợp lí. Lời thơ mộc mạc, giản dị. Tạo diễn biến sự việc nhanh gọn.

Câu 3: Nhân vật ông Ngự không mang đặc điểm tính cách nào sau đây

Gợi ý: **tính ích kỉ, nhỏ nhen, độc ác**

Câu 4: Nhận định nào nói đúng nhất tính cách ông Ngự thể hiện qua những lời nói của nhân vật này?

Gợi ý. Là nhân vật có tấm lòng bao dung. Là người có lòng hào hiệp. Là người có tấm lòng nhân ái.

Câu 5: Nhận định nào nói đúng nhất về ngôn ngữ của đoạn trích?

Gợi ý. Dân dã, bình dị. Giàu cảm xúc, khoáng đạt

Câu 6: Nhận định nào nói đúng nhất thái độ của tác giả thể hiện qua việc miêu tả cuộc sống của ông Ngự?

Gợi ý: Gửi gắm khát vọng sống và niềm tin vào cái thiện. Trân trọng ước mơ của người lao động bình dị. Thi vị hóa cuộc sống của người lao động bình thường.

Câu 7: Các tình tiết của đoạn trích này giống với môtip nào trong truyện cổ dân gian mà em biết?

Gợi ý. **Người tốt bị hãm hại nhưng lại được cứu giúp, hỗ trợ.**

Câu 8: Nội dung chính của các câu thơ sau là gì?

*Đêm khuya lặng lẽ như tờ,
Nghinh ngang sao một mịt mờ sương bay.
Trịnh Hâm khi ấy ra tay,
Vân Tiên bị ngã xô ngay xuống vời.
Trịnh Hâm giả diếc kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phui pha.*

Gợi ý. **Miêu tả tâm địa và hành động của Trịnh Hâm.**

Câu 9: Đoạn trích “Lục Vân Tiên gặp nạn” kể lại sự việc cụ thể nào?

Gợi ý. **Lục Vân Tiên bị Trịnh Hâm đẩy xuống sông và được ông chài vớt.**

Câu 10: Em đánh giá như thế nào về hành động của Trịnh Hâm trong đoạn trích này?

Gợi ý. **Vô cùng độc ác, bất nhân, bất nghĩa.**

Câu 11: Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức nào?

Gợi ý. **Tự sự**

Sơ kính tân trang

Sơ kính tân trang (Câu chuyện mới về lược và gương)^[1] là một truyện thơ do danh sĩ Phạm Thái sáng tác tại Việt Nam ở đầu thế kỷ 19. Truyện thơ *Sơ kính tân trang* được làm ra năm 1804 (khi ấy tác giả 21 tuổi), dài 1.484 câu thơ^[2] chữ Nôm (chủ yếu là thơ lục bát có xen một ít thơ Đường luật, thơ cổ phong và song thất lục bát). Nội dung truyện kể lại một câu chuyện tình duyên lãng mạn và trắc trở, hư cấu trên cơ sở mỗi tình cay đắng của chính tác giả.

Tác phẩm này lần đầu được Sở Cuồng Lê Dư phiên âm ra chữ Quốc ngữ rồi in trong cuốn *Phổ Chiêu thiên sư thi văn tập* (Nhà xuất bản Nam Ký, Hà Nội, 1932). Sau đó, bản truyện này được Lại Ngọc Cang khảo dị, hiệu đính, chú thích và cho tái bản năm 1960 (Nhà xuất bản Văn hóa). Năm 1994, trên cơ sở bản văn này, GS Hoàng Hữu Yên giới thiệu, chú thích và cho tái bản năm 1960 (Nhà xuất bản Giáo dục)

...

Nội dung sơ lược

Sơ kính tân trang kể về cuộc tình duyên trắc trở giữa chàng Phạm Kim với Trương Quỳnh Thư. Nguyên trước kia ở Từ Sơn (nay thuộc Bắc Ninh) có một người họ Phạm (Phạm công) là bạn học chí thân với người họ Trương (Trương công), quê ở Kiến Xương (nay thuộc Thái Bình). Hai người giao ước, hễ sau này một bên sinh trai, một bên sinh gái thì sẽ gả con cho nhau. Và họ đã trao đổi lược gương (Sơ 梳 là cái lược, kính 鏡 là cái gương) để làm tin. Sau đó, vợ Phạm công sinh con trai, đặt tên là Phạm Kim.

Bất chợt xảy ra quốc biến, Phạm công lo việc cần vương thất bại, nhà cửa tan nát. Phạm Kim lớn lên định nối chí cha, nhưng chẳng làm được gì, đành đi rong chơi. Một ngày kia đến Thụ Hoa Dương, thấy cảnh đẹp, chàng ở lại rồi tình cờ biết được Quỳnh Thư, con gái của một viên quan cũng họ Trương. Nhờ có người giúp đỡ, Phạm kim và Quỳnh Như trao đổi thư từ, rồi sinh lòng yêu nhau tha thiết.

Sau đó, Phạm Kim có việc phải về quê. Khi đó có viên đô đốc ở kinh kỳ nghe tiếng Quỳnh Thư xinh đẹp liền đến hỏi nàng làm vợ. Gia đình Trương công không muốn gả, nhưng trước sức ép của người có quyền thế (tức viên đô đốc), cha Quỳnh Thư đành phải nhận lời. Biết được, Quỳnh Thư liền viết thư gọi Phạm Kim đến, lên ra tâm sự. Bế tắc, cả hai cùng thề hẹn sẽ lấy nhau ở kiếp sau. Trước khi chia tay,

nàng còn giờ bàn tay có in hai chữ "Quỳnh Nương" cho Phạm Kim xem để làm tin. Về nhà, Quỳnh Thư tự tử. Còn Phạm Kim thì ốm nặng vì quá đau khổ. Sau khi khỏi bệnh, chàng buồn bã gởi thân nơi cửa Phật, mong dịu vết thương lòng.

Trong lúc ấy, Trương công (bạn của cha Phạm Kim, không phải là viên quan họ Trương vừa nói trên) từ quan về nhà. Người vợ lẽ của ông sinh hạ được một gái, đặt tên là Thụy Châu. Thụy Châu có nhan sắc, tính tình phóng khoáng. Nàng cải dạng thành một đạo sĩ nay đây mai đó. Đến Kim Sơn, Thụy Châu gặp nhà sư Phạm Kim. Cả hai cùng đàm đạo, xướng họa với nhau.

Lúc vị "đạo sĩ" ra đi, Phạm Kim ngờ người nói chuyện với mình là phụ nữ. Từ đó, chàng không thiết gì tu hành nữa. Nghe danh Trương công (bạn của cha Phạm Kim), chàng đến ra mắt và được mời làm gia sư. Một hôm nhờ tiếng đàn xướng họa mà Phạm Kim và Thụy Châu nhận ra nhau. Sau khi dò hỏi lai lịch, hai người lấy gương lược ra so thì đúng với lời ước cũ giữa hai bên. Trương công vui lòng cho hai người lấy nhau. Tuy vui duyên mới, Phạm Kim vẫn buồn vì luôn thương nhớ Quỳnh Thư. Bị vợ gặng hỏi, chàng phải thú thật. Nghe kể xong, Thụy Châu giờ bàn tay có dấu chữ "Quỳnh Nương" cho chàng xem. Bấy giờ Phạm Kim mới biết Thụy Châu chính là "hậu thân" của Quỳnh Thư.

Bích Câu kỳ ngộ

Trước đây, nhiều người (trong đó có Dương Quảng Hàm, Thanh Lãng) cho rằng truyện thơ **Bích Câu kỳ ngộ** là của một tác giả *khuyết danh*; nhưng theo các nhà nghiên cứu văn học Việt hiện nay (trong đó có Trần Văn Giáp, Nguyễn Phương Chi, Hoàng Hữu Yên, Phạm Ngọc Lan), thì người sáng tác ra truyện thơ này là **Vũ Quốc Trân** (? - ?), người làng Đan Loan, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; nhưng sống ở phường Đại Lợi (một phần phố Hàng Đào thuộc Hà Nội ngày nay) vào khoảng giữa thế kỷ 19. Vũ Quốc Trân sống đồng thời với Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát. Ông đi đỗ mấy khoa tú tài nên thường được gọi là "cụ (ông) Mền Đại Lợi".

Giới thiệu sơ lược

Bích Câu kỳ ngộ nguyên là một tiểu thuyết bằng chữ Hán, xuất hiện trong tập *Truyện kỳ tân phá* của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705-1748). Có người cho rằng tập truyện này là của Đặng Trần Côn (? -1745), nhưng học giả Trần Văn Giáp dựa vào nhiều tài liệu lại khẳng định là của Đoàn Thị Điểm.^[2]

Truyện thơ Bích Câu kỳ ngộ tuy chỉ là bản dịch ra chữ Nôm, song do thành công về nghệ thuật nên được phổ biến rộng rãi hơn so với nguyên bản.^[3]

Theo Dương Quảng Hàm thì phần nhiều các truyện Nôm cũ của Việt Nam thường mượn sự tích ở sử sách hoặc tiểu thuyết của Trung Quốc, nhưng truyện Bích Câu thì không thế, tức nội dung hoàn toàn là của Việt Nam.

Bích Câu kỳ ngộ là một câu chuyện truyền kỳ xảy ra dưới triều Hồng Đức nhà Lê (tức thời vua Lê Thánh Tông, ở ngôi từ năm 1460 đến 1497).^[3]

Theo GS. Dương Quảng Hàm thì truyện này có thể chia làm 4 hồi và có nội dung đại để như sau:

- **Hồi I. Tú Uyên gặp Giáng Kiều, về ốm tương tư:**

Tú Uyên, một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp bèn làm nhà ở đấy học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp trước cửa tam quan, liền đi theo, nhưng đến đình Quảng Văn thì thiếu nữ bỗng biến mất. Về nhà, chàng ngày đêm tưởng nhớ người đẹp đến sinh bệnh.

- **Hồi II. Tú Uyên kết duyên cùng Giáng Kiều:**

Một người bạn học là Hà sinh đến thăm, khuyên chàng không nên tơ tưởng nữa, nhưng Tú Uyên vẫn không sao quên được. Chàng đến đền Bạch Mã bói thẻ. Đêm ấy, chàng nằm mộng thấy một vị thần dặn sớm mai ra đợi ở Cầu Đông. Hôm sau, Tú Uyên ra cầu đứng đợi đến chiều tối, thì thấy có một ông lão bán tranh tố nữ mà hình dạng giống hệt người thiếu nữ đã gặp hôm trước. Chàng liền mua bức tranh về treo ở thư phòng. Cứ đến bữa ăn, dọn hai cái bát, hai đôi đũa, mời người trong tranh cùng ăn.

Một hôm Tú Uyên bận việc ở trường nên về muộn. Về nhà thấy có một mâm cơm thịnh soạn bày sẵn, chàng lấy làm lạ nhưng vẫn ngồi vào ăn. Hôm sau chàng giả bộ đi đến trường, nhưng đi được một quãng liền quay trở lại nhà, nấp vào một chỗ. Một lát sau, một thiếu nữ từ trong tranh bước ra lo việc bếp núc, nhà cửa. Tú Uyên mừng rỡ, bước ra chào hỏi. Thiếu nữ cho biết tên là Giáng Kiều, vốn là người

cõi tiên, vì có tiền duyên với chàng nên xuống hạ giới. Nói rồi, nàng hóa phép ra lâu đài nguy nga với đầy đủ người hầu hạ.

• **Hồi III. Giáng Kiều giận Tú Uyên bỏ đi, sau lại trở về:**

Vợ chồng sống hạnh phúc trong ba năm, thì Tú Uyên đâm ra rượu chè say sưa. Giáng Kiều khuyên can nhưng vô hiệu, bèn bỏ đi. Đến lúc tỉnh rượu, Tú Uyên hết sức đau khổ và hối hận. Một hôm vì tuyệt vọng, chàng định quỳ sinh thì Giáng Kiều bỗng hiện về tha lỗi cho chồng. Hai người lại sống với nhau mặn nồng hơn xưa.

• **Hồi IV. Tú Uyên và Giáng Kiều lên cõi tiên:**

Sau hai vợ chồng có được một con trai, đặt tên là Chân Nhi. Nghe lời Giáng Kiều, Tú Uyên học phép tu tiên. Một hôm sau khi dặn dò Chân Nhi ở lại cõi trần, hai vợ chồng cùng cưỡi hạc bay lên cõi tiên.

Bích Câu kỳ ngộ là câu chuyện tình mang màu sắc hoang đường. Nhưng phía sau câu chuyện tình là một vấn đề xã hội. Tác phẩm bộc lộ một quan niệm nhân sinh muốn thoát ly thế giới thực tại. Tư tưởng yếm thế này ít nhiều cũng đã thể hiện cái nhìn phê phán xã hội của tác giả trong hoàn cảnh một đất nước loạn lạc, chiến tranh, đầy dẫy bất trắc. Mặt khác, ở đây cũng là một xu hướng giải tỏa tâm thức của những con người lúc bấy giờ: muốn rời bỏ đạo Nho mà tìm đến Phật giáo và Đạo giáo.

Về hình thức, Bích Câu kỳ ngộ là câu chuyện thuần túy Việt Nam, với những tên đất, tên người Việt Nam. Nhờ đó, âm hưởng dân tộc của truyện khá đậm nét. Hơn nữa, tác phẩm còn đạt tới một bút pháp nghệ thuật tinh vi: kết hợp tả cảnh với tả tình (có những chỗ còn tào bạo trình bày cả quan hệ nhục cảm) và khắc họa thành công tâm trạng nhân vật. Đặc biệt, ngôn ngữ truyện trong sáng, giàu hình ảnh và nhạc điệu do biết vận dụng tục ngữ, ca dao và nhất là tiếp thu những thành tựu của ngôn ngữ Truyện Kiều^[4].

Bích Câu kỳ ngộ là câu chuyện ly kỳ thần bí xảy ra ở trên đất Thăng Long (Hà Nội bây giờ). Hiện nay, ở phố Cát Linh gần Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) còn có một tòa nhà Bích Câu đạo quán, tương truyền được dựng trên nền nhà cũ của Tú Uyên thuở xưa. Ngoài ra, còn nhiều sự tích trong truyện, nào là sông Tô Lịch, chùa Bà Ngô (ở phố Sinh Từ, tức chùa Ngọc Hồ ở trong truyện), đền Bạch Mã (nay ở phố Hàng Buồm), gò Kim Quy (Tháp Rùa), Cầu Đông (nay ở phố Hàng Đường), đình Quảng Văn (vườn hoa Cửa Nam, Hà Nội ngày nay), v.v... Tên các di tích ấy, theo học giả Trần Văn Giáp, đã đủ chứng thực tính dân tộc của truyện^[5].

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu:

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

Thấy người trước cửa tam quan

Theo sau ba bảy con hoàn nhơn nhơ

Lạ lòng con mắt người thơ

Hoa còn phong nhụy, trắng vừa tròn gương

Rành rành xuyên ngọc thoa vàng

Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà

Mía chiều nét ngọc làn hoa

Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời

Gần xem vẻ mặt thêm tươi

Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều

Làn thu lóng lánh đưa theo

Não người nhẩn chút lông nheo cũng tình

Vốn mang cái bệnh Trương sinh

Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?

Đưa tình một nét sóng đào

Dẫu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người

Nhân duyên ví chẳng tự trời

Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên

(Trích Bích Câu kỳ ngộ, Thi Nham Đình Gia Thuyết đính chính và chú thích, Cổ văn Việt Nam, 1952)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên là?

- A. Tự do
B. Lục bát
C. Song thất lục bát
D. Thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 2. Đoạn trích trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
B. Ngôi thứ hai
C. Ngôi thứ ba
D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3. Đề tài của đoạn trích trên là:

- A. Hôn nhân
B. Gặp gỡ
C. Đoàn tụ
D. Chia li

Câu 4. Câu chuyện trên được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

- A. Nhân vật chàng trai
B. Nhân vật cô gái
C. Nhân vật ẩn danh
D. Cả A và C

Câu 5. Phát biểu nào sau đây nói về cảm xúc của chàng trai khi nhìn thấy cô gái?

- A. Hồi hộp
B. Ngạc nhiên
C. Buồn bã
D. Say đắm

Câu 6. Tác giả sử dụng bút pháp nào sau đây khi miêu tả cô gái?

- A. Bút pháp ước lệ
B. Bút pháp tả thực
C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình
D. Bút pháp chấm phá

Câu 7. Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của đoạn trích?

- A. Nỗi buồn của chàng trai khi phải xa người yêu.
B. Tình yêu say đắm của chàng trai và cô gái
C. Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa chàng trai và cô gái
D. Sự say đắm của chàng trai trước vẻ đẹp của cô gái

Câu 8. Câu thơ “Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời” lấy ý từ câu thành ngữ nào?

- Câu thơ “Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời” lấy ý từ câu thành ngữ “chim sa cá lặn”.

Câu 9. Bạn có nhận xét gì về nhân vật chàng trai trong đoạn trích trên?

Nhận xét về nhân vật chàng trai trong đoạn trích: Đó là một chàng trai si tình. Khi gặp cô gái, chàng đã ngay lập tức đắm đuối trước vẻ đẹp của cô gái, và cũng ngay lập tức đem lòng yêu cô gái.

Câu 10. Bạn hãy lí giải vì sao tác giả gọi cuộc gặp gỡ nói trên của chàng trai và cô gái là một cuộc kì ngộ?

Cuộc gặp gỡ trên được gọi là một cuộc kì ngộ (cuộc gặp gỡ kì lạ) vì:

- Cô gái ở đây là một nàng tiên giáng trần
- Vừa gặp họ đã đem lòng yêu nhau, như đã có duyên tiền định.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 2

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

GIÁNG KIỀU GIẶN BỎ ĐI

(Trích Bích Câu kì ngộ)

Bích Câu kì ngộ (Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu) gồm 678 câu thơ. Bích Câu kì ngộ là câu chuyện tình yêu giữa Tú Uyên và Giáng Kiều, Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm, nhờ chăm lo việc học hành, chàng trở thành một văn nhân nổi tiếng ở đất Thăng Long. Nhân ngày xuân, đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, Tú Uyên đều thư xinh đẹp, nhưng chưa kịp làm quen thì nàng đã đi mất.

Về nhà, chàng tương từ rồi sinh bệnh. Theo lời một vị thần nhân trong mộng,

Tú Uyên ra Cầu Đông, đợi từ sáng đến tối thì thấy một người bán bức tranh tố nữ hình dạng giống hệt người thiếu nữ đã gặp trong hội chùa. Chàng mua bức tranh, treo ở thư phòng, sớm khuya cùng người trong tranh tâm sự. Một hôm, Tú Uyên bận việc học nên về muộn. Về đến nhà, thấy có một mâm cơm thịnh soạn bày sẵn, chàng lấy làm lạ nhưng vẫn ngồi ăn. Sau, chàng giả vờ đến nơi học rồi về nhà quan sát. Điều kì lạ xảy đến thiếu nữ trong tranh ra, lo việc nhà cửa, cơm nước. Càng lạ lùng hơn, thiếu nữ đó lại chính là người con gái chàng đã gặp hôm đi chơi hội. Tú Uyên mừng rỡ, bước ra chào hỏi. Người

thiếu nữ cho biết tên là Giáng Kiều, vốn người cõi tiên, vì có tiền duyên với chàng nên xuống hạ giới để kết duyên.

Cuộc sống đang hạnh phúc thì Tú Uyên rơi vào cảnh rượu chè. Giáng Kiều khuyên can nhưng không được, nàng bèn bỏ đi. Tỉnh rượu, Tú Uyên hết sức đau khổ và hối hận. Tuyệt vọng, chàng định tìm đến cái chết. Giáng Kiều hiện về tha lỗi cho chồng. Tình nghĩa hai người mặn nồng hơn xưa và họ sinh được một con trai đặt tên là Trần Nhi. Tú Uyên học phép tu tiên và hai vợ chồng cùng bay về cõi tiên. Ít lâu sau, Trần Nhi cũng cưới cá kình theo cha mẹ về tiên giới.

Đoạn sau đây kể việc Giáng Kiều bị ngược đãi, giận bỏ đi.

445. Ngán thay khuyên nhủ đến lời
Nước kia dãi đá có mùi gì đâu
Thôi ngày trọn, lại đêm sầu
Cạn chung Lý Bạch, nghiêng bầu Lưu Linh
Ma men quanh quẩn bên mình
450. Cho đàn trẻ phím, cho bình nhật hương
Mãi mê say tỉnh tâm trường
Liệu bài nàng lại tìm đường van lơn
Trái tai vả lại ngứa gan
Đang tay nữ dập hoa tàn tả tơi
455. Dây đồng đứt hẳn làm đôi
Cánh bèo theo ngọn nước trôi cũng rầu!
Nàng càng tâm tã tuôn châu
Ngán nhân tình khéo ra màu thắm phai
Rằng: “Thôi, tôi đã quá lời
460. Xui lòng nghĩ lại một hai kéo mà...”
Sinh đang vui chén la đà
Vẫn vợ tính quỉ hồn ma biết gì
Nói thôi, nói cũng chi chi
Nghe ra tiếng nặng như chì, giọng say!
465. Nàng rằng: “Duyên nợ bấy nay
Thương ôi nước đổ bốc đầy được đâu
Tiếc cho nỗi vợ chồng Ngâu
Doanh thu nên để bắc cầu mây phen!
Sá chi nữa, cái họa hèn
470. Nghĩ làm chi nữa cái duyên cũ càng
Đã lòng rẽ thúy chia hương
Đành lòng rẫy ngọc, ruồng vàng thì vâng
Thôi thôi, thôi cũng cầm bằng
Tơ hồng phó trả bà trắng cho rồi”
475. Lạ rồi, đứng lại sân ngoài
Bên bàn say tỉnh mặc người ngồi trợt.

(Theo Bích Câu kỳ ngộ, do Thi Nham Đình Gia Thuyết đính chính, NXB Tân Việt, 1964)

Chọn đáp án đúng:

Câu 1: Văn bản trên là truyện thơ vì:

- A. Có sự việc, cốt truyện, được kể bằng văn vần
- B. Có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng thơ (lục bát).
- C. Có sự việc, cốt truyện và được kể bằng ngôi thứ 3.
- D. Có nhiều nhân vật đối thoại và được kể bằng thơ lục bát

Câu 2: Thử các từ sau vào vị trí phần ngoặc kép cho hợp lí.

Tú Uyên rơi vào (vị trí 1), Giáng Kiều khuyên nhủ, van lơn không được. Có khi đang say, Tú Uyên (vị trí 2), nàng buồn rầu chỉ biết khóc lóc, nhận lỗi về mình. Quá buồn thảm vì (vị trí 3), Giáng Kiều đành nói lời từ biệt với Tú Uyên.

- A. Còn đánh
- B. Tình nhạt phai
- C. Cảnh rượu chè
- D. Chỉ biết khóc lóc

Câu 3: Văn bản trên được thuật kể bằng lời của:

- A. Tú Uyên
- B. Giáng Kiều
- C. Người nhà
- D. Người kể chuyện

Câu 4: Dòng nào nói đúng về các nhân vật trong văn bản đọc.

- A. Tú Uyên, Giáng Kiều.
- B. Tú Uyên, Giáng Kiều, thầy bói.
- C. Giáng Kiều, người bán tranh.
- D. Tú Uyên, người bán tranh.

Câu 5: Dòng nào nói lên cảm xúc chủ đạo của văn bản đọc?

- A. Mía mai, chiêm biếm
- B. Trân trọng, thương cảm
- C. Thương cảm, phê phán
- D. Khinh bỉ, đau xót

Câu 6: Đoạn sau là lời của ai, nói với ai về điều gì?

Ngán thay khuyên nhủ đến lời

Nước kia đội đá có mùi gì đâu

- A. Lời của Giáng Kiều, khuyên Tú Uyên đừng uống rượu.
- B. Lời của người kể chuyện: nói về tâm trạng của Giáng Kiều.
- C. Lời của Tú Uyên: ngán lời Giáng Kiều.
- D. Lời của Giáng Kiều diễn tả tâm trạng chán ngán của mình.

Câu 7: “Nước kia đội đá có mùi gì đâu” được hiểu như thế nào?

- A. Nước dội vào đá mất hết mùi vị.
- B. Tú Uyên là đá nên Giáng Kiều không nên khuyên nhủ.
- C. Lời khuyên của Giáng Kiều không có tác dụng đối với Tú Uyên.
- D. Lời nói của Giáng Kiều lạnh lẽo vô tình.

Câu 8: Hai dòng thơ sau gợi tả cảnh tượng nào trong gia đình Tú Uyên

Ma men quanh quẩn bên mình

Cho đàn trẽ phím, cho bình nhạt hương

- A. Cảnh nồng nàn với rượu đàn, hương.
- B. Người chìm đắm trong rượu khiến nghĩa tình nhạt phai.
- C. Mãi rượu nên không thiết gì đàn, hương.
- D. Say men rượu lười đánh đàn.

Trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Tâm trạng của Giáng Kiều được miêu tả như thế nào? Được xây dựng bằng nguồn cảm hứng nào?

Câu 10. Em có đồng ý với cách ứng xử của Tú Uyên không? Vì sao?

GỢI Ý CÁCH LÀM VÀ ĐÁP ÁN

Câu 1: Văn bản trên là truyện thơ vì:

- A. Có sự việc, cốt truyện, được kể bằng văn vần
- B. Có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng thơ (lục bát).
- C. Có sự việc, cốt truyện và được kể bằng ngôi thứ 3.
- D. Có nhiều nhân vật đối thoại và được kể bằng thơ lục bát

Văn bản trên là văn bản truyện thơ vì có sự việc, cốt truyện, nhân vật và được kể bằng thơ (lục bát).

→ Đáp án: B

Câu 2: Thử các từ sau vào vị trí phần ngoặc kép cho hợp lí.

Tú Uyên rơi vào (vị trí 1), Giáng Kiều khuyên nhủ, van lơn không được. Có khi đang say, Tú Uyên (vị trí 2), nàng buồn rầu chỉ biết khóc lóc, nhận lỗi về mình. Quá buồn thảm vì (vị trí 3), Giáng Kiều đành nói lời từ biệt với Tú Uyên.

- A. Còn đánh

- B. Tình nhạt phai
- C. Cảnh rượu chè
- D. Chỉ biết khóc lóc

Tú Uyên rơi vào cảnh rượu chè, Giáng Kiều khuyên nhủ, van lơn không được. Có khi đang say, Tú Uyên chỉ biết khóc lóc, nằng buồn rầu chỉ biết khóc lóc, nhận lỗi về mình. Quá buồn thảm vì tình nhạt phai, Giáng Kiều đành nói lời từ biệt với Tú Uyên.

→ Đáp án: 1C, 2A, 3B

Câu 3: Văn bản trên được thuật kể bằng lời của:

- A. Tú Uyên
- B. Giáng Kiều
- C. Người nhà
- D. Người kể chuyện

Văn bản được thuật kể bằng lời của người kể chuyện

→ Đáp án: D

Câu 4: Dòng nào nói đúng về các nhân vật trong văn bản đọc.

- A. Tú Uyên, Giáng Kiều.
- B. Tú Uyên, Giáng Kiều, thầy bói.
- C. Giáng Kiều, người bán tranh.
- D. Tú Uyên, người bán tranh.

Các nhân vật trong văn bản: Tú Uyên, Giáng Kiều

→ Đáp án: A

Câu 5: Dòng nào nói lên cảm xúc chủ đạo của văn bản đọc?

- A. Mĩa mai, châm biếm
- B. Trân trọng, thương cảm
- C. Thương cảm, phê phán
- D. Khinh bỉ, đau xót

Cảm xúc chủ đạo của văn bản đọc: bày tỏ tấm lòng trân trọng, thương cảm đối với số phận nàng Giáng Kiều

→ Đáp án: B

Câu 6: Đoạn sau là lời của ai, nói với ai về điều gì?

Ngán thay khuyên nhủ đến lời

Nước kia đội đá có mùi gì đâu

- A. Lời của Giáng Kiều, khuyên Tú Uyên đừng uống rượu.
- B. Lời của người kể chuyện: nói về tâm trạng của Giáng Kiều.
- C. Lời của Tú Uyên: ngán lời Giáng Kiều
- D. Lời của Giáng Kiều diễn tả tâm trạng chán ngán của mình.

Chú ý những từ ngữ: “khuyên nhủ”, “nước”, “đá”

Đoạn trên là lời của người kể chuyện: nói về tâm trạng của Giáng Kiều.

→ Đáp án: B

Câu 7: “Nước kia đội đá có mùi gì đâu” được hiểu như thế nào?

- A. Nước dội vào đá mất hết mùi vị.
- B. Tú Uyên là đá nên Giáng Kiều không nên khuyên nhủ.
- C. Lời khuyên của Giáng Kiều không có tác dụng đối với Tú Uyên.
- D. Lời nói của Giáng Kiều lạnh lẽo vô tình.

“Nước kia đội đá có mùi gì đâu”: Lời khuyên của Giáng Kiều không có tác dụng đối với Tú Uyên. (liên tưởng đến câu thành ngữ Trơ như đá)

→ Đáp án: C

Câu 8: Hai dòng thơ sau gợi tả cảnh tượng nào trong gia đình Tú Uyên

Ma men quanh quần bên mình

Cho đàn trể phím, cho bình nhạt hương

- A. Cảnh nồng nàn với rượu đàn, hương.
- B. Người chìm đắm trong rượu khiến nghĩa tình nhạt phai.
- C. Mải rượu nên không thiết gì đàn, hương.
- D. Say men rượu lười đánh đàn.

Ma men quanh quần bên mình

Cho đàn trẻ phím, cho bình nhật hương

Tú Uyên đang chìm đắm trong rượu khiến nghĩa tình vợ chồng nhạt phai.

→ Đáp án B

Câu 9. Tâm trạng của Giáng Kiều được miêu tả như thế nào? Được xây dựng bằng nguồn cảm hứng nào?

Tâm trạng của Giáng Kiều được miêu tả qua nhiều cung bậc:

- Khuyên nhủ, van lơn, hy vọng
- Đau khổ, khóc lóc, thất vọng
- Chán chường, bất lực, từ bỏ

Được xây dựng bằng nguồn cảm hứng: xót thương, cảm thông sâu sắc

Câu 10. Em có đồng ý với cách ứng xử của Tú Uyên không? Vì sao?

Dựa vào quan niệm của bản thân

- Gợi ý: Căn cứ vào việc làm, lời nói của Tú Uyên; nỗi đau Tú Uyên gây ra cho Giáng Kiều... để đánh giá con người Tú Uyên (xây dựng bởi cảm hứng phê phán)

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Làn trắng ngơ ngẩn ra về,
 Đèn thông khêu cạn, giấc hòè ⁽¹⁾ chưa nên.
 Nồi nằng canh cánh nào quên,
 Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!
 Bướm kia vương lấy sầu hoa,
 Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
 Có khi gảy khúc đàn tranh,
 Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân ⁽²⁾
 Cầu hoàng ⁽³⁾ tay lựa nên vắn,
 Tương Như lòng ấy, Văn Quân ⁽⁴⁾ lòng nào!
 Có khi chuốc chén rượu đào,
 Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao ⁽⁵⁾ đã đầy.
 Hơi men không nhấp mà say,
 Như xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.
 Có khi ngồi suốt năm canh,
 Mỡ duyên ⁽⁶⁾ điểm nguyệt, chuông kinh ⁽⁷⁾ nện sương.
 Lặng nghe những tiếng đoạn trường,
 Lửa tình dễ đốt, sông Tương ⁽⁸⁾ khôn hàn.
 Có đêm ngắm bóng trăng tàn,
 Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn ⁽⁹⁾ bay khuya.
 Ngón ngang cánh nọ tình kia,
 Nỗi riêng, riêng biết, đã dề ⁽¹⁰⁾ với ai!
 Vui xuân chung cảnh một trời,
 Sầu xuân riêng nặng một người tương tư
 (Bích Câu kì ngộ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015)

Câu 1. Thể thơ của truyện thơ trên là:

- A. Thất ngôn xen lục ngôn
- B. Song thất lục bát
- C. Lục bát
- D. Thơ trường thiên bảy chữ

Câu 2. Nhân vật chính được nói đến trong đoạn trích trên là:

- A. Nhân vật nữ: Giáng Kiều
- B. Nhân vật nam: Tú Uyên
- C. Nhân vật nữ và nhân vật nam: Giáng Kiều – Tú Uyên
- D. Nhân vật người kể chuyện

Câu 3. Cảm xúc của nhân vật Tú Uyên được thể hiện trong bốn câu thơ dưới đây là gì?

Làn trắng ngơ ngẩn ra về,
Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.
Nỗi nàng canh cánh nào quên,
Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!
Bướm kia vương lấy sầu hoa,
Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!

- A. Tương tư, thương nhớ bất kể ngày đêm, nhớ người đẹp đến mức “ngẩn ngơ” trong lòng.
- B. Tương tư, thương nhớ vì biết chắc sẽ không có ngày gặp lại
- C. Tương tư, sầu muộn vì không gặp được người đẹp
- D. Tương tư, sầu muộn, đau đớn đến nao lòng vì không được gặp lại người đẹp.

Câu 4. Đoạn thơ từ “Có khi gảy khúc đàn tranh” cho đến “Mơ quên điểm nguyệt, chuông kinh nện sương” sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Biện pháp lặp cấu trúc
- B. Biện pháp so sánh
- C. Biện pháp nhân hóa
- D. Biện pháp điệp từ

Câu 5. Liệt kê những hành động, cử chỉ mà nhân vật Tú Uyên làm để giải bày nỗi nhớ người đẹp.

- A. Gảy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, cất lời ca tiếng hát.
- B. Gảy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm hoa thường nguyệt.
- C. Gảy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn.
- D. Gảy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngắm bóng trăng tàn, ngâm thơ.

Câu 6. Nội dung chính của đoạn truyện thơ trên là gì?

- A. Nỗi buồn của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.
- B. Nỗi niềm tương tư của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.
- C. Nỗi sầu của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.
- D. Nỗi xót xa của nhân vật Tú Uyên khi biết không thể gặp lại người đẹp.

Câu 7. Nhân vật Tú Uyên hiện lên qua đoạn trích là người như thế nào?

- A. Chàng trai yêu đương mùa quáng.
- B. Chàng trai si tình, có lòng thủy chung.
- C. Chàng trai trân trọng cái đẹp và yêu thích cái đẹp.
- D. Chàng trai biết yêu bản thân.

Gợi ý đáp án

Câu 1: C. Lục bát

=>> Thể thơ trên sáu chữ, dưới tám chữ

Câu 2: B. Nhân vật nam: Tú Uyên

Câu 3: A. Tương tư, thương nhớ bất kể ngày đêm, nhớ người đẹp đến mức “ngẩn ngơ” trong lòng.

Câu 4: A. Biện pháp lặp cấu trúc

=>> Lặp đi lặp lại 4 lần từ có khi

Câu 5: C. Gảy đàn tranh, uống chén rượu đào, ngồi suốt năm canh, ngắm bóng trăng tàn.

=>> Có khi gảy khúc đàn tranh; Có khi chuốc chén rượu đào; Có khi ngồi suốt năm canh; Có đêm ngắm bóng trăng tàn.

Câu 6: B. Nỗi niềm tương tư của nhân vật Tú Uyên sau khi gặp người đẹp.

Câu 7: B. Chàng trai si tình, có lòng thủy chung.

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Làn trắng ngơ ngẩn ra về,
Đèn thông khêu cạn, giấc hòe ⁽¹⁾ chưa nên.
Nồi nằng canh cánh nào quên,
Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là!
Bướm kia vương lấy sấu hoa,
Đoạn tương tư ấy nghĩ mà buồn tênh!
Có khi gảy khúc đàn tranh,
Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân ⁽²⁾
Cầu hoàng ⁽³⁾ tay lựa nên vắn,
Tương Như lòng ấy, Văn Quân ⁽⁴⁾ lòng nào!
Có khi chuốc chén rượu đào,
Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao ⁽⁵⁾ đã đầy.
Hơi men không nhấp mà say,
Nư xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.
Có khi ngồi suốt năm canh,
Mỡ duyên ⁽⁶⁾ điểm nguyệt, chuông kinh ⁽⁷⁾ nện sương.
Lặng nghe những tiếng đoạn trường,
Lửa tình dễ đốt, sông Tương ⁽⁸⁾ khôn hàn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn,
Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn ⁽⁹⁾ bay khuya.
Ngón ngang cánh nọ tình kia,
Nỗi riêng, riêng biết, đã dè ⁽¹⁰⁾ với ai!
Vui xuân chung cánh một trời,
Sầu xuân riêng nặng một người tương tư
(Bích Câu kì ngộ, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015)

Câu 1: Thể thơ của truyện thơ trên là gì?

Câu 2: Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

Có khi gảy khúc đàn tranh,
Nước non ngao ngán ra tình hoài nhân.
Cầu hoàng tay lựa nên vắn,
Tương Như lòng ấy, Văn Quân lòng nào!
Có khi chuốc chén rượu đào,
Tiệc mời chưa cạn, ngọc giao đã đầy.
Hơi men không nhấp mà say,
Nư xông mùi nhớ, lại gây giọng tình.
Có khi ngồi suốt năm canh,
Mỡ duyên điểm nguyệt, chuông kinh nện sương.
Lặng nghe những tiếng đoạn trường,
Lửa tình dễ đốt, sông Tương khôn hn.
Có đêm ngắm bóng trăng tàn,
Tiếng chiêm hót sớm, trận nhàn bay khuya.

Câu 3: Chỉ ra những đặc điểm của truyện thơ Nôm trong văn bản.

Câu 4: Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) so sánh hai đoạn thơ nói về tâm trạng tương tư của Tú Uyên trong Bích Câu kì ngộ và của Kim Trọng trong Truyện Kiều:

- Làn trắng ngơ ngẩn ra về,
Đèn thông khêu cạn, giấc hòe chưa nên.

Nỗi nằng canh cánh nào quên,
Vẫn còn quanh quẩn người tiên khéo là?

(Bích Câu kì ngộ)

- Chàng Kim từ lại thư song
Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuấy.
Sầu đông càng lắt càng đầy,
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê.
(Truyện Kiều)

Gợi ý đáp án

Câu 1:

- Thể thơ lục bát

Câu 2:

- Biện pháp lặp cấu trúc “Có khi”

- Lặp đi lặp lại 4 lần thể hiện những hành động của Tú Uyên khi không thể không nghĩ về người thiếu nữ đó. Chàng nhớ nàng chỉ nghĩ thôi chưa đủ, phải “gây nên khúc đàn tranh” mong nàng nghe được tấm chân tình này, giống như cô gái Văn Quân khi nghe được tiếng đàn “Cầu hoàng” của Trương Như nên phải lòng đi theo. Phải mượn men say của “chén rượu đào” để thổ lộ tâm tư thầm kín hay chính là “mượn rượu để tỏ tình”. Tú Uyên mong được uống với nàng chén “ngọc giao” để kết duyên đôi lứa.

Câu 3:

Đặc điểm truyện thơ trong văn bản

- **Về yếu tố tự sự:** đoạn trích xoay quanh câu chuyện của chàng Tú Uyên sau khi gặp thiếu nữ xinh đẹp đã về nhà tương tư, thầm nhớ nhung.

- **Về yếu tố trữ tình:** truyện tập trung bộc lộ yếu tố đó thông qua tâm trạng của nhân vật Tú Uyên. Đoạn trích là dòng tâm trạng, cảm xúc, giúp chúng ta đi sâu vào thế giới của những suy tư, nỗi niềm tâm trạng tương tư của nhân vật trong tình yêu. Ngoài ra, chất trữ tình còn được bộc lộ qua khung cảnh thiên nhiên. Việc xuất hiện của thiên trong truyện thơ được gắn chặt với việc thể hiện tâm tình nhân vật.

Câu 4:

*Giống:

- Đều là nỗi tương tư, nhớ mong

- Đều thể hiện nỗi nhớ “canh cánh” trong lòng

*Khác

- Tú Uyên

+ Ngắn gọn nhớ về người đẹp

+ Không thể gặp lại khiến Tú Uyên ngày càng nhớ mong

- Kim Trọng

+ Nhớ đến sầu muộn

+ Cảm thấy một ngày dài như “ba thu”, mong chờ để được gặp người yêu

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, nhặt được một chiếc “lá hồng” có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

Thấy người trước cửa tam quan
Theo sau ba bảy con hoàn nhớn nhor
Lạ lòng con mắt người thơ
Hoa còn phong nhụy, trắng vừa tròn gương
Rành rành xuyên ngọc thoa vàng
Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rờm rà
Mĩa chiều nét ngọc làn hoa
Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời
Gần xem vẻ mặt thêm tươi
Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều

Làn thu lông lánh đưa theo
 Nào người nhả chút lông nheo cũng tình
 Vốn mang cái bệnh Trương sinh
 Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?
 Đưa tình một nét sóng đào
 Dấu lòng sắt đá cũng xiêu, lợ người
 Nhân duyên ví chẳng tự trời
 Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên.

(Trích *Bích Câu kỳ ngộ*, Thi Nham Đình Gia Thuyết đính chính và chú thích, *Cổ văn Việt Nam*, 1952)

Chú thích

Trương sinh : Trương Quân Thụy dan díu với nàng Thôi Oanh Oanh (Tây sương ký), ý nói kẻ si tình.

Từ lang: Từ Thức, người Tống Sơn, Thanh Hóa, đời nhà Trần làm tri huyện Tiên Du, đi xem hội mầu đơn chùa Phật Tích (Bắc Ninh), gặp một nữ lang lơ tay bẻ gãy cành hoa, bị nhà chùa giữ lại bắt đền, Từ thương tình cởi áo ra chuộc cho về. Sau Từ thôi quan về quê, qua Nga Sơn gặp lại nữ lang, tức tiên nữ Giáng Hương. Nay ở Nga Sơn còn một cửa hang gọi là động Từ Thức, tương truyền là nơi Từ Thức gặp tiên.

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên?

Câu 2. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích?

Câu 3. Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong văn bản?

Câu 4. Câu thơ *Hoa còn phong nhụy, trăng vừa tròn gương* có ý nghĩa gì?

Câu 5. Tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật nào khi miêu tả vẻ đẹp của nàng Giáng Kiều? Nêu tác dụng của bút pháp nghệ thuật đó?

Câu 6: Việc sử dụng các điển tích trong đoạn trích Bích câu kỳ ngộ nhằm mục đích gì?

Câu 7. Nhận xét về tình cảm của chàng Tú Uyên trong lần đầu gặp gỡ người đẹp?

Câu 8. Từ nội dung của đoạn trích trên, anh/chị hãy cho biết thể nào là "người đẹp trong tranh" hay "người đẹp như tranh"? Hãy chia sẻ tưởng tượng của mình về hình ảnh người đẹp bước ra từ bức tranh?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1:

Thể thơ lục bát

Câu 2:

Phương thức: Miêu tả, biểu cảm, tự sự

Câu 3:

Từ láy: Nhỏn nhỏ, tha thướt, rành rành, thoảng, lánh lánh, rườm rà

Câu 4:

Chỉ người con gái trinh nguyên, xuân thì, e ấp, có vẻ đẹp thanh thoát.

Câu 5: Biện pháp ước lệ tương trưng

Tác dụng:

- Tăng sự sinh động, hấp dẫn cho lời thơ, giúp câu thơ cô đọng, hàm súc

- Nhấn mạnh vào sự say mê, si tình của Tú Uyên trước vẻ đẹp như tiên, như mộng của Giáng Kiều.

Câu 6:

Việc sử dụng các điển tích trong đoạn trích khiến cho chúng ta dễ dàng liên tưởng, khái quát về một vấn đề được nhắc tới trong văn bản. Không chỉ vậy, việc sử dụng điển tích còn khiến cho đoạn văn trở nên giàu cảm xúc hơn, dễ gây ấn tượng với người đọc.

Câu 7:

Chàng Tú Uyên vô cùng say mê, bị hút hồn bởi vẻ đẹp như tiên nữ của Giáng Kiều, chàng như ngây dại trước vẻ đẹp nghiêng nước, nghiêng thành của nàng từ ánh mắt, đến dáng điệu..

Câu 8:

Người đẹp như tranh hay người đẹp trong tranh là nhận định để so sánh về vẻ đẹp xuất chúng, nghiêng nước nghiêng thành, dung mạo xuất thần, đẹp tựa như những qui chuẩn của tranh vẽ.

- Hình ảnh người đẹp bước ra từ bức tranh theo tưởng tượng là vẻ đẹp tuyệt trần, hiếm có.

ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo các yêu cầu:

Lược dẫn: Tú Uyên là một thư sinh nghèo, cha mẹ mất sớm. Một lần đến Bích Câu, thấy phong cảnh đẹp chàng bèn làm nhà ở đấy để học. Một hôm nhân tiết xuân, Tú Uyên đi chơi hội chùa Ngọc Hồ, chợt

được một chiếc "lá hồng" có đề một câu thơ. Chàng định họa lại thì thấy một thiếu nữ tuyệt đẹp xuất hiện trước cửa tam quan. Cô gái ấy là Giáng Kiều, một nàng tiên giáng trần. Đoạn trích dưới đây nói về cuộc gặp gỡ ấy.

Thấy người trước cửa tam quan
*Theo sau ba bảy con hoàn nhớn nhor
 Lạ lòng con mắt người thơ
 Hoa còn phong nhụy, trắng vừa tròn gương
 Rành rành xuyên ngọc thoa vàng
 Quần Nghê tha thướt, sóng Tương rườm rà
 Mía chiều nét ngọc làn hoa
 Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời
 Gần xem vẻ mặt thêm tươi
 Mùi hương thoang thoảng thơm rơi ít nhiều
 Làn thu lóng lánh đưa theo
 Nào người nhả chút lông nheo cũng tình
 Vốn mang cái bệnh Trương sinh
 Gặp người nghiêng nước nghiêng thành biết sao?
 Đưa tình một nét sóng đào
 Dấu lòng sắt đá cũng xiêu, lọ người
 Nhân duyên ví chẳng tự trời
 Từ lang chưa dễ lạc vời non tiên.*

(Trích *Bích Câu kì ngộ*, Thi Nham Đình Gia Thuyết đính chính và chú thích, *Cổ văn Việt Nam*, 1952)

Chú thích:

- (1) *Trương sinh*: Trương Quân Thụy dan díu với nàng Thôi Oanh Oanh (Tây sương ký), ý nói kẻ si tình.
 (2) *Từ lang*: Từ Thức, người Tống Sơn, Thanh Hóa, đời nhà Trần làm tri huyện Tiên Du, đi xem hội mầu đơn chùa Phật Tích (Bắc Ninh), gặp một nữ lang lơ tay bẻ gãy cành hoa, bị nhà chùa giữ lại bắt đền, Từ thương tình cởi áo ra chuộc cho về. Sau Từ thôi quan về quê, qua Nga Sơn gặp lại nữ lang, tức tiên nữ Giáng Hương. Nay ở Nga Sơn còn một cửa hang gọi là động Từ Thức, tương truyền là nơi Từ Thức gặp tiên.

Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Phương thức biểu đạt của đoạn trích là:

- A: Miêu tả, biểu cảm, tự sự
- B. Nghị luận, miêu tả
- C. Tự sự, nghị luận
- D. Biểu cảm, nghị luận.

Câu 2. Thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên là?

- A. Tự do
- B. Lục bát
- C. Song thất lục bát
- D. Thất ngôn bát cú Đường luật

Câu 3. Đoạn trích trên sử dụng người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 4. Đề tài của đoạn trích trên là:

- A. Hôn nhân
- B. Gặp gỡ
- C. Đoàn tụ
- D. Chia li

Câu 5. Câu chuyện trên được kể từ điểm nhìn của nhân vật nào?

- A. Nhân vật chàng trai
- B. Nhân vật cô gái

C. Nhân vật ẩn danh

D. Cả A và C

Câu 6. Phát biểu nào sau đây nói về cảm xúc của chàng trai khi nhìn thấy cô gái?

A. Hồi hộp

B. Ngạc nhiên

C. Buồn bã

D. Say đắm

Câu 7. Tác giả sử dụng bút pháp nào sau đây khi miêu tả cô gái?

A. Bút pháp ước lệ

B. Bút pháp tả thực

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình

D. Bút pháp chấm phá

Câu 8. Phát biểu nào sau đây nói về nội dung khái quát của đoạn trích?

A. Nỗi buồn của chàng trai khi phải xa người mình yêu dấu

B. Tình yêu say đắm của chàng trai và cô gái

C. Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa chàng trai và cô gái

D. Sự say đắm của chàng trai trước vẻ đẹp của cô gái

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 9. Câu thơ "Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời" lấy ý từ câu thành ngữ nào?

Câu 10. Bạn có nhận xét gì về nhân vật chàng trai trong đoạn trích trên?

Câu 11. Bạn hãy lí giải vì sao tác giả gọi cuộc gặp gỡ nói trên của chàng trai và cô gái là một cuộc kì ngộ?

Gợi ý đáp án

Câu 1: A. Miêu tả, biểu cảm, tự sự

Câu 2: B. Lục bát

Câu 3: C. Ngôi thứ ba

Câu 4: B. Gặp gỡ

Câu 5: C. Nhân vật ẩn danh

Câu 6: D. Say đắm

Câu 7: A. Bút pháp ước lệ

Câu 8: D. Sự say đắm của chàng trai trước vẻ đẹp của cô gái.

Câu 9

Câu thơ "Cá chìm mặt nước, nhận sa lưng trời" lấy ý từ câu thành ngữ "chim sa cá lặn".

Câu 10

Nhận xét về nhân vật chàng trai trong đoạn trích: Đó là một chàng trai si tình. Khi gặp cô gái, chàng đã ngay lập tức đắm đuối trước vẻ đẹp của cô gái, và cũng ngay lập tức đem lòng yêu cô gái.

Câu 11:

Cuộc gặp gỡ trên được gọi là một cuộc kì ngộ (cuộc gặp gỡ kì lạ) vì:

– Cô gái ở đây là một nàng tiên giáng trần

– Vừa gặp họ đã đem lòng yêu nhau, như đã có duyên tiền định.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- HS nhận biết và thấy được tác dụng chủ yếu của cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm, - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của cách dẫn trực tiếp và gián tiếp <p>Câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về cách dẫn trực tiếp và gián tiếp - Em hãy nêu 1 số vd về cách dẫn trực tiếp và gián tiếp mà em biết. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. <p>Bước 3: Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>Kiến thức cần nhớ</p> <p><i>Có hai cách dẫn lời nói hay ý nghĩ (lời nói bên trong) của một người, một nhân vật:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Dẫn trực tiếp, tức là nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩa của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.</i> - <i>Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.</i> 	<p>I. Củng cố tri thức</p> <p>TÀI LIỆU CỦA GV CUNG CẤP THÊM</p> <p>1. Lời dẫn trực tiếp</p> <p>* Lời dẫn trực tiếp là gì?</p> <p>Lời dẫn trực tiếp là một phương pháp trong việc trích dẫn thông tin mà không thay đổi nội dung hoặc cách diễn đạt của người nói. Điều này đảm bảo rằng những gì được trích dẫn lại là chính xác và chính thống, không bị biến tấu hay thêm vào ý của người trích dẫn.</p> <p>Lời dẫn trực tiếp thường được sử dụng trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, phóng sự, các bài phát biểu hoặc trong việc trích dẫn lại trong các tài liệu nghiên cứu. Phương pháp này giúp truyền tải thông tin một cách chính xác và không bị biến tấu.</p> <p>Khi sử dụng lời dẫn trực tiếp, người viết hoặc người nói cần phải chú ý đến việc trích dẫn đầy đủ và chính xác để tránh hiểu lầm hoặc thêm vào ý của mình. Nếu có sự thay đổi hoặc chỉnh sửa trong lời nói ban đầu, thì nên sử dụng lời dẫn gián tiếp thay vì lời dẫn trực tiếp.</p> <p>Lời dẫn trực tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt sự chính xác và độ tin cậy trong truyền thông và nghiên cứu. Việc sử dụng phương pháp này đòi hỏi sự tỉ mỉ và cẩn trọng trong việc trích dẫn để đảm bảo rằng người đọc hoặc người nghe hiểu đúng ý của người được trích dẫn và không gây hiểu lầm.</p> <p>* Dấu hiệu nhận biết lời dẫn trực tiếp</p> <p>Dấu hiệu nhận biết lời dẫn trực tiếp rất đơn giản và dễ nhận thấy. Để nhận biết một lời dẫn trực tiếp, bạn chỉ cần chú ý đến một số đặc điểm quan trọng. Thông thường, một lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và</p>

theo sau là dấu hai chấm.

Khi bạn đọc một câu chứa lời dẫn trực tiếp, hãy tìm dấu ngoặc kép đầu tiên xuất hiện trong câu. Đây là dấu mở để chỉ ra rằng một lời dẫn trực tiếp sắp được trích dẫn. Sau dấu ngoặc kép, bạn sẽ thấy dấu hai chấm, thường được sử dụng để ngăn cách giữa phần lời dẫn và phần được trích dẫn. Dấu hai chấm này giúp tạo ra một sự rõ ràng và chính xác trong việc trình bày lời dẫn.

Ví dụ:

Người nói: "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được."

Lời dẫn trực tiếp: Người nói cho biết: "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được."

Trong ví dụ trên, dấu ngoặc kép đầu tiên " là dấu mở cho thấy rằng một lời dẫn trực tiếp sẽ được trích dẫn. Sau đó, dấu hai chấm : xuất hiện để ngăn cách giữa phần lời dẫn "Người nói cho biết" và phần được trích dẫn "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được."

Sử dụng dấu ngoặc kép và dấu hai chấm trong lời dẫn trực tiếp có vai trò quan trọng trong việc định rõ và phân biệt phần được trích dẫn. Điều này giúp người đọc hoặc người nghe nhận ra được phần nào là lời dẫn và phần nào là lời nói của người được trích dẫn.

*** Tác dụng của lời dẫn trực tiếp**

Lời dẫn trực tiếp có nhiều tác dụng quan trọng trong việc truyền tải thông tin và ý nghĩa của một câu nói hoặc một bài phát biểu. Dưới đây là một số tác dụng của lời dẫn trực tiếp:

- Truyền tải thông tin chính xác: Lời dẫn trực tiếp giúp tái hiện chính xác những gì người nói đã nói và truyền đạt thông điệp của họ một cách chính xác. Điều này giúp người đọc hoặc người nghe hiểu rõ hơn về ý kiến hoặc thông tin được truyền tải. Thay vì diễn đạt điều gì đó theo cách của mình, người viết hoặc người nói có thể trích dẫn trực tiếp lời nói của người khác để đảm bảo sự chính xác và trung thực.

Ví dụ: Trích dẫn trực tiếp từ một bài phát biểu: "Chúng ta phải hành động ngay lập tức để bảo vệ môi trường. Không có thời gian để chần chừ nữa", tuyên bố mạnh mẽ của nhà hoạt động môi trường.

- Tăng tính chân thật và sống động: Lời dẫn trực tiếp giúp đưa người đọc hoặc người nghe đến gần hơn với người nói, tạo ra một cảm giác sống động và chân thật về nội dung được truyền tải. Thay vì chỉ nghe về ý kiến của người nói, lời dẫn trực tiếp cho phép người đọc hoặc người nghe trải nghiệm trực tiếp cảm xúc, giọng điệu và phong cách của người nói.

Ví dụ: "Tôi rất hạnh phúc và tự hào về thành tích của

chúng ta!" nhà lãnh đạo tuyên bố với một nụ cười hân hoan trên môi.

2. Lời dẫn gián tiếp

* Lời dẫn gián tiếp là gì?

Lời dẫn gián tiếp, trong viết văn và diễn đạt, là phương pháp truyền tải ý kiến, suy nghĩ hoặc thông tin của người hoặc nhân vật một cách không trực tiếp. Thay vì trích dẫn chính xác những gì người nói đã nói, lời dẫn gián tiếp được sử dụng để nêu lại ý nghĩ của người đó theo một cách tương đối hoặc đã điều chỉnh để phù hợp với ngữ cảnh của đoạn văn.

Lời dẫn gián tiếp giúp truyền tải thông điệp một cách linh hoạt và sáng tạo hơn. Nó cho phép người viết hoặc người nói sử dụng ngôn từ và cấu trúc câu của mình để tái hiện ý kiến hoặc tuyên bố một cách tinh tế và phù hợp với ngữ cảnh. Điều này đặc biệt hữu ích khi diễn đạt ý kiến của người khác trong các bài viết, báo cáo hoặc cuộc phỏng vấn.

Một ví dụ về lời dẫn gián tiếp là khi người nói ban đầu nói: "Tôi không thể tham gia buổi họp sáng mai vì lịch trình của tôi đã đầy." Lời dẫn gián tiếp có thể được sử dụng như sau: Người đó cho biết rằng họ sẽ không tham gia buổi họp sáng mai do lịch trình của họ đã bận rộn.

Lời dẫn gián tiếp cũng cho phép người viết hoặc người nói thể hiện sự sáng tạo và phong cách riêng của mình trong việc tái hiện ý kiến hoặc tuyên bố của người khác. Bằng cách sử dụng từ ngữ, ngữ điệu và cấu trúc câu riêng, người viết hoặc người nói có thể tạo ra một cảm giác sống động và chân thực hơn về ý kiến của người đó. Điều này giúp tạo ra sự kết nối và tương tác với người đọc hoặc người nghe.

Ví dụ, lời dẫn gián tiếp của một câu nói có thể được biến đổi như sau: "Người đó nói rằng anh ta cảm thấy rất vui mừng và tự hào về thành tựu của chúng ta." Ở đây, người viết đã sử dụng ngôn ngữ và cấu trúc câu riêng để tái hiện ý kiến của người đó một cách phù hợp với ngữ cảnh và phong cách của bài viết.

Lời dẫn gián tiếp cũng không yêu cầu sử dụng dấu ngoặc kép như trong lời dẫn trực tiếp. Thay vào đó, chúng được tích hợp vào câu văn một cách tự nhiên, giúp tạo ra một dòng chảy liền mạch và góp phần vào sự thống nhất của văn bản.

Tóm lại, lời dẫn gián tiếp là một công cụ linh hoạt và sáng tạo để truyền tải ý kiến hoặc tuyên bố của người hoặc nhân vật một cách không trực tiếp trong viết văn và diễn đạt. Chúng cho phép người viết sử dụng ngôn từ và cấu trúc câu của mình để tái hiện ý nghĩ của người đó theo

một cách điều chỉnh và phù hợp với ngữ cảnh. Lời dẫn gián tiếp giúp truyền tải thông điệp linh hoạt và sáng tạo hơn, đồng thời cho phép người viết tự thể hiện phong cách riêng và tạo sự kết nối với độc giả.

*** Dấu hiệu của lời dẫn gián tiếp**

Khác với lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp không yêu cầu đặt trong dấu ngoặc kép và có thể được tích hợp một cách tự nhiên vào văn bản chính. Thay vì trích dẫn chính xác những gì người nói đã nói, lời dẫn gián tiếp cho phép chúng ta điều chỉnh và thay đổi ý kiến một cách hài hòa với nội dung văn bản.

*** Tác dụng lời dẫn gián tiếp**

Lời dẫn gián tiếp có tác dụng quan trọng trong [giao tiếp](#) và viết văn. Dưới đây là một số tác dụng chính của lời dẫn gián tiếp:

Truyền đạt thông tin: Lời dẫn gián tiếp giúp truyền đạt thông tin từ nguồn gốc đến người nghe hoặc đọc một cách trung thực và chính xác. Thay vì trích dẫn trực tiếp, người sử dụng lời dẫn gián tiếp sẽ tái hiện lại ý kiến, suy nghĩ hoặc câu chuyện của người khác bằng cách sử dụng từ ngữ và ngữ cảnh riêng của mình.

Thể hiện sự suy nghĩ và phân tích: Lời dẫn gián tiếp cho phép người sử dụng thể hiện quan điểm, suy nghĩ và phân tích cá nhân về nội dung được truyền đạt. Bằng cách sử dụng lời dẫn gián tiếp, người sử dụng có thể đưa ra nhận định, đánh giá và đưa ra luận điểm của mình về vấn đề mà họ đang bàn luận.

Tạo sự tương tác và tiếp thu: Lời dẫn gián tiếp khuyến khích sự tương tác và tiếp thu thông tin. Người nghe hoặc đọc có thể tương tác và đưa ra câu hỏi, ý kiến hoặc phản biện với lời dẫn gián tiếp, tạo nên một cuộc trao đổi ý kiến đầy đủ hơn. Điều này thúc đẩy sự hiểu biết và sự phát triển của cả người nói và người nghe.

Tạo sự linh hoạt trong ngôn ngữ: Lời dẫn gián tiếp cho phép sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và sáng tạo hơn. Người sử dụng có thể tùy chỉnh và thay đổi cấu trúc câu, từ ngữ và ngữ cảnh để thích nghi với mục đích và người nghe hoặc đọc.

Tạo sự tinh tế và đa dạng trong diễn đạt: Lời dẫn gián tiếp cho phép người sử dụng diễn đạt thông tin một cách tinh tế và đa dạng hơn. Thay vì chỉ trích dẫn một cách trực tiếp, lời dẫn gián tiếp cho phép sử dụng các phương pháp diễn đạt khác nhau như mô tả, so sánh, ví dụ và tường thuật để làm cho thông tin trở nên thú vị và hấp dẫn hơn.

Tóm lại, lời dẫn gián tiếp có tác dụng truyền đạt thông tin, thể hiện suy nghĩ và phân tích, tạo sự tương tác và tiếp thu, tạo sự linh hoạt trong ngôn ngữ và tạo sự tinh tế và đa dạng trong diễn đạt.

3. Ví dụ về lời dẫn gián tiếp và lời dẫn trực tiếp

Dưới đây là một ví dụ về lời dẫn gián tiếp và lời dẫn trực tiếp:

Lời dẫn trực tiếp:

Người nói A: "Tôi rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng."

Người nói B: "Tôi cũng rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng."

Lời dẫn gián tiếp:

Người nói A: "Tôi nói rằng tôi rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng."

Người nói B: Người nói A nói rằng anh ta cũng rất mệt sau một ngày làm việc căng thẳng.

Trong ví dụ trên, lời dẫn trực tiếp trích dẫn chính xác những gì người nói A nói, trong khi lời dẫn gián tiếp tái hiện lại ý kiến của người nói A bằng cách sử dụng từ ngữ và ngữ cảnh riêng của người nói B. Lời dẫn trực tiếp thường được sử dụng khi muốn trích dẫn chính xác ý kiến hoặc phát biểu của người khác, trong khi lời dẫn gián tiếp thường được sử dụng khi muốn tái hiện lại ý kiến một cách tự nhiên và sáng tạo.

PHẦN CHÓT CỦA GV TRÊN BẢNG

Có hai cách dẫn lời nói hay ý nghĩ (lời nói bên trong) của một người, một nhân vật:

- Dẫn trực tiếp, tức là nhắc lại nguyên vẹn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.

- Dẫn gián tiếp, tức là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật, có điều chỉnh cho thích hợp; lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**1. Mục tiêu:**

- HS biết giải quyết được các dạng bài tập

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

Bài tập 1: Làm việc cá nhân.

Bài 1:

Tìm lời dẫn cho những đoạn trích sau, cho biết đó là lời nói hay ý nghĩa được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp?

a, Hoạ sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Cô kĩ sư chỉ “ồ” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường cách dài xa Hà Nội...

b, Anh Nhuận Thổ nói:

- Lạy cụ ạ! Thưa cụ con đã nhận được, biết ông có về chơi, thật mừng quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em thế cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

Bài 2: Hãy chuyển đoạn trích sau trở thành lời dẫn gián tiếp:

a, Chưa đến bậc cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên đây cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn sai sự mục đích cả.

b, Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, mà cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu gọi một tiếng “ba” không được sao?

Gợi ý:

Bài 1:

a, Lời dẫn gián tiếp.

Tác giả dẫn ra suy nghĩ, lời nói của nhân vật

b, Lời dẫn trực tiếp

Các nhân vật tự thể hiện lời nói, suy nghĩ của mình.

Bài tập 2: Làm việc cá nhân.

Bài 2: Đọc các đoạn trích dưới đây và nhận xét về phần in đậm:

(1) Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế mà một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: **“Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”**

(2) Hoạ sĩ nghĩ thầm: **“Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu không kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.**

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

b) So sánh phần in đậm ở đoạn trích (1) và (2) rồi trả lời câu hỏi:

- Phần in đậm trong đoạn trích (1) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận bày được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì?

- Phần in đậm trong đoạn trích (2) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận này được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng dấu gì?

Gợi ý: Phần in đậm ở đoạn trích (1) là lời nói của nhân vật (có chỉ dẫn “Cháu nói” trong lời của người dẫn); ở đoạn trích (2) là ý nghĩ của nhân vật (có chỉ dẫn “Hoạ sĩ nghĩ thầm” trong lời của người dẫn). Nội dung dẫn (in đậm) được đặt trong dấu ngoặc kép, và ngăn cách với phần lời dẫn bằng dấu hai chấm.

c) Thử thay đổi vị trí giữa phần in đậm và bộ phận đứng trước nó (trong cùng một câu với phần in đậm) trong hai đoạn trích và cho biết có thể thay đổi như thế được không? Nếu thay đổi thì cần có dấu gì để ngăn cách giữa chúng?

Gợi ý: Có thể thay đổi vị trí trước – sau giữa phần lời nói hay ý nghĩ được dẫn và phần lời dẫn, nếu phần lời dẫn đứng sau thì phải thay dấu hai chấm bằng dấu phẩy hoặc dấu gạch ngang. Ví dụ:

“Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu không kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn” - hoạ sĩ nghĩ thầm.

Bài tập số 3

a) Đọc và nhận xét phần in đậm trong hai đoạn trích sau:

(3) [... Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu.] Lão khuyên nó **hãy dẫn lòng bỏ đám này, để dúi dẳng lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ.**

(Nam Cao, Lão Hạc)

(4) Nhưng chớ hiểu lầm rằng **Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tao kiêu nhà hiền triết ẩn dật.**

(Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại)

b) So sánh phần in đậm ở hai đoạn trích và cho biết:

- Phần in đậm ở đoạn trích (3) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận in đậm có được ngăn cách với bộ phận đứng trước nó bằng dấu gì không?

- Phần in đậm ở đoạn trích (4) là lời nói hay ý nghĩ? Dựa vào đâu để nhận biết được điều này? Bộ phận in đậm có được ngăn cách với bộ phận đứng trước nó bằng dấu gì không?

Gợi ý: Phần in đậm ở đoạn trích (3) là lời nói (dựa vào câu trước và từ khuyên trong bộ phận lời người dẫn để nhận biết) được thuật lại; ở đoạn trích (4) là ý nghĩ (dựa vào từ hiểu trong bộ phận lời dẫn) được thuật lại. Giữa nội dung (lời nói hay ý nghĩ) được dẫn với lời người dẫn trong kiểu lời dẫn gián tiếp này không có dấu câu để ngăn cách. Người ta có thể sử dụng từ rằng hoặc là để ngăn cách giữa hai bộ phận (lời người dẫn và nội dung được dẫn) trong câu dẫn gián tiếp.

Bài tập số 4: Các đoạn trích dưới đây là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp? Nội dung được dẫn ra trong mỗi đoạn trích là lời nói hay ý nghĩ?

(a) Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”

(Nam Cao, Lão Hạc)

(b) Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả...”

(Nam Cao, Lão Hạc)

Gợi ý: Cả hai đoạn trích đều là cách dẫn trực tiếp. Ở đoạn trích (a), nội dung dẫn được dẫn ra là lời. Ở đoạn trích (b), nội dung dẫn ra là ý. Lời và ý ở hai đoạn trích này đều được dẫn lại nguyên văn.

Bài tập số 5: Hãy viết một đoạn văn có trích dẫn một trong ba ý kiến dưới đây theo cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp:

(a) Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(Hồ Chí Minh, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng)

(b) Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong tác phong, Hồ chủ tịch cũng rất giản dị trong lời nói và bài viết, vì muốn cho nhân dân hiểu được, nhớ được, làm được.

(Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại)

(c) Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.

(Đặng Thai Mai, Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc)

Gợi ý: Chú ý viết lời dẫn cho phù hợp với từng nội dung được dẫn; cách trình bày khác nhau giữa dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp.

Đối với ý (c):

- Dẫn trực tiếp: Nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai từng viết: “Người Việt Nam ngày nay có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào với tiếng nói của mình.”.

- Dẫn gián tiếp: Trong Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc, nhà nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai từng nhấn mạnh rằng người Việt Nam chúng ta ngày nay hoàn toàn có lí do đầy đủ và vững chắc để tự hào về tiếng nói của dân tộc mình.

Bài tập số 6: Lời của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích dưới đây được thuật lại dưới dạng trực tiếp hay gián tiếp?

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bên sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.

(Nguyễn Dữ, Chuyện người con gái Nam Xương)

Gợi ý: Lời của nhân vật Vũ Nương có được thuật lại nguyên văn không? Nếu là sự thuật lại nguyên văn thì đó là cách dẫn trực tiếp. Như vậy, lời thoại trong truyện (gạch ngang đầu dòng) được dẫn trực tiếp. Đây cũng là kiểu lời dẫn trực tiếp mà chúng ta hay gặp trong các văn bản truyện.

Bài tập số 7: Hãy viết lại đoạn trích trên theo cách dẫn gián tiếp.

Gợi ý: Nhập vai vào người kể chuyện để dẫn lại lời của nhân vật Vũ Nương theo cách dẫn gián tiếp. Chú ý diễn đạt lại theo ý và thay đổi từ ngữ xưng hô cho phù hợp. Có thể tham khảo:

Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hồn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn nói hộ với chàng Trương rằng nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, thì xin lập một đàn giải oan ở bên sông rồi đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, nàng sẽ trở về.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN- Tiết

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT (TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HS HIỆN NAY)

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
 - HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết trong đời sống.
 - HS viết được bài văn nghị luận văn học bằng cách nêu vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*, bài viết có bố cục rõ ràng, triển khai các phần hợp lí (có hệ thống luận điểm, sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm rõ từng luận điểm), giàu sức thuyết phục.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về kiểu bài

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

CHỦ ĐỀ CẦN VIẾT THỨ HAI

VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HỌC SINH HIỆN NAY

- Khi nêu vấn đề thể hiện mối quan hệ giữa HS với chính bản thân mình, với bạn bè, gia đình, thầy cô và các mqhxx xã hội cần tường minh hoá bằng câu văn cụ thể để nhận thức đúng bản chất của nó, từ đó mới có thể triển khai bài viết theo đúng yêu cầu.
- Các luận điểm phải làm rõ từng khía cạnh của vấn đề (những khía cạnh thể hiện nhận thức của người viết và khía cạnh đề cập ý kiến trái chiều để phản bác). Phản bác ý kiến trái chiều phải có cơ sở và nhằm mục đích củng cố ý kiến của bản thân.
- Nếu bàn về vấn đề có tính tích cực, cần nêu cách phát huy tác dụng của nó đối với đời sống; nếu bàn về vấn đề có tính tiêu cực, cần đề xuất giải pháp hạn chế. Các giải pháp phải có tính khả thi.

Thực hành viết theo các bước

- *Hướng dẫn HS chọn đề tài:* GV lưu ý HS dựa vào nội dung đã nêu trong SHS để tìm đề tài. SHS đã nêu một số đề tài có tính chất gợi ý, HS có thể chọn một trong số đó hoặc tìm đề tài mà mình am hiểu và có hứng thú để viết bài.
- *Hướng dẫn HS tìm ý:* Sau khi HS chọn được đề tài, GV hướng dẫn các em tìm ý bằng cách điền thông tin vào các ô theo mẫu phiếu sau đây:

Vấn đề nào cần được giải quyết?	
Em có ý kiến như thế nào về vấn đề? (Lí lẽ, bằng chứng)	
Có ý kiến trái chiều nào cần phản bác? Phải phản bác như thế nào? (Lí lẽ, bằng chứng)	
Cần có giải pháp nào để giải quyết vấn đề?	

- *Hướng dẫn HS lập dàn ý:* Từ kết quả tìm ý của HS, GV nhận xét, chỉnh sửa, bổ sung; cho HS sắp xếp các ý đã ghi chép vào các phần của bài viết (Mở bài, Thân bài, Kết bài) theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý.
- *Hướng dẫn HS viết bài:* HS dựa vào dàn ý để tiến hành viết bài. Cần đọc kĩ bài viết tham khảo để biết cách mở bài, kết bài trong một đoạn văn sao cho gây được ấn tượng. Mỗi luận điểm của phần Thân bài cũng cần được triển khai trong một đoạn văn, tổ chức theo các hình thức linh hoạt (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp). Điều quan trọng nhất khi viết bài là sử dụng lí lẽ và bằng chứng ở từng luận điểm (khẳng định sự đúng đắn của ý kiến mình nêu hoặc phản bác ý kiến trái chiều) để bài viết giàu sức thuyết phục.
- *Nhận xét về kết quả viết và chỉnh sửa bài viết*
- GV nêu một số nét chung về bài viết của HS (mức độ bám sát yêu cầu viết, bố cục bài viết, cách triển khai các luận điểm, huy động kiến thức, dùng lí lẽ và bằng chứng, cách trình bày, diễn đạt,...), khái quát những mặt mạnh và mặt yếu, hướng dẫn cách khắc phục.
- Hướng dẫn HS sửa bài (căn cứ vào hướng dẫn chỉnh sửa nêu ở SHS, xem lại những chỗ GV đã đánh dấu và nhận xét cụ thể). Khuyến khích HS về nhà viết lại một bản mới, khắc phục những nhược điểm, phát huy ưu điểm của bài viết đã được đánh giá.

HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VIẾT VỀ KIỂU BÀI

- **1. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- **2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- **3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- **4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

MỘT SỐ BÀI LÀM THAM KHẢO

Đề 1: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để rèn luyện được kỹ năng quan sát?"

Dàn ý

I. Mở bài

- Trong cuộc sống hiện đại, kỹ năng quan sát trở thành một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mỗi cá nhân. Đặc biệt đối với học sinh, giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách, việc rèn luyện kỹ năng này càng trở nên cấp thiết.

- Vậy, học sinh cần làm gì để nâng cao khả năng quan sát của mình?

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

- Kỹ năng quan sát là khả năng sử dụng các giác quan để thu thập thông tin về thế giới xung quanh. Nó bao gồm việc chú ý đến những chi tiết nhỏ, nhận biết sự thay đổi, so sánh và đối chiếu thông tin, từ đó đưa ra những nhận định và đánh giá chính xác. Kỹ năng này không chỉ đơn thuần là "nhìn" mà còn là "thấy", là sự kết hợp giữa việc tiếp nhận thông tin và xử lý thông tin một cách có ý thức.

2. Phân tích vấn đề

- **Thực trạng:** Trong xã hội hiện nay, nhiều học sinh đang thiếu hụt kỹ năng quan sát. Thay vì tập trung vào việc quan sát và trải nghiệm thực tế, các bạn trẻ thường dành quá nhiều thời gian cho việc sử dụng điện thoại, máy tính và các thiết bị điện tử khác. Điều này khiến cho khả năng quan sát của các bạn bị hạn chế, dẫn đến việc khó tiếp thu kiến thức mới, thiếu sáng tạo và mất tập trung trong học tập.

- **Nguyên nhân:** Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, bao gồm:

- **Sự phát triển của công nghệ:** Việc tiếp xúc quá nhiều với các thiết bị điện tử khiến cho giới trẻ ít có cơ hội trải nghiệm thực tế, từ đó làm giảm khả năng quan sát.
- **Áp lực học tập:** Chương trình học nặng nề, lịch học dày đặc khiến học sinh không có thời gian để nghỉ ngơi, thư giãn và quan sát thế giới xung quanh.
- **Thiếu sự khuyến khích:** Gia đình và nhà trường chưa chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng quan sát cho học sinh.

- **Vì sao cần giải quyết vấn đề?** Kỹ năng quan sát kém có thể gây ra nhiều hệ lụy tiêu cực cho học sinh, bao gồm:

- **Học tập kém hiệu quả:** Khó tiếp thu kiến thức mới, khó ghi nhớ và vận dụng kiến thức vào thực tế.
- **Thiếu sáng tạo:** Không có khả năng quan sát và phân tích vấn đề một cách toàn diện, dẫn đến việc khó đưa ra những ý tưởng mới.
- **Mất tập trung:** Dễ bị phân tâm bởi những yếu tố bên ngoài, không thể tập trung vào công việc học tập.

- **Ý kiến trái chiều:** Một số người cho rằng trong thời đại công nghệ số, việc rèn luyện kỹ năng quan sát không còn quan trọng nữa. Họ cho rằng chúng ta có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin trên mạng Internet mà không cần phải quan sát thực tế.

- **Phản biện:** Mặc dù công nghệ mang lại nhiều lợi ích, nhưng nó không thể thay thế hoàn toàn cho việc quan sát thực tế. Quan sát giúp chúng ta có cái nhìn trực quan, sinh động và chân thực hơn về thế giới xung quanh, từ đó hiểu rõ bản chất của vấn đề và đưa ra những quyết định đúng đắn.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Tự rèn luyện thông qua các hoạt động hàng ngày

- **Người thực hiện:** Học sinh

- **Cách thực hiện:**

- Quan sát mọi thứ xung quanh một cách có chủ đích và tập trung, từ những chi tiết nhỏ nhất đến những sự kiện lớn hơn.
- Tập trung vào các chi tiết như màu sắc, hình dạng, âm thanh, mùi vị và cảm xúc của mình khi quan sát.
- Ghi chép lại những gì mình quan sát được để củng cố trí nhớ và rèn luyện khả năng diễn đạt.
- Thực hành quan sát trong các tình huống khác nhau như ở trường học, ở nhà, khi đi chơi,...

- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sổ tay ghi chép, máy ảnh, điện thoại để ghi lại những gì quan sát được.

- **Phân tích:** Việc tự rèn luyện thông qua các hoạt động hàng ngày giúp học sinh hình thành thói quen quan sát và nâng cao khả năng tập trung.

- **Bằng chứng:** Theo nghiên cứu của Đại học Harvard, việc ghi chép lại những gì mình quan sát được giúp tăng cường trí nhớ và khả năng tư duy lên đến 30%.

Giải pháp 2: Tham gia các hoạt động ngoại khóa, trò chơi rèn luyện kỹ năng quan sát

- **Người thực hiện:** Học sinh, giáo viên, phụ huynh

- **Cách thực hiện:**

- Tham gia các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ khoa học, câu lạc bộ nhiếp ảnh, câu lạc bộ mỹ thuật,...
- Chơi các trò chơi rèn luyện kỹ năng quan sát như tìm điểm khác biệt, giải đố, xếp hình,...
- Tham gia các buổi tham quan, dã ngoại để quan sát thiên nhiên, con người và văn hóa.

- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Các trò chơi, dụng cụ học tập, sách báo, tài liệu về kỹ năng quan sát.

- **Phân tích:** Các hoạt động ngoại khóa, trò chơi giúp học sinh rèn luyện kỹ năng quan sát một cách thú vị và hiệu quả.

- **Bằng chứng:** Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng trẻ em tham gia các hoạt động ngoại khóa có khả năng quan sát tốt hơn so với những trẻ không tham gia.

Giải pháp 3: Gia đình và nhà trường tạo môi trường khuyến khích việc rèn luyện kỹ năng quan sát

- **Người thực hiện:** Gia đình, nhà trường

- **Cách thực hiện:**

- Gia đình khuyến khích con cái quan sát và khám phá thế giới xung quanh thông qua việc đọc sách, xem phim, trò chuyện,...
- Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trò chơi giúp học sinh rèn luyện kỹ năng quan sát.
- Giáo viên lồng ghép các bài tập rèn luyện kỹ năng quan sát vào chương trình học.

- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sách báo, phim ảnh, trò chơi, dụng cụ học tập.

- **Phân tích:** Môi trường gia đình và nhà trường có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển kỹ năng quan sát của học sinh.

- **Bằng chứng:** Theo nghiên cứu của UNICEF, trẻ em được lớn lên trong môi trường khuyến khích sự tò mò và khám phá có khả năng quan sát tốt hơn so với những trẻ không được khuyến khích.

4. Liên hệ bản thân

- Bản thân tôi cũng đã từng gặp khó khăn trong việc rèn luyện kỹ năng quan sát. Tuy nhiên, nhờ sự kiên trì và nỗ lực, tôi đã dần cải thiện được khả năng này. Tôi thường xuyên tham gia các hoạt động ngoại khóa, đọc sách và viết nhật ký để ghi lại những điều mình quan sát được. Nhờ đó, tôi đã có thể học tập tốt hơn, có nhiều ý tưởng sáng tạo hơn và hiểu rõ bản thân mình hơn.

III. Kết bài

- Kỹ năng quan sát là một kỹ năng quan trọng mà mỗi học sinh cần phải rèn luyện. Nó không chỉ giúp chúng ta khám phá thế giới xung quanh một cách sâu sắc hơn mà còn nâng cao khả năng học tập và phát triển bản thân.
- Tôi tin rằng nếu mỗi học sinh đều ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng này và tích cực rèn luyện, chúng ta sẽ có thể đạt được nhiều thành công trong học tập và cuộc sống.

Bài làm tham khảo

Trong cuộc sống hiện đại, kỹ năng quan sát trở thành một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mỗi cá nhân. Đặc biệt đối với học sinh, giai đoạn hình thành và phát triển nhân cách, việc rèn luyện kỹ năng này càng trở nên cấp thiết. Vậy, học sinh cần làm gì để nâng cao khả năng quan sát của mình?

Kỹ năng quan sát là khả năng tiếp nhận, xử lý và phân tích thông tin từ môi trường xung quanh thông qua các giác quan. Đối với học sinh, kỹ năng này đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập và phát triển toàn diện. Quan sát giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách chủ động và sâu sắc hơn. Việc quan sát các hiện tượng, sự vật, con người xung quanh sẽ giúp học sinh hiểu bài học một cách trực quan và sinh động hơn. Hơn nữa, quan sát kích thích sự tò mò, khám phá và sáng tạo của học sinh. Khi quan sát, học sinh sẽ đặt ra những câu hỏi, tìm hiểu nguyên nhân và cách giải quyết vấn đề, từ đó rèn luyện khả năng tư duy phản biện và logic. Không chỉ vậy, kỹ năng quan sát còn là nền tảng để phát triển các kỹ năng khác như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm,...

Đề 2: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Làm thế nào để rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh?"

Dàn ý

I. Mở bài

Trong thời đại công nghệ số phát triển như vũ bão, việc thu hút học sinh đến với sách, nuôi dưỡng tình yêu đối với từng trang giấy dường như là một thách thức lớn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận tầm quan trọng của việc đọc sách đối với sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân, đặc biệt là đối với học sinh – những chủ nhân tương lai của đất nước. Vậy làm thế nào để khơi dậy và nuôi dưỡng thói quen đọc sách cho các bạn? Đây là một vấn đề cấp thiết cần được quan tâm và giải quyết.

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

Đọc sách là quá trình tiếp nhận thông tin, kiến thức, tư tưởng, tình cảm được thể hiện qua ngôn ngữ viết. Đọc sách không chỉ giúp mở mang tri thức, bồi dưỡng tâm hồn mà còn rèn luyện tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin. Đối với học sinh, đọc sách còn giúp các bạn hoàn thiện nhân cách, phát triển kỹ năng sống, nâng cao khả năng giao tiếp và ứng xử.

2. Phân tích vấn đề

a. Thực trạng:

Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh đọc sách ngoài giờ lên lớp còn rất thấp. Chỉ có khoảng 20% học sinh có thói quen đọc sách thường xuyên, trong khi đó, phần lớn thời gian rảnh của các bạn dành cho việc sử dụng điện thoại thông minh, chơi game và lướt mạng xã hội.

b. Nguyên nhân:

- Sự phát triển của công nghệ thông tin và sự hấp dẫn của các phương tiện giải trí hiện đại đã khiến sách trở nên kém hấp dẫn trong mắt học sinh.
- Chương trình học quá tải, áp lực thi cử khiến học sinh không có thời gian dành cho việc đọc sách.
- Sự thiếu quan tâm của gia đình và nhà trường đối với việc khuyến khích học sinh đọc sách.
- Thư viện trường học chưa được đầu tư đúng mức, sách báo chưa phong phú, đa dạng, không đáp ứng được nhu cầu của học sinh.

c. Hậu quả:

Nếu tình trạng này không được cải thiện, học sinh sẽ mất đi một kênh quan trọng để tiếp cận tri thức, phát triển tư duy và hoàn thiện nhân cách. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của các bạn trong tương lai.

d. Ý kiến trái chiều:

Một số người cho rằng, trong thời đại công nghệ số, việc đọc sách đã trở nên lỗi thời. Họ cho rằng, học sinh có thể tiếp cận thông tin nhanh chóng và dễ dàng hơn thông qua internet, các phương tiện truyền thông và các khóa học trực tuyến. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Mặc dù internet và các phương tiện truyền thông có thể cung cấp một lượng lớn thông tin, nhưng không phải thông tin nào cũng chính xác và đáng tin cậy. Hơn nữa, việc đọc sách không chỉ là tiếp nhận thông tin mà còn là quá trình tư duy, phân tích và đánh giá thông tin.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

3.1. Vai trò của bản thân học sinh:

- **Người thực hiện:** Học sinh.
- **Cách thực hiện:**
 - Tự giác đọc sách mỗi ngày: Dành ít nhất 30 phút mỗi ngày để đọc sách, lựa chọn sách phù hợp với sở thích và trình độ.
 - Tham gia các hoạt động đọc sách: Câu lạc bộ đọc sách, các nhóm đọc sách trực tuyến, các sự kiện đọc sách cộng đồng.
 - Chia sẻ niềm đam mê đọc sách: Giới thiệu sách hay cho bạn bè, viết bài cảm nhận về sách, tham gia các diễn đàn đọc sách.
- **Công cụ hỗ trợ:** Ứng dụng đọc sách, các trang web giới thiệu sách, các nhóm đọc sách trên mạng xã hội.
- **Phân tích:** Học sinh là chủ thể của quá trình học tập, cần có ý thức tự giác và tinh thần chủ động trong việc đọc sách. Khi học sinh yêu thích đọc sách, các bạn sẽ tự tìm tòi, khám phá và tiếp thu kiến thức một cách hiệu quả.
- **Bằng chứng:** Nhiều học sinh đã đạt thành tích cao trong học tập và cuộc sống nhờ có thói quen đọc sách từ nhỏ. Ví dụ như Bill Gates, Warren Buffett, Mark Zuckerberg đều là những người đam mê đọc sách và coi đó là bí quyết thành công của mình.

3.2. Vai trò của gia đình:

- **Người thực hiện:** Cha mẹ, người thân trong gia đình.
- **Cách thực hiện:**
 - Tạo môi trường đọc sách thuận lợi: Thiết kế góc đọc sách ấm cúng, trang bị đầy đủ các loại sách phù hợp với lứa tuổi và sở thích của con.
 - Làm gương cho con: Cha mẹ nên dành thời gian đọc sách mỗi ngày, chia sẻ với con những cuốn sách hay, những câu chuyện ý nghĩa.
 - Khuyến khích và động viên: Khen ngợi khi con đọc sách, cùng con thảo luận về nội dung sách, tạo không khí vui vẻ khi đọc sách.
 - Hạn chế thời gian sử dụng thiết bị điện tử: Quy định thời gian sử dụng hợp lý, khuyến khích con tham gia các hoạt động ngoài trời, vui chơi cùng bạn bè.
- **Công cụ hỗ trợ:** Thẻ thư viện, ứng dụng đọc sách trực tuyến, các câu lạc bộ đọc sách gia đình.
- **Phân tích:** Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và quan trọng nhất của trẻ. Cha mẹ có vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách và thói quen của con. Khi cha mẹ yêu sách, coi trọng việc đọc, con cái cũng sẽ tự nhiên noi theo.
- **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, trẻ em được cha mẹ đọc sách cho nghe từ nhỏ có khả năng đọc viết tốt hơn, vốn từ vựng phong phú hơn và thành tích học tập cao hơn so với những trẻ không được tiếp xúc với sách.

3.3. Vai trò của nhà trường:

- **Người thực hiện:** Giáo viên, cán bộ thư viện, ban giám hiệu nhà trường.

- **Cách thực hiện:**

- Tổ chức các hoạt động đọc sách đa dạng: Cuộc thi kể chuyện theo sách, ngày hội đọc sách, giới thiệu sách mới, thành lập câu lạc bộ đọc sách...
- Lồng ghép hoạt động đọc sách vào chương trình học: Yêu cầu học sinh đọc sách tham khảo, viết bài cảm nhận, thuyết trình về sách...
- Xây dựng thư viện thân thiện: Cập nhật sách thường xuyên, tạo không gian đọc sách thoải mái, tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng thư viện.
- Phối hợp với phụ huynh: Tổ chức các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về việc khuyến khích trẻ đọc sách.

- **Công cụ hỗ trợ:** Thư viện điện tử, các phần mềm quản lý thư viện, các trang web giới thiệu sách.

- **Phân tích:** Nhà trường là môi trường giáo dục chính thức, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của học sinh. Khi nhà trường tạo ra môi trường đọc sách tích cực, học sinh sẽ có cơ hội tiếp cận với nhiều loại sách, khám phá thế giới tri thức rộng lớn.

- **Bằng chứng:** Trường THPT Chuyên Hà Nội – Amsterdam đã triển khai chương trình "Sách và Tôi" với nhiều hoạt động đọc sách đa dạng, giúp học sinh hình thành thói quen đọc sách và nâng cao trình độ văn hóa đọc.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân tôi đã từng là một học sinh không thích đọc sách. Tuy nhiên, nhờ sự khuyến khích của gia đình và thầy cô, tôi đã dần dần tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách. Sách đã giúp tôi mở mang tri thức, hiểu biết về thế giới xung quanh, rèn luyện tư duy và hoàn thiện nhân cách. Tôi tin rằng, nếu mỗi học sinh đều được tiếp cận với sách và tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách, thì tương lai của đất nước sẽ tươi sáng hơn rất nhiều.

III. Kết bài

Việc rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh không chỉ là trách nhiệm của gia đình và nhà trường mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Chúng ta cần chung tay xây dựng một môi trường văn hóa đọc lành mạnh, khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với sách. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể đào tạo ra những thế hệ trẻ có đủ tri thức, kỹ năng và phẩm chất để xây dựng đất nước phồn vinh.

Bài làm tham khảo

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, giữa muôn vàn phương tiện giải trí hiện đại, sách dường như đang dần mất đi vị thế vốn có của mình, đặc biệt là trong thế giới của những người trẻ tuổi. Tuy nhiên, không thể phủ nhận tầm quan trọng của việc đọc sách đối với sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân, đặc biệt là lứa tuổi học sinh - những mầm non tương lai của đất nước. Vậy làm thế nào để khơi dậy và nuôi dưỡng thói quen đọc sách cho các bạn? Đây là một vấn đề cấp thiết cần được quan tâm và giải quyết.

Đọc sách là một quá trình tương tác tích cực giữa người đọc và tác phẩm. Qua từng trang sách, người đọc không chỉ tiếp thu tri thức, mở mang hiểu biết về thế giới xung quanh mà còn được bồi đắp tâm hồn, nuôi dưỡng những giá trị tinh thần cao đẹp. Đối với học sinh, việc đọc sách còn giúp các bạn rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin, từ đó hình thành một nhân cách hoàn thiện, phát triển kỹ năng sống và nâng cao khả năng giao tiếp, ứng xử.

Tuy nhiên, thực tế đáng buồn là văn hóa đọc trong lứa tuổi học sinh hiện nay đang ở mức báo động. Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh đọc sách ngoài giờ lên lớp còn rất thấp. Chỉ có khoảng 20% học sinh có thói quen đọc sách thường xuyên, trong khi phần lớn thời gian rảnh của các bạn dành cho việc sử dụng điện thoại thông minh, chơi game và lướt mạng xã hội.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này. Sự phát triển của công nghệ thông tin và sự hấp dẫn của các phương tiện giải trí hiện đại đã khiến sách trở nên kém hấp dẫn hơn trong mắt các bạn. Chương trình học quá tải, áp lực thi cử cũng là một trong những rào cản lớn khiến các bạn không có thời gian dành cho việc đọc sách. Bên cạnh đó, sự thiếu quan tâm của gia đình và nhà trường, cũng như hệ

thông thư viện trường học chưa được đầu tư đúng mức, sách báo chưa phong phú, đa dạng cũng góp phần làm giảm hứng thú đọc sách của học sinh.

Nếu tình trạng này không được cải thiện, học sinh sẽ mất đi một kênh quan trọng để tiếp cận tri thức, phát triển tư duy và hoàn thiện nhân cách. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của các bạn trong tương lai.

Tuy nhiên, một số người cho rằng, trong thời đại công nghệ số, việc đọc sách đã trở nên lỗi thời. Họ cho rằng, học sinh có thể tiếp cận thông tin nhanh chóng và dễ dàng hơn thông qua internet, các phương tiện truyền thông và các khóa học trực tuyến. Tuy nhiên, quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Mặc dù internet và các phương tiện truyền thông có thể cung cấp một lượng lớn thông tin, nhưng không phải thông tin nào cũng chính xác và đáng tin cậy. Hơn nữa, việc đọc sách không chỉ là tiếp nhận thông tin mà còn là quá trình tư duy, phân tích và đánh giá thông tin.

Vậy, làm thế nào để rèn luyện thói quen đọc sách? Trước hết, bản thân mỗi học sinh cần có ý thức tự giác và tinh thần chủ động trong việc đọc sách. Các bạn cần tự giác đọc sách mỗi ngày, dành ít nhất 30 phút mỗi ngày để đọc sách, lựa chọn sách phù hợp với sở thích và trình độ. Bên cạnh đó, việc tham gia các hoạt động đọc sách như câu lạc bộ đọc sách, các nhóm đọc sách trực tuyến, các sự kiện đọc sách cộng đồng cũng sẽ giúp các bạn mở rộng kiến thức và giao lưu với những người yêu sách khác. Các bạn cũng có thể chia sẻ niềm đam mê đọc sách của mình bằng cách giới thiệu sách hay cho bạn bè, viết bài cảm nhận về sách, tham gia các diễn đàn đọc sách. Ứng dụng đọc sách, các trang web giới thiệu sách, các nhóm đọc sách trên mạng xã hội là những công cụ hỗ trợ đắc lực cho các bạn trong quá trình đọc sách. Nhiều học sinh đã đạt thành tích cao trong học tập và cuộc sống nhờ có thói quen đọc sách từ nhỏ. Ví dụ như Bill Gates, Warren Buffett, Mark Zuckerberg đều là những người đam mê đọc sách và coi đó là bí quyết thành công của mình.

Tiếp theo, không thể không nhắc đến vai trò của gia đình trong việc hình thành thói quen đọc sách cho trẻ. Cha mẹ, người thân trong gia đình chính là những người thầy đầu tiên của con trẻ. Chính vì vậy, cha mẹ cần tạo một môi trường đọc sách thuận lợi cho con, bằng cách thiết kế một góc đọc sách ấm cúng, trang bị đầy đủ các loại sách phù hợp với lứa tuổi và sở thích của con. Hơn thế nữa, cha mẹ hãy là tấm gương cho con cái noi theo bằng cách dành thời gian đọc sách mỗi ngày, chia sẻ với con những cuốn sách hay, những câu chuyện ý nghĩa. Bên cạnh đó, cha mẹ cũng cần khuyến khích và động viên con cái đọc sách, khen ngợi khi con đọc sách, cùng con thảo luận về nội dung sách, tạo không khí vui vẻ khi đọc sách. Đồng thời, cha mẹ cũng cần hạn chế thời gian sử dụng thiết bị điện tử của con, quy định thời gian sử dụng hợp lý, khuyến khích con tham gia các hoạt động ngoài trời, vui chơi cùng bạn bè. Gia đình có thể tận dụng các công cụ hỗ trợ như thẻ thư viện, ứng dụng đọc sách trực tuyến, các câu lạc bộ đọc sách gia đình để khuyến khích con trẻ đọc sách. Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, trẻ em được cha mẹ đọc sách cho nghe từ nhỏ có khả năng đọc viết tốt hơn, vốn từ vựng phong phú hơn và thành tích học tập cao hơn so với những trẻ không được tiếp xúc với sách. Điều này càng khẳng định tầm quan trọng của gia đình trong việc hình thành thói quen đọc sách cho trẻ.

Bên cạnh gia đình, nhà trường cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng thói quen đọc sách cho học sinh. Giáo viên, cán bộ thư viện, ban giám hiệu nhà trường cần chung tay tổ chức các hoạt động đọc sách đa dạng như cuộc thi kể chuyện theo sách, ngày hội đọc sách, giới thiệu sách mới, thành lập câu lạc bộ đọc sách... Ngoài ra, việc lồng ghép hoạt động đọc sách vào chương trình học cũng rất quan trọng. Giáo viên có thể yêu cầu học sinh đọc sách tham khảo, viết bài cảm nhận, thuyết trình về sách... để kích thích sự hứng thú của các bạn với việc đọc sách. Thư viện nhà trường cần được xây dựng thân thiện, cập nhật sách thường xuyên, tạo không gian đọc sách thoải mái, tổ chức các buổi hướng dẫn sử dụng thư viện. Nhà trường cũng cần phối hợp với phụ huynh, tổ chức các buổi hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm về việc khuyến khích trẻ đọc sách. Các công cụ hỗ trợ như thư viện điện tử, các phần mềm quản lý thư viện, các trang web giới thiệu sách cũng sẽ giúp ích rất nhiều cho việc khuyến khích học sinh đọc sách. Trường THPT Chuyên Hà Nội – Amsterdam đã triển khai chương trình "Sách và Tôi" với nhiều hoạt động đọc sách đa dạng, giúp học sinh hình thành thói quen đọc sách và nâng cao trình độ văn hóa

đọc. Đây là một ví dụ điển hình cho thấy sự thành công của nhà trường trong việc khuyến khích học sinh đọc sách.

Bản thân tôi đã từng là một học sinh không thích đọc sách. Tuy nhiên, nhờ sự khuyến khích của gia đình và thầy cô, tôi đã dần dần tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách. Sách đã giúp tôi mở mang tri thức, hiểu biết về thế giới xung quanh, rèn luyện tư duy và hoàn thiện nhân cách. Tôi tin rằng, nếu mỗi học sinh đều được tiếp cận với sách và tìm thấy niềm vui trong việc đọc sách, thì tương lai của đất nước sẽ tươi sáng hơn rất nhiều.

Việc rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh không chỉ là trách nhiệm của gia đình và nhà trường mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội. Chúng ta cần chung tay xây dựng một môi trường văn hóa đọc lành mạnh, khuyến khích và tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận với sách.

Đề 3: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập?"

Dàn ý

I. Mở bài

Cuộc sống học đường luôn là một hành trình đầy màu sắc, nơi mỗi học sinh đều phải đối mặt với những thử thách và áp lực khác nhau. Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay chính là áp lực học tập, một “con bão” có thể cuốn phăng đi niềm vui và sự hứng khởi của tuổi học trò. Tuy nhiên, nếu biết cách vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển.

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

Áp lực học tập là tình trạng căng thẳng, lo lắng, mệt mỏi về tinh thần và thể chất do khối lượng kiến thức quá lớn, kỳ vọng cao từ gia đình và xã hội, cũng như sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường.

2. Phân tích vấn đề

Thực trạng:

Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 70% học sinh Việt Nam cảm thấy áp lực học tập ở mức độ trung bình đến nặng. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các trường chuyên, lớp chọn. Nhiều học sinh phải đối mặt với lịch học dày đặc, bài tập về nhà quá nhiều, và kỳ vọng quá cao từ phía phụ huynh.

Nguyên nhân:

- **Chương trình học quá tải:** Chương trình học hiện nay còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và sự liên kết với cuộc sống. Điều này khiến học sinh cảm thấy nhàm chán, mệt mỏi và khó tiếp thu kiến thức.
- **Kỳ vọng quá cao từ gia đình và xã hội:** Nhiều phụ huynh đặt kỳ vọng quá lớn vào con cái, muốn con mình phải đạt thành tích cao trong học tập để có một tương lai tốt đẹp. Áp lực từ xã hội cũng không nhỏ, khi thành tích học tập thường được coi là thước đo giá trị của một con người.
- **Sự cạnh tranh gay gắt:** Trong môi trường học đường, sự cạnh tranh giữa các học sinh ngày càng khốc liệt. Điều này khiến nhiều em cảm thấy tự ti, lo lắng và sợ thất bại.

Hậu quả:

Nếu không được giải quyết kịp thời, áp lực học tập có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng:

- **Suy giảm sức khỏe:** Căng thẳng kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe như mất ngủ, đau đầu, rối loạn tiêu hóa, thậm chí là suy nhược thần kinh.
- **Giảm hiệu quả học tập:** Áp lực quá lớn khiến học sinh mất tập trung, khó tiếp thu kiến thức, dẫn đến kết quả học tập sa sút.
- **Các vấn đề về tâm lý:** Áp lực học tập có thể gây ra các vấn đề tâm lý như lo âu, trầm cảm, thậm chí là suy nghĩ tiêu cực và hành vi tự hại.

Ý kiến trái chiều:

Một số người cho rằng áp lực học tập là điều cần thiết để thúc đẩy học sinh cố gắng và đạt được thành tích cao. Tuy nhiên, quan điểm này cần được xem xét lại. Áp lực quá lớn có thể phản tác dụng, khiến học sinh mất đi niềm vui và sự hứng khởi trong học tập.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

1. Giải pháp từ phía học sinh:

- **Người thực hiện:** Chính bản thân học sinh.
- **Cách thực hiện:**
 - **Xây dựng kế hoạch học tập hiệu quả:** Chia nhỏ khối lượng kiến thức, đặt mục tiêu cụ thể và thực tế, ưu tiên những môn học quan trọng hoặc khó khăn hơn.
 - **Quản lý thời gian hợp lý:** Dành thời gian cho việc học, nghỉ ngơi, giải trí và các hoạt động khác.
 - **Tìm hiểu phương pháp học tập phù hợp:** Áp dụng các kỹ thuật ghi nhớ, tổng hợp kiến thức, luyện tập thường xuyên.
 - **Tạo thói quen học tập tích cực:** Học nhóm, trao đổi với bạn bè, thầy cô.
 - **Chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần:** Ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc, tập thể dục thường xuyên, tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sổ tay kế hoạch, ứng dụng quản lý thời gian, sách tham khảo, tài liệu học tập trực tuyến, các khóa học kỹ năng mềm.
- **Lí giải/phân tích:** Việc chủ động và có ý thức trong học tập giúp học sinh tự tin hơn, giảm bớt lo lắng và áp lực. Khi có phương pháp học tập phù hợp và biết cách chăm sóc bản thân, học sinh sẽ có sức khỏe tốt, tinh thần thoải mái, từ đó đạt được kết quả học tập tốt hơn.
- **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Stanford, học sinh có kỹ năng quản lý thời gian tốt có kết quả học tập cao hơn 20% so với những học sinh khác.

2. Giải pháp từ phía gia đình:

- **Người thực hiện:** Cha mẹ, người thân trong gia đình.
- **Cách thực hiện:**
 - **Tạo không gian học tập thoải mái:** Cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, không gian yên tĩnh.
 - **Động viên, khích lệ:** Khen ngợi những thành tích của con, giúp con vượt qua những khó khăn.
 - **Lắng nghe, chia sẻ:** Tạo điều kiện để con chia sẻ những lo lắng, áp lực trong học tập.
 - **Không tạo áp lực quá lớn:** Không so sánh con với người khác, đặt mục tiêu quá cao.
 - **Hỗ trợ con tham gia các hoạt động ngoại khóa:** Giúp con phát triển toàn diện, giảm căng thẳng.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Sách nuôi dạy con, các khóa học kỹ năng làm cha mẹ, tư vấn tâm lý.
- **Lí giải/phân tích:** Sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ gia đình là nguồn động lực lớn giúp học sinh vượt qua khó khăn. Khi có sự thấu hiểu và chia sẻ từ gia đình, học sinh sẽ cảm thấy an tâm, tự tin hơn và có thêm động lực để cố gắng.
- **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, học sinh có sự hỗ trợ từ gia đình có khả năng chống chọi với căng thẳng tốt hơn và đạt kết quả học tập cao hơn.

3. Giải pháp từ phía nhà trường:

- **Người thực hiện:** Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên nhà trường.
- **Cách thực hiện:**
 - **Xây dựng môi trường học tập tích cực:** Tạo không khí học tập thoải mái, thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác.
 - **Đổi mới phương pháp dạy và học:** Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành.

- **Tổ chức các hoạt động ngoại khóa:** Giúp học sinh thư giãn, giải trí, phát triển các kỹ năng mềm.
- **Cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý:** Hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề tâm lý, căng thẳng, áp lực.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Chương trình đào tạo giáo viên, tài liệu dạy học, các khóa học kỹ năng sư phạm, phòng tư vấn tâm lý học đường.
- **Lí giải/phân tích:** Môi trường học tập tích cực và phương pháp dạy học hiện đại giúp học sinh hứng thú hơn với việc học, giảm bớt căng thẳng và áp lực. Dịch vụ tư vấn tâm lý giúp học sinh giải quyết các vấn đề khó khăn, nâng cao sức khỏe tinh thần.
- **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của OECD, học sinh ở các trường có môi trường học tập tích cực có kết quả học tập cao hơn và ít gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần hơn.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân tôi cũng từng trải qua những giai đoạn áp lực học tập. Tuy nhiên, nhờ sự động viên của gia đình và thầy cô, cũng như việc tự điều chỉnh và tìm ra phương pháp học tập phù hợp, tôi đã vượt qua được khó khăn và đạt được những thành tích nhất định.

III. Kết bài

Áp lực học tập là một vấn đề không thể tránh khỏi trong cuộc sống học đường. Tuy nhiên, nếu biết cách đối mặt và vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển. Hãy nhớ rằng, thành công không chỉ đến từ điểm số, mà còn đến từ sự tự tin, kỹ năng sống và niềm đam mê học hỏi.

Bài làm tham khảo

Tuổi học trò là một hành trình đầy màu sắc, nơi mỗi học sinh đều phải đối mặt với những thử thách và áp lực khác nhau. Một trong những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay chính là áp lực học tập, một “con bão” có thể cuốn phăng đi niềm vui và sự hứng khởi của tuổi học trò. Tuy nhiên, nếu biết cách vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển.

Áp lực học tập là tình trạng căng thẳng, lo lắng, mệt mỏi về tinh thần và thể chất do khối lượng kiến thức quá lớn, kỳ vọng cao từ gia đình và xã hội, cũng như sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường. Theo một khảo sát gần đây của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 70% học sinh Việt Nam cảm thấy áp lực học tập ở mức độ trung bình đến nặng. Tình trạng này đặc biệt nghiêm trọng ở các thành phố lớn và các trường chuyên, lớp chọn, nơi học sinh phải đối mặt với lịch học dày đặc, bài tập về nhà quá nhiều, và kỳ vọng quá cao từ phía phụ huynh.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến áp lực học tập. Chương trình học hiện nay còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn và sự liên kết với cuộc sống, khiến học sinh cảm thấy nhàm chán, mệt mỏi và khó tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, nhiều phụ huynh đặt kỳ vọng quá lớn vào con cái, muốn con mình phải đạt thành tích cao trong học tập để có một tương lai tốt đẹp. Áp lực từ xã hội cũng không nhỏ, khi thành tích học tập thường được coi là thước đo giá trị của một con người. Cuối cùng, sự cạnh tranh gay gắt trong môi trường học đường cũng là một trong những nguyên nhân chính gây ra áp lực học tập.

Nếu không được giải quyết kịp thời, áp lực học tập có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Căng thẳng kéo dài có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe như mất ngủ, đau đầu, rối loạn tiêu hóa, thậm chí là suy nhược thần kinh. Áp lực quá lớn còn khiến học sinh mất tập trung, khó tiếp thu kiến thức, dẫn đến kết quả học tập sa sút. Nguy hiểm hơn, áp lực học tập có thể gây ra các vấn đề tâm lý như lo âu, trầm cảm, thậm chí là suy nghĩ tiêu cực và hành vi tự hại.

Tuy nhiên, không phải ai cũng nhìn nhận áp lực học tập một cách tiêu cực. Một số người cho rằng áp lực học tập là điều cần thiết để thúc đẩy học sinh cố gắng và đạt được thành tích cao. Tuy nhiên, quan điểm này cần được xem xét lại. Áp lực quá lớn có thể phản tác dụng, khiến học sinh mất đi niềm vui và sự hứng khởi trong học tập.

Vậy, làm thế nào để vượt qua áp lực học tập? Trước hết, chính chúng ta – những người học sinh – cần chủ động đối mặt và tìm cách giải quyết vấn đề này. Điều đầu tiên và quan trọng nhất là xây dựng

một kế hoạch học tập hiệu quả. Chúng ta nên chia nhỏ khối lượng kiến thức, đặt mục tiêu cụ thể và thực tế, ưu tiên những môn học quan trọng hoặc khó khăn hơn. Bên cạnh đó, việc quản lý thời gian hợp lý cũng là một yếu tố then chốt. Chúng ta cần dành thời gian cho việc học, nghỉ ngơi, giải trí và các hoạt động khác một cách cân đối.

Không chỉ dừng lại ở đó, việc tìm hiểu và áp dụng các phương pháp học tập phù hợp với bản thân cũng rất quan trọng. Mỗi chúng ta có một cách tiếp thu kiến thức khác nhau, vì vậy hãy thử nghiệm và tìm ra phương pháp giúp mình học tập hiệu quả nhất. Đồng thời, việc tạo thói quen học tập tích cực cũng là một yếu tố không thể thiếu. Hãy học nhóm, trao đổi với bạn bè, thầy cô để có thể học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm.

Bên cạnh việc học, chúng ta cũng cần chú trọng đến việc chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần. Ăn uống đủ chất, ngủ đủ giấc, tập thể dục thường xuyên và tham gia các hoạt động giải trí, thư giãn là những điều cần thiết để giữ cho cơ thể và tinh thần luôn khỏe mạnh. Các công cụ như sổ tay kế hoạch, ứng dụng quản lý thời gian, sách tham khảo, tài liệu học tập trực tuyến, các khóa học kỹ năng mềm... có thể hỗ trợ chúng ta rất nhiều trong quá trình này. Theo một nghiên cứu của Đại học Stanford, học sinh có kỹ năng quản lý thời gian tốt có kết quả học tập cao hơn 20% so với những học sinh khác. Điều này chứng tỏ rằng, khi chúng ta chủ động và có ý thức trong học tập, biết cách chăm sóc bản thân, chúng ta sẽ tự tin hơn, giảm bớt lo lắng và áp lực, từ đó đạt được kết quả học tập tốt hơn.

Tuy nhiên, để vượt qua căng thẳng và áp lực học tập, không chỉ có sự nỗ lực từ phía học sinh mà còn cần sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ gia đình. Cha mẹ, người thân trong gia đình cần tạo một không gian học tập thoải mái cho con em mình, cung cấp đầy đủ sách vở, tài liệu, không gian yên tĩnh. Bên cạnh đó, việc động viên, khích lệ con cái khi đạt được thành tích, giúp con vượt qua những khó khăn cũng rất quan trọng. Cha mẹ cũng nên lắng nghe, chia sẻ những lo lắng, áp lực trong học tập của con cái, không tạo áp lực quá lớn, không so sánh con với người khác, đặt mục tiêu quá cao. Thay vào đó, hãy hỗ trợ con tham gia các hoạt động ngoại khóa để giúp con phát triển toàn diện, giảm căng thẳng. Theo một nghiên cứu của Đại học Harvard, học sinh có sự hỗ trợ từ gia đình có khả năng chống chọi với căng thẳng tốt hơn và đạt kết quả học tập cao hơn. Điều này cho thấy rằng, sự quan tâm và hỗ trợ từ gia đình là nguồn động lực lớn giúp học sinh vượt qua khó khăn.

Không chỉ có gia đình, nhà trường cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh vượt qua căng thẳng và áp lực học tập. Ban giám hiệu, giáo viên, nhân viên nhà trường cần xây dựng một môi trường học tập tích cực, tạo không khí học tập thoải mái, thân thiện, khuyến khích sự sáng tạo, hợp tác. Đồng thời, việc đổi mới phương pháp dạy và học, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường hoạt động trải nghiệm, thực hành cũng rất cần thiết. Nhà trường cũng nên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để giúp học sinh thư giãn, giải trí, phát triển các kỹ năng mềm, cũng như cung cấp dịch vụ tư vấn tâm lý để hỗ trợ học sinh giải quyết các vấn đề tâm lý, căng thẳng, áp lực. Một nghiên cứu của OECD đã chỉ ra rằng, học sinh ở các trường có môi trường học tập tích cực có kết quả học tập cao hơn và ít gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần hơn. Điều này cho thấy rằng, môi trường học tập và phương pháp dạy học hiện đại có thể giúp học sinh hứng thú hơn với việc học, giảm bớt căng thẳng và áp lực.

Bản thân tôi cũng từng trải qua những giai đoạn áp lực học tập. Tuy nhiên, nhờ sự động viên của gia đình và thầy cô, cũng như việc tự điều chỉnh và tìm ra phương pháp học tập phù hợp, tôi đã vượt qua được khó khăn và đạt được những thành tích nhất định.

Áp lực học tập là một vấn đề không thể tránh khỏi trong cuộc sống học đường. Tuy nhiên, nếu biết cách đối mặt và vượt qua, áp lực này có thể trở thành động lực để chúng ta trưởng thành và phát triển. Hãy nhớ rằng, thành công không chỉ đến từ điểm số, mà còn đến từ sự tự tin, kỹ năng sống và niềm đam mê học hỏi.

Đề 4: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ làm thế nào để xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình?"

Dàn ý

I. Mở bài

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi mỗi chúng ta tìm về sau những bộn bề, lo toan của cuộc sống. Một gia đình hạnh phúc, êm ấm là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của mỗi cá nhân và toàn xã hội. Là một học sinh, em nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại với nhiều áp lực và thay đổi, việc duy trì và vun đắp tình cảm gia đình đang gặp không ít thách thức.

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

Xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương trong gia đình là quá trình tạo dựng sự gần gũi, thấu hiểu và chia sẻ giữa các thành viên. Điều này thể hiện qua việc quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau trải qua những khoảnh khắc vui buồn, cùng nhau vượt qua khó khăn và luôn dành cho nhau những tình cảm chân thành nhất.

2. Phân tích vấn đề

- **Thực trạng:** Trong xã hội hiện đại, nhiều gia đình đang đối mặt với tình trạng các thành viên ít có thời gian dành cho nhau, sự xa cách về mặt tình cảm ngày càng tăng. Công việc bận rộn, áp lực học tập, sự phát triển của công nghệ khiến các thành viên trong gia đình ít có cơ hội giao tiếp, chia sẻ và thấu hiểu lẫn nhau.
- **Nguyên nhân:** Nguyên nhân của tình trạng này đến từ nhiều yếu tố như sự thay đổi về lối sống, giá trị quan, sự tác động của môi trường xã hội và đặc biệt là sự thiếu quan tâm, đầu tư thời gian và công sức cho việc xây dựng mối quan hệ gia đình.
- **Hậu quả:** Nếu không được giải quyết, sự thiếu gắn kết trong gia đình sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực. Các thành viên cảm thấy cô đơn, thiếu sự hỗ trợ và chia sẻ, dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, stress. Trẻ em lớn lên trong môi trường gia đình thiếu tình thương dễ hình thành những hành vi lệch lạc, gây ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách và tương lai của các em.
- **Ý kiến trái chiều:** Một số người cho rằng trong cuộc sống hiện đại, việc dành quá nhiều thời gian và công sức cho gia đình là không cần thiết, thậm chí là lãng phí. Họ cho rằng thành công trong sự nghiệp, địa vị xã hội mới là điều quan trọng nhất.
- **Phản biện:** Quan điểm này là hoàn toàn sai lầm. Gia đình là nền tảng vững chắc cho mọi thành công. Một gia đình hạnh phúc, êm ấm sẽ là nguồn động lực lớn lao giúp mỗi cá nhân vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

3. Giải pháp

3.1. Gần gũi, chia sẻ và lắng nghe:

- **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình, đặc biệt là học sinh.
- **Cách thực hiện:** Dành thời gian trò chuyện, tâm sự với ông bà, cha mẹ, anh chị em. Lắng nghe những chia sẻ, tâm tư của mọi người. Cùng nhau xem phim, đọc sách, chơi trò chơi...
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tổ chức các buổi họp mặt gia đình, đi du lịch cùng nhau, sử dụng các ứng dụng trò chuyện trực tuyến (nếu các thành viên ở xa).
- **Lí giải, phân tích:** Sự gần gũi, chia sẻ giúp mọi người hiểu nhau hơn, giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi. Khi cảm thấy được lắng nghe, thấu hiểu, mỗi thành viên sẽ cảm thấy được yêu thương, tôn trọng.
- **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học Brigham Young (Mỹ), những gia đình có thói quen ăn tối cùng nhau thường xuyên có tỷ lệ trẻ em gặp các vấn đề về tâm lý thấp hơn.

3.2. Thể hiện tình cảm một cách chân thành:

- **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình.
- **Cách thực hiện:** Nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em; giúp đỡ mọi người trong công việc nhà; tặng quà, viết thiệp, tổ chức sinh nhật...
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tự làm quà tặng, viết nhật ký gia đình, sử dụng mạng xã hội để chia sẻ những khoảnh khắc vui vẻ bên gia đình.

- **Lí giải, phân tích:** Những hành động nhỏ nhưng chân thành sẽ giúp lan tỏa yêu thương, tạo không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình.
- **Bằng chứng:** Theo nhà tâm lý học Gary Chapman, có 5 ngôn ngữ yêu thương: lời nói khẳng định, thời gian chất lượng, quà tặng, hành động phục vụ và tiếp xúc cơ thể. Việc hiểu và sử dụng đúng ngôn ngữ yêu thương của mỗi người sẽ giúp tình cảm gia đình thêm gắn bó.

3.3. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt:

- **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình.
- **Cách thực hiện:** Tôn trọng sở thích, quan điểm của mỗi người. Không áp đặt, phán xét hay so sánh. Học cách thỏa hiệp, tìm tiếng nói chung.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tổ chức các buổi thảo luận gia đình, tham gia các khóa học về kỹ năng giao tiếp, giải quyết mâu thuẫn.
- **Lí giải, phân tích:** Mỗi người đều có cá tính, suy nghĩ riêng. Việc tôn trọng sự khác biệt giúp giảm thiểu mâu thuẫn, tạo sự hòa hợp trong gia đình.
- **Bằng chứng:** Theo một nghiên cứu của Đại học California (Mỹ), những cặp vợ chồng có khả năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực thường có cuộc hôn nhân hạnh phúc hơn.

3.4. Cùng nhau xây dựng những kỷ niệm đẹp:

- **Người thực hiện:** Tất cả các thành viên trong gia đình.
- **Cách thực hiện:** Cùng nhau nấu ăn, tổ chức các bữa tiệc nhỏ, đi du lịch, tham gia các hoạt động cộng đồng...
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Lập kế hoạch du lịch, tạo album ảnh gia đình, quay video lưu giữ những khoảnh khắc đáng nhớ.
- **Lí giải, phân tích:** Những kỷ niệm đẹp sẽ là sợi dây gắn kết các thành viên trong gia đình, giúp tình cảm thêm bền chặt.
- **Bằng chứng:** Một nghiên cứu của Đại học Harvard (Mỹ) cho thấy, những người có nhiều trải nghiệm tích cực với gia đình thường có cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân em luôn cố gắng dành thời gian cho gia đình, trò chuyện và chia sẻ với bố mẹ, anh chị em những câu chuyện hàng ngày. Em cũng thường xuyên cùng gia đình tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, xem phim, đi du lịch... Nhờ đó, tình cảm gia đình em ngày càng gắn bó và bền chặt.

III. Kết bài

Xây dựng mối quan hệ gắn kết, yêu thương giữa các thành viên trong gia đình là trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người. Chỉ khi gia đình hạnh phúc, mỗi cá nhân mới có thể phát triển toàn diện và đóng góp tích cực cho xã hội. Em tin rằng, bằng sự nỗ lực và cố gắng của mỗi người, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, tràn ngập yêu thương.

Bài làm tham khảo

Trong xã hội hiện đại, nơi mà nhịp sống hối hả và áp lực công việc, học tập ngày càng đè nặng lên mỗi cá nhân, gia đình vẫn luôn là điểm tựa bình yên và ấm áp nhất. Đó là nơi chúng ta tìm về sau những mệt mỏi, là nơi ta nhận được sự yêu thương và chia sẻ vô điều kiện. Tuy nhiên, để xây dựng một gia đình hạnh phúc, gắn kết và tràn ngập yêu thương không phải là điều dễ dàng. Là một học sinh, em nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc vun đắp tình cảm gia đình và luôn trăn trở tìm kiếm những giải pháp để xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa các thành viên.

Xây dựng mối quan hệ gắn kết trong gia đình không chỉ đơn thuần là sống chung dưới một mái nhà, mà còn là sự sẻ chia, thấu hiểu và đồng cảm giữa các thành viên. Đó là những bữa cơm sum họp ấm cúng, những câu chuyện phiếm rôm rả sau một ngày dài, những cái ôm siết chặt khi gặp khó khăn hay những lời động viên khích lệ khi vấp ngã. Tình cảm gia đình là sợi dây vô hình nhưng vô cùng bền chặt, gắn kết các thành viên lại với nhau, tạo nên một khối thống nhất, vững vàng trước mọi sóng gió cuộc đời.

Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại ngày nay, việc duy trì và vun đắp tình cảm gia đình đang gặp không ít thách thức. Công việc bận rộn, áp lực học tập, sự phát triển của công nghệ khiến các thành viên trong gia đình ít có thời gian dành cho nhau. Bố mẹ bận rộn với công việc, con cái mãi mê với sách vở, điện thoại, máy tính, dẫn đến sự xa cách về mặt tình cảm ngày càng tăng. Nhiều gia đình rơi vào tình trạng "sống chung mà không sống cùng", mỗi người một thế giới riêng, không có sự giao lưu, chia sẻ.

Nguyên nhân của tình trạng này đến từ nhiều yếu tố. Sự thay đổi về lối sống, giá trị quan, sự tác động của môi trường xã hội đều góp phần làm phai nhạt tình cảm gia đình. Bên cạnh đó, sự thiếu quan tâm, đầu tư thời gian và công sức cho việc xây dựng mối quan hệ gia đình cũng là một nguyên nhân quan trọng. Nhiều người cho rằng thành công trong sự nghiệp, địa vị xã hội mới là điều quan trọng nhất, mà quên đi giá trị của gia đình.

Hậu quả của sự thiếu gắn kết trong gia đình là vô cùng nghiêm trọng. Các thành viên cảm thấy cô đơn, thiếu sự hỗ trợ và chia sẻ, dễ rơi vào trạng thái căng thẳng, stress. Trẻ em lớn lên trong môi trường gia đình thiếu tình thương dễ hình thành những hành vi lệch lạc, gây ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách và tương lai của các em.

Để xây dựng một gia đình hạnh phúc, gắn kết, mỗi thành viên cần có ý thức và trách nhiệm vun đắp tình cảm gia đình. Trước hết, hãy dành thời gian để gần gũi, chia sẻ và lắng nghe những tâm tư, tình cảm của ông bà, cha mẹ, anh chị em. Đừng ngần ngại trò chuyện, tâm sự với họ về những điều xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, về những niềm vui, nỗi buồn hay những dự định trong tương lai. Hãy cùng nhau xem phim, đọc sách, chơi trò chơi hoặc tham gia các hoạt động chung khác. Nếu các thành viên trong gia đình ở xa, chúng ta có thể sử dụng các ứng dụng trò chuyện trực tuyến để kết nối và chia sẻ. Sự gần gũi, chia sẻ sẽ giúp mọi người hiểu nhau hơn, giải tỏa những căng thẳng, mệt mỏi và tạo dựng niềm tin, sự gắn kết. Theo một nghiên cứu của Đại học Brigham Young (Mỹ), những gia đình có thói quen ăn tối cùng nhau thường xuyên có tỷ lệ trẻ em gặp các vấn đề về tâm lý thấp hơn.

Bên cạnh đó, việc thể hiện tình cảm một cách chân thành cũng là yếu tố quan trọng để xây dựng mối quan hệ gắn kết trong gia đình. Hãy nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em mỗi ngày. Đừng ngần ngại giúp đỡ mọi người trong công việc nhà, tặng quà, viết thiệp, tổ chức sinh nhật hay đơn giản chỉ là một cái ôm ấm áp. Những hành động nhỏ nhưng chân thành sẽ giúp lan tỏa yêu thương, tạo không khí vui vẻ, ấm áp trong gia đình. Nhà tâm lý học Gary Chapman đã chỉ ra có 5 ngôn ngữ yêu thương: lời nói khẳng định, thời gian chất lượng, quà tặng, hành động phục vụ và tiếp xúc cơ thể. Việc hiểu và sử dụng đúng ngôn ngữ yêu thương của mỗi người sẽ giúp tình cảm gia đình thêm gắn bó.

Mỗi người đều có cá tính, suy nghĩ riêng. Vì vậy, việc tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt là rất cần thiết. Đừng áp đặt, phán xét hay so sánh mà hãy học cách thấu hiểu, lắng nghe và tôn trọng sở thích, quan điểm của mỗi người. Hãy học cách thỏa hiệp, tìm tiếng nói chung để giải quyết những mâu thuẫn có thể xảy ra. Theo một nghiên cứu của Đại học California (Mỹ), những cặp vợ chồng có khả năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực thường có cuộc hôn nhân hạnh phúc hơn. Điều này cũng đúng với các mối quan hệ khác trong gia đình.

Cuối cùng, hãy cùng nhau xây dựng những kỷ niệm đẹp bằng cách tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, tổ chức các bữa tiệc nhỏ, đi du lịch, tham gia các hoạt động cộng đồng... Những kỷ niệm đẹp sẽ là sợi dây gắn kết các thành viên trong gia đình, giúp tình cảm thêm bền chặt. Một nghiên cứu của Đại học Harvard (Mỹ) cho thấy, những người có nhiều trải nghiệm tích cực với gia đình thường có cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn.

Bản thân em luôn cố gắng dành thời gian cho gia đình, trò chuyện và chia sẻ với bố mẹ, anh chị em những câu chuyện hàng ngày. Em cũng thường xuyên cùng gia đình tham gia các hoạt động chung như nấu ăn, xem phim, đi du lịch... Nhờ đó, tình cảm gia đình em ngày càng gắn bó và bền chặt.

Xây dựng một gia đình hạnh phúc là điều không hề dễ dàng, đòi hỏi sự nỗ lực và cố gắng của tất cả các thành viên. Tuy nhiên, nếu mỗi người đều có ý thức và trách nhiệm, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng một gia đình tràn ngập yêu thương, nơi mà mỗi thành viên đều cảm thấy hạnh phúc và được yêu thương. Gia đình là nền tảng vững chắc cho mọi thành công, là điểm tựa bình yên cho mỗi chúng ta.

Hãy trân trọng và gìn giữ hạnh phúc gia đình, bởi đó là món quà vô giá mà cuộc sống ban tặng cho mỗi người.

Đề 5: Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: "Là học sinh, em nghĩ nên ứng xử như thế nào khi có bất đồng quan điểm với cha mẹ?"

Dàn ý

I. Mở bài

Cuộc sống là một hành trình dài, trong đó mỗi người đều phải đối mặt với những khó khăn, thử thách và cả những bất đồng quan điểm. Đặc biệt, trong mối quan hệ gia đình, giữa cha mẹ và con cái, những bất đồng này càng trở nên nhạy cảm và cần được giải quyết một cách khéo léo. Là một học sinh, việc có những quan điểm khác biệt với cha mẹ là điều không thể tránh khỏi, bởi mỗi thế hệ đều có những suy nghĩ, giá trị và cách nhìn nhận riêng. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta cần biết cách ứng xử sao cho vừa thể hiện được chính kiến của mình, vừa giữ được sự tôn trọng và tình cảm với cha mẹ.

II. Thân bài

1. Giải thích vấn đề

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là hiện tượng phổ biến trong mọi gia đình. Nó có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như sự khác biệt về thế hệ, quan niệm sống, giá trị, kinh nghiệm, môi trường sống,... Cha mẹ, với kinh nghiệm sống dày dặn, thường có xu hướng bảo bọc, định hướng cho con cái theo những gì họ cho là tốt nhất. Trong khi đó, con cái, đặc biệt là lứa tuổi học sinh, đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về tư duy, nhận thức, thường muốn khẳng định bản thân, thể hiện cái tôi cá nhân và có những suy nghĩ, lựa chọn riêng.

2. Phân tích vấn đề

• Thực trạng:

Hiện nay, vấn đề bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái đang diễn ra khá phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng. Nhiều bạn trẻ cảm thấy khó khăn trong việc chia sẻ, bày tỏ quan điểm của mình với cha mẹ vì sợ bị phản đối, trách mắng. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột âm ỉ trong gia đình, ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa các thành viên.

• Nguyên nhân:

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái. Một số nguyên nhân chính có thể kể đến như:

- **Sự khác biệt về thế hệ:** Cha mẹ và con cái lớn lên trong những môi trường, hoàn cảnh khác nhau, dẫn đến sự khác biệt về quan niệm sống, giá trị, cách nhìn nhận vấn đề.
- **Sự thay đổi của xã hội:** Xã hội ngày càng phát triển, kéo theo những thay đổi về văn hóa, lối sống, khiến cho khoảng cách thế hệ ngày càng lớn.
- **Cách giáo dục của cha mẹ:** Một số cha mẹ quá bảo bọc, áp đặt con cái, không tạo điều kiện cho con cái phát triển tư duy độc lập, tự chủ.
- **Tính cách của con cái:** Một số bạn trẻ có cá tính mạnh, thích thể hiện bản thân, dễ dẫn đến xung đột với cha mẹ.
- **Vì sao cần giải quyết vấn đề?**

Bất đồng quan điểm nếu không được giải quyết sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng:

- **Làm tổn thương tình cảm gia đình:** Mâu thuẫn, xung đột kéo dài sẽ khiến cho tình cảm giữa cha mẹ và con cái rạn nứt, mất đi sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.
- **Ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái:** Khi không được cha mẹ lắng nghe, thấu hiểu, con cái sẽ cảm thấy bị cô lập, mất phương hướng, dẫn đến những hành động tiêu cực như bỏ nhà ra đi, sa vào các tệ nạn xã hội.
- **Gây ra những hệ lụy cho xã hội:** Gia đình là tế bào của xã hội, một gia đình bất hòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cộng đồng.
- **Ý kiến trái chiều và phản biện:**

Có ý kiến cho rằng, cha mẹ luôn đúng, con cái cần phải nghe theo lời cha mẹ. Tuy nhiên, quan điểm này là chưa phù hợp. Cha mẹ có kinh nghiệm sống hơn con cái, nhưng không phải lúc nào họ cũng đúng. Con cái cần có chính kiến riêng và biết cách bảo vệ quan điểm của mình một cách lịch sự, tôn trọng.

3. Giải pháp giải quyết vấn đề

3.1. Bình tĩnh lắng nghe và thấu hiểu quan điểm của cha mẹ:

- **Người thực hiện:** Học sinh
- **Cách thực hiện:** Khi bất đồng xảy ra, thay vì phản ứng gay gắt, con nên bình tĩnh lắng nghe cha mẹ trình bày quan điểm. Cố gắng đặt mình vào vị trí của cha mẹ để hiểu được lý do đằng sau những lời nói, hành động của họ.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Giao tiếp bằng mắt, ngôn ngữ cơ thể thể hiện sự tôn trọng.
- **Lí giải:** Lắng nghe không chỉ giúp con hiểu cha mẹ hơn mà còn tạo không gian để cha mẹ cảm nhận được sự tôn trọng từ con.
- **Bằng chứng:** Nghiên cứu của Đại học Harvard chỉ ra rằng, lắng nghe tích cực giúp giảm căng thẳng, tăng sự thấu cảm và xây dựng lòng tin trong các mối quan hệ.

3.2. Thể hiện quan điểm của mình một cách rõ ràng và tôn trọng:

- **Người thực hiện:** Học sinh
- **Cách thực hiện:** Sau khi đã lắng nghe cha mẹ, con nên trình bày quan điểm của mình một cách rõ ràng, mạch lạc và logic. Sử dụng ngôn ngữ tôn trọng, tránh đổ lỗi, chỉ trích.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Chuẩn bị sẵn những lập luận, dẫn chứng thuyết phục.
- **Lí giải:** Việc thể hiện quan điểm rõ ràng giúp cha mẹ hiểu được suy nghĩ của con, từ đó có thể tìm ra tiếng nói chung.
- **Bằng chứng:** Theo nhà tâm lý học Carl Rogers, giao tiếp cởi mở và tôn trọng là chìa khóa để giải quyết xung đột và xây dựng mối quan hệ tích cực.

3.3. Tìm kiếm giải pháp cùng có lợi:

- **Người thực hiện:** Cả cha mẹ và con cái
- **Cách thực hiện:** Thay vì cố gắng chứng minh ai đúng ai sai, hãy cùng nhau tìm kiếm giải pháp thỏa mãn cả hai bên. Có thể thỏa hiệp, điều chỉnh hoặc tìm ra một lựa chọn mới.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Đặt câu hỏi mở, cùng nhau liệt kê các lựa chọn, thảo luận ưu nhược điểm của từng phương án.
- **Lí giải:** Giải pháp cùng có lợi giúp duy trì mối quan hệ tốt đẹp, đồng thời dạy cho con cái kỹ năng giải quyết vấn đề.
- **Bằng chứng:** Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, các gia đình có khả năng tìm kiếm giải pháp cùng có lợi thường có mối quan hệ gắn kết và hạnh phúc hơn.

3.4. Tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thứ ba:

- **Người thực hiện:** Cả cha mẹ và con cái
- **Cách thực hiện:** Nếu không thể tự giải quyết mâu thuẫn, có thể tìm kiếm sự giúp đỡ từ người thứ ba đáng tin cậy như ông bà, cô dì chú bác, thầy cô giáo hoặc chuyên gia tâm lý.
- **Công cụ/phương pháp hỗ trợ:** Tìm hiểu thông tin về các dịch vụ tư vấn tâm lý uy tín.
- **Lí giải:** Người thứ ba có thể đưa ra cái nhìn khách quan, giúp hai bên hiểu nhau hơn và tìm ra giải pháp phù hợp.
- **Bằng chứng:** Theo một khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình, 70% các cặp cha mẹ và con cái đã cải thiện mối quan hệ sau khi tham gia tư vấn tâm lý.

4. Liên hệ bản thân

Bản thân tôi cũng từng có những bất đồng quan điểm với cha mẹ. Tuy nhiên, tôi đã học được cách kiềm chế cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của cha mẹ. Nhờ đó, tôi đã có thể giải quyết những mâu thuẫn một cách êm đẹp và giữ được mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ.

III. Kết bài

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu biết cách ứng xử khéo léo, chúng ta hoàn toàn có thể biến những bất đồng đó thành cơ hội để hiểu nhau hơn, gắn kết tình cảm gia đình. Là học sinh, chúng ta cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, đặc biệt là cha mẹ. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, đầm ấm.

Bài làm tham khảo

Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều là những cá thể độc lập với những suy nghĩ, quan điểm và cách nhìn nhận riêng. Đặc biệt, trong mối quan hệ gia đình giữa cha mẹ và con cái, những bất đồng quan điểm là điều không thể tránh khỏi. Là một học sinh, việc có những quan điểm khác biệt với cha mẹ là điều hiển nhiên, bởi mỗi thế hệ đều có những giá trị và cách nhìn nhận riêng. Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta cần biết cách ứng xử sao cho vừa thể hiện được chính kiến của mình, vừa giữ được sự tôn trọng và tình cảm với cha mẹ.

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là hiện tượng phổ biến trong mọi gia đình. Nó có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như sự khác biệt về thế hệ, quan niệm sống, giá trị, kinh nghiệm, môi trường sống,... Cha mẹ, với kinh nghiệm sống dày dặn, thường có xu hướng bảo bọc, định hướng cho con cái theo những gì họ cho là tốt nhất. Trong khi đó, con cái, đặc biệt là lứa tuổi học sinh, đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ về tư duy, nhận thức, thường muốn khẳng định bản thân, thể hiện cái tôi cá nhân và có những suy nghĩ, lựa chọn riêng.

Hiện nay, vấn đề bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái đang diễn ra khá phổ biến và có xu hướng ngày càng gia tăng. Nhiều bạn trẻ cảm thấy khó khăn trong việc chia sẻ, bày tỏ quan điểm của mình với cha mẹ vì sợ bị phản đối, trách mắng. Điều này dẫn đến những mâu thuẫn, xung đột âm ỉ trong gia đình, ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm giữa các thành viên. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái, có thể kể đến như sự khác biệt về thế hệ, sự thay đổi của xã hội, cách giáo dục của cha mẹ và tính cách của con cái.

Bất đồng quan điểm nếu không được giải quyết sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng. Nó không chỉ làm tổn thương tình cảm gia đình, mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển của con cái và gây ra những hệ lụy cho xã hội. Khi không được cha mẹ lắng nghe, thấu hiểu, con cái sẽ cảm thấy bị cô lập, mất phương hướng, dẫn đến những hành động tiêu cực như bỏ nhà ra đi, sa vào các tệ nạn xã hội. Gia đình là tế bào của xã hội, một gia đình bất hòa sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cộng đồng.

Có ý kiến cho rằng, cha mẹ luôn đúng, con cái cần phải nghe theo lời cha mẹ. Tuy nhiên, quan điểm này là chưa phù hợp. Cha mẹ có kinh nghiệm sống hơn con cái, nhưng không phải lúc nào họ cũng đúng. Con cái cần có chính kiến riêng và biết cách bảo vệ quan điểm của mình một cách lịch sự, tôn trọng.

Trước hết, khi có bất đồng quan điểm với cha mẹ, chúng ta cần bình tĩnh lắng nghe và thấu hiểu. Thay vì phản ứng gay gắt, hãy dành thời gian lắng nghe cha mẹ trình bày quan điểm của họ. Cố gắng đặt mình vào vị trí của cha mẹ để hiểu được lý do đằng sau những lời nói, hành động của họ. Nghiên cứu của Đại học Harvard đã chỉ ra rằng, lắng nghe tích cực giúp giảm căng thẳng, tăng sự thấu cảm và xây dựng lòng tin trong các mối quan hệ. Khi chúng ta thể hiện sự tôn trọng và lắng nghe cha mẹ, chúng ta cũng sẽ nhận được sự tôn trọng và lắng nghe từ họ.

Sau khi đã lắng nghe và thấu hiểu, chúng ta cần thể hiện quan điểm của mình một cách rõ ràng và tôn trọng. Hãy chuẩn bị sẵn những lập luận, dẫn chứng thuyết phục để trình bày quan điểm của mình một cách mạch lạc và logic. Sử dụng ngôn ngữ tôn trọng, tránh đổ lỗi, chỉ trích. Nhà tâm lý học Carl Rogers đã khẳng định rằng, giao tiếp cởi mở và tôn trọng là chìa khóa để giải quyết xung đột và xây dựng mối quan hệ tích cực. Khi chúng ta thể hiện quan điểm một cách rõ ràng và tôn trọng, cha mẹ sẽ hiểu được suy nghĩ của chúng ta và có thể tìm ra tiếng nói chung.

Thay vì cố gắng chứng minh ai đúng ai sai, hãy cùng cha mẹ tìm kiếm giải pháp cùng có lợi. Thỏa hiệp, điều chỉnh hoặc tìm ra một lựa chọn mới là những cách để giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực. Đặt câu hỏi mở, cùng nhau liệt kê các lựa chọn, thảo luận ưu nhược điểm của từng phương án

là những cách để tìm ra giải pháp thỏa mãn cả hai bên. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, các gia đình có khả năng tìm kiếm giải pháp cùng có lợi thường có mối quan hệ gắn kết và hạnh phúc hơn.

Nếu không thể tự giải quyết mâu thuẫn, đừng ngần ngại tìm kiếm sự hỗ trợ từ người thứ ba đáng tin cậy như ông bà, cô di chú bác, thầy cô giáo hoặc chuyên gia tâm lý. Người thứ ba có thể đưa ra cái nhìn khách quan, giúp hai bên hiểu nhau hơn và tìm ra giải pháp phù hợp. Theo một khảo sát của Viện Nghiên cứu Gia đình, 70% các cặp cha mẹ và con cái đã cải thiện mối quan hệ sau khi tham gia tư vấn tâm lý.

Bản thân tôi cũng từng có những bất đồng quan điểm với cha mẹ. Tuy nhiên, tôi đã học được cách kiềm chế cảm xúc, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của cha mẹ. Nhờ đó, tôi đã có thể giải quyết những mâu thuẫn một cách êm đẹp và giữ được mối quan hệ tốt đẹp với cha mẹ.

Bất đồng quan điểm giữa cha mẹ và con cái là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, nếu biết cách ứng xử khéo léo, chúng ta hoàn toàn có thể biến những bất đồng đó thành cơ hội để hiểu nhau hơn, gắn kết tình cảm gia đình. Là học sinh, chúng ta cần rèn luyện kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, đặc biệt là cha mẹ. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể xây dựng một gia đình hạnh phúc, đầm ấm và góp phần xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.

CHỦ ĐỀ 4: BÀI 4 **KHÁM PHÁ VẺ ĐẸP VĂN CHƯƠNG**

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
2. Năng lực riêng biệt:
 - Năng lực nhận biết các đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học.
 - Năng lực đọc hiểu các văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học ngoài SGK.
 - Năng lực cảm thụ văn học.

II. Phẩm chất

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.
- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.
- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1:

CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ KIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của kiểu văn bản.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận văn học.

- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng, vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết) trong văn bản nghị luận văn học.

- Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản; đánh giá quan điểm, thái độ của người viết đối với luận đề trong văn bản nghị luận văn học.

* Liên hệ, so sánh, kết nối

Liên hệ ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

- Hiểu được có các cách tiếp nhận khác nhau trong cùng một vấn đề.

* Yêu cầu về năng lực thực hành đọc mở rộng

- Đọc hiểu tối thiểu 09 văn bản nghị luận văn học có độ dài, độ khó tương đương với các văn bản đã học trong SGK.

Đảm bảo tốc độ đọc (để tiếp nhận được thông tin cơ bản nhất).

- Học sinh vận dụng tri thức cơ bản về văn bản nghị luận văn học để đọc hiểu được những văn bản cùng tiểu loại ngoài SGK.

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

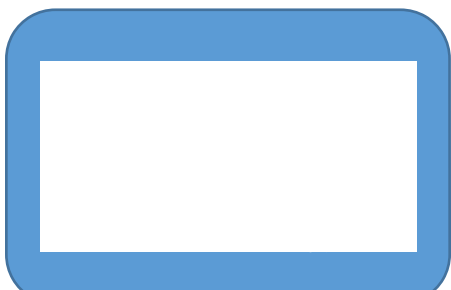
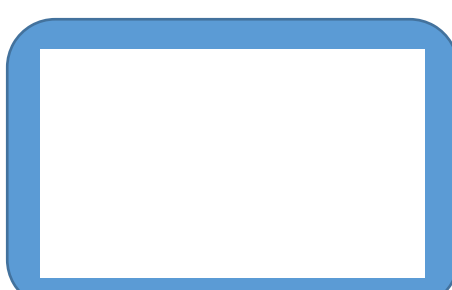
4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

ĐỊNH HƯỚNG ĐỌC HIỂU THEO THỂ LOẠI

1. Để đọc hiểu văn bản nghị luận văn học lớp 9, học sinh cần chú ý các yếu tố ở bảng sau.

YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC
1. Luận đề (vấn đề đối tượng; vấn đề đang bàn luận/ vấn đề đang tranh cãi).
2. Hệ thống luận điểm của văn bản (chú ý tiêu đề, câu đầu, cuối mỗi đoạn).
3. Luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận văn học.
4 Mối quan hệ, vai trò của lí lẽ, dẫn chứng với ý kiến với luận điểm: luận đề
5 Phân biệt vấn đề khách quan với vấn đề chủ quan trong văn bản.
6 Đánh giá được tính chất đúng và sai của vấn đề đặt ra trong văn bản.
7 Quan điểm của người viết trong văn bản nghị luận văn học.
8 Mục đích của văn bản.
9 Các cách tiếp nhận khác nhau về cùng một vấn đề.
10 Ý tưởng, thông điệp trong văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội.

Kỹ năng thu nhận thông tin văn bản (theo đặc trưng thể loại).



Đọc lần thứ ba: đối thoại với chính mình để thu nhận thông tin 7, 8, 9, 10 trong bảng trên (Các yếu tố cơ bản cần lưu ý).

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1

Đọc văn bản sau:

“KHOẢNG TRỜI VÀ HỒ BOM”

(Hòa Bình)

Lâm Thị Mỹ Dạ làm bài thơ Khoảng trời hồ bom tại Trường Sơn vào tháng 10 năm 1972, một trong những thời điểm ác liệt nhất của cuộc chiến tranh chống Mỹ Trên dãy Trường Sơn, ngày nào cũng có sự hy sinh của bộ đội, thanh niên xung phong. Sự hy sinh của họ đã trở thành những biểu tượng tuyệt đẹp trong văn học Bài thơ như câu chuyện kể về sự hi sinh dũng cảm của một cô gái mở đường “Chuyện kể rằng em cô gái mở đường/ Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương Cho đoàn xe kịp giờ ra trận/ Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa/ Đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom”. Chất tự sự khá đậm rõ: khi đơn vị hành quân qua con đường mòn, những chiến sĩ ra trận chỉ còn thấy hồ bom và huyền tích về người con gái hi sinh. Giọng thơ không còn cứng cỏi, vang vang như trước nữa mà nó đã lắng xuống, trầm vọng như tiếng thở dài đầy thương cảm: “Em nằm dưới đất sâu”. Không thương cảm sao được khi biết rằng cô gái “nằm dưới đất sâu” giữa những hồ bom nham nhở đang còn trẻ lắm; đây là một trinh nữ anh hùng, một biểu tượng bất tử của tinh thần yêu nước Việt Nam: “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”.

Sự hy sinh của cô gái chính là thông điệp mà tác giả gửi gắm vào bài thơ bằng những so sánh và hình ảnh đẹp trong thi phẩm. “Em...” trở thành “khoảng trời đã nằm yên trong đất”. Đây là một khoảng trời được tỏa sáng bởi tâm hồn người con gái nên đêm đêm “Những vì sao ngồi chối lung linh”. Ta hầu như không còn thấy nữa sự tan hoang, chết chóc nữa, mà vượt lên tất cả, bao trùm tất cả là vẻ đẹp bao la, vĩnh hằng của thiên nhiên đất nước với sự hóa thân, dâng hiến của em: “Có phải thịt da em mềm mại trắng trong/ Đã hóa thành những vầng mây trắng/ Và ban ngày khoảng trời ngập nắng/ Đi qua khoảng trời em/ Vẳng dương thao thức/ Hơi mặt trời hay chính trái tim em trong ngực...”. Ở đây có hai khoảng trời soi ngắm nhau; một khoảng trời “thật” trên cao có các vì sao, có mây trắng, có ánh nắng vằng dương và một khoảng trời “ảo” - “Khoảng trời hồ bom” - nằm trong đất có tâm hồn, thịt da, trái tim của người trinh nữ dũng cảm. Hai khoảng trời ấy đều đẹp đẽ, lung linh và vĩnh hằng trong sự liên tưởng đầy tài hoa của tác giả. Sự hy sinh của cô gái mở đường là những dâng hiến lưu lại vĩnh viễn trên mặt đất, non sông này: “Tên con đường là tên em gửi lại/ Cái chết em xanh khoảng trời con gái”.

Từ “Khoảng trời hồ bom” đến “khoảng trời con gái” là sự thăng hoa bất ngờ của cảm xúc và trí tuệ mà hình như Trời đã “ban” cho Lâm Thị Mỹ Dạ. Cả bài thơ đều hay nhưng nếu được chọn câu hay nhất, tôi sẽ không ngần ngại đề xuất câu “Cái chết em anh khoảng trời con gái”. Chủ đề tư tưởng và thủ pháp nghệ thuật của bài thơ tập trung trọn vẹn trong câu thơ chỉ 8 âm tiết này.

Tuy nhiên, cái hay đạt độ tinh diệu của bài thơ không nằm ở đây mà nó lung linh phát sáng bởi những so sánh, biểu tượng đầy nghệ thuật sau khúc dạo đầu trên. Những liên tưởng: Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng/Những vì sao ngời chói lung linh, những so sánh: Em nằm dưới đất sâu/Như khoảng trời đã nằm yên trong đất, nối tiếp nhau, bổ sung nhau, tôn vinh nhau làm nên vẻ đẹp và sức sống của bài thơ. Từ không đến có, từ hữu hạn đến vô hạn, từ cụ thể đến trừu tượng là điều tôi cảm nhận được ở hai câu kết: "Gương mặt em bạn bè tôi không biết Nên mỗi người có gương mặt em riêng".

Đọc lại "Khoảng trời hổ bom" sau hơn 40 năm tác phẩm ra đời, tôi càng thấm thía điều này: Thơ hay phải chứa trong nó những xúc cảm đầy đặn, những tư tưởng thời đại, gắn bó với Tổ quốc, với nhân dân và được biểu hiện bằng những hình ảnh độc đáo mang dấu ấn sáng tạo của tác giả. Cách tân đến đâu, mới lạ về hình thức đến mấy mà rời xa, thoát ly dân tộc thì chắc chắn sớm hay muộn nó sẽ bị lãng quên như một số trường hợp người làm thơ trong mấy chục năm qua.

(cand.com.vn)

Trả lời câu hỏi từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn)

1. Văn bản bàn về vấn đề luận đề nào? Vấn đề luận đề đó được nêu lên ở phần nào của bài viết?
2. Văn bản gồm mấy luận điểm? Xác định nội dung của từng luận điểm đó.
3. Đọc luận điểm 2 và trả lời các câu hỏi a,b,c sau đây.
 - a) Xác định câu chứa luận điểm và vị trí, vai trò của nó trong luận điểm.
 - b) Nêu lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu nhất và nhận xét về mối quan hệ của nó với luận điểm.
 - c) Mục đích chính của luận điểm? Và vai trò của luận điểm đối với luận đề?
4. Phân tích cách kết hợp bằng chứng khách quan với ý kiến đánh giá chủ quan của tác giả và hiệu quả của chúng trong luận điểm 3.
5. Em thích nhất ý kiến đánh giá chủ quan nào của tác giả? Hãy lí giải.

Gợi ý đáp án

- 1.- Văn bản bàn về: bài thơ Khoảng trời và hổ bom của Lâm Thị Mỹ Dạ.
 - Vấn đề luận đề đó được nêu lên ở nhan đề và câu đầu của bài viết.
- 2.- Văn bản gồm 4 luận điểm chính.
 - Nội dung của các luận điểm:
 - + Bài thơ như câu chuyện kể về sự hi sinh dũng cảm của một cô gái mở đường.
 - + Sự hy sinh của cô gái chính là thông điệp...
 - + Những so sánh, biểu tượng đầy nghệ thuật.

+ Sức sống của bài thơ.

3. a. Câu chứa luận điểm: Bài thơ như câu chuyện kể về sự hi sinh dũng cảm của một cô gái mở đường -> đứng ở đầu luận điểm.

b. Dẫn chứng, lí lẽ tiêu biểu nhất:

- Dẫn chứng: “Chuyện kể rằng em cô gái mở đường/Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương/ Cho đoàn xe kịp giờ ra trận/Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa/Đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom”.

Lí lẽ: Chất tự sự khá đậm rõ qua chi tiết: Khi đơn vị hành quân qua con đường mòn, những chiến sĩ ra trận chỉ còn thấy hố bom và huyền tích về người con gái hi sinh

->Làm sáng tỏ luận điểm: Bài thơ như câu chuyện kể về sự hi sinh

c. Mục đích chính của luận điểm: làm sáng tỏ một khía cạnh của luận đề - bài thơ ***Khoảng trời và hố bom*** của Lâm Thị Mỹ Dạ.

4. Bằng chứng khách quan là những câu thơ được dẫn trực tiếp từ bài thơ nhằm làm sáng tỏ sự hy sinh tuyệt đẹp của cô gái thanh niên xung phong làm nhiệm vụ mở đường (Những vì sao ngồi chói lung linh; Có phải thịt da em mềm mại trắng trong/ Đã hóa thành những vầng mây trắng/...)

- Ý kiến/đánh giá chủ quan của tác giả: Ở đây có hai khoảng trời soi ngắm nhau; một khoảng trời “thật” trên cao có các vì sao, có mây trắng, có ánh nắng vàng dương và một khoảng trời “ảo” - “Khoảng trời hố bom” - nằm trong đất có tâm hồn, thịt da, trái tim của người trinh nữ dũng cảm. Hai khoảng trời ấy đều đẹp đẽ, lung linh và vĩnh hằng trong sự liên tưởng đầy tài hoa của tác giả -> Đưa bằng chứng khách quan trước để làm cơ sở cho ý kiến/đánh giá chủ quan của tác giả. -> Việc kết hợp bằng chứng khách quan với ý kiến/đánh giá chủ quan của tác giả đã chứng, làm sáng tỏ luận đề: Sự hy sinh của cô gái chính là thông điệp mà tác giả gửi gắm vào bài thơ bằng những so sánh và hình ảnh đẹp trong thi phẩm.

5. HS tự trả lời theo quan điểm cá nhân

- Yêu cầu:

+ Xác định và trích dẫn đúng ý kiến chủ quan của tác giả thể hiện trong văn bản

+ Lí giải 2 lí do trở lên để bảo vệ ý kiến của mình.

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau:

TIẾNG HÁT MÙA GẶT CỦA NGUYỄN DUY

(Trần Hòa Bình)

Lúa chín

*Đồng chiêm phả nắng lên khôn
Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng
Gió nâng tiếng hát chới chang
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.*

Gặt lúa

*Tay nhè nhẹ chút người ơi
Trông đôi hạt rụng hạt rơi xót lòng
Để rơi là hạt đầu bông
Công một nén, của một đồng là đây.*

Tuốt lúa

*Mảnh sân trắng lúa chắt đầy
Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình
Rơm và từng bụi rối tình
Thân rơm rách để hạt lành lúa ơi.*

Phơi khô

*Nắng non mầm mục mất thôi
Vì đời lúa đỏ mà phơi cho giòn
Nắng già hạt gạo thêm ngon
Bụng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.*

Quạt sạch

*Cám ơn cơn gió vô tư
Quạt đi vù vù rác rưởi vương rơi
Hạt nào lép cứ bay thôi
Gió lên cho lúa sáng ngời mặt gương!*

Một bức tranh về mùa gặt ở nông thôn miền Bắc những năm hợp tác hóa nông nghiệp đã được nhà thơ Nguyễn Duy miêu tả bằng những nét không thể lẫn. Một mùa vàng bát ngát với những cánh đồng lúa chín, với cái nắng tháng năm chói chang, với liềm hái và những cánh cò, với tiếng máy tuốt lúa rộn rã đêm trăng,.... Tất cả tạo nên một không khí đầm ấm, thanh bình mà ta đã từng gặp những nơi thôn quê khi mùa gặt đến. Bài thơ cũng là một khúc hát mùa màng. Giai điệu thư thái, lâng lâng của nó cất lên từ nhịp thơ lục bát thân quen, từ những hình ảnh sáng và thoáng, từ những xôn xao trong tình cảm của một người con của ruộng đồng khi đang rộng vòng tay đón nhận những thành quả của mình. Đây là không gian mùa gặt. Cái nắng gắt gao hình như không phải từ trên trời xuống, mà ngược lại được "phả" từ cánh đồng lên: đồng lúa rộng quá, màu vàng của lúa chín còn sáng ngợp hơn cả nắng trời, đến nỗi nó làm đảo lộn cả tương quan của tự nhiên trong cảm nhận của con người. Chỉ nội một chữ "phả" đã gợi được không gian và cái nóng hầm hập của thời tiết. Người ta vẫn nói "cánh cò chờ nắng", còn ở đây nhà thơ thấy ánh cò dẫn gió. Hình ảnh có sự khác nhau, nhưng ẩn tượng mà nó đem đến chỉ là một: thiên nhiên chợt có hồn trong một cánh cò mãi miết bay ngang. Gió đã có hồn, nó nâng tiếng hát hay chính nó là tiếng hát ấy trên vòm cao chói chang? Đến những lưỡi hái cũng sáng lên như những tia chớp nhỏ, cần mẫn "liếm ngang chân trời". Bốn dòng thơ trong khổ

đầu, cứ một dòng gợi ý niệm cao, lại một dòng gợi ý niệm rộng. Sự kết hợp giữa chúng mở ra một không gian rộng lớn và sống động của những ngày mùa gặt hái nơi đồng quê.

Chưa hết, không gian mùa gặt không chỉ được mở ra trên những cánh đồng ban ngày, nó còn hiện lên ở trong thôn xóm buổi đêm: Mảnh sân trắng lúa chắt đáy, Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình. Cái sân nông thôn ngày thường rộng thế, nói “sân trắng” thì còn rộng hơn nữa. Cái rộng rãi, đẹp của ánh trăng ngàn đời nơi thôn dã đã gặp gỡ vẻ đẹp của sự no ấm nơi đây, nhường chỗ cho những đồng lúa chắt cao ngồn ngộn một vẻ rất đời thường. Hơn thế nữa, những náo nức của mùa gặt đã đánh thức cả ánh trăng vốn tĩnh lặng; dưới ánh trăng, trong nhịp máy quay rộn ràng, những hạt lúa chín mẩy chảy tràn trông như thể “vàng tuôn”. Câu thơ có vẻ sáo, nhưng bù lại, nó đã thể hiện rất hồn nhiên cái tình cảm của một anh nhà nghèo, xoa tay sung sướng trước những thành quả do mình làm ra.

Ấy vậy nhưng người nông dân ở nhà thơ Nguyễn Duy lại rất hay “cả nghĩ”. Luôn có hai thái cực song hành trong tình cảm của người ấy. Xôn xao náo nức là thế khi mùa gặt đến, nhưng tự đáy lòng mình, người ấy vẫn đắm xuống trong một tình cảm lo xa. Thành quả ấy, “của một đồng, công một nén là đây”, cho nên mới phải thốt lên: Tay nhè nhẹ chút, người ơi/ Trông đôi hạt rụng, hạt rơi xót lòng. Chuyện đời lúa, đời người cứ lẫn vào nhau, đến nỗi nhìn những bó rom bị vò nát mà cũng thấy thân rom rách để hạ lạnh lúa ơi!. Lại cả những lo xa đã có từ ngàn đời nảy sinh trên luống cày, vẫn cứ còn nung nấu: Nắng non mầm mục mất thôi/ Vì đời lúa đó mà phơi cho giòn.

Vâng, nếu không có những câu thơ như thế thì chưa thật đúng là tiếng hát mùa gặt, ít nhất là ở người nông thôn Việt Nam và đời sống nông thôn Việt Nam! Trong tiếng hát ấy chứa đựng những tâm tình, không chỉ với cây lúa, mà với tất cả chúng ta - những ai vẫn ngày ngày bụng lưng cơm trắng mà vẫn còn đủ tấm lòng thành để nhận biết ở đó chút dư vị “nắng còn thơm tho”!

(Nhiều tác giả, Thơ với lời bình, tập 2, NXB Giáo dục, 1996)

.....

* Trần Hoà Bình (1956-2008) sinh ra tại Hà Tây, là nhà báo, nhà thơ. Ông còn là chuyên gia tâm lý sâu sắc và hóm hỉnh với những lời gỡ rối tâm tình giúp độc giả với bút danh Tâm Thư. Trần Hoà Bình là người đàn ông đa tài. Ông viết báo, làm thơ, vẽ, giảng dạy tại Trường ĐHSP2, Học viện Báo chí & Tuyên truyền. Và chỉ với bài thơ **Thêm một**, Trần Hoà Bình ghi tên mình như một thi sĩ tài hoa trên thi đàn Việt Nam đương đại.

Trả lời câu hỏi từ 1 đến 5 (trình bày ngắn gọn)

1. Văn bản bàn về vấn đề luận đề nào? Vấn đề luận đề đó được nêu lên ở phần nào của bài viết?
2. Văn bản gồm mấy luận điểm? Xác định nội dung của từng luận điểm đó.
3. Đọc luận điểm 2 và trả lời các câu hỏi a,b,c sau đây.

- Xác định câu chứa luận điểm và vị trí, vai trò của nó trong luận điểm.
 - Nêu lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu nhất và nhận xét về mối quan hệ của nó với luận điểm.
 - Mục đích chính của luận điểm? Và vai trò của luận điểm đối với luận đề?
- Phân tích cách kết hợp bằng chứng khách quan với ý kiến đánh giá chủ quan của tác giả và hiệu quả của chúng trong luận điểm 3.
 - Em thích nhất ý kiến đánh giá chủ quan nào của tác giả? Hãy lí giải.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁCH THAM KHẢO, TRÍCH DẪN TÀI LIỆU

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - HS nhận biết và thấy được tác dụng chủ yếu của cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
- Tổ chức thực hiện hoạt động.**

Mục tiêu: Giúp HS biết cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn. Nội dung: GV sử dụng KT vấn đáp để hỏi phần tri thức tiếng Việt	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc lại nội dung “Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu” trong “tri thức ngữ văn” (SGK/88) và “Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu” trong (SGK/100 – 101). Sau đó thảo luận và thống nhất nội dung nhiệm vụ 1 trong PHT số 5 để chuẩn bị trả lời.	I. MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁCH THAM KHẢO, TRÍCH DẪN TÀI LIỆU - Khi viết, cần tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau để tiếp cận vấn đề một cách toàn diện và

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

1. Đọc mục Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu trong tri thức ngữ văn (SGK, trang 88) và Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu trong SGK, trang 100 – 101 và trả lời câu hỏi dưới đây:

Câu hỏi	Câu trả lời
Vì sao khi viết, ta cần tham khảo tài liệu từ các nguồn khác nhau?	
Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn theo những cách nào?	
Khi trích dẫn tài liệu, cần lưu ý điều gì?	

2. Vận dụng cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu để viết một đoạn văn nghị luận từ 5 – 7 câu về ý kiến sau:

Cái mạnh của con người Việt Nam ta là sự cần cù, sáng tạo. (Chuẩn bị hành trang, Vũ Khoan)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS dựa vào phần “Một số lưu ý về cách tham khảo, trích dẫn tài liệu” trong “tri thức ngữ văn” (SGK/88) và “Một số lưu ý về cách sử dụng tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu” trong (SGK/100 – 101) và PHT số 5 đã chuẩn bị ở nhà để chuẩn bị nội dung trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện HS trả lời

- HS đại diện trả lời câu hỏi. Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

sâu sắc.

- Có thể dẫn tài liệu tham khảo theo hai cách: trực tiếp và gián tiếp.

- Khi dẫn tài liệu tham khảo cần lưu ý:

+ Ghi chú nguồn đúng quy cách: thông tin về tác giả của ý kiến và xuất xứ văn bản gốc.

+ Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- HS biết giải quyết được các dạng bài tập

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 1 trong PHT số 1

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 1

BÀI 1,2,3

Mục tiêu: Giúp HS

- HS củng cố kĩ năng xác định được cách trích dẫn tài liệu đúng quy định, các dấu hiệu cho thấy người viết tuân thủ quy định khi tham khảo tài liệu và trích dẫn.
- HS biết cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn..
- Sử dụng tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập.

Nội dung:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/nhóm để thực hiện bài tập 1, 2, 3 (SGK/ 101 - 102) - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi. - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.	Đáp án bài tập 1: a. Cách trích dẫn thứ hai là đúng quy định vì tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả. b. Cách trích dẫn thứ nhất là đúng quy định vì tác giả đã tuân thủ các quy định về cách dẫn trực tiếp: đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép và ghi chú tên tác giả Đáp án bài tập 2: a. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép. b. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo, trích dẫn tài liệu là ghi rõ nguồn của hai câu thơ: <i>Những cô hàng xén răng đen/ Cười như mùa thu toả nắng.</i> c. Dấu hiệu cho thấy tác giả đã tuân thủ quy định khi tham khảo và trích dẫn tài liệu là đặt phần dẫn trong dấu ngoặc kép, ghi rõ tên tác giả, tác phẩm trích dẫn trong ngoặc đơn bên cạnh ➔ Bài học rút ra trong việc tham khảo và trích dẫn tài liệu: - Tuỳ vào mục đích viết và tính chất của kiểu văn bản, người viết có thể trích dẫn theo nhiều cách và nêu nguồn trích dẫn với các mức độ cụ thể khác nhau. - Nêu rõ tác giả và xuất xứ của nguồn tài liệu. - Truyền tải trung thực nội dung ý tưởng và thông tin được trích dẫn Đáp án bài tập 3: - Việc không dẫn nguồn tài liệu khi dùng lời hoặc ý của người khác bị coi là đạo văn. Điều này khác với việc trích dẫn theo cách gián tiếp, vì khi trích dẫn gián tiếp, phần dẫn không đặt trong dấu ngoặc kép nhưng người viết vẫn nêu rõ tên tác giả và xuất xứ của phần trích dẫn

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 2 trong PHT số 2

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 2

Xác định phần trích dẫn trong các trường hợp sau. Chỉ ra sự khác biệt giữa những phần trích dẫn đó.

* Xác định phần trích dẫn trong các trường hợp.

a. *Tôi được biết những chiến công chống giặc, cứu nước của người anh hùng Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân qua lời kể của cô giáo dạy Lịch sử. Câu nói nổi tiếng của ông khi bị giặc bắt và hành quyết: “Bao giờ người Tây nhỏ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” khiến tôi rất háo hức chờ đợi chuyến đi này.*

(Nhóm biên soạn, *Thăm đền thờ Nguyễn TrungTrực ở Kiên Giang, Ngữ văn 7*, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*)

b. Tài nguyên rừng đang bị thu hẹp hàng ngày, diện tích rừng tự nhiên che phủ giảm dần do khai thác trái phép, đất rừng bị chuyển qua đất nông, công nghiệp, các loài sinh vật quý hiếm đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Theo báo cáo số liệu năm 2005 của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Việt Nam là nước phá rừng nguyên sinh đứng thứ hai thế giới.

(Theo Hồ Quang Trung, *Hãy yêu mến, bảo vệ thiên nhiên*, ngày 6/6/2010, Ngữ văn 8, tập một, bộ sách *Chân trời sáng tạo*)

Gợi ý đáp án

- Trong trường hợp b, người viết khi trích dẫn ý “Việt Nam là nước phá rừng nguyên sinh đứng thứ hai thế giới” đã viết rõ nguồn: thông tin về tác giả (Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO)), năm xuất bản (2005). Phần trích dẫn này không được đặt trong dấu ngoặc kép.

c. Năm 2000, khi sang thăm Việt Nam, trong buổi nói chuyện với sinh viên ở Hà Nội, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã đọc thơ Hồ Xuân Hương dịch sang tiếng Anh. Ông Henri Lopes, Phó tổng giám đốc UNESCO, trong bài tựa tập thơ *Hồ Xuân Hương xuất bản ở Paris năm 1987*, cũng đánh giá cao tài năng của nhà thơ bằng những lời nồng nhiệt: “Là nữ thi sĩ hay nữ nhạc sĩ, tôi không biết nữa, có điều nàng đã vĩnh viễn đổi thay vẻ đẹp những tiếng kêu thương của tâm hồn thoát ra trong bí mật những đêm tối hoặc những nơi cô tịch”.

(Theo Lưu Khánh Thơ, *Kì nữ Hồ Xuân Hương*
- *Đời và thơ*, <http://ct.qdnd.vn>, ngày 24/12/2021)

Gợi ý đáp án

- Trong trường hợp c, khi sử dụng lời đánh giá của ông Hen-ri Lóp-po (Henri Lopes), Phó Tổng Giám đốc UNESCO, người viết đã trích dẫn bằng cách đặt nguyên văn câu chữ của ông Hen-ri Lóp-po trong dấu ngoặc kép, đồng thời dẫn thêm một số thông tin về tên tác phẩm (*Kì nữ Hồ Xuân Hương - Đời thơ*), năm xuất bản (1987), nơi xuất bản (Pa-ri).

* Chỉ ra sự khác biệt giữa những phần trích dẫn đó.

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 3 trong PHT số 3

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 3

Theo em, trong quá trình viết, khi sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... lấy từ Internet, chúng ta có cần dẫn nguồn không? Vì sao?

Gợi ý đáp án

- Trong quá trình viết, khi sử dụng tranh ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... lấy từ Internet, chúng ta cần dẫn nguồn vì đây là hành động thể hiện sự tôn trọng ý tưởng của người khác và là việc làm cần thiết để tránh đạo văn.

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ 4 trong PHT số 4

PHIẾU BÀI TẬP SỐ 4

Trình bày kinh nghiệm của em về việc sử dụng lời nói, ý tưởng, quan điểm của người khác khi viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

Gợi ý đáp án

- Trong quá trình viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta cần:

- + Chọn nguồn tin cậy
- + Ghi rõ nguồn
- + Sử dụng trích dẫn chính xác
- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời câu hỏi và viết đoạn văn
- GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN- Tiết

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (Truyện)

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

- Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.
- Năng lực riêng biệt:
 - Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
 - HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học
 - Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó; có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về kiểu bài

- Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
- Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

Hoạt động 1.1: GV yêu cầu HS nhắc lại các yêu cầu, các bước làm bài văn phân tích một tác phẩm truyện

.Yêu cầu đối với bài văn phân tích tác phẩm truyện

* Phân tích một tác phẩm truyện là làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện qua những yếu tố cơ bản của thể loại truyện như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,...

Ở lớp 8: Khi viết bài văn phân tích tác phẩm truyện cần:

- Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.
- Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.
- Nêu được chủ đề của tác phẩm.
- Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...)
- Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

Tham khảo bài viết phân tích truyện ngắn *Xe đêm* của Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki

Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki, một nhà văn người Nga, chủ yếu sáng tác truyện ngắn. Tác phẩm của ông mang đậm chất thơ, nhẹ nhàng và tinh tế, khơi dậy những rung cảm của người đọc trước cuộc sống bình dị. Nổi bật trong đó là truyện ngắn *Xe đêm*.

Nhân vật chính trong truyện là nhà văn An-đéc-xen, một nhà văn nổi tiếng người Đan Mạch. Các tác phẩm của ông đều toát lên vẻ nhẹ nhàng, thể hiện lòng yêu thương con người, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, thể hiện niềm tin vào sự thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian. Bản thân An-đéc-xen cũng là một con người giàu lòng nhân ái. Truyện được kể lại theo ngôi thứ ba. Nội dung của truyện kể về việc An-đéc-xen cùng hai hành khách khác là một nhà tu hành, một thiếu phụ cùng đi trên chuyến xe đêm từ Vơ-ni-dơ đến Vê-rô-na. Trên đường đi, họ gặp ba cô gái muốn lên xe nhưng không có tiền, An-đéc-xen đã giúp trả tiền cho họ. Có thể thấy, hành động của An-đéc-xen đã thể hiện được tấm lòng nhân hậu, tốt bụng của An-đéc-xen.

Trên chuyến xe ấy, để góp vui, An-đéc-xen đã trò chuyện với ba cô gái, thử tượng tượng về cuộc sống, tiên đoán về hạnh phúc và tương lai của họ. Các cô gái say sưa lắng nghe. Cô gái đầu tiên là Ni-cô-li-a, An-đéc-xen tiên đoán “nếu chẳng may có chuyện gì không lành xảy ra với người yêu của cô, cô sẽ chẳng đắn đo suy tính, lên đường, vượt qua ngàn dặm, qua núi tuyết và sa mạc khô cằn để gặp chàng, cứu chàng khỏi cơn nguy khốn”. Tiếp đến với Ma-ri-a, An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ “gặp được một người xứng đáng với trái tim nhiều mong muốn của cô” và “người đó tất nhiên phải là một người tuyệt vời”, “có một tâm hồn lớn lao”. Cuối cùng là An-na, An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ hạnh phúc với sự bận bịu khi chăm sóc những đứa con và chồng tương lai sẽ “đỡ cô một tay trong mọi việc”. Những lời tiên tri về ba cô gái đều mang tính tích cực. An-đéc-xen đã gửi gắm tình cảm đôn hậu, dịu dàng và mong muốn các cô gái đều có tương lai tốt đẹp. Nhờ lời tiên tri này, ba cô gái cũng có niềm tin hơn về tương lai, tiếp tục nỗ lực để đạt được mong ước.

Vì là nhân vật chính, tác giả cũng đã đưa những nét khắc họa về ngoại hình của nhân vật An-đéc-xen ưa trí tưởng tượng của bản thân nhân vật này là đẹp trai, trẻ trung, hoạt bát

và tự nhận “có mái tóc rậm, lượn sóng”, gương mặt “rám nắng”, đôi mắt xanh “lúc nào cũng ánh cười”. Ông tự nhận mình là một nhà tiên tri, đoán trước được tương lai và nhìn thấu được bóng tối. Tuy nhiên, trong thực tế, An-đéc-xen tự nhận xét bản thân là một người xấu trai, cao kều, nhút nhát. Chi tiết trên cho thấy rằng An-đéc-xen có phần tự ti về ngoại hình của bản thân. Từ đó, ông muốn bộc lộ khao khát về những điều tốt đẹp, hướng đến sự hoàn hảo, lãng mạn trong cuộc sống.

Truyện gửi gắm thông điệp về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó trong văn chương cũng như trong đời sống. Tác giả sử dụng kết hợp hiện thực và tưởng tượng. Nhân vật trong truyện hiện lên vừa sống động, vừa sắc nét qua lời đối thoại, vừa có chiều sâu qua lời người kể chuyện. Sự kết hợp giữa ngôn ngữ trong sáng, đậm chất thơ cùng với nghệ thuật tạo dựng không gian, thời gian góp phần làm nên thành công của truyện.

Truyện ngắn Xe đêm của nhà văn Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki đã gửi gắm được thông điệp giá trị trong cuộc sống.

Ở lớp 9: Khi viết bài văn phân tích tác phẩm truyện cần:

- Giới thiệu khái quát tác phẩm truyện cần phân tích (nhân đề, tác giả, thể loại), nêu nhận xét chung về tác phẩm.

- Phân tích được nội dung chủ đề của tác phẩm.
- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ người kể chuyện, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu,...) và hiệu quả thẩm mỹ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.
- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

***. Các bước làm bài văn phân tích một tác phẩm văn học truyện.**

***Bước 1. Trước khi viết**

a. Lựa chọn đề tài

b. Tìm ý

Để tìm ý cho bài văn phân tích một tác phẩm truyện, em cần đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

- Nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là gì?

Có thể phân tích chủ đề ấy như thế nào?

-> Làm rõ chủ đề là một yêu cầu cơ bản của bài văn phân tích tác phẩm truyện.

- Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật? Những nét đặc sắc đó đem đến hiệu quả thẩm mỹ như thế nào?

Bên cạnh đặc trưng chung của thể loại truyện, mỗi tác phẩm ra đời trong cá thời kì khác nhau, thuộc các thể loại truyện khác nhau sẽ có những đặc điểm khác nhau. Đối truyện ngắn hiện đại, ta cần chú ý đến các vấn đề như ngôi kể, cốt truyện, ngôn ngữ, nghệ thuật kể chuyện mang đặc trưng của thời hiện đại,... không nhất thiết phải phân tích tất cả các

nét đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm, mà nên đi sâu khai thác những yếu tố tiêu biểu, hơn nữa cần chú ý làm nổi bật những yếu tố thể hiện đặc trưng thể loại.

-Tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có giá trị, ý nghĩa gì?

Sau khi phân tích, em cần nêu được thông điệp mà tác giả gửi gắm và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

c. Lập dàn ý

- Cần sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý chặt chẽ, hợp lí. Có thể tổ chức theo nhiều cách khác nhau (phân tích nội dung và nghệ thuật: phân tích dung chủ đề trước, phân tích giá trị của những nét đặc sắc nghệ thuật sau hoặc ngược lại).

I. Mở bài: Giới thiệu tác phẩm truyện và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.

II. Thân bài:

+ **Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (phân tích hiện thực đời sống hình tượng con người; tư tưởng, tình cảm của nhà văn;...), có lí lẽ và bằng chứng**

+ **Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (cốt truyện ngôi kể, tình huống, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, không gian, thời gian,...) và hiệu quả thẩm mĩ của nó, có lí lẽ và bằng chứng.**

III. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

*** Bước 2. Viết bài**

- Triển khai bài viết trên cơ sở dàn ý đã lập. Tuy vậy, nội dung bài viết có thể có thay đổi so với dàn ý nếu cần thiết.

- Chú ý đảm bảo yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học, bám sát đặc trưng thể loại truyện

+ Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí, mỗi luận điểm cần được phân tích, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, tránh kể lại văn bản.

+ Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết.

*** Bước 3. Chỉnh sửa bài viết**

- Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện và dàn ý đã lập để chỉnh sửa các phần. Việc chỉnh sửa cần chú ý các vấn đề sau:

- Nếu thiếu các thông tin giới thiệu tác giả, tác phẩm (đoạn trích) thì cần bổ sung. Nếu việc phân tích nội dung chủ đề và các yếu tố nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm chưa đủ rõ, chưa chính xác thì cần chỉnh sửa.

- Nếu các luận điểm chưa chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng chưa đạt yêu cầu, thiếu sức thuyết phục thì cần chỉnh sửa.

- Điều chỉnh dung lượng các ý để đảm bảo bài viết có bố cục hợp lí.

- Rà soát và chỉnh sửa lỗi chính tả, diễn đạt để đảm bảo chuẩn mực về ngôn ngữ.

Chú ý đảm bảo yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học, bám sát đặc trưng thể loại truyện

+ Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí, mỗi luận điểm cần được phân tích, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, tránh kể lại văn bản.

+ Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết.

Tham khảo bài viết phân tích truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân.

Nguyễn Tuân được đánh giá là “nhà văn lớn, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp”, ông có vị trí và ý nghĩa quan trọng đối với nền văn học Việt Nam. Trước cách mạng ông thoát li hiện thực, tìm về một thời vang bóng, tập “Vang bóng một thời” chính là tập

truyện tiêu biểu nhất cho phong cách của ông trước cách mạng. Trong đó ta không thể không nhắc đến “Chữ người tử tù” với niềm trân trọng thú viết chữ tao nhã truyền thống.

“Chữ người tử tù” được in trong tập “Vang bóng một thời” xuất bản năm 1940, tác phẩm khi xuất hiện trên tạp chí Tao đàn có tên “Dòng chữ cuối cùng”, sau in thành sách đổi thành “Chữ người tử tù”. Tác phẩm đã truyền tải đầy đủ tinh thần của tác giả, cũng như giá trị nhân văn của tác phẩm. “Chữ” là hiện thân của cái đẹp, cái tài sáng tạo ra cái đẹp, cần được tôn vinh, ngợi ca. “Người tử tù” là đại diện của cái xấu, cái ác, cần phải loại bỏ khỏi xã hội. Ngay từ nhan đề đã chứa đựng những mâu thuẫn gợi ra tình huống truyện éo le, gợi dậy sự tò mò của người đọc. **Qua đó làm nổi bật chủ đề tư tưởng của tác phẩm: tôn vinh cái đẹp, cái tài, khẳng định sự bất tử của cái đẹp trong cuộc đời.**

Tác phẩm có tình huống gặp gỡ hết sức độc đáo, lạ, chúng diễn ra trong hoàn cảnh nhà tù, vào những ngày cuối cùng của người tử tù Huân Cao, một người mang chí lớn và tài năng lớn nhưng không gặp thời. Vị thế xã hội của hai nhân vật cũng có nhiều đối nghịch. Huân Cao kẻ tử tù, muốn lật đổ trật tự xã hội đương thời. Còn quản ngục là người đứng đầu trại giam tỉnh Sơn, đại diện cho luật lệ, trật tự xã hội đương thời. Nhưng ở bình diện nghệ thuật, vị thế của họ lại đảo ngược nhau hoàn toàn: Huân Cao là người có tài viết thư pháp, người sáng tạo ra cái đẹp, còn quản ngục là người yêu và trân trọng cái đẹp và người sáng tạo ra cái đẹp. Đó là mối quan hệ gắn bó khăng khít chặt chẽ với nhau. Với tình huống truyện đầy độc đáo, đã giúp câu chuyện phát triển logic, hợp lý đẩy lên đến cao trào. Qua đó giúp bộc lộ tính cách nhân vật và làm nổi bật chủ đề của truyện: Sự bất tử của cái đẹp, sự chiến thắng của cái đẹp. Sức mạnh cảm hóa của cái đẹp.

Nổi bật trong tác phẩm chính là Huân Cao, người có tài viết chữ đẹp và nổi tiếng khắp nơi: “người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp” tiếng tăm của ai khiến ai ai cũng biết đến. Cái tài của ông còn gắn liền với khát khao, sự nể trọng của người đời. Có được chữ của Huân Cao là niềm mong mỏi của bất cứ ai, được treo chữ của ông trong nhà là niềm vui, niềm vinh dự lớn. Cái tài của Huân Cao không chỉ dừng lại ở mức độ bình thường mà đã đạt đến độ phi thường, siêu phàm. Không chỉ tài năng, vẻ đẹp của Huân Cao còn là vẻ đẹp của thiên lương trong sáng: “Tính ông vốn khoáng, trù chổ tri kỉ, ông ít chịu cho chữ”. “Khoảng” ở đây có thể hiểu là sự kiêu ngạo về tài năng viết chữ, bởi ông ý thức được giá trị của tài năng, luôn tôn trọng từng con chữ mình viết ra. Mỗi chữ ông viết như một món quà mà thượng đế trao cho bản thân nên chỉ có thể dùng những chữ ấy để trao cho những tấm lòng trong thiên hạ. Trong đời

ông, ông không vì uy quyền mà trao chữ cho ai bao giờ: “Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ”. Đặc biệt, tấm lòng thiên lương ấy còn thể hiện trong việc ông đồng ý cho chữ viên quản ngục: “Ta cảm tấm lòng biệt nhõn liên tài của các người. Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”, tấm lòng của Huấn Cao với những con người quý trọng cái đẹp, cái tài. Ở Huấn Cao ta còn thấy được trong ông vẻ đẹp của một con người có nghĩa khí, khí phách hơn người. Ông là người giỏi chữ nghĩa nhưng không đi theo lối mòn, dám cầm đầu một cuộc đại phản, đối đầu với triều đình. Khi bị bắt ông vẫn giữ tư thế hiên ngang, trước lời đe dọa của tên lính áp giải tù, Huấn Cao không hề để tâm, coi thường, vẫn lạnh lùng chúc mũi gông đánh thuyền một cái xuống nền đá tảng... Khi viên quản ngục xuống tận phòng giam hỏi han ân cần, chu đáo, Huấn Cao tỏ ra khinh bạc đến điều: “Người hỏi ta muốn gì, ta chỉ muốn có một điều, là nhà người đừng đặt chân vào đây”. Vào thời điểm nhận tin dữ (ngày mai vào kinh chịu án chém), Huấn Cao bình tĩnh, mỉm cười.

Và đẹp đẽ nhất là cảnh cho chữ, cả ba vẻ đẹp của ông được hội tụ và tỏa sáng. Trên tấm vải trắng còn nguyên vẹn lần hồ, chữ Huấn Cao “vuông tươi tắn” nói lên hoài bão, tung hoành của một con người có khí phách. Ông không để tâm đến mọi điều xung quanh chỉ tập trung vào việc tạo ra những nét chữ tuyệt tác. Với việc quản ngục xin chữ, Huấn Cao cũng hiểu ra tấm lòng của quản ngục, trong những giây phút cuối đời đã viết chữ dành tặng viên quản ngục, dành tặng cho tấm lòng biệt nhõn liên tài trong thiên hạ.

Viên quản ngục là người có số phận bi kịch. Ông vốn có tính cách dịu dàng, biết trọng những người ngay thẳng, nhưng lại phải sống trong tù – môi trường chỉ có tàn nhẫn, lừa lọc. Nhân cách cao đẹp của ông đối lập với hoàn cảnh sống tù đầy, bị giam hãm. Ông tự nhận thức về ki kịch của mình, bi kịch của sự lầm đường lạc lối, nhầm nghề. Nhưng dù vậy, trong quản ngục vẫn giữ được tâm hồn cao đẹp, tâm hồn của một người nghệ sĩ. Ông khao khát có được chữ của Huấn Cao để treo trong nhà, và nếu không xin được chữ ông Huấn quả là điều đáng tiếc. Nhưng xin được chữ của Huấn Cao là điều vô cùng khó khăn: bản thân ông là quản ngục, nếu có thái độ biệt nhõn, hay xin chữ kẻ tử tù – Huấn Cao, chắc chắn sẽ gặp tai vạ. Hơn nữa Huấn Cao vốn “khoảnh” không phải ai cũng cho chữ.

Trong những ngày cuối cùng của ông Huấn, quản ngục có hành động bất thường, biệt nhõn với người tử tù. Cũng như Huấn Cao, vẻ đẹp tâm hồn của quản ngục được thể hiện rõ nhất ở đoạn cho chữ. Ông trân trọng, ngưỡng mộ nên đã bất chấp tất cả để tổ chức một đêm xin chữ chưa từng có. Ba con người, ba nhân cách cao đẹp chụm lại chứng kiến

những nét chữ dần dần hiện ra..., viên quản ngục khúm lúm cất từng đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ, với thái độ sùng kính, ngưỡng mộ cái đẹp. Trước những lời giảng giải của Huân Cao, viên quản ngục chấp tay vái người tù một vái, “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

Tác phẩm đã sáng tạo tình huống truyện vô cùng độc đáo. Với nghệ thuật xây dựng nhân vật đặc sắc, mỗi nhân vật mang một vẻ đẹp riêng, vẻ đẹp thiên lương, khí phách và trọng đãi người tài. Đồng thời tác phẩm cũng thành công khi Nguyễn Tuân đã gọi lên không khí cổ xưa nay chỉ còn vang bóng. **Nhịp điệu câu văn chậm, thông thả, góp phần phục chế lại không khí cổ xưa của tác phẩm. Bút pháp đối lập tương phản vận dụng thành thực, tài hoa.**

Qua truyện ngắn Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân đã thể hiện niềm tin vào sự chiến thắng tất yếu của cái đẹp, cái thiên lương với cái xấu xa, tàn nhẫn. Đồng thời ông cũng thể hiện tấm lòng trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống, qua đó kín đáo bộc lộ lòng yêu nước. Với nghệ thuật xây dựng tình huống đặc sắc, ngôn ngữ tài hoa đã góp phần tạo nên sự thành công cho tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 2:

LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH TRUYỆN NGẮN

1. **Mục tiêu:** Giúp HS viết được bài
 2. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
 3. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
 - GV giao tác phẩm truyện
 - GV cần yêu cầu hs đọc tác phẩm.
 - GV hướng dẫn HS tìm ý:
 - * Ý 1: Xác định chủ đề và các yếu tố cần bám sát để phân tích nội dung chủ đề
 - + Chủ đề của tác phẩm là gì? *Chủ đề là những vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được đặt ra trong tác phẩm văn học.*
 - + Để tìm chủ đề ta cần đặt câu hỏi:
 - Nội dung truyện viết về ai? Vấn đề gì?
 - Phản ánh hiện thực gì?
 - Thể hiện thái độ, quan điểm, tư tưởng, tình cảm gì của tác giả?
 - * Ý 2: Truyện có những nét đặc sắc gì về nghệ thuật?
 - (cốt truyện ngôi kể, tình huống, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, không gian, thời gian,...)
 - GV yêu cầu HD thực hiện thao tác lập dàn ý trước khi viết
- Lập dàn ý**
- Cần sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý chặt chẽ, hợp lí. Có thể chức theo nhiều cách khác nhau (phân tách nội dung và nghệ thuật: phân tích dung trước, nghệ thuật sau hoặc ngược lại; phân tích theo các vấn đề chính trong tác phẩm truyện).
- I. Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm truyện và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.

II. Thân bài:

- + Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm truyện (phân tích hiện thực đời sống hình tượng con người; tư tưởng, tình cảm của nhà văn;...), có lí lẽ và bằng chứng
- + Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (cốt truyện ngôi kể, tình huống, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, không gian, thời gian,...) và hiệu quả thẩm mĩ của nó, có lí lẽ và bằng chứng.

III. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

- GV yêu cầu HS thực hành viết bài

- Triển khai bài viết trên cơ sở dàn ý đã lập. Tuy vậy, nội dung bài viết có thể có thay đổi so với dàn ý nếu cần thiết.
- Chú ý đảm bảo yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học, bám sát đặc trưng thể loại truyện
- + Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí, mỗi luận điểm cần được phân tích, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, tránh kể lại văn bản.
- + Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết.

- GV yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết

- Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện và dàn ý đã lập để chỉnh sửa các phần. Việc chỉnh sửa cần chú ý các vấn đề sau:
- Nếu thiếu các thông tin giới thiệu tác giả, tác phẩm (đoạn trích) thì cần bổ sung. Nếu việc phân tích nội dung chủ đề và các yếu tố nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm chưa đủ rõ, chưa chính xác thì cần chỉnh sửa.
- Nếu các luận điểm chưa chặt chẽ, lí lẽ và bằng chứng chưa đạt yêu cầu, thiếu sức thuyết phục thì cần chỉnh sửa.
- Điều chỉnh dung lượng các ý để đảm bảo bài viết có bố cục hợp lí.
- Rà soát và chỉnh sửa lỗi chính tả, diễn đạt để đảm bảo chuẩn mực về ngôn ngữ.

Chú ý đảm bảo yêu cầu của kiểu bài nghị luận phân tích tác phẩm văn học, bám sát đặc trưng thể loại truyện

- + Tổ chức hệ thống luận điểm hợp lí, mỗi luận điểm cần được phân tích, chứng minh bằng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, tránh kể lại văn bản.
- + Tập trung vào những nét nổi bật của tác phẩm, tạo điểm nhấn cho bài viết.

Đề bài: Chọn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích

CÚC ÁO CỦA MẸ

Nhất Băng (Trung Quốc)

Cậu còn nhớ sinh nhật 12 tuổi. Vừa sáng tinh mơ, đã nghe thấy mẹ nói: “Con trông đây là cái gì?”. Cậu mở to mắt, trước mặt là một chiếc áo mới, kiểu quân phục như cậu từng mơ ước, hai hàng cúc đồng, trên vai áo có ba vạch màu xanh, đó là một quần áo “thịnh hành” trong học sinh. Cậu bỗng mừng rơn, vội mặc áo quần. Cậu muốn đến lớp, ra oai với các bạn. Từ nhỏ đến lớn, cậu toàn mặc quần áo cũ của anh, vá chằng vá đụp nữa! Quả nhiên đúng như dự kiến, khi cậu bước vào lớp, ánh mắt của các bạn đều trở lên. Các bạn đều không ngờ được rằng, cậu bạn lúc nào cũng mặt mày lợt lém, đầu bù tóc rối bụi bặm cũng có lúc vẻ vang rạng rỡ như thế.

Cậu hoàn thành tiết học đầu tiên một cách vui vẻ, hồi lòng hồi dạ. Trong giờ giải lao, các bạn đều vây quanh cậu. Có bạn bỗng hỏi: “Ô hay! Tại sao khuy áo của bạn không giống của chúng mình nhỉ?”

Lúc ấy, cậu mới nhìn kỹ cúc áo của mình, quả thật không giống cúc áo của người khác, hai dây thẳng đứng. Còn cúc áo của cậu lại nghiêng lệch, hai dây xếp thành hình chữ “vê” (V).

Các bạn bỗng đều cười òa lên. Thì ra, chỗ đính khuy trên chiếc áo trắng của cậu là một miếng vải cũ màu vàng. Cậu cũng hiểu ra, chắc là mảnh vải mẹ mua không đủ may áo, đành phải lót bên trong bằng mảnh vải khác, sợ người khác nhìn thấy cúc áo đành phải đính sang bên cạnh. Và cũng để người khác không nhìn thấy, mẹ đã khéo léo đính chéo hàng cúc kia, tự nhiên thành hình chữ “vê” (V).

Biết rõ sự thực, các bạn lại giễu cợt, khiến cho lửa giận bốc lên ngàn ngút trong lòng cậu. Buổi trưa về đến nhà, cậu cắt nát vụn chiếc áo mới của mình. Mẹ cậu lao đến trước mặt con, giơ cao tay, nhưng cuối cùng không giáng xuống. Cậu liếc nhìn, thấy nước mắt mẹ chảy quanh trong khóe mắt, vội quay đầu chạy biến...(...) Từ hôm ấy trở đi, mẹ làm việc ít nghỉ tay. Cậu tận mắt thấy mẹ gầy sọp đi, thấy mẹ nằm bẹp rồi ra đi mãi mãi... Cậu rất muốn nói một câu: “Con xin lỗi mẹ”, mà không còn cơ hội nữa. Sau này, cậu cố gắng học tập, cậu có rất nhiều, rất nhiều tiền, rồi sửa sang phần mộ của mẹ nhiều lần.

Một hôm, cậu tham gia một cuộc trình diễn thời trang của nhà thiết kế bậc thầy. Có một người mẫu nam bước lên sàn diễn khiến mắt cậu bỗng căng lên, đầu óc kêu ong ong hỗn loạn. Bộ áo màu trắng với hai dây khuy đồng hình chữ “vê” (V). Bên trong có phải là...? Cậu không làm chủ được mình, lao lên sàn diễn, lật ra xem tấm áo của người mẫu nam, lót bên trong tự nhiên cũng là một mảnh vải vàng! Cậu quỳ sụp trước mặt người mẫu nam, òa khóc thống khổ.

Sau khi nghe cậu kể hết câu chuyện, tất cả những người có mặt tại hội trường đều trầm ngâm suy nghĩ mãi. Cuối cùng, một nhà thiết kế bậc thầy nói: “Thực ra, tất cả những người mẹ đều là các nhà nghệ thuật!”.

(**Vũ Phong Tạo** dịch, Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ*, số tháng 3/2011, tr.45-46)

CÂY BÀNG KHÔNG RỤNG LÁ

Phố tôi tên thật không phải là phố "Cây Bàng". Nhưng bọn trẻ con chúng tôi lại cứ thích đặt tên phố theo nhận xét của mình. Chẳng hiểu những đứa khác đã nghĩ thế nào; riêng tôi, tôi gọi thế là bởi phố tôi có một cây bàng.

Ai đã trồng cây bàng ấy, tôi không rõ. Chỉ biết rằng bây giờ cây đã to lắm rồi. Đến mùa quả chín, một mùi thơm ngòn ngọt lơ lửng tỏa ra, lên mãi tận gác ba, gác tư.

Nhưng cây bàng này thật chẳng có gì là đặc biệt. Vỏ nó xù xì, lá nó hung hung và dày như cái bánh đa nướng. Tán bàng xò ra giống mấy cái ô nối tiếp nhau ba, bốn tầng. Cây bàng hiền lành như một người ít nói. Dưới gốc, người ta hay dựa xe đạp và có khi đứng tránh mưa nhỏ. Tôi cũng không để ý đến cây bàng lắm. Chắc là tại nó mọc ở mặt hè, còn tôi, tôi ở mãi trên gác. Song, đến một ngày nọ (là ngày bao nhiêu, tôi quên mất rồi) **khi tôi đã biết suy nghĩ, tôi mới nhận ra được một điều rất lạ:** "Cây bàng này không rụng lá". Thế thì tài thật. Đã có lần, tôi đứng chờ ở dưới gốc khá lâu mà chẳng thấy có cái lá nào rụng xuống cả. Tôi nhớ rằng, cách đây ít lâu, cây bàng trụi thui lụi, cành đâm dọc đâm ngang, có bó cả ngày cũng không ra một cái lá nào. Vậy thì bấy nhiêu lá đã biến đi đâu?

Lạ xiết bao khi một lần tôi thoáng trông thấy một chiếc lá bàng vừa rời cành, chao xuống gốc. Tôi vội vàng chạy hết bốn mươi tư bậc thang xuống đến nơi, thì chẳng thấy chiếc lá nào trên mặt đường hết cả...

Sực nhớ tới câu chuyện "Quả táo vàng" mà tôi đã đọc trong sách, tôi ngờ rằng có lẽ phải dùng gậy vàng, giá bạc để chọc và hứng mới lấy được cái lá bàng ấy chăng? Hẳn khi lia cành, lúc chạm phải mặt đất là chiếc lá biến ngay đi?

Tuy rất ham đọc truyện cổ tích, nhưng tôi chưa có thể tin ngay rằng chiếc lá bàng kia đã chui vào trong lòng đất.

Vậy thì cái lá ấy nó có rụng không?

Tôi đem chuyện đó hỏi bố tôi. Bố tôi là một thầy giáo, hẳn bố tôi biết rõ hơn tôi nhiều điều.

Nghe tôi kể xong, bố tôi hơi nhúu đôi lông mày, từ từ đứng dậy.

- Nào, con ra đây.

Hai bố con tôi cùng đứng ngoài hành lang, nhìn xuống đường phố. Cây bàng như ngủ yên dưới bầu trời thoang thoang ánh trăng non...

- Lúc này là tám giờ, con ạ...

Tôi không hiểu bố tôi nói "tám giờ" để làm cái gì. Chỉ biết rằng, độ vài chục phút nữa là tôi đi ngủ. Hôm nay có thể vì câu chuyện cây bàng này mà tôi sẽ thức lâu hơn.

Bố tôi nói tiếp:

- Con có thể thức đến mười rưỡi được không?

- Được ạ.

Tôi chưa kịp nghĩ gì thêm thì bố tôi lại chặc lưỡi:

- Thôi, con cứ ngủ đi rồi bố gọi.

Thấy vậy, tôi càng lạ về chuyện tại sao bố tôi đã bảo tôi thức, rồi lại bảo tôi ngủ. Tôi định bụng cứ thức để chờ. Nhưng rồi, tôi buồn ngủ và định là... ngủ tạm thôi. Trong nhà, lúc này chỉ còn có một mình bố tôi ngồi chấm bài. Tôi đoán mãi không ra những điều bí mật gì đây mà bố tôi chưa cho tôi biết...

Thế rồi, tôi ngủ thật.

Tôi đã ngủ như thế nào, chỉ có hai hàng mi của tôi rõ mà thôi. Lúc bố gọi tôi dậy, thì trời vừa mưa xong. Mưa mùa hè, thường là hay đột ngột vậy.

Bố tôi bảo tôi mặc quần dài vào rồi đi xuống gác.

Trời đã khuya khuya, quãng gần mười một giờ rồi thì phải.

Xuống tới mặt đường, tôi đứng sững lại. Trước mặt tôi, những chiếc lá bàng nằm la liệt trên đường phố như những cái quạt mo lung linh ánh điện. Thật là lạ, lá rơi nhiều thế này mà đến sáng mai, tuyệt không còn một cái! Xa xa... đâu tận cuối phố, tôi nghe thấy tiếng chổi tre khua loạt soạt. Từ nãy, bố tôi chỉ đứng yên. Tôi ngược nhìn, dò hỏi. Bố tôi nói khẽ:

- Con có nghe thấy gì không?
- Có ạ. Tiếng chổi tre.
- Đó, những chiếc lá sẽ đi theo cái chổi tre ấy đấy...

Cùng lúc, tôi nhìn thấy hai bác công nhân mặc áo khoác xanh, miệng đeo khẩu trang trắng, đang vừa đi vừa quét đường phố và cúi nhặt những chiếc lá rơi bỏ vào thùng rác có bánh xe...

Tôi vụt hiểu tất cả: vì sao cây bàng không rụng lá.

ooo

Sớm hôm sau, tôi đi học. Khi qua những cây bàng, tôi thấy đường phố vẫn sạch trơn.

Khác với mọi lần, buổi nay tới lớp, tôi bước chậm chậm để nhìn được kỹ những cây bàng. Cây bàng có rụng lá. Những cái lá ấy không chui vào trong lòng đất mà được các bác công nhân của thành phố quét sạch, mang đi. Thế ra, khi tôi ngủ rồi, vẫn có người làm việc. Nếu không, nếu không có người làm việc trong đêm, quét những cái lá rụng ấy đi, thì thành phố sẽ ngập lá bàng...

Từ trên cây, một chiếc lá nhẹ nhàng chao xuống. Chiếc lá vừa chạm đất, tôi vội nhặt ngay lên bỏ vào thùng rác. Tôi vụt nhớ ra cái lần tôi chạy hết bốn mươi tư bậc thang để đuổi theo chiếc lá mà không thấy.

Cầm chiếc lá trong tay, tôi hiểu rằng tôi không phải là đứa trẻ đầu tiên đã nhặt lá rơi cho sạch sẽ đường phố. Và, chắc chắn rằng, tôi cũng không phải là đứa cuối cùng.

Tôi không có chổi tre để quét đường phố. Nhưng tôi rất sẵn sàng làm công việc đó để quét hết những chiếc lá rơi cho thành phố của tôi đẹp đẽ. Và, còn để cho những đứa trẻ nào đấy, cũng bằng tuổi tôi, ngỡ rằng cây bàng không rụng lá...

(Phong Thu, in trong *Cây bàng không rụng lá*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2014)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU THEO THỂ LOẠI BI KỊCH

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- **Củng cố** các đơn vị kiến thức của bài học; **nắm vững tri thức về đặc trưng của thể loại bi kịch, biết cách phân tích và đánh giá** được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản, phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản... **thông qua hệ thống bài tập đọc hiểu.**

2. Năng lực

- *Năng lực chung:* Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- *Năng lực đặc thù:* Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

3. Phẩm chất

- Có ý thức học và ôn tập một cách nghiêm túc.

B. PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

- **Phương pháp:** dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình...

C. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP THEO CHỦ ĐỀ

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề ôn tập.

2. Nội dung hoạt động: Trò chơi “**Đây là ai?**”

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Trò chơi: Đây là ai?

- GV hướng dẫn HS xem hình ảnh một số tác giả (Séch-xpia, Lưu Quang Vũ, Vi Huyền Đắc,...)

- GV chia lớp thành 3 đội chơi (mỗi đội chọn 3 thành viên đại diện tiếp sức cho nhau) lên bảng viết tên nhà văn và tên những tác phẩm của nhà văn đó.

- Yêu cầu: Đội nào viết đúng nhiều hơn trong vòng 1 phút sẽ chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe, quan sát, suy nghĩ chuẩn bị trả lời câu hỏi theo nhóm.

- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập

- GV gọi đại diện HS các đội chơi lên bảng cùng lúc trả lời câu hỏi,

- HS khác nhận xét phần thể hiện của bạn sau khi bạn thực hiện xong.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm.
- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV, các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức.

I. MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI KỊCH.

Đặc trưng của thể loại kịch	Trả lời
Khái niệm	<p>- Kịch là loại hình nghệ thuật tổng hợp. Có sự tham gia của nhiều yếu tố, nhiều người thuộc các lĩnh vực khác nhau: tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên, nhạc công, họa sĩ thiết kế...</p> <p>- Phân biệt kịch văn học và kịch biểu diễn:</p> <p>+ Kịch bản văn học là tác phẩm văn học, có đầy đủ đặc điểm của nghệ thuật ngôn từ. Còn sân khấu thuộc nghệ thuật biểu diễn.</p> <p>+ Kịch bản văn học viết ra là để biểu diễn nên cũng đậm chất sân khấu. Vì thế khi xem xét kịch bản văn học một mặt phải xem nó như một tác phẩm nghệ thuật, mặt khác không thể tách rời nó khỏi nghệ thuật sân khấu mới thấy hết được những đặc trưng của nó.</p> <p>-Thể loại bi kịch thường được vận dụng vào các loại hình hư cấu khác như phim ảnh, tiểu thuyết, truyện tranh, v.v nhằm tạo cho người xem những mối đồng cảm với hoàn cảnh của nhân vật và đạt đến mức độ xúc động sâu sắc. Bi kịch có thể là yếu tố chủ đề của tác phẩm, hoặc ám chỉ đến tâm điểm chính là một kết thúc chứa đựng sự mất mát to lớn về nhiều mặt.</p> <p>-Thể loại bi kịch cũng có những đặc trưng về thi pháp thể loại giống với các loại kịch chủng khác về xung đột, hành động, nhân vật, ngôn ngữ; ngoài ra, bi kịch có những đặc điểm riêng biệt mang đậm dấu ấn thể loại như lỗi lầm bi kịch, sự nhận biết, sự trả giá và sự thanh lọc...</p>
Xung đột	<p>- Xung đột kịch là biểu hiện cao nhất sự phát triển mâu thuẫn giữa các lực lượng, các cá tính trong vở kịch, từ đó tạo ra sự kịch tính, thúc đẩy sự phát triển hành động kịch, bộc lộ tính cách nhân</p>

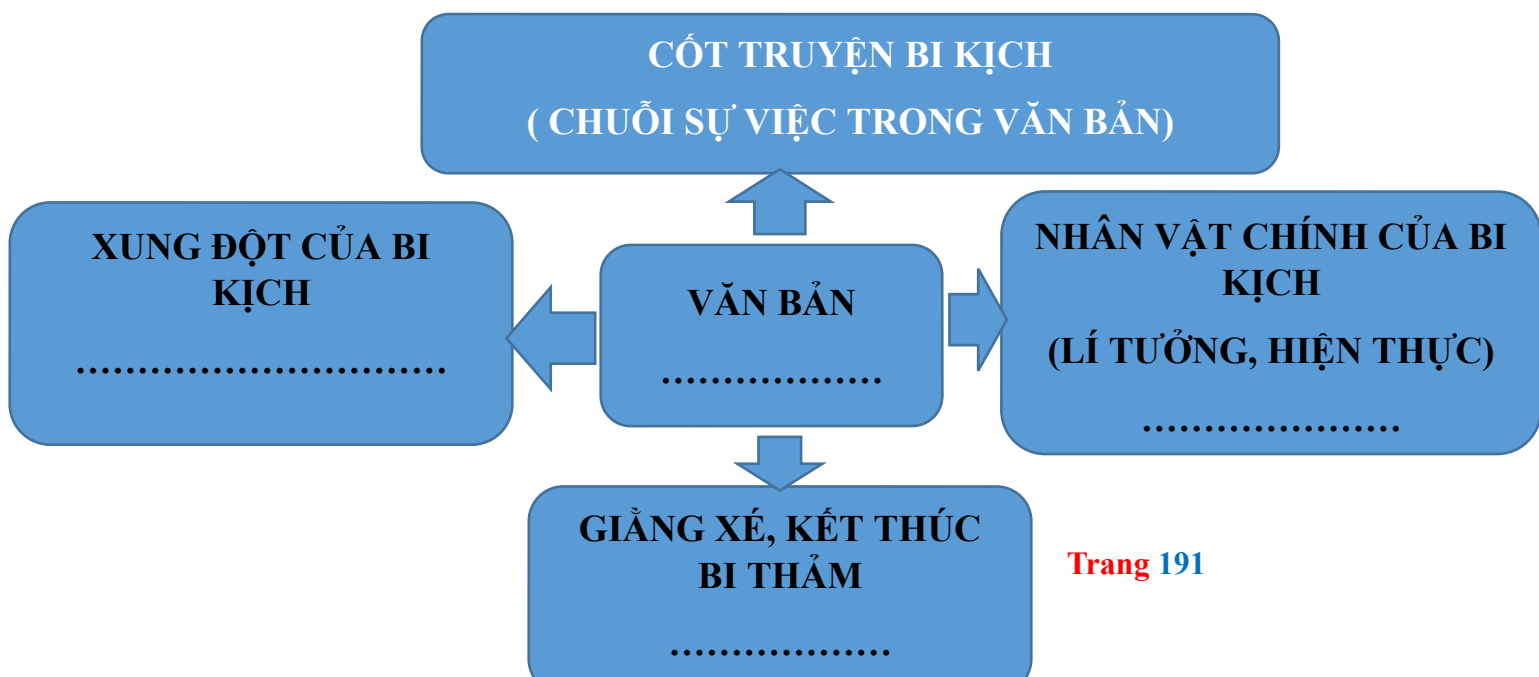
	<p>vật. - > Xung đột chính là cơ sở của kịch.</p> <p>- Phân loại: có hai loại là xung đột bên ngoài và xung đột bên trong</p> <p>+ Xung đột bên ngoài là xung đột giữa các nhân vật.</p> <p>+ Xung đột bên trong là xung đột trong nội tâm nhân vật.</p> <p>*Xung đột trong hài kịch là xung đột giữa các thế lực xấu xa tìm cách che đậy mình bằng những lớp sơn hào nhoáng, giả tạo bên ngoài. Tính hài được tạo ra từ sự mất cân xứng, hài hòa của nhân vật.</p> <p>* Xung đột bi kịch là kết quả của mâu thuẫn không thể hòa giải giữa con người với sự phi lí của xã hội; mâu thuẫn giữa con người với chính bản thân mình. Xung đột ấy chỉ được giải quyết khi tác phẩm kết thúc với sự thất bại của nhân vật chính. Sự thất bại khiến cho khán giả thương cảm và thanh lọc tâm hồn, khiến họ tiếc nuối mà hướng đến cái cao cả.</p> <p>*Lỗi lầm bi kịch là một đặc điểm cơ bản để phân biệt với chính kịch và hài kịch. Lỗi lầm của nhân vật bi kịch không phải là sai lầm nhỏ, sai lầm bình thường trong cuộc sống mà là lỗi lầm của thời đại, của tư tưởng vĩ đại.</p> <p>* Xung đột, hành động trong chính kịch là xung đột của cuộc sống đời thường, từ xung đột giai cấp, thiện - ác, đúng - sai, người thân trong gia đình, hai mặt trong bản thân một con người. Xung đột trong chính kịch không gay gắt, khốc liệt như trong bi kịch, nhưng có chiều sâu, có diễn biến tinh vi với những biểu hiện tinh tế của tâm lí nhân vật.</p>
Hành động kịch	<p>- Hành động kịch là sự tổ chức các tình tiết, sự kiện, biến cố trong cốt truyện theo một trình tự logic, chặt chẽ, chủ yếu theo quy luật nhân quả.</p> <p>- Hành động kịch được miêu tả căng thẳng, gấp gáp, hết hành động này đến hành động khác, ngay cả khi thực hiện những hành động suy tư, ngẫm nghĩ cũng diễn ra rất nhanh.</p>
Nhân vật kịch	<p>- Luôn ở trạng thái căng thẳng (xúc động, xao xuyến, chờ đợi, lo lắng), được xây dựng bằng ngôn ngữ.</p> <p>- Khi xung đột kịch được cụ thể hóa thành hành động kịch. Nhân vật kịch là người thực hiện các hành động kịch.</p> <p>-Nhân vật thường có sức mạnh lớn lao, phẩm chất cao cả, mang trong mình những lí tưởng, khát vọng đẹp đẽ,... nhưng phải đối mặt với số phận nghiệt ngã, những quyết định khó khăn, sự không thuận lợi của hoàn cảnh,...</p> <p>* Nhân vật trong hài kịch có thể là người ở mọi tầng lớp, từ vua</p>

	<p>quan, quý tộc đến thị dân, tiểu nông, kẻ giàu, người nghèo. Đó là những con người có tâm lí, tính cách, suy nghĩ, lối sống trái ngược, khác lạ, không phù hợp tạo nên những tình huống, những cách ứng xử hài hước, gây cười. Đối tượng phê phán của hài kịch là những hiện tượng lỗ lã, kệch cỡm, những sự trống rỗng, hình thức, những kẻ xuẩn ngốc, hợm hĩnh....</p> <p>*Nhân vật bi kịch có thể là nhân vật anh hùng nhưng là người anh hùng chiến bại, có thể là những người tốt, có tài luôn cố gắng vượt lên để tốt hơn nhưng không gặp may mắn, thuận lợi. Nhân vật bi kịch bao giờ cũng là có người có phẩm chất anh hùng, có tài năng đặc biệt hoặc lí tưởng sống cao cả hơn người bình thường.</p> <p>* Nhân vật trong chính kịch cũng có những người anh hùng nhưng đó là anh hùng của đời thường, thể hiện những lí tưởng sống chân chính. Họ thể hiện những trần trở, hy vọng, suy tư của con người, những vấn đề có tính chất lí tưởng cách mạng, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, cộng đồng.</p>
Ngôn ngữ kịch	<p>* Ngôn ngữ kịch là phương tiện chính để biểu hiện đặc điểm, tính cách, phẩm chất của nhân vật, “cá tính hóa”.</p> <p>* Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính hành động: thể hiện tranh luận, tấn công, chống đỡ, thuyết phục, cầu khẩn, đe dọa, ra lệnh... + Tính khẩu ngữ cao: gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày. <p>- Phân loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đối thoại: là lời đối đáp giữa các nhân vật + Độc thoại: là lời nhân vật tự nói với mình + Bàng thoại: lời nhân vật nói với khán giả <ul style="list-style-type: none"> • Ngôn ngữ kịch thường mượn từ lịch sử hay huyền thoại, đề cập những vấn đề lớn, có tính vĩnh cửu của cuộc sống con người. • Ngôn ngữ trong hài kịch thường đậm chất hài hước, gây cười để châm biếm với thủ pháp nói quá,... qua đó lột tả tính cách nhân vật, thể hiện thái độ phê phán đả kích thói hư tật xấu, giễu nhại những trò rởm đời. • Ngôn ngữ bi kịch giàu chất sử thi, anh hùng ca. Độc thoại, đối thoại trong bi kịch bộc lộ diễn biến tâm lý phức tạp, quyết liệt của nhân vật. • Ngôn ngữ chính kịch gần với ngôn ngữ sinh hoạt đời thường hơn bi kịch và hài kịch.
Cốt truyện kịch	<p>Cốt truyện kịch phát triển theo xung đột kịch, qua các giai đoạn: mở đầu, thắt nút, phát triển, cao trào, giải quyết (cởi nút).</p> <p>- Cốt truyện kịch biểu thị chuỗi hành động tuân theo quy tắc</p>

	nhân quả, dẫn tới kết cục bi thảm của nhân vật chính.
Thời gian và không gian kịch	Mỗi vở kịch có thể chia thành nhiều màn (hồi). mỗi màn có thể chia thành nhiều lớp.

II. NHỮNG KĨ NĂNG, KINH NGHIỆM KHI ĐỌC HIỂU VĂN BẢN BI KỊCH

- Khi đọc kịch phải chú ý kịch viết ra không phải là để đọc mà là để diễn.
- Nắm bắt được diễn biến, kết cấu của vở kịch, hồi kịch, từ đó chỉ ra những xung đột của bi kịch.
- Chú ý những đoạn đối thoại của các nhân vật, đọc diễn cảm ở những lời độc thoại của nhân vật để thấy rõ nội tâm nhân vật, suy tư, cảm xúc của nhân vật.
- Dùng bút nhớ gạch chân các lời thoại, hay hành động kịch mà người học cảm thấy tâm đắc, có ý nghĩa bộc lộ nội dung, tư tưởng.
- **Khi đọc hiểu văn bản bi kịch, các em cần chú ý:**
 - + Nắm được cốt truyện của văn bản kịch.
 - + Xác định được nhân vật trung tâm trong mối quan hệ với các nhân vật khác trong văn bản kịch.
 - + Xác định được những mâu thuẫn không thể hoá giải (mâu thuẫn bên trong nhân vật, mâu thuẫn giữa khát vọng của nhân vật với thực tiễn đời sống). Những mâu thuẫn này được thể hiện qua ngôn ngữ, hành động, tâm trạng.... của nhân vật như thế nào?
 - + Quan tâm đến các chỉ dẫn sân khấu để hiểu rõ hơn về bối cảnh, hành động và tâm trạng của nhân vật.
 - Trong bi kịch, nhân vật bi kịch thường mang trong mình những mâu thuẫn không thể giải quyết giữa khát khao cao cả và những lỗi lầm không thể tránh khỏi. Vì vậy việc phân tích nhân vật bi kịch chính là tìm hiểu, cắt nghĩa, lí giải bi kịch của nhân vật đó. Nhân vật bi kịch thường có kết thúc bi thảm, vì vậy cần thấy được ý nghĩa thức tỉnh hay dự báo về một điều gì đó tốt đẹp hơn sẽ nảy sinh trong cuộc sống và trong mỗi người. - > Nhận biết và phân tích được **chủ đề, thông điệp** mà VB muốn gửi đến người đọc.



CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO

.....

THAY ĐỔI SAU KHI
ĐỌC BI KỊCH

.....

III. BÀI TẬP THỰC HÀNH

ĐỀ SỐ 1

Đọc kĩ văn bản sau và thực hiện theo các yêu cầu:

Tóm tắt vở kịch: Trần Thiết Chung vốn là một người có tài, quyết chí sống thanh bạch bằng nghề văn, coi khinh mọi sự phú quý ở đời. Cự Lợi – một chủ thầu – là bạn thân thiết với Trần Thiết Chung, đã năm lần bảy lượt đến nhà và khuyên Trần Thiết Chung nên dùng tài năng của mình để kiếm tiền, nhằm lo cho vợ con đỡ khổ. Trước lời khuyên của bạn cũng như những lời nói gây tự ái của vợ, Trần Thiết Chung đành cay đắng thay đổi lối sống. Ông lao vào kiếm tiền bất chấp mọi thủ đoạn và nhanh chóng trở thành một nhà triệu phú. Tuy nhiên, từ khi trở nên giàu có, ông cũng thay đổi tính nết. Vì tiền, Trần Thiết Chung sẵn sàng hắt hủi vợ con, xua đuổi bạn bè cũ, đối xử tệ bạc với người làm thuê. Công nhân mỏ than vì bị đối xử tệ bạc, đã quyết định đình công, kéo đến phá nhà Trần Thiết Chung. Kết cục, Trần Thiết Chung bị công nhân dùng súng bắn chết.

Đoạn trích dưới đây là màn đối thoại giữa Cự Lợi và Trần Thiết Chung, khi Trần Thiết Chung còn sống trong cảnh nghèo khó, thanh bạch.

ÔNG CỰ LỢI: – Lúc nào tôi cũng chỉ thấy bác sống ở trong cõi mơ mộng. Ở đời này, không thể thế được đâu, bác ạ. Bác nghe tôi, chớ có mơ hồ mãi như vậy. Bao giờ tôi cũng thấy bác túng bấn... Bác ơi! Bác phải nhớ cho rằng anh em mình sống ở nhị thập thế kỉ, không thể như ông Nhan Hồi⁸ ăn cơm nguội, uống nước lã, gói đầu khuỷu tay được...

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Sung sướng thay những người không cần thiết gì hết!

ÔNG CỰ LỢI: – Tôi xin cãi câu ấy: Sung sướng thay những người muốn gì được nấy! Bác cứ cố chấp quá thành ra ương, gàn. Bác giận tôi xin chịu, tôi cứ nói. Không những tôi mà mọi người trên mặt đất này ai cũng phải nhận rằng tiền là huyết mạch. Không có tiền không thể sống được. Mà bác ạ, tiền vị tất đã là xấu xa, bỉ ổi? Tiền mà biết dùng là một cái lợi khí, có thể làm được chán vạn việc từ thiện, danh nghĩa, cao thượng.

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Vâng, tôi biết thế lắm chứ, nhưng như ý tôi, ở cái đất nước này, nếu muốn cho có tiền, muốn làm giàu, trừ phi bóc lột kẻ nghèo khó, hút máu hút mỡ kẻ túng thiếu, không còn có cách gì nữa.

ÔNG CỰ LỢI: – Giời ơi! Bác cố chấp đến thế thì tôi cũng không còn nói thế nào được nữa. Nhưng này, bác này, còn cái thuyết này, bác bảo sao: người ta sinh ra ở đời, đội trời

đạp đất, ai cũng phải có cái chí phấn đấu. Trước hết phấn đấu để sống đã này, sau phấn đấu để có một cái địa vị hơn người. Trong sự cạnh tranh, tiền là một sức mạnh vô cùng. Bác nghĩ kĩ mà xem, bao nhiêu tài năng của bác sẽ vì sự túng quẫn mà tiêu ma hết. Bác nghe tôi, đổi chí hướng đi...

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Tôi nghe bác nói từ nãy đến giờ thì hình như hôm nay bác đến để cảm hóa tôi có phải không ạ?

ÔNG CỰ LỢI: – Không những một hôm nay mà lần nào tôi gặp bác, tôi cũng đều rấp tâm như thế cả, ấy cũng chỉ vì tôi tiếc cái tài của bác. Nếu bác không câu nệ, cố chấp thì ngày nay, công danh, sự nghiệp của bác cũng chẳng kém gì ai rồi. Tôi nói thật, bao nhiêu công việc bác trù tính,

Nhan Hôi: học trò xuất sắc của Không Tử, luôn sống vui vẻ với cảnh nghèo khó của mình.

chỉ vì tiền mà thất bại. Bao nhiêu điều thất vọng của bác chỉ vì tiền mà ra cả. Thế mà bác cứ khinh rẻ tiền, không chịu kiếm tiền. Bác nghe tôi, không có tiền việc gì cũng hỏng hết.

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Thế nghĩa là mục đích ở cái đời này là kiếm tiền, có phải không thưa bác?

ÔNG CỰ LỢI: – Vâng, chính thế. Phải có tiền trước đã rồi muốn làm gì mới có thể làm được. Tôi biết, bác coi tiền là phân, là bần, là rác, nhưng bác ơi, phân, bần, rác là những vật ô uế bần thiêu thật đấy, nhưng phân, bần, rác cũng lại là những vật liệu rất quý. Bác chớ có khư khư đứng về một phương diện mà nhầm to. Không nhờ phân, nhờ bần, nhờ rác thì làm gì có những bông lúa nặng trĩu, những tàu rau xanh ngát, những bông hoa ngào ngạt.

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Vâng, vâng, bác ví đúng lắm, tôi xin bái phục cái tài biện bạch của bác. Ai dám bảo bác không phải là một nhà thi sĩ của kim tiền. Vâng, có thể dùng phân bần để bón những bãi đất hoang, những đồng cỏ xanh để làm thành vườn, thành ruộng phì nhiêu được. Có thể đem tiền mà vãi lên những hoang đảo để làm ra những tỉnh thành nguy nga, rực rỡ được. Tôi biết lắm chứ. Nhưng đối với tôi, phân bần tuy dùng được việc đấy, chỉ hiềm rằng kiếm ra nó, thu nhập được nó thì nhơ lắm, nhớp lắm. Sao cho tránh khỏi không dấn thân vào chỗ hôi tanh, u ám.

ÔNG CỰ LỢI: (*Hơi phật ý vì thấy bạn nói tràn không nể mặt mình*) – Tôi xin lỗi bác, bác nói thế khí quá. (*Cười gằn*) Có lẽ vì bác đã gặp nhiều việc bất đắc chí thành ra chua chát.

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Không, không, tôi chả cay đắng, chua chát gì hết. Ý tưởng của tôi thế nào, tôi nói thế. Bao giờ cũng vậy, hễ mình càng tham muốn nhiều thì cái gánh hệ lụy càng nặng. (...) Tôi nhất quyết tránh xa cái vòng cầu danh, trục lợi.

ÔNG CỰ LỢI: – Vâng, tôi xin bái phục cái gan của bác. Nhưng bác này, giá bác chỉ có một mình bác thì tôi chả dám phản đối, nhưng bác không có quyền để những người thân yêu của bác cực nhọc. Bác nghe tôi, đừng mơ hồ, ngang ngạnh nữa...

ÔNG TRẦN THIẾT CHUNG: – Bác có ý kiến của bác, tôi có ý kiến của tôi, chúng ta cứ cãi vã với nhau như thế này, không bao giờ có thể xong được. Ấu là bác thích giàu có, sang trọng, bác đã được toại chí rồi đấy; còn tôi, tôi ưa cái đời giản dị tầm thường, bác cứ mặc tôi...

(Trích vở bi kịch **Kim tiền**, Vi Huyền Đắc, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 24, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, Tr.412-414)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định đề tài của đoạn trích?

Câu 2. Đoạn trích trên sử dụng đối thoại hay độc thoại? Chỉ ra những lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 3. Xung đột chính trong đoạn trích là gì?)

Câu 4. Chỉ ra cái đúng, cái sai trong lí lẽ của nhân vật Cự Lợi?

Câu 5. Chỉ ra cái đúng, cái sai trong lí lẽ của nhân vật Trần Thiết Chung?

Câu 6. Xác định chủ đề của đoạn trích?

Câu 7. Anh/ chị rút ra được bài học gì cho bản thân mình sau khi đọc đoạn trích trên?

Câu 8. Phân tích ngắn gọn nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả được thể hiện qua đoạn trích trên

ĐÁP ÁN GỢI Ý

Câu	Nội dung
1	Đề tài: Vấn đề đồng tiền trong cuộc sống.
2	<ul style="list-style-type: none"> – Đoạn trích trên sử dụng lời đối thoại: đó là cuộc đối thoại giữa Trần Thiết Chung và Cự Lợi. – Những lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong đoạn trích: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Hơi phật ý vì thấy bạn nói tràn không nể mặt mình</i> + <i>Cười gằn</i>
3	Xung đột chính trong đoạn trích là xung đột về quan điểm sống giữa Trần Thiết Chung và Cự Lợi: Cự Lợi coi đồng tiền là quan trọng, trong khi Trần Thiết Chung phủ nhận điều đó, đề cao lối sống thanh

	bạch.
4	<p>Chỉ ra cái đúng, cái sai trong lí lẽ của nhân vật Cự Lợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cái đúng: Tiền tự nó không xấu không tốt, cái quan trọng là ở cách người ta sử dụng nó; đồng tiền là phương tiện quan trọng để giúp con người đạt được những mục đích của mình. – Cái sai: <ul style="list-style-type: none"> + Quá ham mê lối sống vật chất thích gì được nấy và muốn áp đặt quan điểm sống đó lên người khác. + Và lại, trong xã hội kim tiền mà Trần Thiết Chung và Cự Lợi sống, nếu muốn kiếm nhiều tiền, hẳn là sẽ phải dùng đến thủ đoạn.
5	<p>Chỉ ra cái đúng, cái sai trong lí lẽ của nhân vật Trần Thiết Chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cái đúng: Nhận thức được trong xã hội hiện thời, nếu bất chấp để kiếm tiền thì sẽ phải đánh mất nhân cách. – Cái sai: Quá bảo thủ, cực đoan, cho mọi thứ liên quan đến tiền đều xấu xa, nhơ bẩn.
6	<p>Chủ đề của đoạn trích:</p> <p>Thông qua cuộc đối thoại giữa Trần Thiết Chung và Cự Lợi, tác giả ngầm phê phán lối sống đam mê vật chất, chạy theo đồng tiền; phê phán quan niệm bảo thủ, quá coi khinh đồng tiền. Đồng thời, tác giả cũng muốn mọi người hãy có cách nhìn nhận và hành xử đối với đồng tiền một cách hợp lí, để vừa giữ được nhân cách, vừa không rơi vào cảnh sống đói khổ, cùng cực.</p>
7	<p>Học sinh được tự do rút ra bài học, miễn là phù hợp và liên quan đến nội dung của đoạn trích. Tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần có quan niệm đúng đắn về đồng tiền: đồng tiền tự nó không tốt cũng không xấu, điều đó tùy thuộc vào mục đích kiếm tiền và sử dụng đồng tiền. – Cần tránh xa lối suy nghĩ cực đoan: quá coi trọng đồng tiền hoặc quá khinh rẻ đồng tiền. <p>Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của tác giả được thể hiện qua đoạn trích:</p>

8	<ul style="list-style-type: none"> – Ngôn ngữ giàu tính triết lí, giúp làm nổi bật tư tưởng của tác giả. – Ngôn ngữ có tính cá thể hóa, thể hiện rõ nét tính cách của nhân vật. – Ngôn ngữ đối thoại căng thẳng, kịch tính, góp phần tạo xung đột, làm nên sức hấp dẫn của đoạn trích.
---	---

ĐỀ SỐ 2

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu sau:

Đế Thích: Ông Trương Ba... (dẫn đo rất lâu rồi quyết định) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ giúp cu Tị hồi sinh, dù có phải chịu hình phạt nặng... Nhưng còn ông... cuối cùng ông muốn sống lại trong thân thể của ai?

Hồn Trương Ba: (sau một thời gian suy tư): Tôi đã suy nghĩ kỹ... (nói chậm và nhẹ nhàng) Tôi không muốn nhập vào cơ thể của ai nữa! Tôi đã qua đời rồi, hãy để tôi yên nghỉ đi!

Đế Thích: Không thể! Việc ông phải chết chỉ là một sự nhầm lẫn của quan thiên đình. Lỗi lầm đó đã được sửa bằng cách hồi sinh hồn ông.

Hồn Trương Ba: Có những lỗi lầm không thể sửa chữa. Sửa chữa và ép buộc chỉ làm tăng thêm sai lầm. Chỉ có cách là không bao giờ mắc lỗi nữa, hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác. Hành động đúng ngay lúc này là hồi sinh cu Tị. Còn với tôi, hãy để tôi yên nghỉ...

Đế Thích: Không! Ông phải sống, bất kể giá nào...

Hồn Trương Ba: Không thể tồn tại với bất kỳ chi phí nào, ông Đế Thích ạ! Có những giá trị quý giá đến mức không thể mua được... Kỳ lạ thật, sau khi tôi đã đủ dũng cảm để đưa ra quyết định này, tôi bỗng cảm thấy như là chính mình, tâm hồn tôi trở nên yên bình, trong sáng như ngày xưa...

Đế Thích: Ông có biết mình quyết định điều gì không? Ông sẽ không còn mảnh kiếp nào nữa, không thể tham gia vào bất kỳ niềm vui hay nỗi buồn nào! Thậm chí, cả sự hối hận về quyết định này, ông cũng không thể trải qua.

Hồn Trương Ba: Tôi hiểu. Ông nghĩ rằng tôi không muốn sống sao? Nhưng sống như thế này, thậm chí còn tệ hơn cả cái chết. Và không phải chỉ mình tôi khổ! Những người thân của tôi cũng sẽ phải chịu khổ vì tôi! Và còn lý do gì để khuyên con trai tôi bước vào con đường chính đáng? Cuộc sống giả dối này còn mang lại lợi ích cho ai? Chỉ có lãnh đạo cổ trướng và bọn tham lam mới có lợi. Đúng, chỉ có những kẻ đau khổ mới là người hưởng lợi.

(Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục – 2008, tr.151-152)

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của nhà viết kịch Lưu Quang Vũ. Hãy giới thiệu vài điểm đặc biệt của vở kịch này.

Câu 2. Đề cập chủ đề của đoạn trích.

Câu 3. Vì sao Hồn Trương Ba quyết định “không muốn nhập vào hình thù ai nữa”? Quyết định này thể hiện điều gì trong tâm hồn Hồn Trương Ba?

Câu 4.

Anh/chị ủng hộ quyết định của Hồn Trương Ba không? Tại sao?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1: Giới thiệu sơ lược về vở kịch 'Hồn Trương Ba, da hàng thịt' của Lưu Quang Vũ:

- Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong những tác phẩm nổi tiếng của Lưu Quang Vũ. Vở kịch được viết vào năm 1981 nhưng chỉ ra mắt công chúng vào năm 1984, và từ đó đã được biểu diễn nhiều lần trên các sân khấu.
- Tác phẩm này được viết dựa trên một câu chuyện dân gian, nhấn mạnh vào sự kiên quyết của tinh thần con người chống lại sự chi phối của thể xác và phàm trần.
- Vở kịch bao gồm 7 cảnh và một đoạn kết.

Câu 2: Chủ đề của đoạn trích: Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích thể hiện quyết định kiên định của Hồn Trương Ba chọn cái chết để trở thành chính mình.

Câu 3:

- Mặc dù mong muốn sống (“Ông tưởng tôi không muốn sống à?”), nhưng Hồn Trương Ba quyết định từ chối “không muốn nhập vào hình thù ai nữa” vì ông hiểu rõ nỗi đau của việc sống dựa vào thân xác của người khác. Ông không muốn những người thân của mình phải chịu khổ, phải bị ảnh hưởng vì quyết định của mình.
- Bằng cách từ bỏ cuộc sống mượn mà sống, Hồn Trương Ba đã chiến thắng sự giả tạo, trở lại với bản nguyên trong sạch, nhân hậu và mong ước sống cao quý của mình (“tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi lại trở lại thanh thản, trong sáng như xưa”).

Câu 4: Cách giải quyết của Hồn Trương Ba là duy nhất và hoàn hảo nhất dù có thể khiến Hồn Trương Ba mãi mãi rời xa cuộc đời này, thậm chí “cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa”. Chỉ khi “chết hẳn”, Hồn Trương Ba mới đạt được sự thanh thản, trong sáng; những người thân của Trương Ba cũng sẽ không phải chịu đựng vì ông nữa; thằng con của Trương Ba cũng sẽ có cơ hội lựa chọn con đường đúng đắn. Đến phút cuối cùng, Hồn Trương Ba vẫn giữ một tâm hồn nhân hậu và rộng lượng.

ĐỀ SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hồn Trương Ba: (sau một chút suy nghĩ) Ông Đế Thích ơi, tôi không thể tiếp tục sống trong thân xác vật chất này nữa, không thể chấp nhận được!

Đế Thích: Tại sao vậy? Có điều gì không ổn à!

Hồn Trương Ba: Không thể sống đồng thời ở hai thế giới khác nhau. Tôi muốn được tự do và toàn vẹn.

Đế Thích: Ông cứ tưởng mọi người đều có thể tự do và toàn vẹn ư? Thậm chí tôi cũng không được. Ở bên ngoài, tôi không thể sống theo ý mình. Ngọc Hoàng cũng vậy, thường phải tuân thủ theo danh vị Ngọc Hoàng. Dưới trần gian, trên thiên đình đều vậy, ngoại trừ ông. Ông đã bị gạch tên khỏi sổ Nam Tào. Thân thể ông đã tan biến trong bùn đất, chỉ còn lại dáng hình mờ nhạt của ông thôi!

Hồn Trương Ba: Sống dựa vào tài sản, của cải của người khác, thực sự không nên. Bây giờ, thân thể của tôi cũng phải sống nhờ vào thân hình này. Ông chỉ muốn tôi tiếp tục sống, nhưng việc sống ra sao thì ông không cần biết!

(Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục – 2008, tr.149)

Câu 1. Đoạn trích trên xuất phát từ tác phẩm nào? Nó thuộc thể loại gì? Hãy giới thiệu một số đặc điểm của thể loại này.

Câu 2. Chủ đề chính của đoạn trích là gì?

Câu 3. Hồn Trương Ba thể hiện thái độ nào đối với tình hình 'Tôi muốn được là tôi toàn vẹn'? Hãy mô tả cảm nhận về tâm hồn của nhân vật Hồn Trương Ba.

Câu 4. Theo bạn, con người cần phải sống như thế nào?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1: Đoạn trích trên xuất phát từ tác phẩm 'Hồn Trương Ba, da hàng thịt'

- Tác phẩm thuộc thể loại kịch.

- Kịch là một trong ba hình thức thể hiện hiện thực bằng hình tượng (trữ tình, tự sự, kịch) và là một trong bốn thể loại cơ bản của văn học (thơ, kí, truyện, kịch).

- Kịch là hình thức phản ánh cuộc sống bằng cách khám phá, phát hiện những mâu thuẫn, xung đột trong đời sống thực tại, sau đó diễn đạt thông qua hành động và ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật

Câu 2: Chủ đề của đoạn trích là: Mâu thuẫn giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích thể hiện sự kiên quyết từ chối, không chấp nhận cảnh sống “bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo”

Câu 3:

- Trước vấn đề 'Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.', Trương Ba thể hiện sự kiên quyết từ chối. Trong lời thoại của Hồn Trương Ba, ta thấy điều này được lặp lại nhiều lần: không thể, không thể, không thể. Ngoài ra, ông cũng mạnh mẽ chỉ ra sai lầm của Đế Thích: “Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!”.

- Thái độ kiên quyết từ chối cảnh sống “bên trong một đảng, bên ngoài một nẻo”, sống nhờ thân xác của người khác, là minh chứng cho tâm hồn trong sạch, ngay thẳng, và tự trọng của Hồn Trương Ba.

Câu 4: Dựa vào hai quan điểm chính dưới đây để viết bài

- Cuộc sống của con người thật quý giá, nhưng sống đúng với bản thân, sống trọn vẹn những giá trị mình mong muốn và theo đuổi là điều còn quý hơn. Ý nghĩa thực sự của cuộc sống nằm ở việc sống tự nhiên, hài hòa giữa tâm hồn và thể xác.

- Con người cần phải liên tục đấu tranh với khó khăn, với chính mình, chống lại sự vật chất để hoàn thiện bản thân và tiến tới những giá trị tinh thần cao quý: điều này thể hiện qua cuộc đối thoại với thân xác bề ngoài.

ĐỀ SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Hồn Trương Ba: (ngồi ôm đầu một lúc sau đứng dậy) Không! Không! Tôi không muốn tiếp tục sống như thế này mãi! (nhìn xung quanh) Tôi đã chán cái nơi ở không thuộc về mình rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể này, thô lỗ và kèn cựa, khiến ta sợ hãi, ta chỉ

muốn thoát ra khỏi nó ngay tức khắc! Nếu tâm hồn ta có thể tự do, ta mong muốn nó được giải phóng khỏi thân xác này, dù chỉ là một thoáng phút!

(Tại đây, bắt đầu màn kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác”. Trên sân khấu, Hồn Trương Ba tách ra khỏi thân xác và hiện thân dưới dạng nhân vật Trương Ba thật. Thân thể thịt vẫn ngồi yên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.)

Xác thật: (bắt đầu) Vô ích, linh hồn nhạt nhòa của ông Trương Ba kia, ông không thể thoát ra khỏi tôi, dù chỉ là thân xác...

Hồn Trương Ba: A, mày cũng biết nói à? Vô lý, mày không thể nói chuyện! Mày không có giọng nói, chỉ là một thân xác vô tri không lời...

Xác thật: Đúng đấy! Thân xác có giọng nói đấy! Ông đã biết giọng nói của tôi rồi, đã bị nó sai khiến liên tục. Chính bởi vẻ u ám, vô tri của mình mà tôi có sức mạnh ghê gớm, đôi khi thậm chí áp đặt lên cả linh hồn trong sạch của ông đấy!

Hồn Trương Ba: Nói dối! Mày chỉ là lớp vỏ bề ngoài, không mang ý nghĩa gì cả, không có tư duy, không có cảm xúc!

Xác thật: Thực sự thế không?

Hồn Trương Ba: Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ hèn mọn, mà bất kỳ loài thú nào cũng có: ham ăn ngon, ham rượu thịt...

Xác thật: Chắc chắn, chắc chắn. Tại sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, gần như...

Hồn Trương Ba: Im lặng! Đó là mày, là chính mày, chân tay mày, hơi thở của mày...

Xác thật: Tôi cũng không ghen tỵ chút nào! Ai lại ghen tỵ với bản thân mình chứ! Tôi chỉ đau đầu vì tại sao đêm đó ông bỏ trốn, mất tích một cách vô lý!... Nhưng, để ta thật lòng một chút: Ông không cảm thấy hào hứng gì à? Cái món tiết canh, cổ hũ, khâu đuôi, và những điều khác đều làm cho tâm hồn ông bồi hồi cảm xúc phải không? Để hài lòng tôi, ông không muốn tham gia chút gì không? Nào, trả lời thật lòng đi!

Hồn Trương Ba: Ta... ta... đã nói mày im lặng đi!

Xác thật: Rõ ràng là ông không dám đáp. Ông không thể che giấu gì được khỏi tôi! Hai ta đã hoà nhập vào một rồi!

Hồn Trương Ba: Không! Ta vẫn giữ một cuộc sống riêng: nguyên vẹn, trong trắng, thẳng thắn...

Xác thật: Thật buồn cười! Khi ông phải tồn tại nhờ vào tôi, tuân theo yêu cầu của tôi, mà vẫn tự nhận mình là nguyên vẹn, trong trắng, thẳng thắn!

Hồn Trương Ba: (bịt tai lại) Ta không muốn nghe mày nữa!

Xác thật: (lắc đầu) Ông cứ bịt tai lại đi! Không thể tránh khỏi tôi đâu! Thực ra ông nên biết ơn tôi. Tôi đã mang lại sức mạnh cho ông. Ông còn nhớ khi ông tát thẳng con, máu chảy không? Sức mạnh của tôi đã giúp con giận của ông trở nên mạnh mẽ hơn... Ha ha!

Hồn Trương Ba: Ta không cần sức mạnh biến ta thành một kẻ tàn bạo.

Xác thật: Nhưng ông phải thừa nhận tôi là phần thiết yếu mà ông phải phục tùng! Đừng đổ lỗi cho tôi... (buồn rầu) Sao ông coi thường tôi như vậy? Tôi cũng đáng được tôn

trọng đây! Tôi là cái bình chứa linh hồn. Nhờ có tôi, ông có thể làm việc, trải nghiệm cuộc sống. Tôi là cầu nối giữa ông và thế giới xung quanh... Khi muốn làm tổn thương tinh thần của con người, họ thường làm tổn thương thể xác... Những người nổi tiếng như ông thường coi tâm hồn quan trọng, nhưng lại bỏ qua sự khổ sở của thân xác... Mỗi khi tôi đòi ăn, đòi thịt, có gì sai đâu? Sai ở chỗ không đủ đầy cho tôi...

Hồn Trương Ba: Nhưng... Nhưng...

Xác thịt: Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ! Từ này đến giờ chỉ có ông nói nặng lời với tôi, còn tôi vẫn lịch sự với ông đấy. (thì thầm) Tôi biết cách chiêu chuộng linh hồn.

Hồn Trương Ba: Chiêu chuộng?

Xác thịt: Chứ sao? Tôi thông cảm với những “trò chơi tâm hồn của ông”. Nghĩa là: Khi một mình, ông cho rằng mình có tâm hồn cao khiết, chỉ vì hoàn cảnh, để sống mà không phải nhường nhịn tôi. Sau khi làm điều gì xấu, ông lại đổ tội cho tôi, để lòng nhẹ nhõm. Tôi hiểu: Ông cần bảo vệ tự ái. Tâm hồn rất quan trọng! Ha ha, miễn là... ông vẫn thỏa mãn thêm khát của tôi!

Hồn Trương Ba: Lí lẽ của anh thật đê tiện!

Xác thịt: Ấy đúng rồi, ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi! Không phải lí lẽ của tôi, tôi chỉ nhắc lại những điều ông thường nói với mình và người khác thôi! Hai ta vẫn là một!

Hồn Trương Ba: (như hoảng sợ) Trời ơi!

Xác hàng thịt: (an ủi) Ông đừng lo lắng! Tôi không muốn gây khổ cho ông, vì tôi cũng cần ông. Hãy ngừng tranh cãi đi! Không còn lựa chọn nào khác! Chúng ta phải sống hòa hợp với nhau thôi! Hồn này của tôi, hãy trở về với tôi đi!

(Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục – 2008, tr.143-146)

Câu 1. Đoạn trích trên được lấy từ tác phẩm nào? Của tác giả nào? Hãy giới thiệu về tác giả đó.

Câu 2. Chủ đề của đoạn trích là gì?

Câu 3. Xác định lối diễn ngôn ngữ của đoạn trích.

Câu 4. Phân tích tâm trạng bi kịch của Hồn Trương Ba khi sống trong xác anh hàng thịt.

Câu 5. Anh/chị đồng ý hay phản đối những lập luận của anh hàng thịt trong phần đoạn trích in đậm? Vì sao?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1: Đoạn trích trên được trích từ tác phẩm Hồn Trương Ba, da hàng thịt của nhà văn Lưu Quang Vũ.

- Giới thiệu một số đặc điểm về tác giả:

- Lưu Quang Vũ là một nghệ sĩ đa tài: Viết thơ, vẽ tranh, sáng tác truyện, viết luận, nhưng thành công lớn nhất trong việc soạn kịch. Ông được công nhận là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại.
- Công trình sáng tác của Lưu Quang Vũ thường phản ánh những vấn đề nóng hổi trong xã hội, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới của đất nước, đồng thời mang lại sự phong phú cho sân khấu Việt Nam hiện đại. Kịch của ông thường thu hút người đọc, người xem không chỉ bằng những xung đột xã hội mạnh mẽ mà còn bằng những mâu

thuần trong lối sống và quan điểm về cuộc sống, qua đó khẳng định ước vọng về sự hoàn thiện của cuộc sống và con người.

Câu 2: Chủ đề của đoạn trích: Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba và xác hàng thịt về sức mạnh của tâm hồn và thân xác.

Câu 3: Phần văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Cơ sở xác định: Đoạn văn thể hiện rõ các đặc điểm của phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

- Tính hình tượng: Trong đoạn văn, hai nhân vật Hồn Trương Ba và xác hàng thịt được miêu tả với những lời nói, cử chỉ, tính cách và quan điểm sống cụ thể.
- Tính truyền cảm: Đoạn văn mang lại cho độc giả cảm giác buồn bã, thất vọng trước sự thống trị, chiếm lĩnh của cái thể xác đối với những giá trị trong sáng, cao quý trong con người.
- Tính cá nhân hóa: Mỗi nhân vật (Hồn Trương Ba, xác hàng thịt) được thể hiện qua phong cách riêng biệt trong lời nói của họ. Hồn Trương Ba đau khổ, đau đớn, trong khi xác hàng thịt lại biểu hiện sự chế nhạo và không ngừng đưa ra những lý lẽ không tôn trọng.

Câu 4: Bi kịch của linh hồn Trương Ba khi bị giam cầm trong thể xác hàng thịt:

Linh hồn Trương Ba phải chịu đựng trong hoàn cảnh đau đớn và phi lý, bị thân xác hàng thịt điều khiển và kiểm soát.

Câu 5: Những lý do của anh hàng thịt trong đoạn văn in đậm vừa hợp lý vừa không hợp lý:

Hợp lý: Trong mối quan hệ với linh hồn, thân thể đóng vai trò quan trọng, là nơi chứa đựng linh hồn và giúp linh hồn tồn tại. Phần này đáng được chấp nhận.

ĐỀ SỐ 5

Tóm tắt vở kịch: Sau khi đánh thắng giặc, trên đường trở về, Măcбет được những mục phù thủy báo cho biết trước là sẽ được làm vua. Từ đó lòng tham của Măcбет bắt đầu nảy nở, lại thêm bị vợ luôn xúi giục, Măcбет ngày càng ham muốn chiếm đoạt ngai vàng. Nhân cơ hội vua Đơncan đến thăm và ngủ đêm tại lâu đài của y, y đã hạ sát nhà vua. Con của vua Đơncan là Mancôm chạy trốn sang Anh. Măcбет lên ngôi vua xứ Xcôtlen. Nhưng mục phù thủy cũng tiên đoán Bancô, một võ tướng, sau này sẽ là tổ phụ của một dòng vua. Muốn ngăn ngừa hậu họa và củng cố địa vị của mình, Măcбет đã giết nốt cả Bancô, nhưng con trai của Bancô chạy thoát. Nắm quyền hành trong tay, càng ngày Măcбет càng tỏ ra chuyên quyền, tàn bạo. Vì bị ám ảnh bởi tội ác và lo sợ quyền lực bị lung lay, y thẳng tay chém giết bất cứ người nào có thái độ chống đối. Nhân dân khắp nơi căm phẫn nổi dậy chống lại y. Mancôm được sự giúp đỡ của vua Anh đã đem quân trở về Xcôtlen. Trong một trận huyết chiến, Măcбет đã bị chặt đầu. Trước đó ít lâu, vợ y vì sợ hãi và dẫn vật về tội ác đã phát điên và tự tử.

Đoạn trích sau đây thuộc hồi Ba, cảnh II, là đoạn đối thoại giữa Măcбет và vợ, sau khi Măcбет đã giết vua Đơncan để cướp ngôi.

CẢNH II

(Hoàng cung)

VỢ MĂCBET: (*nói một mình*): – Nếu ước mong đã thành mà lòng còn chưa thỏa thì có khác gì xôi hỏng bỏng không. Thà cam chịu số phận của kẻ mình đã ám hại còn yên thân hơn là chính tay mình ám hại mà phải sống trong một niềm vui bất trắc.

Măcbet ra.

VỢ MĂCBET: – Kìa sao ông lại cứ lủi thủi một mình, áp ủ những điều tưởng tượng đau buồn đen tối? Tại sao cứ vương vấn mãi với những ý nghĩ đáng lí phải chết đi theo những kẻ gây ra những ý nghĩ đó. Những việc không cứu vãn được nữa thì quan tâm làm gì. Việc đã xong là xong. MĂCBET: – Chúng ta mới chỉ đánh rắn bị thương, chưa giết chết hẳn. Vết thương lành lại, rắn lại như xưa; còn mưu toan khôn khéo của chúng ta vẫn bị nanh độc của nó đe dọa. Thà rằng vũ trụ tan vỡ, đất trời sụp đổ, còn hơn là hằng ngày phải ăn trong kinh hoàng, đêm đêm bị ám ảnh bởi những giấc mơ hãi hùng, thao thức quằn quại thâu đêm. Thà chết đi với kẻ đã khuất, kẻ mà để có được sự thỏa mãn tham vọng, chúng ta đã đưa tới chỗ yên nghỉ ngàn năm, còn hơn phải sống trong lo âu, khắc khoải đau khổ liên miên. Đoncan đã xuống mồ. Thế là sau những cơn sốt hãi hùng của cuộc sống, y đã được yên nghỉ. Phản trắc đã hoàn thành tội ác. Gươm đao, độc dược, tôi tớ bất trung, giặc ngoại xâm, không gì còn có thể động chạm tới y được nữa!

VỢ MĂCBET: – Bình tâm lại, ông ơi! Đừng cau có, giận dữ thế. Đêm nay giữa đám đông khách dự yến, ông phải làm sao cho tươi tỉnh vui vẻ mới được!

MĂCBET: – Tôi sẽ cố gắng, cả bà nữa cũng phải thế. Nhất là đối với Bancô. Bà nên tỏ vẻ tôn kính y cả trong khước mắt lẫn trong lời nói: chúng ta chưa được yên thân đâu nên phải ngọt nhạt chiều lòng thiên hạ để giữ gìn địa vị cao sang này, phải lấy vẻ mặt làm mặt nạ che giấu lòng mình, nguy trang thâm tâm chúng ta đi.

VỢ MĂCBET: – Ông phải gạt bỏ những ý nghĩ ấy đi!

MĂCBET: – Này bà! Tâm trí tôi chứa đầy rắn rết độc địa. Bà biết chứ, Bancô và Flinxơ con y còn sống sờ sờ ra đó.

VỢ MĂCBET: – Nhưng trên sổ thiên tào, mệnh chúng đâu phải là bất tử. MĂCBET: – Yên tâm được chính là vì thế đấy. Có thể trừ chúng được. Vậy mình hãy vui lên; đêm nay trước khi đàn doi bay đi kiếm mồi quanh hàng hiên, trước khi theo tiếng gọi của nữ thần Hikê⁷ âm u, bọ hung cất đôi cánh cứng bóng bay vù vù rung lên nhạc điệu buồn ngủ của đêm trường thì một việc khủng khiếp sẽ xảy ra.

VỢ MĂCBET: – Việc gì thế?

MĂCBET: – Hậu yêu quý, hãy khoan đừng nên biết vội, đợi đến lúc đó bà sẽ vỗ tay reo mừng. Màn đêm mịt mù, buông xuống đi thôi. Hãy bịt chặt lấy đôi mắt dụ hiên của ban ngày tội nghiệp. Hãy vung bàn tay đầm máu vô hình của người mà xóa sạch, xé tan sợi dây oan nghiệt đã làm cho ta phải e sợ tê tái. Trời tối dần rồi, quạ đã sải cánh bay về tổ trong rừng âm u, những vật tốt đẹp của ban ngày chìm dần trong giấc ngủ, ác quỷ đen tối của đêm trường trỗi dậy tìm mồi. Những lời nói của tôi làm bà ngạc nhiên lắm nhĩ; nhưng thôi cứ yên tâm nán chờ. Sự tình đã xấu chỉ có làm xấu nữa mới tốt lên được. Nào, ta đi thôi.

Cả hai vào.

(Trích *Măcbet*, William Shakespeare, in trong *William Shakespeare – Tuyển tập tác phẩm*, NXB Sân khấu – Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2006, Tr.450-452)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Liệt kê những lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2. Đoạn trích trên có sự xuất hiện của bao nhiêu nhân vật? Đó là những nhân vật nào?

Câu 3. Dựa vào phần tóm tắt và hai câu nói của Măcbet (*Bancô và Flinxơ con y còn sống sờ sờ ra đó; một việc khủng khiếp sẽ xảy ra*), hãy cho biết Măcbet đang âm mưu thực hiện điều gì? Nhằm mục đích gì ?

Câu 4. Nêu tóm tắt nội dung của đoạn trích ?

Câu 5. Dựa vào phần tóm tắt và nội dung đoạn trích, anh/ chị có nhận xét gì về tính cách nhân vật người vợ của Măcbet ?

Câu 6. Phân tích ngắn gọn tâm trạng của nhân vật Măcbet trong đoạn trích?

Câu 7. Chỉ ra hiệu ứng thanh lọc của đoạn trích? Hiệu ứng đó có tác động như thế nào đối với nhận thức của anh/ chị?

Câu 8. Anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nhận xét về ngôn ngữ kịch được sử dụng trong đoạn trích?

Câu	Nội dung
1	Những lời chỉ dẫn sân khấu được sử dụng trong đoạn trích: <i>nói một mình, Măcbet ra, cả hai vào.</i>
2	Đoạn trích có sự xuất hiện của hai nhân vật. Đó là Măcbet và vợ Măcbet.
3	<ul style="list-style-type: none"> – Măcbet đang âm mưu thực hiện việc giết hai cha con Bancô và Flinxơ. – Mục đích: Để giữ vững ngai vàng của mình, vì mụ phù thủy cũng tiên đoán Bancô sau này sẽ là tổ phụ của một dòng vua.
4	Tóm tắt nội dung đoạn trích: Sau khi giết Đoncan và cướp ngôi vua, Măcbet sống trong tâm trạng lo âu, sợ hãi. Vợ Măcbet khuyên nhủ chồng phải quên đi những việc đã làm để đối phó với tình hình trước mắt. Nhằm củng cố ngai vàng của mình, Măcbet âm mưu giết hai cha con Bancô và Flinxơ.
5	Nhận xét về nhân vật vợ Măcbet: <ul style="list-style-type: none"> – Một người đàn bà mưu mô, xảo quyệt, đầy tham vọng. – Một người đàn bà sắt đá, không hề day dứt về những tội ác mà mình đã gây ra.
6	Phân tích ngắn gọn tâm trạng của nhân vật Măcbet: <ul style="list-style-type: none"> – Tâm trạng kinh hoàng, luôn bị ám ảnh bởi tội ác mình đã gây ra.

	<ul style="list-style-type: none"> – Tâm trạng lo âu khắc khoải vì sợ hậu họa và sợ ngại vàng của mình bị lung lay. – Chuyển sang tâm trạng hân hoan khi nghĩ đến kế hoạch giết chết cha con nhà Bancô.
7	<ul style="list-style-type: none"> – Hiệu ứng thanh lọc của đoạn trích: Qua tâm trạng của kinh hoàng, lo âu của Măcbet, người đọc thấy được cái giá phải trả khi gây ra tội ác: con người sẽ phải sống trong dằn vặt, đau khổ, không một giây phút nào được thanh thản, bình yên. – Tác động đối với bản thân: Nhắc nhở bản thân luôn sống lương thiện, luôn hành xử đúng với đạo lí, để có được một đời sống nội tâm thanh thản, hạnh phúc.
8	<p>Nhận xét về ngôn ngữ kịch được sử dụng trong đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ngôn ngữ kịch trang trọng, sử dụng nhiều cách nói hoa mỹ, hình ảnh. – Ngôn ngữ kịch góp phần quan trọng trong việc khắc họa tính cách nhân vật. – Ngôn ngữ kịch thể hiện sinh động diễn biến tâm trạng của nhân vật.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN - Tiết:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT **CÂU RÚT GỌN VÀ CÂU ĐẶC BIỆT**

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- HS nhận biết được đặc điểm của câu rút gọn và câu đặc biệt câu đặc biệt và hiểu được chức năng của các kiểu câu này để sử dụng một cách hiệu quả.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức

1. **Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức
2. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.
4. **Tổ chức thực hiện hoạt động.**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm, - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của câu đặc biệt và câu rút gọn <p>Câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về câu rút gọn và câu đặc biệt? (Khái niệm, tác dụng) - Em hãy nêu 1 số vd về về câu rút gọn và câu đặc biệt mà em biết. - Phân biệt câu rút gọn và câu đặc biệt? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên. <p>Bước 3: Báo cáo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. <p>Bước 4: Đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>Kiến thức cần nhớ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu rút gọn là câu có thành phần câu (thường là thành 	<p>TÀI LIỆU CỦA GV CUNG CẤP THÊM</p> <p>1. Câu rút gọn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: là câu có thành phần câu (thường là thành phần chính) bị lược. - Tùy theo hoàn cảnh, mục đích nói hay viết mà chúng ta có thể lược bỏ những thành phần sao cho phù hợp. Tuy nhiên cần đảm bảo đúng nội dung cần truyền đạt và câu văn không trở nên cộc lốc, thiếu lịch sự. <p>Ví dụ 1:</p> <p>Câu đầy đủ là: Hai ba người chạy tới. Rồi bốn năm, sáu bảy người cùng chạy tới.</p> <p>Câu rút gọn là: Hai ba người chạy tới. Rồi bốn năm, sáu bảy người.</p> <p>Ở đây thành phần vị ngữ "chạy tới" đã bị lược bỏ. Nếu sử dụng như câu đầy đủ, thành phần này sẽ bị lặp lặ. Do vậy, việc rút gọn này đã làm cho câu văn sau xúc tích hơn và vẫn đảm bảo người đọc, người nghe hiểu được ý khi đặt trong ngữ cảnh của câu phía trước.</p> <p>Ví dụ 2:</p> <p>Câu đầy đủ là: Bao giờ bọn mình được nghỉ hè nhỉ? - Tuần sau mình được nghỉ rồi.</p> <p>Câu rút gọn là: Bao giờ nghỉ hè nhỉ? - Tuần sau.</p> <p>Ở đây thành phần chủ ngữ và vị ngữ "mình được nghỉ" đã bị lược bỏ. Câu trả lời chỉ bao gồm thành phần trạng ngữ. Cách nói này thường được sử dụng hàng ngày để truyền đạt thông tin ngắn gọn và nhanh hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại câu rút gọn: Thành phần chính của câu bao gồm chủ ngữ và vị ngữ. Lược bỏ một trong hai thành phần này ta được câu rút gọn. Do vậy, cách phân loại câu rút gọn dựa trên các yếu tố này. <p>Câu rút gọn phổ biến được chia thành 3 loại là: câu rút gọn chủ ngữ, câu rút gọn vị ngữ, câu rút gọn cả chủ ngữ và vị ngữ.</p>

phần chính) bị tỉnh lược. Việc tỉnh lược chủ yếu do phương châm tiết kiệm trong việc sử dụng ngôn ngữ, nhất là khi nói (lược bỏ những thông tin đã biết hoặc bị coi là thừa, lặp), hoặc do dụng ý của người sử dụng (không muốn nêu rõ sự vật, sự việc trong câu).

- Câu đặc biệt là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ-vị ngữ dùng để gọi đáp, nhấn mạnh cảm xúc, liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng, xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc.

- Cần phân biệt câu đặc biệt và câu rút gọn.

+ Câu đặc biệt: không thể khôi phục chủ - vị.

+ Câu rút gọn: Là câu đơn gồm có hai thành phần đã bị lược bỏ đi chủ ngữ hoặc vị ngữ, khi nói hoặc viết sẽ trở thành câu rút gọn nên có thể khôi phục chủ - vị.

+ Câu rút gọn chủ ngữ: Hiểu đơn giản là câu đã được thu gọn chủ ngữ khi sử dụng. Ví dụ:

A: Máy giờ bạn đi ăn?

B: 12 giờ.

+ Câu rút gọn vị ngữ: Là câu mà thành phần vị ngữ đã bị rút ngắn khi giao tiếp. Ví dụ:

A: Sáng nay ai là người dọn vệ sinh?

B: Tớ

+ Câu rút gọn cả chủ ngữ và vị ngữ: Là những câu mà cả thành phần chủ ngữ, vị ngữ đều bị lược bỏ. Ví dụ:

A: Cậu thường đi ngủ lúc mấy giờ?

B: 23 giờ.

- **Tác dụng của câu rút gọn:** Câu rút gọn thường được sử dụng trong văn nói nhiều hơn văn viết vì một số mục đích sau:

+ Giúp câu văn trở nên ngắn gọn hơn, xúc tích hơn những vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin bạn muốn truyền đạt đến người đọc, người nghe.

+ Tránh trường hợp bị lặp từ quá nhiều khiến câu văn trở nên lủng củng, mất đi độ hay, độ trôi chảy.

+ Lược bỏ những chủ ngữ không cần thiết giúp câu bao hàm được ý một cách tổng quát hơn. Từ đó, người nghe tiếp nhận được thông tin nhanh và chính xác hơn.

+ Ngụ ý về hành động, suy nghĩ trong câu là dùng chung cho tất cả mọi người nên bất kỳ ai đều có thể hiểu.

2. Câu đặc biệt

- **Khái niệm:** Câu đặc biệt là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ- vị ngữ.

- **Về cấu tạo:** Câu đặc biệt thường được cấu tạo từ một từ hoặc cụm từ.

- **Tác dụng của câu đặc biệt:** Không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ vị ngữ, những câu đặc biệt được thể một cách ngắn gọn. Chính vì vậy, câu đặc biệt cũng thường xuyên xuất hiện trong giao tiếp, lời ăn tiếng nói hàng ngày, và cả trong văn học. Tuy ngắn gọn, cô đọng và súc tích, câu đặc biệt lại như "người tí hon mang chiếc giày khổng lồ" bởi nó có nhiều chức năng và là một trong những yếu tố không thể thiếu giúp câu văn trở nên phong phú, hấp dẫn hơn.

+ Câu đặc biệt thường dùng để gọi - đáp;

Ví dụ: Con ơi!

+ nhấn mạnh cảm xúc

Ví dụ: "Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu."

+ liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng

Ví dụ: "Tiếng khèn. Tiếng ngựa hí. Náo nức lòng người."

+ xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc

Ví dụ: "Nắng đã lên rồi! Nắng chan hòa xóm núi. Những triền dốc. Những lòng suối và mảng rừng. Chợ vùng cao xôn xao trong nắng mới. **Chợ Đồng Văn.** Ngựa thồ thon vó và đẹp mã từ các dốc đê, ngã đường ùn ùn kéo tới chợ."

3. Phân biệt câu rút gọn và câu đặc biệt: Khác với câu thông thường, câu đặc biệt và câu rút gọn đều không có cấu tạo đầy đủ về mặt hình thức. Chính vì thế hai loại câu này thường gây nhầm lẫn cho người sử dụng. Tuy giống nhau về mặt cấu trúc, hai loại câu này vẫn mang những đặc điểm riêng biệt.

3.1. Giống nhau:

Đều là loại câu có sự bất thường về cấu trúc.

Có cấu tạo là một từ hoặc một cụm từ.

Ngắn gọn, cô đọng, súc tích.

3.2. Khác nhau:

- Về bản chất

+ Câu đặc biệt là câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ và vị ngữ.

+ Câu rút gọn là câu đơn có đủ thành phần chủ ngữ và vị ngữ nhưng khi sử dụng người ta lược bỏ đi một số thành phần như chủ ngữ, vị ngữ hoặc lược bỏ cả chủ ngữ và vị ngữ.

- Về tính xác định thành phần câu

Từ hoặc cụm từ trong câu đặc biệt làm trung tâm cú pháp của câu không thể xác định được từ hoặc cụm từ đó làm thành phần nào trong câu.

Dựa vào hoàn cảnh, có thể xác định được từ hoặc cụm từ bị rút gọn là thành phần gì trong câu.

- Về mức độ khôi phục thành phần câu

Câu đặc biệt không thể khôi phục thành phần câu như chủ ngữ - vị ngữ.

Câu rút gọn có thể khôi phục lại thành phần đã bị lược bỏ trong câu thành câu hoàn chỉnh, đầy đủ.

HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP

1. Mục tiêu:

- HS biết giải quyết được các dạng bài tập

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> - GV phát các phiếu bài tập cho hs - HS nhận phiếu - GV tổ chức và hướng dẫn hs thực hiện việc giải quyết các bài tập - HS thực hiện theo hướng dẫn; Báo cáo sản phẩm đã thực hiện - GV đánh giá và chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - BÀI LÀM CỦA HS - ĐÁP ÁN CỦA GV

Bài 1: Xác định các câu đặc biệt và tác dụng của nó trong các ví dụ dưới đây:

a, Hai chân Nhẫn quàng lên cổ. Quên cả đói, quên cả rét. Con Tô cũng dài bụng ra chạy theo. Song càng đuổi thì càng mất hút. Nhẫn lại tức điên lên.

Câu rút gọn:

– *Quên cả đói, quên cả rét. (rút gọn chủ ngữ)*

– *Song, càng đuổi thì càng mất hút. (rút gọn chủ ngữ)*

=> *Tác dụng: Làm cho câu gọn hơn, tránh lặp từ.*

b, Thật là tuyệt vời! Cả thành phố rực rỡ lên trong muôn ngàn ánh đèn màu từ các bảng hiệu, các dây đèn giăng mắc dọc ngang trước cái nhà hàng, rạp hát.

**Câu đặc biệt:*

– *Thật là tuyệt vời!*

=> *Tác dụng: bộc lộ cảm xúc.*

c, Mưa. Gió. Bão bùng.

**Câu đặc biệt:*

– *Mưa.*

– *Gió.*

– *Bão bùng.*

=> *Tác dụng: liệt kê, thông báo về sự tồn tại.*

d, – Cúc ơi, lớp nào lao động chiều nay?

– *Lớp 5A!*

– *Các bạn ấy làm gì ?*

– *Trồng cây ở vườn trường.*

** Câu rút gọn:*

– *Lớp 5A! (rút gọn vị ngữ)*

– *Trồng cây ở vườn trường. (rút gọn chủ ngữ)*

=> *Tác dụng: đưa thông tin được nhanh.*

Lưu ý: “Cúc ơi” không phải là câu đặc biệt. Nó chỉ là một thành phần phụ của câu (Chú ý dấu phẩy)

E, Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi.

Câu rút gọn:

- Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. (rút gọn chủ ngữ)
- Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. (rút gọn chủ ngữ)
- => Tác dụng: Làm cho câu gọn hơn, tránh lặp từ.

**Câu đặc biệt:*

Một giấc mơ thôi.

=> Tác dụng: biểu đạt cảm xúc.

g, Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không sao cự lại được với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất.

**Câu đặc biệt:*

- Than ôi!
- Lo thay!
- Nguy thay!

=> Tác dụng: Biểu đạt cảm xúc.

h, Thanh!

Dạ!

Mày đi đâu?

Dạ, thưa cô, bà sai con đi mua hạt tiêu.

**Câu đặc biệt:*

- Thanh!
- Dạ!

=> Tác dụng: gọi đáp.

(Lưu ý: phần “Dạ, thưa cô” không phải là câu đặc biệt vì nó chỉ là thành phần câu)

Bài 2: Tìm câu rút gọn và câu đặc biệt trong những ngữ liệu sau. Việc sử dụng những kiểu câu đó có tác dụng như thế nào?

a) *Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết!* (Nam Cao)

b) *Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả: xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao!* (Nam Cao)

c) *Kéo chân về phía ấy, sao cứ dòn cả lại cho mẹ thế này. U, không đói thì thôi, Khuya rồi. Ngủ đi, mai còn đi làm sớm, con ạ.* (Phong Điệp)

d) *Bà vợ hỏi lại: “Ông có đứng máy được không?”. Ông chồng trả lời: “Không.” – “Ông có sắp chữ được không?”, – “Không”. (Nguyễn Khải)*

Gợi ý:

- a) Câu đặc biệt: Trông gớm chết!
- b) Câu rút gọn: Mà chửi mới sướng miệng làm sao! Mới ngoa ngoắt làm sao!
- c) Câu đặc biệt: Khuya rồi.

d) Câu rút gọn: Không.

=> Việc sử dụng những câu đặc biệt, câu rút gọn trong các ngữ liệu trên có tác dụng miêu tả được rõ ràng hành động, thái độ, tình cảm của nhân vật đối với vấn đề hữu quan.

Bài 3: Hãy viết một đoạn văn có sử dụng có sử dụng câu rút gọn, câu đặc biệt

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Lớp dạy:

TUẦN- Tiết

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH)

A. MỤC TIÊU

I. Năng lực

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Biết viết văn bản bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS nắm được cấu trúc của bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học thuộc thể loại kịch

- HS viết được bài văn nghị luận văn học bằng cách nêu vấn đề theo giới hạn nội dung của phần *Viết*, bài viết có bố cục rõ ràng, triển khai các phần hợp lí (có hệ thống luận điểm, sử dụng lí lẽ và bằng chứng làm rõ từng luận điểm), giàu sức thuyết phục.

II. Phẩm chất

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Kiểm tra kiến thức cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Tiến hành ôn tập.

HOẠT ĐỘNG 1: Củng cố tri thức về kiểu bài

1. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức

2. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phiếu bài tập, hoạt động nhóm để ôn tập.

3. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

4. Tổ chức thực hiện hoạt động.

I. YÊU CẦU CỦA BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH)

- Giới thiệu khái quát tác phẩm kịch cần phân tích (tên tác phẩm, tác giả, thể loại,...); nêu nhận xét chung của người viết về tác phẩm.
- Làm rõ được nội dung, chủ đề của tác phẩm
- Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm kịch (cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại, ...), và hiệu quả thẩm mỹ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.
- Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lý lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng từ tác phẩm kịch để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết
- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của truyện.

II. DÀN Ý CƠ BẢN CỦA DẠNG ĐỀ PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC (KỊCH)

Phần	Nội dung
Mở bài	- Giới thiệu tác phẩm kịch; nêu nhận định chung về tác phẩm kịch.
Thân bài	- Phân tích nội dung, chủ đề của tác phẩm kịch - Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (cốt truyện, nhân vật, xung đột, lời thoại, ...)
Kết bài	Khẳng định ý nghĩa, giá trị (hiệu quả thẩm mỹ) của tác phẩm

III. ĐỀ ÔN LUYỆN

Đề 1. Phân tích đoạn trích kịch “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài- Vũ Như Tô” Nguyễn Huy Tưởng)

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI

Lớp I

Vũ Như Tô – Đan Thiềm

Vũ Như Tô – Có việc gì mà bà chạy hốt hơ hốt hải? Mặt bà cắt không còn hột máu.

Đan Thiềm (thở hổn hển) – Nguy đến nơi rồi... Ông Cả!

Vũ Như Tô – Lạ chưa, nguy làm sao? Đài Cửu Trùng chia năm đã được một phần.

Đan Thiềm – Ông trốn đi, mau lên không thì không kịp.

Vũ Như Tô – Sao bà nói lạ? Đài Cửu Trùng chưa xong, tôi trốn đi đâu. Làm gì phải trốn?

Đan Thiềm – Ông nghe tôi! Ông trốn đi! Ông nghe tôi! Ông phải trốn đi mới được!

Vũ Như Tô – Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế là nghĩa gì?

Đan Thiềm – Có nghĩa lắm. Tôi không làm một việc gì vô lí cả. Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết.

Vũ Như Tô – Sao thế?

Đan Thiềm – Loạn đến nơi rồi. Dân gian đói kém nổi lên tứ tung. Giặc Trần Cao trước đã bị quan quân đuổi đánh, nay lại về đóng ở Bồ Đề, thanh thế rất mạnh. Trong triều, Nguyên Quận công Trịnh Duy Sản vì can vua mà bị đánh, nay mưu với mấy tên đồng chí, giả mượn tiếng đi dẹp giặc rồi quay binh về làm loạn. Vũ Như Tô – Tôi làm gì nên tội?

Đan Thiềm – Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khổ hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông. Cứu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ đẩy nghĩa cốt giết ông, phá Cứu Trùng Đài.

Vũ Như Tô - Phá Cứu Trùng Đài? Không đời nào! Mà tôi thì không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm.

Đan Thiềm – Ông phải trốn đi. (Có tiếng quân ầm ầm, tiếng trống, tiếng chiêng tiếng tù và, tiếng ngựa hí). Ông phải trốn đi (lời có vẻ van lơn). Trong lúc biến cố này, ông hãy tạm lánh đi. Khi dân nổi lên, họ nông nổi vô cùng. Họ không phân biệt phải trái. Ông trốn đi. Tài kia không nên để uống. Ông mà có mệnh hệ nào thì nước ta không còn ai tô điểm nữa.

Vũ Như Tô - Bà không nên lo cho tôi. Tôi không trốn đâu. Người quân tử không bao giờ sợ chết. Mà vạn nhất có chết, thì cũng phải để cho mọi người biết rằng công việc mình làm chính đại quang minh. Tôi sống với Cứu Trùng Đài, chết cũng với Cứu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cứu Trùng Đài một bước. Hồn tôi để cả đây, thì tôi chạy đi đâu?

Đan Thiềm – Ông Cá! Ông nghe tôi. Trốn đi để chờ cơ hội khác. Đại sự hồng rồi.

Vũ Như Tô – Đa tạ bà. Tấm lòng của bà, chỉ có lòng cha mẹ tôi mới sánh kịp. Nhưng tôi đã quyết, không chịu rời Cứu Trùng Đài một bước. Tôi quyết ở đây. Đan Thiềm (thất vọng) — Ông Cả ơi!

Lớp II

Những người trên, thêm Nguyễn Vũ.

Nguyễn Vũ (lật đật và xộc xệch) – Kìa, thầy Cả.

Vũ Như Tô – Lạy Cụ lớn.

Nguyễn Vũ – Thầy có biết việc gì không?

Vũ Như Tô – Bẩm Cụ lớn, không. Duy có bà Đan Thiềm đây vừa mới bảo với chúng tôi rằng Nguyên Quận công làm phản.

Nguyễn Vũ (hất hàm hỏi Đan Thiềm) – Thế nào?

Đan Thiềm – Chúng tôi cũng không rõ. Nghe như Quận công làm phản. Cụ lớn có biết tin gì thêm không?

Nguyễn Vũ – Đứng thế đây. Ta vừa chạy đến đây. Thiên tử đâu? Chiều hôm kia ta còn uống rượu trong nội điện với Hoàng thượng.

Đan Thiềm (rú lên) – Cái gì đó? (Có tiếng động âm âm ở xa). Họ tiến lại đây chẳng? (Quay bảo Vũ Như Tô) Ông trốn đi, mau lên, khổ lắm (lắng tai). Có tiếng quân reo... (líu lưỡi).

Nguyễn Vũ – Ta lo cho Hoàng thượng lắm. Duy Sản là một đứa tiểu nhân. Nó vẫn căm giận Hoàng thượng và ta. Ta hồi không can Hoàng thượng, lại để cho Ngài sai đánh nó quá đau, mà lại ở ngay giữa chợ. Thẹn quá hóa giận, đứa tiểu nhân thì nghĩ chỉ đến nghĩa vua tôi!

Đan Thiềm (quay bảo Vũ Như Tô) – Ông định chết ở đây sao? Ông gần quá. Quận công có ưa gì ông đâu?

Vũ Như Tô (sắng) – Bà để mặc tôi. Tôi tự có cách khu xử.

Đan Thiềm – Đây, tiếng reo mỗi lúc một gần. Kìa, thái giám, chắc có tin gì? Nội giám hoảng hốt vào.

Lớp III

Những người trên, thêm Lê Trung Mại

Lê Trung Mại: Bẩm Cụ lớn, nguy đến nơi rồi. Kìa mụ Đan Thiềm sao lại ở đây? Mụ ra là giống quá...

Nguyễn Vũ – Có việc chi, Trung Mại?

Lê Trung Mại – Bẩm Cụ lớn, Trịnh Duy Sản mưu với lũ Lê Quảng Đô, Trịnh Tri Sâm lập vua khác, đêm qua đã kéo quân vào cửa Bắc Thân...

Nguyễn Vũ – Thiên tử đâu?

Lê Trung Mại – Bẩm, nguyên Trịnh Duy Sản sắm sửa thuyền bè khí giới, họp ở bên đò Thái Cực, nói reo lên là đi đánh Trần Cao, rồi đương đêm đem ba nghìn quân Kim Ngô hộ vệ vào cửa Bắc Thân đốt lửa cho sáng...

Nguyễn Vũ (nóng ruột, giậm chân gắt)

- Thiên tử đâu? Nói mau lên.

Lê Trung Mại – Hoàng thượng trông thấy lửa sáng, hốt hoảng tưởng là giặc ập đến vội lên ngựa lên ra cửa Bảo Khánh, trời thì tối mà cứ lao mình đi không đến được gì cả. Khi Ngài qua cửa Thái Học đến ao Chu Tước ở phường Bích Cầu thì vừa gặp Duy Sản...

Nguyễn Vũ – Gặp Duy Sản? Trời! Thế thì còn gì? Nói mau lên.

Lê Trung Mại – Ngài hỏi nó: Giặc ở đâu? Nó không đáp, ngoảnh mặt đi cười nhạt. Ngài quát ngựa về phía tây, nó sai võ sĩ là tên Hạch đuổi theo, đâm vua ngã ngựa rồi giết chết.

Nguyễn Vũ (khóc) – Hoàng thượng ơi! Hạ thần mới nghe câu chuyện đã đoán ngay có sự này (cảm động quá, ngã xuống).

Lê Trung Mại (nức nở) – Khốn nạn, Khâm đức Hoàng hậu thương vua cũng nhảy vào lửa chết... (không nói được nữa).

Vũ Như Tô — Xin Cụ lớn hãy để nghe xem có thực không đã. Không có lẽ... (vực Nguyễn Vũ dậy). Bẩm Cụ lớn.

Nguyễn Vũ (vẫn khóc) — Thực đấy rồi. Thôi để mặc ta. Duy Sản ta đã biết, nó tàn nhẫn vô cùng. Hoàng thượng ơi! Ôn tri ngộ mới được tám năm... Hoàng thượng băng hà, lão thần cũng không yên được với chúng. Ăn lộc của vua, xin chết vì nạn của vua. Lão thần không muốn kéo dài kiếp sống tàn làm gì nữa (rút dao đâm cổ tự tử và ngã lộn ra).

Lê Trung Mại – Trời ơi! Cụ lớn Đông các! (Vực dậy, máu me đầm đìa). Nguyễn Vũ – Thôi mặc ta cho ta chết. Sống chỉ thêm nhục nhã. (Ngất đi). Vũ Như Tô (nhìn Đan Thiềm, nhìn thấy Nguyễn Vũ) – Thảm nào chưa? Lê Trung Mại (sợ người Nguyễn Vũ) – Có lẽ Cụ lớn chết rồi. Sao chóng thế được?

Chết thực rồi.

Đan Thiềm (thở dài) – Biền đến thế là cùng!

Một bọn nội giám nữa vào.

LỚP IV

Những người trên, thêm bọn nội giám khác

Tên nội giám – Trịnh Duy Sản giết Thiên tử, hội triều đình lập con Mục Y Vương là Quang Trí lên ngôi. Có Võ Tả Hầu là Phùng Mai đứng lên mắng quân phản nghịch. Đảng ác bắt Phùng Mai chém ngay ở nhà Nghị sự. Trong triều còn đang rối loạn thì An Hoà Hầu Nguyễn Hoàng Dụ, ở bên Bồ Đề được tin vua bị giết, kéo quân về đốt phá kinh thành. Thợ xây Cửu Trùng Đài quá nửa theo về quân phản nghịch. Tình thế nguy ngập lắm rồi.

Vũ Như Tô – Thợ theo quân phản nghịch? Thế còn Cửu Trùng Đài? Tên nội giám – Kẻ phá, người đốt...

Vũ Như Tô – Vô lí.

Bọn nội giám Vô lí? Vô lí? Để Cửu Trùng Đài làm gì? Vì đâu mà có quân phản nghịch? An Hoà Hầu đang cho tìm mấy lũ cung nữ để phanh thây làm trăm mảnh. Mà không biết tội hay sao?

Vũ Như Tô — Vô lí. (Có tiếng kêu mỗi lúc một gần: “Bạo chúa đã chết. Còn thằng Vũ Như Tô, đem phanh thây trăm mảnh”). Có tiếng đồ ầm ầm. Họ chạy cả). Lê Trung Mại (nháy bọn nội giám) – Tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách. Tham quyền cố vị gì, anh em nghĩ sao?

Bọn nội giám – Chạy đi anh em ơi! (Họ chạy nốt)

LỚP V

Vũ Như Tô - Đan Thiềm

Đan Thiềm – Ông Cả! Ông chạy đi! Ông có nghe tiếng gì không? Quân giặc đang tìm ông đây: trốn đi!

Vũ Như Tô – Họ tìm tôi, nhưng có lí gì họ giết tôi. Tôi có gây oán gây thù gì với ai?

Đan Thiềm – Ông đừng mơ mộng nữa. Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông. Tránh đi! Trốn đi! Đợi thời là thượng sách. Đừng để phí tài trời. Trốn đi!

Vũ Như Tô – Còn bà?

Đan Thiềm – Tôi ở đây. (Có tiếng quân reo dữ dội: “Giết chết Vũ Như Tô, giết chết lũ cung nữ”).

Vũ Như Tô (thản nhiên) — Bà ở đây. Vậy tôi cũng ở đây, nguy hiểm ta cùng chịu. Đan Thiềm – Không được! Tôi chết đi không thiệt hại cho đời. Còn ông, ông phải đi đi mới được. (Có tiếng nhà đổ, tiếng của đổ). Ông đi đi không thì không kịp. (Nàng chấp tay lạy) Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.

Có tiếng giày dép nhón nháo. Bọn cung nữ hốt hoảng đi vào,

Lớp VI

Những người trên – Kim Phượng – cung nữ

Kim Phượng (khóc lóc) – Làm thế nào bây giờ? Cửa điện bị chúng phá rồi! Chúng đứng đầy ngoài sân. (Hỏi Đan Thiềm) Đây có cửa ra đằng sau không? Thiềm – Đến đây là đường cùng rồi! Đây là tử địa!

Cung nữ — Trời ơi!

Đan Thiềm (bảo Vũ Như Tô) – Ông Cả ơi! Có trốn cũng không được nữa. Ông nguy mất (nàng khóc).

Quân khởi loạn kéo vào, gươm giáo sáng loè.

Lớp VII

Những người trên, thêm Ngô Hạch và quân khởi loạn

Quân khởi loạn – Đây rồi! Vũ Như Tô! Lũ cung nữ!

Ngô Hạch – Quân bay, vào bắt lũ cung nữ trước.

Cung nữ (quỳ xuống) – Trăm lạy tướng quân, trăm lạy tướng quân. Ngô Hạch – Ta vâng tướng lệnh vào bắt các người.

Kim Phượng (quỳ xuống) – Chị em chúng tôi không có tội gì. Xin tướng quân sinh phúc. (Đan Thiềm bĩu môi thở dài). Kẻ hay xúc xiểm vua là ả kia (chỉ Đan Thiềm). Chính nó mê hoặc vua. Chính nó dạn dĩ với Vũ Như Tô, làm uế tạp nơi cung cấm, chính nó là thủ phạm.

Cung nữ – Chính nó là thủ phạm.

Đan Thiềm – Lũ yêu quái không được đặt để nên nhời, tướng quân nên thấu cho. Tôi không sợ chết, nguyện xin được chết. Nhưng tôi không phải là con người bất chính, tôi nói thế không hổ với quỷ thần hai vai, không hổ với thanh thiên bạch nhật.

Cung nữ – Chính con Đan Thiềm là thủ phạm. (Nhìn lẳng lơ, bọn quân sĩ như bị quyến rũ).

Ngô Hạch – Ta đã biết! Quân bay, vào bắt lấy gian phu dâm phụ.

Đan Thiềm – Tướng quân không nên nói thế.

Vũ Như Tô – Giết thì cứ giết, nhưng đừng nghi oan.

Đan Thiềm – Tướng quân nghe tôi. Bao nhiêu tội tôi xin chịu hết. Nhưng xin tướng quân tha cho ông Cả. Ông ấy là một người tài...

Quân khởi loạn (cười âm) Thế mà còn mở mồm cãi. Mày chết để chồng mày sống à?

Đan Thiềm – Các người chỉ nghĩ những điều quá quắt.

Quân khởi loạn – Chúng ông chỉ có thế, con đã già câm miệng.

Ngô Hạch – Trói cổ nó lại.

Đan Thiềm (quỳ xuống) – Tướng quân tha cho ông Cả. Nước ta còn cần nhiều thợ tài để tô điểm.

Ngô Hạch (cười ha hả) – Cần thợ tài để tô điểm. Để hao hụt công khổ, để dân gian lầm than.

Vũ Như Tô – Đan Thiềm . Sao bà lẩn tránh thế, lạy cả một đũa tiểu nhân?

Đan Thiềm (đứng dậy) – Tướng quân hãy nghe tôi, đừng phạm vào tội ác. Đừng giết ông Cả. Kéo tướng quân mang hận về muôn đời! Tha cho ông Cả.

Tôi xin chịu chết.

Ngô Hạch (truyền) — Trói cổ con đi già lại.

Đan Thiềm – Tướng quân tha...

Quân khởi loạn (xúm vào trói nàng) – Đừng nói nữa vô ích, con dâm phụ. Đan Thiềm

Tha cho ông Cả.

Ngô Hạch (thấy Như Tô chạy lại) – Trói thẳng Vũ Như Tô lại (quân sĩ xông vào trói chàng có vẻ đắc ý).

Đan Thiềm (thất vọng) – Chỉ tại ông không nghe tôi, dùng dằng mãi. Bây giờ... (nói với Ngô Hạch) Xin tướng quân...

Ngô Hạch -Dẫn nó đi, không cho nó nói nhảm nữa, rùm tai (quân sĩ dẫn nàng ra).

Đan Thiềm – Ông Cả! Đãi lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt! (Họ kéo nàng ra tàn nhẫn).

Lớp VIII

Những người trên, trừ Đan Thiềm

Vũ Như Tô - Xin đa tạ tấm lòng tri kỷ. Đan Thiềm, xin cùng bà vĩnh biệt! (Buồn rầu, trấn tĩnh ngay) Đời ta chưa tận, mệnh ta chưa cùng. Ta sẽ xây một đài vĩ đại để tạ lòng tri kỷ.

Ngô Hạch (chỉ bọn cung nữ bảo mấy tên quân) – Dẫn họ về dinh ta đợi lệnh.

Mấy tên quân – Xin vâng lệnh (dẫn cung nữ ra).

Vũ Như Tô (khinh bỉ) – Mi thực là một tên bị ối. Sao trời lại để cho mi sống làm nhục cương thường!

Ngô Hạch – Dẫn thẳng này về trình chủ tướng.

Vũ Như Tô (đầy hy vọng) – Dẫn ta ra mắt An Hoà Hầu, để ta phân trần, để ta giảng giải, cho người đời biết rõ nguyện vọng của ta. Ta tội gì. Không, ta chỉ có một hoài bão là tổ điểm đất nước, đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tình xảo với hóa công. Vậy thì ta có tội gì? Ta xây Cửu Trùng Đài có phải đâu để hại nước? Không, không, Nguyễn Hoàng Dụ sẽ biết cho ta, ta không có tội và chủ tướng các người sẽ cởi trói cho ta nốt Cửu Trùng Đài, dựng một kỳ công muôn thuở...

để ta xây

Quân sĩ (cười ầm) – Câm ngay đi. Quân điên rồi, câm ngay đi không chúng ông và vỡ miệng bây giờ. Mày không biết mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng vì mày đó ư? Người ta oán mày hơn oán quý. Câm ngay đi.

Vũ Như Tô -Vài năm nữa, đài Cửu Trùng hoàn thành, cao cả, huy hoàng, giữa cõi trần lao碌, có một cảnh Bồng Lai...

Quân sĩ – Câm mồm!

Vũ Như Tô -... Xuất hiện....

Quân sĩ – Câm mồm! (Họ xúm vào và miệng Vũ Như Tô).

Vũ Như Tô – Ta có thù oán gì với các người?

Ngô Hạch – Dẫn nó ra pháp trường. Không để nó nói nhảm trước mặt chủ tướng mất thì giờ.

Quân sĩ – Ra pháp trường!

Vũ Như Tô – Không, dẫn ta ra mắt chủ tướng. Ta muốn nói chuyện với An Hoà Hầu. Các người không hiểu được ta. (Có tiếng ầm ầm như long trời lở đất)

Mọi người – Cái chỉ nghe kinh người?

Một lũ quân vào.

LỚP IX

Những người trên, thêm một lũ quân

Ngô Hạch – Chúng bay đi đâu?

Lũ quân – Bẩm tướng quân! Kinh thành phát hoả!

Ngô Hạch – Ai ra lệnh ấy?

Một tên quân - Chính An Hoà Hầu!

Vũ Như Tô – Chính An Hoà Hầu! Thế Cửu Trùng Đài?

Lũ quân – Cửu Trùng Đài ư? Dã tràng xe cát! Cửu Trùng Đài sắp là một đồng tro tàn!

Vũ Như Tô — Vô lí! Vô lí!

Ngô Hạch – Rõ quân ngu muội! Đến đầu mày chả chắc, nói chi đến Cửu Trùng Đài mà còn tin tưởng.

Vũ Như Tô – Đời ta không quý bằng Cửu Trùng Đài.

Quân sĩ – Giồng vật không biết nhục.

Ngô Hạch – Dẫn nó đi. (Chợt có ánh lửa sáng rực, cả tàn than, bụi khói bay vào).

Vũ Như Tô (nhìn ra, rủ lên) – Đốt thực rồi! Đốt thực rồi! Ôi đảng á! Ôi muôn phần căm giận! Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm Ôi Cửu Trùng Đài! (Có tiếng hô vui vẻ: “Cửu Trùng Đài đã cháy!”)

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH

1. Mở bài

Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm , nhận định chung về tác phẩm

- Nguyễn Huy Tưởng (1912 – 1960), ông sinh ra trong một gia đình nhà nho có tinh thần yêu nước ở làng Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Dục Tu, huyện đông Anh, Hà Nội). Bao trùm lên sáng tác của nhà văn là nguồn cảm hứng lớn về lịch sử. Viết văn đề tỏ lòng yêu nước, đó là triết lí sống và là quan điểm sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng.

Vở kịch “Vũ Như Tô” gồm 5 hồi viết về một sự kiện xảy ra ở Thăng Long khoảng năm 1516 – 1517. Tác phẩm được viết xong vào mùa hè năm 1941, tựa đề vào tháng 6 năm 1942. Văn bản “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” là phần cuối của vở kịch. Thể hiện tình cảnh ngang trái và số phận bi thương của người nghệ sĩ giàu tài năng, khát vọng nhưng bị dân chúng, người đời hiểu lầm và oán giận. Qua đó ngợi ca những tâm hồn tri kỉ.

2. Thân bài.

a. Phân tích nội dung, chủ đề của tác phẩm

* **Nội dung:** Nhân vật chính của vở kịch là Vũ Như Tô, là một nhà kiến trúc tài giỏi, một nghệ sĩ có chí lớn, tính tình cương trực, trọng nghĩa khinh tài. Lê Tương Dực, một hôn quân bạo chúa, sai Vũ Như Tô xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi ăn chơi với đám cung nữ. Vũ đã từ chối dù bị đe dọa kết tội tử hình. Song Đan Thiềm, một cung nữ tài sắc nhưng đã bị ruồng bỏ, đã khuyên Vũ nên nhận lời xây dựng Cửu Trùng Đài vì đây là cơ hội để Vũ đem tài ra phục vụ đất nước. Vũ đã nhận lời và dồn hết sức xây Cửu Trùng Đài. Nhưng Cửu Trùng Đài đã làm cho dân chúng thêm cực khổ. Họ đã nổi dậy. Vũ Như Tô bị giết, Cửu trùng Đài bị thiêu trụi.

* **Chủ đề:** Văn bản kịch “Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài” của Nguyễn Huy Tưởng phản ánh mâu thuẫn giữa triều đình với phe phản loạn, giữa nhân dân với hôn quân bạo chúa Lê Tương Dực. Thể hiện tình cảnh ngang trái và số phận bi thương của người nghệ sĩ giàu tài năng, khát vọng nhưng bị dân chúng, người đời hiểu lầm và oán giận. Qua đó ngợi ca những tâm hồn tri kỉ.

- **Những mâu thuẫn xung đột cơ bản của vở kịch:**

Mâu thuẫn thứ nhất: mâu thuẫn giữa nhân dân lao động khổ nhọc làm than và bọn hôn quân bạo chúa cùng các phe cánh của chúng.

Nguồn gốc: có từ hồi trước do chúa Lê Tương Dực nghe lời bọn tham quan gian thần xây Cửu Trùng Đài để phục vụ việc ăn chơi hưởng thụ, nhà vua đã đánh sưu cao thuế nặng bóc lột dân chúng, ra sức bắt thuế, tróc thợ từ dân lành, làm cho nhân dân vất vả, đói khát, chết vì bệnh dịch, tai nạn → Tương Dực không phải là một ông vua yêu nước, thương dân. Điều này tất yếu dẫn đến “loạn” và “biến”.

Hồi V: mâu thuẫn trở thành cao trào và được giải quyết.

- + Bạo chúa Lê Tương Dực bị Trịnh Sản giết.
- + Đại thần Nguyễn Vũ tự sát.
- + Thứ phi Kim Phượng và bọn cung nữ điều bị giết.
- + Cửu Trùng Đài bị thiêu hủy tan tành.
- + Giang sơn rơi vào tay bọn phản loạn
- + Mâu thuẫn được giải quyết dứt khoát theo quan điểm của nhân dân.

Mâu thuẫn thứ hai: giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu, thuần túy của muôn đời và lợi ích trực tiếp, thiết thực của nhân dân.

Vũ Như Tô là một kiến trúc sư thiên tài, đầy hoài bão và tâm huyết, khát khao được thể hiện tài năng tô điểm cho đời → Vũ Như Tô mượn uy quyền và tiền bạc của Lê Tương Dực để thực hiện hoài bão đó, vô tình gây nổi khốn khổ cho dân. Khát vọng quá lớn đưa Vũ Như Tô đắm chìm trong ảo mộng: xây dựng cho đất nước một công trình nguy nga vĩ đại mà không nhìn thấy cần phải chăm lo cho đời sống thiết thực của nhân dân → mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm vì lý tưởng nghệ thuật của Vũ Như Tô không xuất phát từ lợi ích thiết thực của nhân dân. Vũ Như Tô rơi vào bi kịch: trở thành kẻ thù của nhân dân dù đang muốn cống hiến tài năng để đem lại niềm tự hào cho nhân dân. Nhưng Vũ Như Tô vẫn không nhận ra sai lầm của mình, vẫn đinh ninh là mình vô tội → Cửu Trùng Đài bị đốt, Vũ Như Tô bị giết.

* **Nhân vật Vũ Như Tô và Đan Thiềm**

+. **Nhân vật Vũ Như Tô:**

Là một kiến trúc sư tài ba “ngàn năm chưa dễ có một”, say mê sáng tạo cái đẹp. Vũ Như Tô có nhân cách cao cả, hoài bão lớn lao, nghệ sĩ chân chính, gắn bó với nhân dân, không khuất phục trước uy quyền, kiên quyết không chịu nhận xây Cửu Trùng Đài cho

vua Lê Tương Dực. Đan Thiềm thuyết phục ông nhận lời xây một tòa lầu đài nguy nga tráng lệ, bền vững muôn đời để nhân dân ta nghìn thu hãnh diện.

Lí tưởng chân chính, cao đẹp nhưng cao siêu xa rời đời sống của nhân dân lao động. Ông không nhận ra một thực tế: Cửu Trùng Đài xây bằng mồ hôi, nước mắt, xương máu của nhân dân. Ông nhất mực cho rằng mình không có tội mà chỉ có công, luôn tin vào việc làm chính đại quang minh của mình.

Sự thật phơi bày: Vũ Như Tô và Đan Thiềm bị bắt, Cửu Trùng Đài bị đập phá thiêu hủy, ông bừng tỉnh kêu lên: “ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài” → vỡ mộng, đau đớn, não nùng. Tiếng kêu dồn dập vang lên, nỗi đau mất mát hòa nhập vào nhau tạo thành nỗi đau bi tráng.

Khát vọng, đam mê sáng tạo nghệ thuật của ông xuất phát từ thiên chức của nghệ sĩ chân chính, nhưng chưa đúng vì đặt nhầm chỗ, vì xa rời thực tiễn, vì lợi dụng giai cấp cầm quyền tàn bạo để thực hiện mục đích chân chính của mình → ông thất bại phải trả giá bằng chính sinh mạng của mình.

=> ***Qua nhân vật này, nhà văn đã đặt vấn đề về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống; giữa khát vọng nghệ thuật muôn đời với lợi ích của nhân dân.***

+ Nhân vật Đan Thiềm:

Là người đam mê cái tài hoa siêu việt của người sáng tạo ra cái đẹp. Đan Thiềm luôn khích lệ Vũ Như Tô xây dựng Cửu Trùng Đài như một công trình nghệ thuật đồ sộ để lại cho đất nước.

Là người luôn tỉnh táo, sáng suốt, thức thời, biết thích ứng với hoàn cảnh. Đan Thiềm biết chắc Cửu Trùng Đài không thành, tìm cách bảo vệ an dương vương toàn tính mạng cho Vũ Như Tô, khuyên Vũ Như Tô bỏ trốn. Đan Thiềm đau đớn buông lời vĩnh biệt: “*ông cả! đài lớn tan tành! Ông Cả ơi! Xin cùng ông vĩnh biệt*”. Bi kịch của Đan Thiềm là nỗi đau không cứu được người tài, không bảo vệ được cái đẹp.

Ở hồi cuối: Cả Vũ Như Tô và Đan Thiềm đều lâm vào trạng thái khủng hoảng với nỗi đau: sự vỡ mộng thâm trầm. Vỡ kịch kết thúc bằng tiếng kêu bi thiết, não nùng, đau đớn, khắc khoải của Vũ Như Tô gợi sự xúc động cho người đọc.

Bệnh Đan Thiềm: bệnh mê đắm cái đẹp, cái tài. Có tấm lòng biết nhớn lên tài → thuyết phục Vũ Như Tô mượn tay Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài => sống chết hết mình cái tài cái đẹp.

Bi kịch của Vũ Như Tô thức tỉnh ý thức của chúng ta về vấn đề muôn thuở: mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống – nghệ thuật phải vì nhân sinh thì nghệ thuật mới tồn tại và được nhân dân tôn thờ, nâng niu, bảo vệ.

*** Sự giải quyết mâu thuẫn, xung đột**

- Mâu thuẫn 1 : giải quyết dứt khoát bằng cảnh quân nổi loạn đốt Cửu Trùng Đài, giết vua ...

- Mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật cao siêu và lợi ích thiết thực của nhân dân: chưa được giải quyết .

⇒ Vũ Như Tô có tội hay công, chúng ta không trả lời được, tác giả mới chỉ nêu vấn đề

a. Phân tích những đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm

- Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra vấn đề sâu sắc, có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lí tưởng nghệ thuật thuần túy cao siêu muôn đời với lợi ích thiết thân và trực tiếp của nhân dân.

- Nguyễn Huy Tưởng đã xây dựng nghệ thuật trọn vẹn và đặc sắc. Ngôn từ điêu luyện, khắc họa tính cách và diễn biến tâm trạng nhân vật để đẩy cao những mâu thuẫn giữa các tuyến nhân vật, dẫn dắt vở kịch đến nút thắt và nút mở hợp lý.

- Mâu thuẫn kịch tập trung dẫn đến cao trào, phát triển thành đỉnh điểm với những hành động kịch dồn dập đầy kịch tính.

- Xây dựng nhân vật kịch đặc sắc, khắc họa rõ tính cách, miêu tả đúng tâm trạng qua ngôn ngữ và hành động.

- Lối kịch trong hồi V được chuyển một cách linh hoạt, tự nhiên, logic, liền mạch tạo nên sự hấp dẫn và lôi cuốn người đọc.

III. Kết bài:

- Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm

Đoạn trích đặt ra vấn đề có ý nghĩa muôn thuở về cái đẹp, và mối quan hệ giữa nghệ sĩ và nhân dân, đồng thời tác giả bày tỏ niềm cảm thông, trân trọng đối với nghệ sĩ tài năng, giàu khát vọng nhưng lại rơi vào bi kịch.

ĐỀ 2. Phân tích bi kịch của hồn Trương Ba trong đoạn trích Lóp VII vở kịch “Hồn Trương Ba, da hàng thịt”.

Tóm tắt vở kịch:

Trương Ba - người làm vườn chất phác, hiền lành, rất mực yêu quý vợ con và cháu gái. Ông nổi tiếng là người chơi cờ giỏi và có lối sống thanh cao. Vì sự tặc trách của Nam Tào, Trương Ba đang khỏe mạnh bỗng chết một cách đột ngột. Tiên Đế Thích vì muốn có người đánh cờ với mình và muốn sửa sai cho Nam Tào nên hóa phép cho hồn Trương Ba nhập vào xác một anh hàng thịt mới chết. Hồn Trương Ba đau khổ đấu tranh với những ham muốn bản năng của thân xác hàng thịt. Sau một thời gian, chính hồn Trương Ba cũng phần nào bị tha hóa, gia đình Trương Ba trở nên ly tán, đau buồn. Trương Ba quyết định thấp nhang gọi Đế Thích lên để quyết định rời khỏi thân xác anh hàng thịt. Đế Thích tìm mọi cách khuyên ngăn và đưa ra giải pháp khác hấp dẫn hơn như cho Trương Ba nhập vào xác cụ Tị đang hấp hối. Trương Ba xin cho cụ Tị được sống và kiên quyết chọn cái chết và không nhập vào xác ai nữa bởi ông không muốn “bên trong một đằng bên ngoài một nẻo”.

Đoạn trích:

Cảnh VII NHÀ TRƯƠNG BA

Tóm lược: Trương Hoạt sang nhà Trương Ba, phê phán Trương Ba đạo này đổi tính, đổi nết. Lý trưởng lại đến sách nhiễu. Con trai tỏ ra hư hỏng hơn. Cháu gái không nhận ông. Con dâu than phiền bố chồng thay đổi. Trương Ba rất đau khổ.

Hồn Trương Ba: (ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy) Không! Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! (nhìn chân tay, thân thể) Tôi chán cái chỗ ở không phải của tôi này lắm rồi, chán lắm rồi! Cái thân thể kình cang thô lỗ này, ta bắt đầu sợ mi, ta chỉ muốn rời xa mi tức khắc! Nếu cái hồn của ta có hình thù riêng nhĩ, để nó được tách ra khỏi cái xác này, dù chỉ một lát!

(Tới đây, bắt đầu lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác”. Trên sân khấu hồn Trương Ba tách ra khỏi xác anh hàng thịt và hiện hình lơ mờ trong dáng nhân vật Trương Ba thật. Thân xác bằng thịt vẫn ngồi nguyên trên chõng và lúc này chỉ còn là thân xác.)

Xác hàng thịt: (bắt đầu) Vô ích, cái linh hồn mờ nhạt của ông Trương Ba khôn khở kia ơi, ông không tách ra khỏi tôi được đâu, dù tôi chỉ là thân xác...

Hồn Trương Ba: A, mày cũng biết nói kia à? Vô lý, mày không thể biết nói! Mày không có tiếng nói, mà chỉ là xác thịt âm u đui mù...

Xác hàng thịt: Có đấy! Xác thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u, đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi tất cả cái linh hồn cao khiết của ông đấy!

Hồn Trương Ba: Nói láo! Mày chỉ là cái vỏ bên ngoài, không có ý nghĩa gì hết, không có tư tưởng, không có cảm xúc!

Xác hàng thịt: Có thật thế không?

Hồn Trương Ba: Hoặc nếu có, thì chỉ là những thứ thấp kém, mà bất cứ con thú nào cũng có được: thèm ăn ngon, thèm rượu thịt...

Xác hàng thịt: Tất nhiên, tất nhiên. Sao ông không kể tiếp: Khi ông ở bên nhà tôi... Khi ông đứng bên cạnh vợ tôi, tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại... Đêm hôm đó, suýt nữa thì...

Hồn Trương Ba: Im đi! Đây là mày chứ, chân tay mày, hơi thở của mày...

Xác hàng thịt: Thì tôi có ghen đâu! Ai lại ghen với chính thân thể mình nhĩ Tôi chỉ trách là sao đêm ấy ông lại tự dưng bỏ chạy, hoài của!... Này, nhưng ta nên thành thật với nhau một chút: Chẳng lẽ ông không xao xuyến chút gì? Hà hà, cái món tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi, và đủ các thứ thú vị khác không làm hồn ông lâng lâng cảm xúc sao? Để thỏa mãn tôi, chẳng lẽ ông không tham dự vào chút đỉnh gì? Nào, hãy thành thật trả lời!

Hồn Trương Ba: Ta... ta... đã bảo mày im đi!

Xác hàng thịt: Rõ là ông không dám trả lời. Giấu ai chứ không thể giấu tôi được! Hai ta đã hoà với nhau làm một rồi!

Hồn Trương Ba: Không! Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn....

Xác hàng thịt: Nực cười thật! Khi ông phải tồn tại nhờ tôi, chiều theo những đòi hỏi của tôi, mà còn nhận là nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn?

Hồn Trương Ba: (bịt tai lại) Ta không muốn nghe mày nữa!

Xác hàng thịt: (lắc đầu) Ông cứ việc bịt tai lại! Chẳng có cách nào chối bỏ tôi được đâu! Mà đáng lẽ ông phải cảm ơn tôi. Tôi đã cho ông sức mạnh. Ông có nhớ hôm ông tát thẳng con ông tóa máu mồm máu mũi không? Con giận của ông lại có thêm sức mạnh của tôi... Ha ha!

Hồn Trương Ba: Ta cần gì đến cái sức mạnh làm ta trở thành tàn bạo. Xác hàng thịt: Nhưng tôi là cái hoàn cảnh mà ông buộc phải quy phục! Đâu lỗi tại tôi... (buồn rầu) Sao ông có vẻ khinh thường tôi thế nhỉ? Tôi cũng đáng được quý trọng chứ! Tôi là cái bình để chứa đựng linh hồn. Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xới. Ông nhìn ngắm trời đất, cây cối, những người thân... Nhờ có đôi mắt của tôi, ông cảm nhận thế giới này qua những giác quan của tôi khi muốn hành hạ tâm hồn con người, người ta xúc phạm thể xác... Những vị lăm chửi nhiều sách như các ông là hay vin vào có tâm hồn là quý, khuyên con người ta sống vì phần hồn, để rồi bỏ bê cho thân xác họ mãi khổ sở, nhếch nhác... Mỗi bữa tôi đòi ăn tám, chín bát cơm, tôi thèm ăn thịt, hỏi có gì là tội lỗi nào? Lỗi là ở chỗ không có đủ tám, chín bát cơm cho tôi ăn chứ!

Hồn Trương Ba: Nhưng... Nhưng...

Xác hàng thịt: Hãy công bằng hơn, ông Trương Ba ạ! Từ này tới giờ chỉ có ông nặng lời với tôi, chứ tôi thì vẫn nhã nhặn với ông đấy chứ (thì thầm) Tôi rất biết cách chiều chuộng linh hồn...

Hồn Trương Ba: Chiều chuộng?

Xác hàng thịt: Chứ sao? Tôi thông cảm với những “trò chơi tâm hồn của ông”. Nghĩa là: Những lúc một mình một bóng, ông cứ việc nghĩ rằng ông có một tâm hồn bên trong cao khiết, chẳng qua vì hoàn cảnh, vì để sống mà ông phải nhân nhượng tôi. Làm xong điều xấu gì ông cứ việc đổ tội cho tôi, để ông được thanh thản. Tôi biết: Cần phải để cho tính tự ái của ông được ve vuốt. Tâm hồn là thứ lăm sĩ diện! Hà hà, miễn là... ông vẫn làm đủ mọi việc để thỏa mãn những thèm khát của tôi!

Hồn Trương Ba: Lí lẽ của anh thật ti tiện!

Xác hàng thịt: Ấy đấy, ông bắt đầu gọi tôi là anh rồi đấy! Có phải lí lẽ của tôi đâu, tôi chỉ nhắc lại những điều ông vẫn tự nói với mình và với người khác đấy chứ! Đã bảo chúng ta tuy hai mà một!

Hồn Trương Ba: (như tuyệt vọng) Trời!

Xác hàng thịt: (an ủi) Ông đừng nên tự dằn vặt làm gì! Tôi đâu muốn làm khổ ông, bởi tôi cũng rất cần đến ông. Thôi, đừng cãi cọ nhau nữa! Chẳng còn cách nào khác đâu!

Phải sống hòa thuận với nhau thôi! Cái hồn vía ương bướng của tôi ơi, hãy về với tôi này!

(Hồn Trương Ba bần thần nhập lại vào xác hàng thịt. Trên sân khấu, nhân vật Trương Ba biến đi. Chỉ còn lại xác hàng thịt mang hồn Trương Ba ngôi lạng lẽ bên chông... Vợ Trương Ba vào.)

(Lưu Quang Vũ, Hồn Trương Ba, da hàng thịt, theo Tổng tập Văn học Việt Nam, Tập 24)

HƯỚNG DẪN PHÂN TÍCH

1. Mở bài

Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

- Lưu Quang Vũ (1948 – 1988), ông sinh ra ở Phú Thọ trong một gia đình trí thức kỉ XX, là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học Việt thức. Được xem là một hiện tượng của sân khấu kịch những năm tám mươi của Nam. Kịch của Lưu Quang Vũ mang nhiều cách tân độc đáo; quan tâm thể hiện xung đột trong cách sống và quan niệm sống, bày tỏ khát vọng hoàn thiện nhân cách con người.

- vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt là tác phẩm gây tiếng vang nhất của Lưu Quang Vũ, được tác giả hoàn thành năm 1984, công diễn lần đầu năm 1987. Đoạn trích thuộc cảnh VII và đoạn kết của vở kịch, đặt vấn đề về lẽ sống con người qua nỗi khổ bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo, qua mâu thuẫn cực độ giữa hồn và xác, vở kịch chứa đựng những vấn đề triết lí nhân sinh: sống nhờ sống giả, sống không phải là mình, đó là bi kịch lớn nhất của một con người. Để chuyển tải triết lí nhân sinh cao cả ấy, Lưu Quang Vũ đã xây dựng lên cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt mang đầy tính ẩn dụ sâu sắc.

2. Thân bài

a. Tóm tắt nội dung vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt và đoạn trích Ông Trương Ba là một người làm vườn, khoảng 50 tuổi, sống trung thực, ngay thẳng và giỏi đánh cờ. Tính tình ông nhân hậu, sống chan hòa với mọi người. Chỉ vì do sự cầu thả và tặc trách của Nam Tào, Bắc Đẩu trên thiên đình mà ông Trương Ba phải chết oan. Tiên cò Đế Thích bực bội và vì tiếc một người có tài chơi cờ nên đã hóa phép cho hồn Trương Ba nhập vào xác của anh hàng thịt vừa mới chết một ngày. Hồn Trương Ba từ đó sống trong thân xác của anh hàng thịt Ai cũng ngỡ đó là cách giải quyết thuận lợi cho Trương Ba, để cho con người hiền lành này tiếp tục sống êm ấm trong gia đình mình. Nhưng trớ trêu thay, chính sự tái sinh trong xác người khác lại là điều bất hạnh của Trương Ba. Trong chính gia đình mình, ông bị người thân chê trách, xa lánh và coi thường. Hồn Trương Ba bị dồn vào sự đau khổ nhất: tự mình ý thức được sự tha hóa của mình, bị cường hào những nhieu, nhìn thấy con trai hư hỏng mà không dạy dỗ được... Tất cả những điều đó

đã khiến ông không thể chịu đựng được nữa, không thể khuất phục trước thể xác, trước những cái xấu xa và tự đánh mất mình. Hồn Trương Ba không thể sống chung với xác anh hàng thịt, tách ra khỏi thân xác để tranh luận.

- Đoạn trích Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt nằm ở cảnh 7 của vở kịch, qua việc xây dựng xung đột giữa tâm hồn thanh cao của Trương Ba với thể xác phàm tục của anh hàng thịt đã khắc họa bi kịch tha hóa và cuộc đấu tranh gay gắt bảo vệ, hoàn thiện nhân cách của con người. Từ đó tác giả đã phê phán một số hiện tượng tiêu cực trong xã hội và gửi gắm triết lý nhân sinh sâu sắc về yêu cầu thống nhất giữa thể xác và tâm hồn.

b. Phân tích bi kịch của Trương Ba

*** Luận điểm 1. Nỗi đau khổ, tuyệt vọng của hồn Trương Ba là một bi kịch về sự tha hóa của con người trong cuộc sống**

- Trước khi diễn ra cuộc đối thoại giữa hồn và xác, nhà viết kịch đã để cho Hồn Trương Ba “ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi vụt đứng dậy” với một lời độc thoại đầy khẩn thiết: “- Không. Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! Tôi chán cái chỗ ở không phải là của tôi này lắm rồi!”. Hồn Trương Ba đang ở trong tâm trạng vô cùng bức bối, đau khổ thể hiện trong những câu cảm thán ngắn, dồn dập cùng với ước nguyện khắc khoải. Hồn bức bối bởi không thể nào thoát ra khỏi cái thân xác mà hồn ghê tởm. Hồn đau khổ bởi mình không còn là mình nữa. Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng lắm. Hồn Trương Ba cũng càng lúc càng rơi vào trạng thái tuyệt vọng.

– Sự tha hóa của Hồn Trương Ba trong hoàn cảnh phải sống nhờ thân xác anh hàng thịt:

+ Xác hàng thịt đã chỉ rõ sự tha hóa không tránh khỏi của Hồn Trương Ba khi dựa vào nó để tồn tại: “Nhờ tôi mà ông có thể làm lụng, cuộc xới. Ông nhìn ngắm trời đất. cây cối, người thân,... (...) ông cảm nhận thế giới này qua các giác quan của tôi”; “Xác hàng thịt có tiếng nói đấy! Ông đã biết tiếng nói của tôi rồi, đã luôn luôn bị tiếng nói ấy sai khiến. Chính vì âm u đui mù mà tôi có sức mạnh ghê gớm, lắm khi át cả linh hồn cao khiết của ông!”. Thực chất, khi phải chấp nhận hoàn cảnh trớ trêu, nghiệt ngã để tiếp tục duy trì sự sống, Hồn Trương Ba hầu như không còn được sống theo ý muốn của mình. Linh hồn ông hoàn toàn lệ thuộc vào những yếu tố vật chất của thể xác, tồn tại qua thân xác cái thân xác không phải của mình.

+ Sự tha hóa của Hồn Trương Ba được thể hiện trên nhiều bình diện: ăn những món “tiết canh, cổ hũ, khấu đuôi và đủ các thứ thú vị khác, theo khẩu vị của Xác hàng thịt, “tay chân run rẩy, hơi thở nóng rực, cổ nghẹn lại...” khi đứng cạnh vợ anh hàng thịt...; không dạy con bằng những lời khuyên bảo nhẹ nhàng như trước đây mà tát thẳng con “tóc máu mồm máu mũi” bằng bàn tay đồ tể; người làm vườn khéo léo khi xưa giờ trở nên vụng về: “bàn tay giết lợn của ông làm gãy tiết cái chồi non” khi chiết cây cam, “chân ông to bè như cái xẻng giẫm nát cả cây sâm quý mới ươm”; ông “làm gãy cả cái nan, rách cả giấy, hỏng mất cái điều đẹp mà cu Tí rất quý...”.

Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế yếu, đuối lí bởi xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn Hồn vẫn phải thừa nhận. Xác anh hàng thịt gọi lại tất cả những sự thật trước đó khiến Hồn càng cảm thế hả tuôn ra những lời thoại dài với chất giọng khi thì mỉa mai cười nhạo khi thì thấy xấu hổ, cảm thấy mình ti tiện. Trong cuộc đối thoại này, xác thắng thế nên rất lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc. Hồn chỉ buông những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu. Điều đó cho thấy bi kịch của hồn Trương Ba với những đau khổ, tuyệt vọng lên đến đỉnh điểm, lời độc thoại đầy chua chát: “Mày đã thắng thế rồi đây, cái thân xác không phải của ta Ạ.”.

- Như vậy, khi song chung thân xác anh hàng thịt. Hồn Trương Ba đã bị các thân xác ấy đồng hóa, lôi kéo. Bi kịch của Hồn Trương Ba là lời cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu cái dung tục sẽ ngự trị, thắng thế, lấn in hủy hoại những giá trị đẹp đẽ, cao quý,

*** Luận điểm 2. Bi kịch của hồn Trương Ba phản ánh những mâu thuẫn và triết lí sống đầy ý nghĩa**

- Mâu thuẫn kịch cũng chính là sự mâu thuẫn đấu tranh giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt: Một bên đại diện cho sự trong sạch, nhân hậu và khát vọng sống thanh cao, xứng đáng với danh nghĩa con người và một bên là sự tầm thường, dung tục. Lưu Quang Vũ đã đưa ra một vấn đề giàu tính triết lí, thể hiện cuộc đấu tranh dai dẳng giữa hai mặt tồn tại trong một con người. Từ đó nói lên khát hướng thiện của con người và tầm quan trọng của việc tự ý thức, tự chiến thắng bản thân. Màn đối thoại này cho thấy: Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng là một cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục ấy đồng hoá.

- Những ý nghĩa triết lí sâu sắc và thâm thúy qua hai lời thoại này:

+ Con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng của thân xác thì đừng chỉ đổ tội cho thân xác, không thể tự an ủi, vỗ về mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn.

+ Sống thực sự cho ra con người quả không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ sống gửi, sống chấp vá, khi không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa. + Khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu cái dung tục sẽ ngự trị, sẽ thắng thế, sẽ lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong con người. * Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích

- Xây dựng tình huống xung đột kịch độc đáo xung đột giữa hồn và xác. Đây thực ra là một ẩn dụ, xác anh hàng thịt ẩn dụ về thể xác con người, còn hồn Trương Ba ẩn dụ về linh hồn của con người. Tác giả đã sáng tạo ra một tình huống ẩn dụ có sức lôi cuốn, gọi cho người đọc những suy nghĩ sâu sắc, con người không thể sống không là mình, không

thể sống gia đôi hay vay mượn cuộc sống của người khác. Con người không chỉ sống bằng thể xác và còn phải sống bằng linh hồn, tình cảm,...

- Sử dụng biện pháp đối lập để tô đậm sự khác nhau cơ bản giữa hồn người này và xác người kia: Hồn của Trương Ba biểu tượng cho sự thanh nhã, cao khiết, trong sạch, đạo đức. Hồn là phần chân chính của mỗi con người. Ngược lại, anh hàng thịt với thân xác vạm vỡ, kênh cang, thô lỗ... biểu tượng cho bản năng, cho những ham muốn trần tục.

- Những màn đối thoại, độc thoại được sáng tạo sắc nét không những giúp nhân vật bộc lộ suy nghĩ, tính cách mà còn giúp người đọc hiểu được những suy ngẫm triết lý sâu sắc được gửi gắm.

3. Kết bài

Đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt, qua việc khắc họa bi kịch của nhân vật hồn Trương Ba đã thể hiện một ý nghĩa triết lý về nhân sinh, về hạnh phúc con người. Lưu Quang Vũ muốn góp phần phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ đồng thời khẳng định: không gì hạnh phúc bằng khi được sống đúng là mình, sống với những gì mình đã có. Như thế cuộc đời sẽ thanh thản, nhẹ nhàng và ý nghĩa biết bao. Cuộc sống thật đáng quý nhưng không phải sống thế nào cũng được. Cuộc sống chỉ có giá trị khi con người được trở về đúng bản chất của mình, được sống trong một cơ thể thống nhất.